HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

63

Tháng 2 & 3 năm 2002

hồ thành đức



Tân Niên Nhâm Ngọ

ALAIN ROBBE GRILLER THỤY KHUÊ NGUYỄN HOÀNG VĂN OLGA BALLAR NGÂN XUYÊN NGUYỄN QUỐC TRỤ NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH NGÔ TỰ LẬP DI KHUÊ ĐỖ QUỲNH DAO LÊ THÁI LÂM PHAN BÁ THỌ THƠ THƠ HOÀNG XUÂN SƠN LAM TRÙNG DƯƠNG LÃO NHIÊU LƯU HY LẠC TỪ NGUYÊN TĨNH NGUYỄN HÒA TRƯỚC MIÊN ĐÁNG MAI NINH HOÀNG ZIANG DUY TRẦN TIẾN DŨNG HỒ ĐÌNH NGHIÊM ĐINH TRƯỜNG CHINH HOÀNG TỐ MAI TRẦN MỘNG TÚ HÀ KHÁNH LINH VI THÙY LINH HỒ ANH THÁI QUỲNH THI TRÂN SA VŨ HUY QUANG LÊ QUỲNH MAI KIM THI DƯƠNG THU HƯƠNG...



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714) 534-2205- Email: tchl@aol.com

http://www.nhanvan/hopluu.htm

Phát hành mỗi 2 tháng • Số 63 tháng 2 & 3 năm 2002

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013 Paris, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Chủ biên

Khánh Trường

Thể lệ gửi bài:

Kèm theo bài xin ghi dịa chỉ, tên thật, số điện thoại, email, fax (nếu có). Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, nhất là ngoại ngữ (tốt nhất dùng chữ IN). Nếu dánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài), hoặc email. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



HỢP LƯU

Tân Niên Nhâm Ngọ

Số 63 tháng 2 & 3 / 2002

Kính chúc quí văn hữu & độc giả
một năm mới an khang, thịnh vượng



mục lục

Tranh bìa: **Hồ Thành Đức**, Mây trắng, *collage*
Tranh trang 1: **Bé Ký**, Ông Đồ, *mực Tàu*





thư tòa soạn



Ngày 8 tháng 12 năm 2001 vừa qua, tại Mimi Studio thuộc thành phố Westminster , tiểu bang California , USA , Hợp Lưu đã tổ chức tuần lễ kỷ niệm Thập Nhị Chu Niên. Đồng thời, cũng trong thời điểm ấy, KT cho trưng bày 120 bức tranh sơn dầu, đủ mọi kích cỡ. Đó là kết quả của hơn tám tháng làm việc miệt mài, với mục đích dùng số tiền bán tranh, tích vốn nuôi dưỡng Hợp Lưu trong tài khóa 2002-2003.

Ngày đầu mở cửa phòng tranh, đã có trên 800 lượt khách tham quan. Riêng trong đêm khai mạc, rất đông anh chị em độc giả, văn hữu, nghệ sĩ mọi ngành đã đến (nhiều vị ở từ rất xa, ngoài tiểu bang Cali và các quốc gia khác). Trong không khí thân mật, cởi mở, tất cả đã cùng Hợp Lưu ôn lại những buồn vui, sóng gió cũng như thành tựu của tờ tạp chí này suốt chặng đường dài 12 năm qua.

Tuần lễ kỷ niệm được giới truyền thông địa phương đánh giá là thành công. Đối với ban chủ biên, hẳn nhiên sự thành công này vượt ngoài mong ước. Tổng cộng, đã có 38 bức tranh được khách thưởng ngoạn chiếu cố (hiện tại, vẫn còn một số độc giả ở xa, qua email , thư từ, điện thoại đề nghị gửi Cathalogue để họ chọn mua những bức còn

lại). Hợp Lưu xin gửi đến tất cả quí vị một lời cảm ơn chân thành. Sự quan tâm và yêu mến của quí vị là động lực mạnh mẽ, giúp chúng tôi vững tin hơn ở công việc đã và đang làm.

Đúng như nhà lý luận Trương Vũ phát biểu trong đêm kỷ niệm: 12 năm đã trôi qua, với bao đổi thay, trên bình diện toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Năm ba năm trở về trước Hợp Lưu còn bị xem là tờ báo của bọn "giao lưu văn hóa"; còn lao đao vất vả vì xu hướng "thỏa hiệp"; thì bây giờ Hợp Lưu đã được dư luận chấp nhận, được đánh giá như là một trong vài ba tạp chí văn học nghệ thuật uy tín tại hải ngoại. Thành quả này hẳn nhiên không chỉ của riêng Hợp Lưu, mà là của chúng ta: ban chủ biên, văn hữu cộng tác và độc giả xa gần.

Liệu có viễn mơ chăng nếu Hợp Lưu hy vọng 12 năm nữa chúng ta lại có dịp tổ chức tuần lễ Kỷ Niệm Nhị Thập Tứ Chu Niên? Trong viễn tượng ước mơ ấy, buổi kỷ niệm chắc chắn sẽ trang trọng hơn, với sự có mặt của rất đông độc giả, văn hữu trong lẫn ngoài nước.

Chuẩn bị bước vào năm thứ 13, Hợp Lưu sẽ cố gắng làm tốt hơn nữa công việc đang làm, sẽ cải tiến hơn nữa phần hình thức, cũng như sẽ chọn lọc hơn nữa mặt chất lượng, để mỗi ngày mỗi trở nên hoàn thiện hơn. Văn học nghệ thuật, theo nghĩa nào đó, là một thứ "đường đi không đến". Người làm văn học nghệ thuật luôn luôn và mãi mãi là kể trên đường, mỗi cảnh thổ hắn đi qua, mỗi địa danh hắn bỏ lại có thể rất đẹp, rất đáng nhớ, nhưng dẫu thế nào thì vẫn là cảnh thổ và địa danh của quá khứ. Đối với kẻ sáng tạo, khát vọng tìm kiếm những chân trời mới vẫn muôn đời là khát vọng khôn nguôi. Trong chiều hướng ấy, Hợp Lưu không muốn dừng lại, Hợp Lưu không muốn giậm chân tại chỗ. Để thực hiện hoài bão đó, ngoài nỗ lực của ban chủ trương và các tác giả làm nên tạp chí này, còn cần vô cùng sự hỗ trợ mạnh mẽ của độc giả. Hợp Lưu hy vọng tương quan giữa chúng ta sẽ còn gắn bó mật thiết, như đã, 12 năm qua.

HỢP LƯU

Trong hai tháng qua, tòa soạn nhận được nhiều thiệp Mừng Năm Mới của văn hữu, độc giả khắp nơi qua đường bưu điện hoặc email.

Thay mặt ban chủ trương, HỢP LƯU kính chúc quí văn hữu, độc giả một năm mới an bình, thịnh vượng.



THỤY KHUÊ

Alain Robbe Grillet hay sự trắc nghiệm con người trong thế giới đồ vật và sự vật



Ở tuổi 80, Alain Robbe Grillet , người chủ trương phong trào Tiểu Thuyết Mới tại Pháp những năm 50-60, trong tháng 10 năm 2001 vừa cho xuất bản La Reprise (Quay Lại), cuốn tiểu thuyết mới nhất của ông. La Reprise đánh dấu sự trở lại sau 20 năm hầu như không có tác phẩm thật sự tiểu thuyết, kể từ cuốn Djinn , ra đời năm 1981 và cũng để nhìn lại quá khứ văn học của tác giả với mục đích cách tân Tiểu Thuyết Mới, ra đời cách đây đã nửa thế kỷ.

Alain Robbe Grillet sinh ngày 20 tháng 8 năm 1922 tại Brest , một thành phố bên bờ biển Bắc Đại Tây Dương -thuộc miền Tây vùng Bretagne - Pháp. Xuất thân là kỹ sư canh nông, trong một gia đình có khuynh hướng chính trị cực hữu, chuộng trật tự xã hội, ủng hộ Pétain . Sau này Alain Robbe Grillet cho biết có hai động lực thúc đẩy ông bỏ nghề công chức để viết văn: Chính trị và tính dục. Từ Freud , người ta biết rằng tính dục chi phối tất cả và từ Marx, người ta biết rằng chính trị chi phối tất cả. Qua thế chiến thứ hai, ông nhận thấy chất điên loạn trong chế độ Nazi , những chế độ được gọi là trật tự thường dấu một mặt trái vô trật tự, với bản chất độc tài, khủng bố và diệt chủng. Những khám phá

này đã đưa ông đi vào con đường viết văn. Và những tác phẩm của ông là hành trình tranh đấu giữa cái trật tự (l'ordre) và cái vô trật tự (le désordre).

Từ lâu, Alain Robbe Grillet vẫn biết mình không phải là một kẻ "bình thường" cho nên những hình ảnh bạo dục, khổ dâm là cần thiết cho sự vận hành bộ máy sinh thực của chính tác giả, và có lẽ vì thế mà Alain Robbe Grillet trở thành nhà văn bất thường và độc đáo nhất của Pháp trong thế kỷ XX . Tập truyện đầu tay viết năm 1949, tựa đề Un Régicide (Kẻ Giết Vua) bị nhà Gallimard từ chối, mãi đến năm 1978 nhà Minuit mới in lần đầu.

Cuốn tiểu thuyết xuất hiện đầu tiên là Les Gommes (Những Cục Tẩy) được Minuit in năm 1953, sau đó Alain Robbe Grillet trở thành cố vấn văn chương của Minuit trong 30 năm và Minuit giữ độc quyền in sách của Alain Robbe Grillet đến ngày nay.

Les Gommes tuy không mang lại tiếng vang đáng kể, nhưng được hai nhà phê bình thời danh là Jean Cayrol và Roland Barthes chú ý, viết bài khen ngợi; tác phẩm được giải Fénéon và Alain Robbe Grillet bắt đầu được mọi người biết đến.

*

Năm 1956, Le Voyeur (Kẻ Ròm Trộm) ra đời, gây nhiều sóng gió. Đây là tác phẩm chủ yếu của ông. Nhờ sự ủng hộ của các nhà phê bình nổi tiếng như Georges Bataille, Jean Paulhan, Maurice Blanchot, Roland Barthes, Le Voyeur được giải thưởng của các nhà phê bình "Prix des Critiques " (riêng Maurice Blanchot và Roland Barthes đã viết bài hết sức khen ngợi nhưng Gabriel Marcel, triết gia công giáo và thành viên có ảnh hưởng của hội đồng giám khảo, từ chức). Sách bán được vì gây scandale, phần lớn đều chê hoặc là tà dâm, hoặc cuốn truyện này không thể nào nhá nổi. Hoặc cả hai. Giới phê bình kinh điển Pháp kết tội năng nề: Emile Henriot , nhà bỉnh bút văn học của tờ Le Monde thời ấy, cho rằng Robbe Grillet bị bệnh tâm thần đáng tống giam vào trại trừng giới (dĩ nhiên là sau này Henriot có duyệt lại quan điểm của mình).

Năm 1959, tác phẩm La Jalousie (Bức Mành Mành) ra đời, có thể xem như đó là ba tác phẩm chủ yếu, xây dựng nên "cõi viết" và "thế giới" Alain Robbe Grillet , một toàn bộ tác phẩm gồm hơn mười cuốn tiểu thuyết và cũng chừng ấy cuốn phim. Sự nghiệp điện ảnh bắt đầu năm 1960, khi Alain Robbe Grillet cộng tác với đạo diễn Alain Resnais, viết kịch bản cho phim L'année dernière à Marienbad (Năm ngoái ở Marienbad). Cuốn phim gây xao động dư luận điện ảnh bấy giờ, mở màn cho một nền "điện ảnh mới", song song với nền "tiểu thuyết mới". Năm

sau, tác phẩm đoạt giải Sư Tử Vàng ở Đại Hội Điện Ảnh Venise .

Năm 1963, Alain Robbe Grillet khai trương một thể loại mới: Thể loại tiểu thuyết điện ảnh và nghề đạo diễn với cuốn phim truyện L'immortelle (Bất Tử), đồng thời ông cho xuất bản cuốn tiểu luận Pour Un Nouveau Roman (Để Xây Dựng Một Nền Tiểu Thuyết Mới). Cuốn tiểu luận này đánh dấu giai đoạn "trưởng thành" của phong trào Tiểu Thuyết Mới mà Alain Robbe Grillet được coi như "người lãnh đạo", lý thuyết gia, cùng với Claude Simon và Nathalie Sarraute , bắt đầu được mời diễn thuyết về tiểu thuyết ở Châu Mỹ La Tinh và các nơi khác.

Từ 1960 đến nay, Alain Robbe Grillet vừa làm phim vừa viết thêm 9 tác phẩm nữa. Cuốn cuối cùng, Les derniers jours de Corinthe (Những ngày cuối của Corinthe) xuất bản năm 1994. Ba tác phẩm cuối cùng thuộc vào loại ký sự, tạp văn.

Trong bẩy năm gần đây, Alain Robbe Grillet hầu như ngừng viết, cuốn sách cuối cùng, thật sự tiểu thuyết là cuốn Djinn xuất bản năm 1981 cách đây 20 năm. Đột nhiên, tháng 10 năm nay, xuất hiện tiểu thuyết La Reprise. Tác phẩm đánh thức nền văn học Pháp, dường như ngủ gật trong nhiều thập niên, bởi các nhà văn của thế hệ trẻ, phần lớn đều quay về lối kể chuyện nhiều tình tiết, hấp dẫn, dễ hiểu, dễ đọc, dễ bán... Đã vắng bóng những tác phẩm có ảnh hưởng tư tưởng sâu xa trong văn học như La Nausée (Buồn Nôn) của Sartre hay L'Etranger (Người xa lạ) của Camus . Thời ấy đã xa rồi. Thật sự xa rồi.

Sự xuất hiện của La Reprise chứng tỏ Alain Robbe Grillet có thể "làm mới" lại những cái đã cũ, chuyển biến những cái "hồi xưa" khiến chúng trở thành "avant -garde ", tiên phong của hồi nay. Alain Robbe Grillet là một tác giả khó đọc. Tuy nổi tiếng nhưng rất ít người đọc. Sách của ông sống được vì được in, được dịch khắp thế giới, nhưng số lượng trải dài trên thời gian. Còn thật sự ra, một cuốn như La jalousie (Bức Mành Mành), xuất bản năm 1957, chỉ bán được dưới 500 cuốn trong toàn bộ khối Pháp ngữ, năm đầu. Năm sau bán được khoảng 600. Và ngày nay, tùy năm, nhưng đổ đồng cũng chỉ bán được 5, 6 nghìn cuốn mỗi năm. Ngay cả tác phẩm mới nhất này, khi giới thiệu trên báo chí văn chương, người ta cũng chỉ đưa ra những bài phỏng vấn tác giả, rất ít người viết bài phê bình. Dường như họ ngại nói hố, viết sai, có một sự thận trọng quá mức trong giới phê bình.

Tháng 10 vừa qua, trong chương trình văn học hàng tuần của một đài truyền hình Pháp, với sự góp mặt của các cây bút phê bình và các tác giả trẻ đang nổi tiếng, cả người phụ trách chương trình lẫn người tham dự đều có một ý ngầm nghi ngờ văn tài của Alain Robbe Grillet , tất cả đều muốn hỏi: Tại sao Alain Robbe Grillet không viết một cách "bình

thường" như những người khác? Nếu ông viết "hay đến thế" thì tại sao không có nhiều bài phê bình sách mới của ông, mà chỉ có các bài phỏng vấn.

Hiện tượng này cho thấy một tác giả tầm cỡ như Alain Robbe Grillet mà cũng gặp những khó khăn trong một công chúng văn học được coi là "có trình độ cao" như công chúng Pháp.

Từ 1972, Tom Bishop mời Alain Robbe Grillet sang dậy ở đại học New York (ông tiếp tục công việc này tới 1997). Dạy về "mình". Về kinh nghiệm này, Alain Robbe Grillet viết: *"Dậy về tiểu thuyết và phim ảnh của mình thuộc cái mà người ta gọi là performing arts , nghệ thuật sân khấu, nghệ thuật trình diễn sống động. Không những tác giả phải chịu trách nhiệm toàn bộ tác phẩm của mình -đã là khủng khiếp lắm rồi- với một chút khoảng cách mà phê bình cho phép [hắn còn phải phê bình] những hình ảnh hay văn bản mà hắn đã sản xuất ra cách đây trên dưới 20 năm (khoảng cách nhỏ xíu, có thể ví với khoảng cách giữa một diễn viên trên sân khấu với vai trò hắn đang đóng), hắn còn phải phô trương trước mặt mọi người cái nhãn hiệu cầu chứng của hắn, nghĩa là một bộ mặt đích thực nhà văn, y chang khuôn đúc. Sự thể bối rối này vẫn còn đặt ra hôm nay, cho bất cứ một tiểu thuyết gia, tiểu luận gia hay triết gia nào.*

Tất cả tác phẩm của hắn chẳng bao lâu sẽ bị đặt trong cái viễn cảnh hai mặt xã giao và trào tếu: vừa phải có một bộ mặt ăn ảnh, vừa phải biết ăn nói trước micro .

Có một cái gì đó rất nhức nhối cho kẻ cầm bút chỉ quen với những dập xóa và cô đơn, từ nay hắn sẽ không ngừng được xem, được đặt dưới ánh đèn, bị thu gọn lại trong tấm hình trên băng hay trên bìa sách, với những lời tàm xàm của hắn trên báo, trên đài phát thanh, trên truyền hình. Hắn chỉ muốn quát vào mặt những độc giả đọc dối, những khán thính giả tìm tiêu khiển, rằng: Những gì tôi muốn gửi đến các bạn là qua văn bản, chỉ qua văn bản, đừng chú ý đến hàm râu của tôi, các điệu bộ của tôi, những lời bù khú của tôi. Hãy bỏ cái hy vọng rởm là bạn sẽ khám phá ra một cái tôi cá biệt hơn, hay ho hơn, thành thật hơn, trong những buổi phỏng vấn vội vàng (lại còn được ngụy trang hơn khi chúng được đưa lên mặt báo, bởi chúng đã mất đi tính chất cởi mở và nhẹ nhàng của lời nói) hơn là trên những trang viết dài mà tôi đã kiên trì, nhẫn nại tạo nên. Tác giả là một kẻ vô diện, mà giọng nói của hắn chỉ có thể truyền qua chữ viết, và hắn là kẻ "chẳng tìm ra chữ". (Angélique ou l'enchantement -Angélique hay phép bùa chú [trong tiểu thuyết], 1988, trang 204)

Những lời "tâm sự" trên đây của Alain Robbe Grillet nói lên phần nào "nỗi niềm" của một nhà văn Pháp khi được "trưng dụng" sang Mỹ. Nó cũng giải thích độ lệch giữa tác phẩm của một nhà văn và sự cảm nhận của một số công chúng có phương tiện nhưng không có thì giờ đọc, muốn "đốt giai đoạn" bằng cách mời nhà văn đến để "trình bày" bản chất của họ, tác phẩm của họ. Độ lệch này còn biểu hiện trên một số tác giả khác, như trường hợp thuyết Déconstruction (Phá Cấu Trúc) dựa trên triết học của Derrida , rất được ưa chuộng bên Mỹ, mà Jean Yves Tardié trong cuốn La critique littéraire au XX siècle (Phê bình văn học thế kỷ XX) coi như là một trường hợp kỳ cục xuất khẩu và mô phỏng lý thuyết tư tưởng. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này trong một dịp khác.

*

Tiểu Thuyết Mới tập hợp thành quả dài của con đường tư tưởng thế kỷ XX , cộng tác hai khái niệm nhân bản và cấu trúc: đặt con người vào vũ trụ vật thể.

Khái niệm vật thể này được tô đậm trong tác phẩm La jalousie (Bức Mành Mành), ở đây Alain Robbe Grillet chiếu tất cả người và vật lên bằng một cái nhìn trung tính, dung hòa, không thiên vị. Ngay cái tựa đề La jalousie đã mang tính chất tác hợp ấy: la jalousie trong tiếng Pháp vừa có nghĩa là ghen, vừa có nghĩa là bức mành mành. Nhưng nếu dịch sang tiếng Việt mà chọn nghĩa ghen thì không đúng với ý nghĩa của tác phẩm: Trong truyện Alain Robbe Grillet luôn luôn nhắc đến bức mành mành. Đây là tự truyện về đoạn đời ông sống ở Martinique , Robbe Grillet mô tả kỹ càng (theo cách mô tả trong hiện tượng luận của Husserl) căn nhà ông đã ở, trong có bức mành mành, ngoài có những cánh đồng chuối (Alain Robbe Grillet là kỹ sư canh nông chuyên trị bệnh chuối).

Truyện -thật ra không có truyện- viết về hai nhân vật A và Franck đối diện với nhau trong một bữa ăn (chiều, tối) và có thể họ đã qua đêm với nhau. La jalousie được viết như một bản giao hưởng tương tự như Boléro của Maurice Ravel . Mỗi đoản khúc bắt đầu bằng:

"Bây giờ, bóng cột...
"Bây giờ, bóng cột...
"Bây giờ, A đi vào phòng...

hoặc:

"Dọc theo dòng tóc...
"Sâu trong thung lũng...
"Bây giờ, giọng nói của người tài xế...

"Bây giờ, nhà trống...
"Cả nhà trống trơn...
"Giữa bức tranh xám, còn đó...
"Bây giờ, bóng cột...

Những tần sóng này trở đi, trở lại, và mỗi lần mở ra một cảnh mới. Những cảnh này không xếp theo thứ tự thời gian mà xếp theo thứ tự của trí nhớ: tức là không có thứ tự gì cả.

Cảnh không cần nhiều, chỉ một vài màn được quay đi quay lại nhiều lần: phòng ăn, lan can, dậu chuối và vệt con rết chết dí trên vách...

Nhưng những cảnh ấy không chết, mỗi lần nhớ lại, nó lại có một đời sống khác, như thể sự vật có đó nhưng nó có không gian của nó, có thời gian của nó, nó di động chứ không ở "chỗ cũ", không "y như cũ". Người đọc là kẻ "voyeur ", không biết "cái đêm" mà tác giả cho mình nhìn trộm, ghen tuông với cảnh thân thiết của hai người là đêm hay ngày, là hôm qua hay hôm nay, là ăn sáng hay ăn tối, họ uống khai vị (appéritif) hay hậu vị (digestif), chỉ biết mình là người "duy nhất" được tham dự vào cái không khí mơ hồ và bí mật ấy, một sự gì sẽ xẩy ra, một tai nạn, một nỗi bất hạnh mà tác giả cố ý đẩy lùi vào bóng tối. Còn "họ", hai nhân vật chính A và Franck , họ có thật hay không? A ngồi đối diện với Franck , trò chuyện với Franck , hay chỉ ngồi một mình, độc thoại với chính mình, chiều qua, chiều nay, đêm sau, đêm trước...

Tất cả đều lu mờ như có một "bức mành mành" che ngang, mành mành của trí nhớ, của những khoảng đứt trong không gian và thời gian.

Tính chất bí mật này dàn trải trên toàn bộ tác phẩm của Alain Robbe Grillet dẫn đến một sự lôi cuốn vượt quá sức mình mà người đọc không chống cự nổi. Tôi muốn nói người thật tình muốn đọc ông, còn những người chê văn ông khô khan, khó đọc, cứ lập đi lập lại hàng chục trang mỗi cảnh, có lẽ là vì chỉ đọc lướt, cho nên đã bị những hình ảnh cực kỳ tế nhị và đa âm trong chữ nghĩa của ông đẩy vào cạm bẫy.

*

Tác phẩm La reprise -Quay Lại, trung thành với nguyên tắc của tiểu thuyết mới mà Alain Robbe Grillet đề ra trong cuốn Pour un nouveau roman . Nguyên tắc này có thể tóm gọn như sau: "Tiểu thuyết không có một nguyên tắc gì cả mà mỗi cuốn tiểu thuyết là một tìm tòi mới, tạo ra một nguyên tắc mới." và Alain Robbe Grillet đã viết La reprise trong tinh thần nhìn lại, ngoái lại con đường mình đã đi để tạo ra một hướng đi mới. Tóm lại, ông đã nhìn lại Ecole du regard -trường phái cái nhìn- để tạo một cái nhìn mới về Tân Tiểu Thuyết.

Sự đổi mới Tân Tiểu Thuyết, hôm nay, của Alain Robbe Grillet trong tác phẩm mới nhất này là gì?

Trước tiên, ông tạo thêm nhiều chiều kích cho cách viết và cho nhân vật.

Về nhân vật, không còn mỗi nhân vật là một như trước nữa mà mỗi nhân vật trong La reprise là cái bóng của mình, và mỗi cái bóng ấy lại "sản xuất" ra một cái bóng khác, cứ thế nhân lên. Khởi thủy, nhân vật chính là bóng của tác giả, nhưng tự hắn, nhân vật chính này cũng là kẻ đang ngồi kể chuyện mình, hắn cũng là một loại tác giả phó bảng . Và vì là tác giả nên hắn lại tạo ra nhân vật của hắn. Vì hắn tạo ra nhân vật nên hắn có quyền bắt đầu lại câu chuyện một cách khác... Nói khác đi, quyền nhìn lại, quay lại, viết lại... là đương nhiên trong tác phẩm La reprise . Hệt như khi thực hiện một cuốn phim, đạo diễn quay lại các scène tùy theo ngẫu hứng, tưởng tượng. Hệt như trí óc quay lại những màn đời trong quá khứ... tất cả những màn quay lại không hề có tính chất tuyệt đối, duy nhất, xác thực, mà ngược lại, tất cả đều đáng ngờ, đều có thể sai, có thể chối cãi được, có thể nói lại được... Những version , những thoại mà "kẻ kể" đang kể về một tình huống nào đó, không lấy gì làm chắc lắm. Ngoài ra còn có một kẻ đứng ngoài để chú thích những sai lầm cố ý hay vô tình của kẻ kể chuyện. Kẻ "chú thích" này có thể là chính Alain Robbe Grillet , hay là "bóng" của Grillet , là đồng tác giả, là nhân vật và là người đọc nữa...

Nói gọn lại, Alain Robbe Grillet trong La reprise đã tạo ra một thứ siêu nhân vật, rất phức tạp như thực tại con người.

Một siêu nhân vật như thế được đặt trong bối cảnh tiểu thuyết trinh thám gián điệp mà vai chính là một điệp viên mang nhiều căn cước khác nhau: Henri Robin , Boris Wallon , Mathieu Frank , Franck Matthieu , Walther von Brucke ... Tay điệp viên này người Pháp, sinh ở Brest ... có những hình ảnh ấu thơ ở Bretagne , có những kỷ niệm thiếu thời ở lycée Buffon ... như tác giả. Tay điệp viên này được gửi tới Berlin sau thế chiến thứ hai, một Berlin bị tàn phá trong những xung đột miền: Miền Pháp, miền Mỹ, miền Đông Đức, miền Tây Đức... Với nhiệm vụ bí mật "quan sát" một vụ ám sát để viết bản tường trình, nhưng hắn lại rơi vào bẫy: hắn bị bắt và bị kết tội giết người. Rút cục chính hắn không biết: hắn giết hay ai giết? Không khí Kafka , trong một Berlin cấm vận, bị hận thù, khủng bố phong tỏa, một Berlin bí mật pha trộn Nazi và cộng sản, KGB và SS , mà mỗi chi tiết được kể ra đều khả nghi, nhầm lẫn, không tin được... Câu chuyện sau triệt hạ câu chuyện trước. Chi tiết sau phản bác chi tiết trước, nhân vật xóa nhân vật, tạo ra một không khí phủ định tuyệt đối.

*

Từ những tác phẩm đầu như Les Gommes (Những cục tẩy), Le voyeur (Kẻ ròm trộm), không khí trinh thám luôn luôn hiện diện trong tác phẩm của Robbe Grillet. Với La reprise, Grillet lại càng trinh thám hơn như thể muốn chứng tỏ: bất cứ thể loại nào cũng có thể trở thành văn học, kể cả trinh thám, miễn là nó thám hiểm con người trong chiều sâu.

Sự thám hiểm chiều sâu đó bắt nguồn từ một cái nhìn triết lý, đến từ rất xa, từ Kierkegaard, triết gia Đan Mạch thế kỷ XIX, cha đẻ của triết học hiện sinh.

La reprise là tên một tác phẩm của Kierkegaard (nguyên tác là Gjentagelson, trước đây được dịch là La répétition -Lập lại) trong đó Kierkegaard muốn chứng minh: Con người không thể sống hai lần một đoạn đời đã qua. Sự tìm lại những xúc động ngày xưa chỉ làm cho người ta đau khổ: Constantin Constantius nhân vật chính (hay chính nhà văn) đã đến Berlin lần thứ nhì để tìm lại cảm giác lần đầu, nhưng Constantin thất vọng: Những cảm tưởng, những rung động chính xác y như ngày xưa không tái tạo được. Ngược lại, nhà văn có thể từ những hình ảnh ngày xưa, tái tạo và đổi mới ngàn vạn lần những hình ảnh ấy trong tác phẩm nghệ thuật, đó là nguồn của vĩnh cửu, và là ý nghĩa sâu xa của hư cấu trong sáng tác.

Kierkegaard viết: *"Quay lại (reprise) và hồi tưởng (ressouvenir) là cùng một vận hành, nhưng trong hai hướng trái ngược nhau: Bởi những gì mà ta hồi tưởng lại là đã qua rồi, đó là sự lập lại (répétition) hướng về phía sau, trong khi quay lại là hồi tưởng tiến lên phía trước."*

Câu văn này của Kierkegaard được trích dẫn trên trang đầu cuốn La reprise, như cơ nguyên, là bùa hộ mệnh, như dấu triện cầu chứng phương cách sáng tạo tiểu thuyết của Robbe Grillet. La reprise, như vậy, không chỉ là một cuốn tiểu thuyết mà nó còn là cẩm nang nói lên cách sáng tác tiểu thuyết, một cuốn truyện ngỏ cửa cho thấy cách viết của tác giả như thế nào.

Siêu nhân vật của Alain Robbe Grillet, tổ hợp cắt dán những hình ảnh chập chùng của quá khứ, những cảm giác, những hoang tưởng của nhiều đoạn đời, nhiều giấc mơ, nhiều ác mộng... đã trải qua hoặc đã tiếp nhận qua các tác phẩm mà kinh nghiệm sống chen lẫn kinh nghiệm "biết", trực tiếp và gián tiếp, tạo nện thực chất của hư cấu.

La reprise, quay lại những séquence cũ, các nơi chốn cũ, các nhân vật cũ, các kỷ niệm cũ, trong các tác phẩm cũ của Alain hay của ai khác rồi đem Grillet -hóa nó đi, tạo sinh cho chúng một đời sống mới,

như thể ông viết lại các tác phẩm của mình với những phương tiện khác, như thể ông nhìn lại Berlin dưới những kỷ niệm khác: kỷ niệm của chính cậu bé Alain đã đến đây với mẹ lần đầu sau chiến tranh, kỷ niệm của Kierkegaard, hay kỷ niệm của Kafka ... cả ba đều đến Berlin những thời trước. Tất cả những kỷ niệm ấy trụ vào một nhân vật, nhân nó lên và biến nó đi, khiến nó trở thành siêu nhân vật.

*

Những nhân vật trong tác phẩm của Alain Robbe Grillet không phải là "bà con" của nhau mà chúng là những bóng đúp của nhau. Những "cốt truyện" cũng vậy. Đề tài trinh thám, án mạng đã được viết nhiều lần. Tính chất trinh thám ở đây là sự điều tra về thực chất của con người, về những cái được gọi là "sự thật". Có thể có một sự thật đích thực không? Hay mỗi người nói một sự thật khác nhau? Alain Robbe Grillet thám hiểm các version ấy của sự thật trong con người trinh thám.

Tiểu thuyết Les gommes (Những cục tẩy) ra đời cách đây gần nửa thế kỷ cũng là một tiểu thuyết trinh thám.

Thám tử Wallas được "trên" gửi đến một quận lỵ điều tra về vụ ám sát (hay ám sát hụt) một nhân vật tên là Albert Dupont hay Daniel Dupont gì đó. Nhưng chính Wallas lại bị lạc vào một phố huyện mà mọi con đường đều quay tròn, đi hoài vẫn quay về chỗ cũ: Không khí Kafka lồng trong thế giới đồ vật Alain Robbe Grillet bắt đầu lộ diện trong tác phẩm "đầu tay" này. Một thế giới mà cá nhân bị mất đi trong thế giới đồ vật và sự vật: Bất cứ một "vật" gì cũng có thể có nhiều ý nghĩa, chúng có chất sống, có những bí mật riêng tư. Những con kênh phù thủy, những con phố mật vụ chứa đầy hoài nghi và khủng bố. Không khí khủng hoảng ấy được tạo ra từ cách đối chiếu sự vật và con người. Alain Robbe Grillet viết:

"Một người đàn ông to lớn đứng chình ình ra đó -lão chủ- cố gắng nhận diện mình giữa đống bàn ghế ngổn ngang. Một hình ảnh bệnh hoạn nổi lềnh bềnh trên tấm gương dài treo lưng quầy rượu -lão chủ- mập ú, viêm gan, xanh xao trong bể cá vàng." (Les gommes, trang 11-12)

Lối tả vừa kỹ, vừa mờ, tạo ấn tượng tẩy xóa, làm mơ hồ một thực cảnh: người chủ tiệm đứng giữa đống bàn ghế, một bên tường là bể cá vàng, phía đối diện là quầy hàng, có treo gương; tấm gương phản chiếu cảnh tiệm ăn có lão chủ đứng giữa một cách méo mó, bệnh hoạn. Lão chủ có mắc bệnh viêm gan không, hay là chính cái gương phản chiếu và phản trắc đã cố ý dìm đầu lão vào bể cá vàng rồi làm méo mó và xanh xao

đi cùng với rong rêu trong bể cá?

Tóm lại, những "cảnh thực" vào tay tác giả, trở thành tẩy xóa, mơ hồ, hoảng loạn hơn qua cách tả. Và như thế, những tình huống cũng chung số phận. Một chi tiết về án mạng có thể nằm trong cục tẩy (trang 66). Nhưng cục tẩy cũng là cơ nguyên của việc xóa chi tiết ấy. Tóm lại tất cả đều có thể bị "tẩy xóa", ngụy tạo, làm lại, và có lẽ đó là ý nghĩa sâu xa nhất của những chữ Les gommes (Những cục tẩy) mà Alain Robbe Grillet đã đặt cho tác phẩm.

*

Trong La reprise, Alain Robbe Grillet muốn viết lại Les gommes. Bối cảnh vẫn là một vụ ám sát. Nhưng lần này, vai chính không phải chỉ là một thám tử mang tên Wallas mà là một siêu nhân vật mang nhiều tên khác nhau, có những hành tung khác nhau, có những cuộc đời khác nhau, kể lại những sự thật khác nhau; và hành trình của hắn cũng qua một thế giới đồ vật đặc biệt: thế giới siêu đồ vật. Thế giới này được mô tả với giọng điệu như sau:

"Đi thẳng thì tới phòng đợi, phòng này thông với hai phòng khác đồ đạc sơ sài nhưng giống nhau như hai giọt nước, kiểu như một phòng được nhân đôi trong tấm gương lớn.

Phòng trong, trên cái bàn chữ nhật nâu nhạt, ba ngọn nến thắp sáng trên cây chúc đài giả đồng. Một chiếc phô tơi cũ, kiểu Louis XV bọc nhung đã sờn, có chỗ loáng bóng vì bẩn, có chỗ xám xịt vì bụi, đặt xéo trước bàn như đang chờ ai. Đối diện với tấm ri-đô rách cố gắng che dấu cái cửa sổ, là cái tủ lớn khẳng khiu không kiểu cọ, giống như cái hòm làm cùng thứ gỗ thông với cái bàn. Giữa cây chúc đài và cái phô tơi, một tờ giấy trắng hình như hơi cựa quậy trên bàn, dưới ánh nến rung rinh. Lần thứ nhì trong ngày, tôi cảm thấy một ấn tượng mạnh như một kỷ niệm lạc lõng của tuổi thơ nhưng luôn thay đổi không thể nắm bắt được. Ấn tượng này cũng biến ngay sau đó.

Phòng ngoài không có ánh sáng, cũng không có nến trên chiếc chúc đài chân chì. Cửa sổ toác hoác không kính mà cũng chẳng có khung. Khí lạnh bên ngoài và ánh trăng xanh xao tràn vào lẫn với ánh sáng phòng trong, một thứ ánh sáng mờ ảo ấm cúng hơn nhưng bị loãng đi vì khoảng cách. Ở đây, hai cánh tủ há mõm để lộ những ngăn trống. Chiếc ghế phô tơi thủng đệm bầy ra một khóm lông độn đen ngòm, lồi ra theo vết rách hình tam giác." (trích dịch trang 27-28)

Nghệ thuật của Alain Robbe Grillet, trong trích đoạn trên đây, là tạo sự di động, lập lờ của đồ vật: coi vậy mà không phải vậy. Hai căn

phòng, lúc đầu bảo là giống hệt nhau nhưng thật ra không giống. Chúng cùng ở trí nhớ bước ra mà chúng lại có những chi tiết chính xác bất thường, chứa đựng một thứ ảo ảnh dục tình mờ ám: cái ghế phô tơi bọc nhung đỏ, sờn bẩn, có vết rách hình tam giác thòi lông, cánh cửa sổ toác hoác, không kính, không khung, cái tủ giống cái hòm... Tóm lại, thế giới đồ vật ở đây là thế giới ma quái, chúng cũng có ký ức mập mờ, chúng cũng khả nghi và lưỡng diện như con người.

Một trích đoạn khác, Alain Robbe Grillet viết:

"Bỗng dưng tất cả lặng xuống: Và trong cái tịch lặng quá hoàn toàn, hơi đáng ngại đó, Franck Matthieu (hay Mathieu Frank cũng được, vì cả hai đều là tên) tỉnh dậy, không biết đã thiếp đi bao lâu, trong một căn phòng quen thuộc mà hắn có vẻ biết rõ từng chi tiết nhỏ, mặc dù cách bài trí này hắn không nhớ rõ đã thấy ở đâu, trong không gian nào, thời điểm nào... Trời tối. Tấm ri đô dầy khép kín. Đối diện với cái cửa sổ vô hình là bức tranh treo ở giữa tường.

Tường dán một thứ giấy xưa, có sọc dọc, những vạch xanh xao, đen tối, viền trắng rộng độ năm, sáu phân, xen kẽ với những băng rộng cùng cỡ nhưng vàng vọt hơn. Những hình thù nhỏ li ti giống hệt nhau chạy dọc trên băng, nét vẽ trước kia chắc có thếp vàng, nay đã xỉn. Không cần đứng dậy, Mathieu F. cũng có thể vẽ lại bằng ký ức cái hình thù nhập nhằng này: Đó là một bông hoa chạm giống như một loại đinh hương hay ngọn đuốc li ti, mà cũng có thể là một đoản đao, hay một con búp bê tí tẹo mà mình mẩy và hai chân chụm lại giống hệt lưỡi đao, hay cán đuốc, và cái đầu trở thành ngọn lửa hay nắm đao, hai tay hơi co lại, khum khum dơ về phía trước giống như cán đao hay đài đuốc chặn không cho chất bỏng lan xuống tay." (trích dịch trang 106-107)

Cách tả kỹ, mổ xẻ theo hiện tượng luận, mà lại úp mở, tạo nên một không khí khả nghi toàn diện.

Tay điệp viên (bây giờ có tên là Franck Matthieu hay Mathieu Frank) tỉnh dậy trong một căn phòng ở nhà -giả dụ là- của kẻ mà hắn được lệnh hạ sát. Nhà này bài trí toàn búp bê giả to bằng người thật. Bà chủ, vợ của kẻ đã hoặc sẽ bị giết, cho hắn uống một thứ độc dược hay nha phiến gì đó, khiến hắn cứ hết tỉnh lại mê, và mỗi lần tỉnh lại, hắn lại thấy mình trong một tình huống khác.

Trích đoạn trên đây cho thấy trạng thái nửa mê nửa tỉnh của hắn. Căn phòng Franck đang nằm, có những nét của những căn phòng hắn đã "biết" từ trước, có thể trong tuổi thơ, hay là căn phòng đầu tiên hắn đã đến Berlin với mẹ, cũng có thể là căn phòng mà Kierkegaard hay Kafka đã ở, Berlin , nhiều năm trước. Với những chi tiết quen thuộc: ri-đô rách che cửa sổ giả... Những gì được mô tả vừa rõ, vừa mờ, vừa đúng, vừa sai

như sản phẩm của trí nhớ bị lọc qua lăng kính nha phiến: một bông hoa chạm, một cánh đinh hương, một ngọn đuốc, một đoản đao, một con búp bê tí teo... Sự sáng suốt và nhầm lẫn của trí nhớ làm cho tất cả đều khả thể, tạo cho một sự vật có thể có nhiều "căn cước" khác nhau. Chúng cũng được nhân lên như những nhân vật, chúng cũng "siêu", cũng khả nghi và trinh thám, chúng cũng có thể "nhúng tay" vào tội ác, vào bí mật... Cứ như thế: một bức tranh khiêu dâm, một con búp bê lớn như người mẫu... trong một cái nhìn của kẻ đã bị chuốc nha phiến, có thể trở thành những hoạt cảnh bạo tàn, những màn khổ dâm, bạo dục, loạn luân, bất ngờ và phi lý nhất.

Alain Robbe Grillet muốn chứng tỏ nhà văn có thể viết bất cứ "chuyện gì" trong tác phẩm. Miễn là viết làm sao cho có nghệ thuật.

Hai trích đoạn trình bày ở trên, phản ánh không khí mập mờ, khả nghi, rất đặc thù trong tác phẩm của Alain Robbe Grillet : Hai căn phòng cổ giống nhau như hệt, một hình thái sosie đã có trong các tác phẩm trước, được triệt để hóa trong La reprise .

Mở đầu là điệp viên Henri Robin bị một kẻ sosie (giống hệt) chiếm chỗ trên tầu hỏa. Hắn không hiểu hắn là hắn hay kẻ sosie là hắn. Rồi tới hiện tượng thứ nhì: Hai căn phòng giống hệt nhau, sáng tối đối chọi nhau: một chiếu sáng bằng nến, một không ánh sáng, cùng tỏa ra không khí mờ ảo, ám ảnh, hư hư thực thực. Thứ ba: Điệp viên là con trai của kẻ bị ám sát? Hắn là con nạn nhân hay hắn là thủ phạm? Thứ tư: Bà vợ kẻ bị ám sát giống hệt mẹ hắn. Thứ năm: Tay tổ công an hình như là hắn. Thứ sáu: Kẻ bắn hắn cũng mang tên của hắn. Thứ bẩy: Hắn đứng xem đám ma của hắn như một kẻ bàng quang v.v... Mấu chốt sáng tác của Alain Robbe Grillet khởi đi từ đấy. Người kể chuyện nhặt từ ký ức của mình những mẫu quá khứ để từ đó, khởi viết, khởi tìm, khởi đi vào tác phẩm. Những nhân vật trong tiểu thuyết, những sosie , chỉ là *"những yếu tố đã xuất hiện trong đời thực nhưng được biến đổi theo tưởng tượng, bị ảo hóa qua kỷ niệm, rồi tái tạo bằng chữ viết. Bởi vì, điều quan trọng đối với nhà văn, không phải là những yếu tố tạo thành văn bản, văn bản không phải tờ giấy chứng nhận sự đích thực chân xác mà phản ánh cách tổ chức vận hành trong tác phẩm." (Alain Robbe Grillet trả lời phỏng vấn của Catherine Aargand , báo Lire , tháng 10/2001)*

Robbe Grillet đã không nói điều gì khác với nguyên tắc sáng tác của muôn đời, trừ một điểm: Robbe Grillet luôn luôn tách rời quan niệm sáng tác kể chuyện cổ điển theo đường lối hiện thực xã hội. Sự chép lại y hệt hiện thực, đối với Grillet là đường lối xa hiện thực nhất. Nếu chúng ta tóm tắt "nội dung" các tác phẩm nổi tiếng của Alain Robbe Grillet như Un régicide (Kẻ giết vua), Les gommes (Những

cục tẩy), Le voyeur (Kẻ ròm trộm)... thì thấy tất cả xoay quanh một án mạng.

Ở Un régicide có án mạng thực. Nhưng ở Les gommes , sự tẩy xóa sự thực đã khá rõ: Wallas , tay điệp viên đi điều tra về một vụ án mạng, lại luôn luôn bị lầm, mọi dấu vết bị tẩy xóa, chính hắn bị lạc vào thế giới mà hắn tìm tòi.

Le voyeur (Kẻ ròm trộm) xoay quanh vụ ám sát một bé gái, có thể bị hãm hiếp trước khi bị giết. Mathias , kẻ làm ăng kết, lại chính là kẻ khả nghi. Mathias là một gã bán rong đồng hồ trên một hải đảo. Chính hắn đã nhìn thấy bé gái lần đầu và có lẽ cũng là lần cuối. Giữa hai "lần" ấy, những gì đã xẩy ra? Mathias kiểm điểm từng giây từng phút thời khóa biểu của mình ngày hôm ấy, có những khoảng trống đáng ngờ, không thể giải thích được. Mà cần gì phải giải thích? Tại sao lại phải giải thích? Với ai? Có ai hỏi đâu mà phải khai. Mathias là kẻ "ròm trộm" chính mình, kiểm thảo chính mình; mỗi cá nhân nào cũng có một chút Mathias ở trong: thử ròm trộm xem có bao nhiêu tội ác mà mình đã có thể làm mà không biết.

*

Tiểu thuyết La reprise , tổng hợp toàn bộ kỹ thuật viết của Alain Robbe Grillet :

Tính chất quay lại, nhìn lại, xuất hiện trong La jalousie , Bức mành mành, xuất bản năm 57, khởi đầu cho tiểu thuyết-điện ảnh. Và tiếp nối là những phim L'année dernière à Marienbad (Năm ngoái ở Marienbad) với Alain Resnais đạo diễn năm 60, rồi L'immortelle (Bất tử) do chính Alain Robbe Grillet thực hiện.

Quay lại -Reprise - chỉ là một hình thức trở lại quá khứ để sáng tạo ra cái mới. Quá khứ của hình ảnh, quá khứ của tâm thức, quá khứ của ảo giác. Mỗi nhân vật trong La reprise là một kết thành, không chỉ rút ra từ kỷ niệm, từ đời sống, mà cả từ những tác phẩm đã viết trước đây. Thế giới đồ vật mà Alain Robbe Grillet đã tạo ra từ tác phẩm đầu tiên, ở đây sống lại trong một trạng thái khác, một căn buồng, một chiếc ghế bành, một tấm đệm, một vết loang trên đá hoa, một mẩu vụn bánh mì, một bức tranh, một con búp bê, một con kênh, một cái bản đồ, một con phố, một sợi dây, một con rết... mỗi đồ vật, sự vật đều hiện sinh, có đó, lù lù ra đó, không thể giải thích và không cần giải thích, đều tham dự vào các sự kiện xẩy ra trong tác phẩm. Nhưng tất cả những hành vi, động tác ấy không xuất hành từ lối viết thông thường, mà xuất ra từ cái nhìn, cái nhìn này không kể, chúng chỉ tả trong một cách tả khác trước, nhà văn để sự

vật lên bàn, ngắm, mổ, xẻ, và chiếu ông kính vào những ngõ ngách bí mật của nó. Trích đoạn về hai căn phòng rất tầm thường, nhưng đọc kỹ sẽ thấy có vẻ gì rờn rợn, với cái ghế bành bọc nhung đỏ nhẫn bóng vì bợn bẩn, với cái cửa sổ không kính, không khung, với cái bàn giống như hòm. Với cái tủ toác mồm trong rỗng, với cây chúc đài chân chì không nến, với vết rách hình tam giác để lồi khóm lông đen lún phún... Grillet là làm lạnh gáy người đọc bằng những sự vật rất tầm thường nhưng ngòi bút của ông đã tạo cho chúng một ma lực bạo dục khổ dâm không chỉ ở những đoạn "chính thức" mô tả mà ở ngay cả những đoạn không "chủ ý". Những mê loạn, những ám ảnh, đồi trụy hay cao cả đều cuốn trọn trong cái "búi" bòng bong mà con người và sự vật hiện sinh, chung sống, độc lập và bí mật, mỗi "kẻ" một cõi.

Cuối cùng, có thể nói trong suốt sự nghiệp bốn mươi năm, Alain Robbe Grillet đã chỉ viết đi viết lại một tác phẩm. Đó là viết về mình. Về hành trình một người đi tìm mình, điều tra về mình. Án mạng chỉ là cái cớ để điều tra. Điều tra những hành vi của mình, của con người trăm mặt. Những ngả đường mà nhà văn tìm kiếm, tra khảo, dường như không bao giờ tới đích. Và đó cũng là ý nghĩa sâu xa của sáng tác: Nghệ sĩ không bao giờ tới đích. Bởi vì nếu đã tới đích rồi, thì không còn gì để nói, để viết, để sáng tác nữa...

THỤY KHUÊ
Paris tháng 11/2001





NGUYỄN HOÀNG VĂN
đẹp, như một bản vị?

Đẹp? Thì có nhiều thứ, kiểu, và bậc đẹp; thí dụ cái trừu tượng mơ hồ hắt lên từ những bóng chữ vời vợi ý tình, nét trần trụi gân guốc trong cái đẹp của những hình khối điêu khắc, vẻ khắc khoải ưu tư trong cái đẹp của mấy đường cọ chơi vơi...

Nhưng, *Càn khôn xiêm mỏng che mành*, hãy nói về một cái đẹp gần và quen hơn trước đã. Như cái đẹp *Một hai đổ nước nghiêng thành* của Tây Thi, Đặng Thị Huệ, Catherine Đệ Nhị hay Võ Tắc Thiên... , hay, cái hương sắc đã nhấn chìm cả dải biên cương của đấng quân vương họ Chế:

Bây giờ tôi rất yêu ngài
Bởi vì ngài rất yêu nàng Huyền Trân
Yêu từ cổ xuống tới chân
Suốt miền thân thể như gần như xa

Quận thành đem đổi làn da
Hỏi chi lạ rứa? Hào hoa thưa rằng... (1)

Hỏi chi lạ rứa? Tại sao vậy, tại sao nam giới thì mê mẩn trước sắc đẹp nữ giới:

Anh hùng chí lớn trong thiên hạ
Lấp lại không đầy mắt mỹ nhân
(Phạm Thái)

trong khi nữ giới thì mê mãi chăm chút hình ảnh của mình trong con mắt nam giới? Tại sao họ vẫn ngoan ngoãn vâng phục "giới luật đẹp" trong khi những nhà nữ quyền ra rả chỉ trích?

Đẹp. Nghe đã quen tai nhưng sao vẫn mù mịt, mơ hồ! Với Plato, nó dẫn đến cái lành; với Homer, nó dẫn đến tai ương. Thuý Kiều đẹp, thì Nguyễn Du... viết thế; nhưng nói theo Võ Phiến, nếu có người bảo: "Cho đấy, đem về đi!", chúng ta sẽ bối rối, ngần ngừ!

Thuý Kiều có gì? *Dày dày đúc sẵn một tòa thiên nhiên...* Thì nữ giới ai mà không... dày dày đúc sẵn? Còn *Làn thu thuỷ, nét xuân sơn là thế nào*? *Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh* là thế nào? Chúng ta chịu, không thể hình dung! Và, nếu phải chọn lựa giữa những Tây Thi, Dương Qúy Phi hay Đặng Thị Huệ, biết chọn ai bây giờ? Ai cũng chim sa cá lặn cả, nhưng ai hơn, ai kém; chúng ta thực sự bối rối, ngẩn ngơ.

Bối rối ngẩn ngơ bởi không thể đo lường cái đẹp theo những tiêu chuẩn nhất định, có khi còn mâu thuẫn nhau nữa đấy: suốt một thời gian dài, giới quý tộc, nghệ sĩ phương Đông chỉ ca tụng cái đẹp đào tơ liễu yếu trong khi dân gian, và cả Đường Minh Hoàng, thì một mực hướng về sự đầy đặn, tươi tắn!

Nhưng chắc chắn phải có những căn cơ, cội gốc nào đấy!

Cội gốc của cái đẹp, theo Charles Darwin, là động lực tiến hoá: từ khát vọng sinh tồn, thoạt đầu, con người đã quy phạm hoá cái đẹp theo chiều hướng phồn thực.

Theo Darwin, "đẹp" là một sự "đánh lừa của tâm trí" trong nỗ lực tiến hoá chứ không phản ánh bản chất hay thuộc tính của con người. Nếu tiến hoá hàm ý sự sinh tồn và lưu truyền nòi giống, thì, như là hiệu ứng của trình tự chọn lọc tự nhiên, tâm trí con người sẽ định hình và uốn nắn theo những chiều hướng giúp họ hoàn thiện hai nỗ lực này.

Cái đẹp, như thế, thoạt tiên, gắn liền với những yếu tố phồn thực: nếu khả năng sinh con đẻ cái là một cứu cánh, những đặc điểm

thể chất gắn bó với khả năng ấy sẽ trở thành... sắc đẹp. Vậy nên, khi ca tụng cái đẹp, nền văn hoá nào cũng ca tụng những đường cong mềm mại, những "toà thiên nhiên" đúc sẵn, dày dày. Ở một khiá cạnh khác, khi trang điểm, tấm thân người phụ nữ còn được bồi đắp với những hình ảnh của một thiên nhiên sinh sôi nẩy nở: từ những mảnh vỏ sò trang điểm trong thời tiền sử cho đến những nữ trang mô phỏng hình thể hoa chim hay bướm vẫn còn kéo dài đến thời hiện đại.

Đẹp còn là một giá trị văn hoá: nền văn hoá nào cũng gắn bó với những giá trị mỹ học nhất định và cách cảm thụ nữ sắc cũng là biểu hiện của một quan niệm thẩm mỹ nào đó. Nếu ở khiá cạnh sinh học, cội gốc của cái đẹp xoay quanh yếu tố phồn thực thì ở khiá cạnh văn hoá, theo Simone de Beauvour, cái đẹp đã bị o ép bởi bản chất "duy dương vật" của xã hội nam trị: khi nam giới — kẻ ngự trị xã hội — tin rằng nữ giới sinh ra là để thuộc về họ, thân xác họ phải thể hiện tính thụ động của một "vật thể sở hữu". Cái đẹp của nữ giới, như thế, phải tương phản với bản chất hoạt động và phiên lưu được xem là độc quyền của nam giới.

Như thế, để... đẹp, nữ giới phải cần mẫn chứng tỏ sự lệ thuộc bằng cách tước bỏ khả năng hoạt động và khả năng ứng phó linh hoạt của mình. Đó là mãnh vải bó chân của thiếu nữ Trung Hoa ngày trước, đó là những gót giày chênh vênh của ngày hôm nay, rồi những vòng xuyến trâm cài lỉnh kỉnh, những móng tay trau chuốt và sơn phết tỉ mỉ hay những xống váy lê thê, lướt thướt v.v... Khiá cạnh tước bỏ hoạt động này còn cộng hưởng với khuynh hướng thiên nhiên hóa đã nhắc bên trên: càng thiên nhiên hoá, họ càng tách rời thiên nhiên vì sự cứng nhắc: chồng chất lên người bao nhiêu thứ rườm rà mô phỏng thiên nhiên trông họ khổ sở thế nào, bất tiện thế nào.

Tuy nhiên, đấy lại là... sắc đẹp.

Bởi lẽ đó, Naomi Wolf — tác giả của *Huyền Thoại Đẹp* — chua chát rằng nữ giới không đơn giản sở hữu sắc đẹp của mình. Đấy chính là một thứ tài sản của xã hội nam trị khi họ phải hiện diện như những phẩm vật trang hoàng bởi, theo Wolf, ám ảnh đẹp không đơn thuần là một băn khoăn thuần túy thẩm mỹ. Bị nhấn chìm giữa nền độc tài "dương vật chế" (phallocratic), nữ giới phải cúc cung với bài chính tả về cái đẹp mà nam giới đang cao giọng một cách kẻ cả. Đẹp, chính là một sự phục tùng xã hội: xã hội — do nam giới khống chế — thay đổi cách nhìn, nữ giới phải thay đổi nhận thức về sắc đẹp của mình.

Quan niệm đẹp, như thế, theo Wolf, chính là một thứ "vũ khí chính trị": nó hình thành trong khuôn khổ của một hệ thống ở đó mục tiêu căn bản nhất là "bảo tồn cân bằng thống trị". Đó chính là thứ ma

tuý lung lạc ý chí tiến thủ của người phụ nữ: khi "ban bố những giá trị này giá trị nọ, những tiêu chuẩn thể chất dưới sắc màu văn hoá", thế giới nam tính chỉ muốn bày tỏ một hình thức "tương quan quyền lực" theo đó phái yếu phải cật lực đua chen "một cách trái tự nhiên" trước những gì mà họ đã "rộng lòng bố thí".

Đi xa hơn, Wolf cho rằng khái niệm đẹp, thực ra, chỉ là một huyền thoại. Huyền thoại bảo rằng "đẹp" khách quan và phổ quát toàn cầu; rằng nữ giới phải bộc lộ cho được và nam giới phải sở hữu cho bằng được. Theo Wolf, về bản chất, sắc đẹp không khác gì tiền tệ; khác chăng, ấy là chúng nảy nở theo hai hướng ngược chiều: "ngân bản vị", từ thấp đến cao; "sắc bản vị", từ cao đến thấp. Trong xã hội nô lệ lúc hoạt động kinh tế chỉ lẩn quẩn ở mức độ đổi chác, sắc đẹp đã được sử dụng như một thứ tiền tệ. Xã hội phát triển hơn chút đỉnh, sắc đẹp lại là một hình thức tài sản nhằm mặc cả những địa vị tương lai qua ngả đường hôn nhân. Còn ngày nay, theo Wolf, khi nữ giới có thể vươn lên những nấc thang quyền lực cao hơn, sắc đẹp đã chuyển sang hình thức đổi chác (!!!).

Và như một sự nhục mạ, huyền thoại đó đã... đần độn hoá nữ giới. Hoặc là một thể xác tuyệt vời, hoặc là một trí não tuyệt vời, họ khó lòng trọn vẹn cả hai. Với nó, một bên ngoài tuyệt hảo bao giờ cũng đi đôi với sự hiểu ngầm về một bên trong xơ xác, nghèo nàn; một trí tuệ tuyệt vời lại gợi nên những liên tưởng về m ột bộ mặt quạu quọ hay một thân hình lêu nghêu, héo hắt.

Huyền thoại đó bao trùm cả Đông và Tây. *Tài hoa tiếng vọng điêu linh / Phạm Đan Phượng chết theo Quỳnh Như sao*, thành kiến nghiệt ngã ấy đã thể hiện ở văn chương qua kiếp "chuân chuyên" của những má hồng tài sắc vẹn toàn. Tài sắc vẹn toàn thì sẽ không bao giờ bằng phẳng đường đời. Không *Nửa chừng xuân thoắt gẫy cành thiên hương* như Đạm Tiên thì cũng bẩy nổi ba chìm như Thúy Kiều. Rồi Tess trong *Tess of the D'Urbervilles* của Thomas Hardy, cũng khung cảnh lầu xanh, cũng bộ mặt đểu cáng của khách làng chơi, cũng những giây phút thẩn thờ trước lúc quyên sinh v.v... Bởi, nền văn hoá nào cũng vậy, đối với nữ giới, rất ư là bủn xỉn.

Văn hoá đẹp ấy được giới nữ quyền ví von như một *Iron Maiden*, một dụng cụ hành hình thời Trung Cổ. Bị ấn vào cái khuôn sắt có hình dáng thiếu nữ này, tội nhân sẽ chết dần chết mòn bởi những gai sắt tua tuả đang xỉa xói da thịt mình. Sa vào cạm bẫy của huyền thoại đẹp, nữ giới đã sa vào vòng tay nô lệ mà thế giới đàn ông bày biện ra đó, sẵn sàng. Khép mình vào những ràng buộc đó, họ làm sao để vùng vẫy đây? Trông không khác nào những tử tội bị hành hình kia? Khác

chăng, ấy là thái độ tự nguyện của kẻ nô lệ hoá chính mình!

Mà đấy chỉ là những nền tảng căn bản: nét đẹp trong yếu tố phồn thực và nét đẹp với sự khuynh đảo nam-nữ. Còn có những ảnh hưởng quan trọng khác từ kiến trúc thượng tầng của văn hoá để đưa đẩy cái đẹp đến những cách biệt bất thường khác. Với Pearl Buck, văn minh và dã man không cách nhau xa lắm: xỏ vòng vào tai, là văn minh; xâu vòng vào mũi, lại là man rợ! Tuy nhiên, khi những thiếu nữ Tây phương hôm nay, như một thời trang mới, đổ xô du nhập tập tục của phụ nữ Ấn, Hồi; họ đâu bị xem là những con người man rợ? Chẳng qua là một nhận thức mới về cái đẹp, và như thế, với thời gian, quan niệm về cái đẹp có thể lượt qua những hàng rào văn hoá.

Theo chiều của thời gian, nhận thức thân xác của con người cũng thay đổi. Hôm nay, cái đẹp gắn liền với sự tha thướt, mảnh khảnh. Trước kia, dù đã được ca tụng đấy, cái đẹp đào tơ liễu yếu chỉ là ngoại lệ của một thiểu số quý tộc ăn không ngồi rồi và ám ảnh về nó không nặng nề như bây giờ. Năm 1970, trọng lượng trung bình của hoa hậu nước Mỹ thấp hơn mức trung bình của cả nước 11%; chỉ tám năm sau thôi, con số đã nâng lên, hay sụt xuống, 17%. Nữ giới đã phải khổ sở ép xác theo bản án chung thân tự đặt ra cho chính mình: họ vật vả chống chọi với sự cám dỗ của bản năng thứ nhất và chai lì sổ toẹt những nguyên tắc của dinh dưỡng học.

Tại sao? Họ khổ sở như thế chỉ đơn giản để "đẹp mắt" nam giới thôi ư? Còn có những nguyên nhân sâu thẳm nào bên trong? Cứ theo Darwin, như đã nói ở trên, thoạt đầu cái đẹp bao hàm yếu tố phồn thực: một thân hình tròn lẳn mỡ màng, một bộ xương chậu kha khá, một bộ ngực ngồn ngộn sức sống, hôi hổi xuân thì... Mặt khác, địa vị xã hội của con người còn thể hiện ở khả năng tiêu thụ những sản vật khan hiếm: khi việc xoay xở cái ăn hãy còn chật vật, nữ giới — trong những giới hạn cho phép — cũng cố sức vươn đến địa vị bình quyền trên khiá cạnh... dĩ thực vi tiên. Thêm nữa, trong xã hội tiền kỹ nghệ, con người chỉ có thể tranh đãu với thiên nhiên hay với nhau bằng sức lực của cơ bắp: còn có cung cách đua chen nào khác ngoài con đường ẩm thực? Những yếu tố như thế, gộp lại, đã in hằn ở tấm thân nữ giới một biên cương có phần khai phóng.

Văn hoá, điều kiện xã hội thay đổi: biên cương ấy thay đổi theo. Cách mạng kỹ nghệ đòi hỏi ở nữ giới những hình vóc phù hợp với những phương thức sản xuất mới. Và, theo Ann Hollander, khi cái đẹp chỉ được ghi lại ở những chân dung bất động, trọng lượng thân xác chưa thực sự trở thành điều nhức nhối. Nhưng khi cái đẹp được ca tụng

qua những hình ảnh di động trên phim nhựa với sự bành trướng của kỹ nghệ điện ảnh, ý thức ấy mới mãnh liệt hơn: cái đẹp bây giờ phải gắn liền với sự thanh mảnh, tha thướt.

Cái đẹp cụ thể của thân xác, cụ thể biết mấy, mà đã rắc rối như thế; những cái đẹp trừu tượng hơn, hắt nên từ bóng dáng những con chữ còn rắc rối biết là bao nhiêu? Từ những khát vọng phồn thực, rồi cái thời tiền kỹ nghệ, thân xác đã thay đi thay lại biết mấy xống áo của ý thức để trọn vẹn cái đẹp. Nó thay đổi bản năng thứ nhất của một nửa loài người trên tấm thực đơn mỏng manh, đảo ngược những thành kiến tưởng không bao giờ vùi lấy ở sự cách biệt văn minh và dã man ở chiếc vòng trên tai, trên mũi.

Bản vị của văn chương chính là cái đẹp của những con chữ, dễ mãi mãi là... đẹp, văn chương, như thế, luôn đòi hỏi cái sự bước qua thành kiến...

NGUYỄN HOÀNG VĂN

Tài liệu tham khảo & chú thích:

- de Beauvour, S. 1972. The Second Sex. Penguin Book.
- Slattery, L. 1999. "Your Beauty". The Australian. August, 18th.
- Wolf, N. 1990. Beauty Myth. Vintage, London.
- Bài viết trích dẫn vài câu Kiều cùng thơ Bùi Giáng.

1. Nhớ Chế Mân, thơ Bùi Giáng. Bài thơ này còn đoạn cuối như sau:

Có chi mô
Có chi mô
Nàng tuy nhỏ bé mà to bằng trời
Ô Ri tuy rứa mà rồi
Gẫm ra cũng thế như tôi đó mà
Trăm năm trong cõi người ta
Thân còn chẳng tiếc lọ là Ô Ri
Riêng cô công chúa ly kỳ
Là tôi tiếc cả lì bì càn khôn...



OLGA
BALLA

Quyền lực của ngôn từ và quyền lực của biểu tượng

"Bước ngoặt ngôn ngữ học"

Không một thời đại nào trước đây biết đến sự chú ý đối với ngôn ngữ như thời đại chúng ta. Con người đã suy nghĩ về bản chất của ngôn ngữ rất nhiều và từ lâu, ít nhất là từ thời cổ đại, nhưng đến thế kỷ XX trong sự phát triển của văn hóa châu Âu đã xảy ra cái có thể gọi là "bước ngoặt ngôn ngữ học". Người ta đã ý thức được rằng ngôn ngữ - không chỉ, thậm chí không phải trước hết, là "công cụ của tư duy" và vật trung giới giữa con người và hiện thực. Nó đã được khám phá ra như là một hiện thực tự tại tạo ra cả bản thân con người và thế giới của con người. Hóa ra có thể lấy nó làm mô hình về nhận thức và về con người, và cả về nhiều hiện tượng của con người. Và thậm chí không chỉ của con người. Đó là một trong những khám phá quan trọng nhất của thế kỷ

chúng ta.

Tất nhiên, những biến cố tầm kích như vậy không phải bỗng dưng mà có. Chúng bao giờ cũng gắn liền với một cái gì đó rất hệ trọng trong sự tự cảm của con người, mà hoàn toàn không chỉ là sự tự cảm về trí tuệ.

Vậy cái gì đã xảy ra?

Các cơ chế của biến cố: quyền lực của ẩn dụ

Cái đã xảy ra là: mô hình nhận thức mới, mô hình ngôn ngữ học, đã thay thế mô hình nhận thức theo kiểu cơ học và sinh học. Trước đây, để hiểu một hiện tượng nào đó, người ta thường gán cho nó các đặc điểm của máy móc hoặc của cơ thể. Ngay đến thế kỷ XVIII vũ trụ vẫn được hình dung như một cỗ máy khổng lồ (do Chúa làm người thợ đồng hồ điều khiển). Người ta xem cơ học được toán hóa là khoa học của các khoa học, là hình mẫu của tất cả các khoa học khác, là phù hợp sát gần nhất, chính xác nhất với quan niệm về thế giới như "tự nó" vốn có.

Đến thế kỷ sau hình tượng cơ thể bắt đầu có sức hấp dẫn mạnh: việc nhìn thấy trong các hiện tượng khác nhau những đặc điểm của một chỉnh thể sống có sinh có trưởng, có tàn có chết, tỏ ra rất thuyết phục. A. Schleykher , một trong những người sáng lập ngành ngôn ngữ học so sánh-lịch sử, đã xem xét ngôn ngữ (quyền lực của nó đối với các trí tuệ vẫn còn ở phía trước) thông qua ẩn dụ này: việc coi ngôn ngữ như cơ thể đã dẫn ông tới tư tưởng cây phả hệ của các ngôn ngữ ấn-Âu lớn lên từ một ngôn ngữ thủy tổ chung. Ai cũng biết ông đã chịu ảnh hưởng của Darwin , tức là hoàn toàn không phải của nhà ngôn ngữ học, mà của nhà sinh học. Và ảnh hưởng đó đã có kết quả: tận đến nay nguồn gốc và dòng họ các ngôn ngữ vẫn được miêu tả chính theo cách như thế.

Vào thế kỷ XX không một ai thấy chướng tai khi nhà triết học và phân tâm học Jacques Lacan nêu ra mệnh đề nổi tiếng của mình: "Vô thức được cấu trúc như ngôn ngữ". Ngược lại! Được hình dung tương tự như ngôn ngữ, cái gì đó (trong trường hợp này là vô thức, một điều chưa hoàn toàn sáng rõ) lập tức trở nên dường như dễ nghiên cứu hơn - ngay trước khi được nghiên cứu, dường như dễ hiểu hơn - ngay trước khi được hiểu: khi đã được làm sáng rõ hơn, các chiến lược nghiên cứu như thế lập tức có thể trở nên thích dụng. Con người bắt đầu cảm thấy mình tự tin hơn: nó dường như sơ bộ khoanh vùng đối tượng nghiên cứu tương lai

của mình, đánh dấu đối tượng như một cái gì đó có thể nghiên cứu được.

Nguyên tắc ẩn dụ hoạt động trong những trường hợp như thế. Nó phổ biến nhất trong ngôn ngữ nghệ thuật, nhưng tác động của nó rộng hơn nhiều. Dưới dạng chung nhất, đó là sự miêu tả một đối tượng thông qua việc so sánh nó với một đối tượng khác dựa vào một số đặc điểm tiêu biểu. ẩn dụ định hướng cái nhìn và tổ chức nó: trong đối tượng được miêu tả như thế nổi lên hàng đầu và có thể dễ thấy nhất là cái gắn nó với đối tượng nguồn của ẩn dụ. Nếu trong ý thức của các nhà nghiên cứu, các ngôn ngữ ấn-Âu có hình thức cây phả hệ thì lẽ tự nhiên phải đi tìm cành nhánh của nó hoặc theo thân cây lần xuống gốc (vị tất đã là ngẫu nhiên khi ẩn dụ sinh học có cả trong tên gọi hạt nhân của từ: từ căn).

Vấn đề, tức là, hoàn toàn không phải ở chỗ ngôn ngữ "thực ra" giống cơ thể sống, còn vô thức giống ngôn ngữ (rất có thể là cái chung của chúng cũng chẳng nhiều gì hơn của bất kỳ hiện tượng nào được lấy một cách võ đoán). Vấn đề ở đây nằm ở "lăng kính" của thời đại, nó khiến mọi người nhạy cảm với một số phương diện của đối tượng được nghiên cứu và, ngược lại, thờ ơ với những phương diện khác. Điều này có lôgich của nó và về nhiều mặt lôgich đó bị quy định bởi những ẩn dụ khai sinh, nền tảng, những ẩn dụ "gốc", "cái". Các ẩn dụ cơ học, cơ thể, ngôn ngữ đã thực hiện chính vai trò như thế trong các thời kỳ khác nhau của lịch sử trí tuệ châu Âu.

Những ẩn dụ như thế làm việc trong cơ thể văn hóa như là nguyên lý tổ chức, tập hợp, định hướng. Chúng thực sự thúc đẩy nhận thức, thúc đẩy việc xác lập những mối quan hệ hiện thực giữa các yếu tố của vũ trụ, các yếu tố này, tùy thuộc vào đặc trưng của các ẩn dụ chủ đạo, được miêu tả theo cách này hay cách khác: để cho mọi người thời đó thấy dễ hiểu.

Nhưng ở đây không và không thể có sự võ đoán hoàn toàn: tuyệt nhiên không phải mọi ẩn dụ đều có khả năng tác động theo cách như vậy. Không thể bịa ra được nó và làm được nó bằng những nỗ lực lý trí. Các ẩn dụ ngôn ngữ, cơ học, cơ thể có thể trở nên dễ hiểu về nghĩa chỉ bởi vì chúng phù hợp với một số trực giác bề sâu của mọi người thuộc nền văn hóa đó. Mà các trực giác đó rộng hơn rất nhiều những cái được thể hiện cả trong triết học và khoa học. Chúng hòa vào toàn bộ thực thể văn hóa và làm việc thậm chí ở cấp độ lẽ phải thường ngày (có thể chính ở cấp độ đó đầu tiên). Đó là những nguyên lý tương quan vạn vật theo một kiểu riêng, mặc dù trong những lĩnh vực văn hóa khác nhau tác động của chúng bộc lộ với sức mạnh khác nhau.

Thuyết lấy con người làm trung tâm mới: sự thay đổi lăng kính

Chính vì thế dưới ảnh hưởng của các mô hình ngôn ngữ, cấu trúc không chỉ của khoa học, mà nói chung của các lĩnh vực văn hóa khác nhau, đã thay đổi. Chúng ta nói về sự thay đổi "lăng kính" bởi vì bay vào quỹ đạo nghiên cứu không chỉ - mà có thể không hẳn - là các sự kiện mới, mà chủ yếu là các sự kiện cũ được nhìn theo một cách nhất định.

Một trong những người sáng lập các cách tiếp cận mới là nhà ngữ văn học, ngôn ngữ học và nhân chủng học người Thụy Sĩ F. de Saussure (1857 -1913). Ông, vị thủy tổ của cấu trúc luận trong ngôn ngữ học, là tác giả của tư tưởng mà kể từ khi được nói ra đã từ lâu thuộc vào thành phần của những điều gần như hiển nhiên hàng ngày: ngôn ngữ - đó là một hệ thống ký hiệu. Đến lượt mình các ký hiệu lại có cấu trúc hai mặt. Một mặt, chúng gồm cái "được biểu đạt" - nghĩa, mặt khác - gồm cái "biểu đạt", hình ảnh âm thanh tương ứng với nghĩa đó.

Saussure gọi ngôn ngữ là hệ thống quan trọng nhất trong các hệ thống ký hiệu: chúng ta nhận thấy, dù là quan trọng nhất, nhưng dẫu sao vẫn là một trong số đó. Điều này cho phép về sau phổ quát khái niệm ngôn ngữ vượt ra ngoài phạm vi ngôn ngữ học, tới tất cả các lĩnh vực có thể tìm thấy ký hiệu. Vậy là đã tạo ra khả năng mô hình hóa theo kiểu ngôn ngữ các hiện tượng phi ngôn từ, nhận thấy trong chúng các cấu trúc, các hệ thống quan hệ tương tự như của ngôn ngữ.

Trào lưu trí tuệ thực hiện khả năng đó một cách rõ ràng và đầy đủ nhất được biết đến dưới tên gọi chủ nghĩa cấu trúc. Xuất hiện thoạt đầu trong ngôn ngữ học cấu trúc, phương pháp này sau đó - nhất là vào thập niên năm mươi-sáu mươi - đã nhanh chóng mở rộng lĩnh vực tác động của mình. Những năm sáu mươi là thời kỳ phồn thịnh, kéo dài không lâu nhưng rất có kết quả, của nó.

Các nhà cấu trúc luận mô tả toàn khối văn hóa như một tổng hợp của các ngôn ngữ, vì thế họ có thể nghiên cứu nó bằng các phương pháp ngôn ngữ học và ký hiệu học. Họ lẩy ra các yếu tố cấu trúc của các văn bản văn hóa, các cơ chế biến đổi của chúng và thu được rất nhiều các kết quả cụ thể. Nhưng ngoài ra, công việc của họ còn có ảnh hưởng to lớn đến cách nhìn thế giới hiện đại.

Nói về ngôn ngữ, từ nay, nghĩa là: không đơn giản là nói về bản chất con người, mà làm việc đó theo sự tương ứng chặt chẽ với các lý tưởng của châu Âu mới (thực chất, các lý tưởng mang tính khoa học tự nhiên) về tính khách quan, tính đo đếm được. Mơ ước bao lâu của nhiều nhà tư tưởng châu Âu đã thành hiện thực: rốt cuộc đã xuất hiện khả năng

không chỉ tổ chức các khoa học nhân văn theo kiểu các khoa học tự nhiên, mà còn xích gần cái trước lại cái sau về mức độ chính xác trong sự mô tả đối tượng của mình. Ngoài ra, điều này cho phép các khoa học nhân văn "dính kết" với khoa học tự nhiên, hợp lực làm việc về các đối tượng nghiên cứu của mình và nói bằng thứ ngôn ngữ hai bên đều hiểu. Còn như các kết quả thu nhận được đang phải tranh cãi là chuyện khác; điều quan trọng là bản thân khả năng đó đã xuất hiện và đã trở thành một sự kiện văn hóa.

Dưới ảnh hưởng của các mô hình ngôn ngữ, trong các khoa học tự nhiên bắt đầu diễn ra trào lưu hưởng ứng: một kiểu "nhân văn hóa", đồng thời không bị mất đi tính chính xác và khách quan là cái vốn phân biệt chúng với các khoa học nhân văn. Chẳng hạn người ta đã nói đến các hệ thống thông báo (cũng là các "ngôn ngữ") của ong, khỉ... Thậm chí những sự vận động (tính hướng kích thích) của thực vật cũng được mô tả theo lối ký hiệu, "ngôn ngữ".

Đó là hệ quả của phương châm xa xưa hơn sự chú ý ưu tiên đến ngôn ngữ: nó tồn tại trong ý thức khoa học châu Âu ít nhất là từ thời thuyết Darwin . Theo phương châm đó, con người là một mắt xích tiến hóa cùng dãy các động vật khác. Xuyên thấm toàn bộ dãy này là các quy luật chung mà con người phải lệ thuộc vào không kém các loài còn lại.

Nhưng điều đó nghĩa là cũng có thể có thao tác ngược lại: dịch chuyển một cách đặc biệt, rõ ràng và có ý thức, các mô hình con người sang sự nhận thức cái ngoài con người. Tất nhiên, đây là một kiểu thuyết nhân hình và thuyết lấy con người làm trung tâm (rất có thể là con người, nói chung, không đi đâu khỏi được "nhân chủng" của nó), nhưng hoàn toàn không phải là cái đã từng có lúc là thuộc tính hữu cơ của các nền văn hóa cổ xưa và đã bị vượt qua. ở đây nó là cái đã được suy tính, được cấu tạo, có tính nguyên tắc, với khả năng nhận thức được những giới hạn riêng của mình.

Sự bành trướng của ký hiệu và các biến thái của ngôn từ

Trong vòng thế kỷ XX cấu trúc của toàn bộ trường khoa học, các giới hạn của chúng, những mối quan hệ giữa chúng với nhau, đã thay đổi. Các khái niệm ngôn ngữ và ký hiệu, dưới bàn tay thao tác của Saussure và những người kế tục ông, đã bị tách ra khỏi ngôn ngữ theo nghĩa đen của từ (ngôn ngữ tự nhiên của con người) và được bổ sung những ý nghĩa mới, nhờ đó nó có quyền lực đối với trí tuệ. Một trong

những "người cha tinh thần" của thời đại, C. Lévi -Strauss , người sáng lập ngành nhân chủng học cấu trúc, cuối cùng đã đi đến tư tưởng "ký hiệu toàn cầu": ông nhìn toàn bộ hiện thực xã hội như một ký hiệu lớn gồm "cái được biểu đạt toàn cầu" và "cái biểu đạt toàn cầu". Và toàn bộ văn hóa hiện ra trước cái nhìn nghiên cứu hoàn toàn khác hẳn. Người ta nhìn thấy ở nó cái mà các mô hình-ẩn dụ dùng để nhận thức trước đây không những không thấy được hoàn toàn, mà nếu có thấy thì cũng đặt ở ngoại vi: hệ thống các quan hệ và biểu tượng.

Và đây, vào nửa sau thế kỷ, Roland Barthes đã viết: "Văn hóa ngày càng mở ra trước chúng ta như một hệ thống phổ quát của các biểu tượng được điều khiển bởi cùng những thao tác; trường biểu tượng này có sự thống nhất, và văn hóa xét trong tất cả các phương diện là một ngôn ngữ".

Ngoại đề 1- về những nghịch lý của ký ức văn hóa

"Stop : đó phải chăng là hồi âm của niềm đam mê cơ học ở châu Âu hồi xưa?!. Đam mê tính chính xác của nó, các khả năng giải thích được của nó: "... bởi cùng những thao tác". Chỉ cần nhìn vào các ẩn dụ chủ chốt ở đỉnh điểm phổ cập của chúng thì đột nhiên thấy ra rằng tuy thay thế nhau thống trị nhưng chúng không hề loại trừ nhau. Ngược lại: chúng được tích hợp vào cơ thể văn hóa, bện kết với nhau, tạo thành những thể thống nhất phức: một khi đã hiện diện, chúng không thể hủy bỏ đi đâu được. Văn hóa là lĩnh vực của cái không thể xóa bỏ và trong những tế bào nhỏ nhất nó vẫn lưu giữ ký ức về quá khứ của mình. Cái "biến mất" trong nó thực ra chỉ đơn giản là khoác một hình thức khác. Và bên trong ẩn dụ ngôn ngữ học đột nhiên thấy lộ ra những dấu vết sống động của ẩn dụ cơ học và sinh học có từ trước, chúng sống hòa thuận với nhau, hơn thế, chúng mang lại kết quả trong nhận thức. Thí dụ, chính các nhà cấu trúc luận đã nói về "những cơ chế tạo sinh"(!) của các văn bản: sự dính kết tuyệt đẹp của ẩn dụ cơ học và sinh học, mà lại trên trường ngôn ngữ! Còn bản thân "trường ngôn ngữ": trong khái niệm này rõ ràng có sự so sánh với trường vật lý - đồng thời ký ức về trường "thực" đầy cỏ hoa (chữ "trường" trong tiếng Nga pole , tiếng Anh field , tiếng Pháp champ đều có nghĩa đen là chỉ cánh đồng - ND), dù không lộ ra, nhưng vẫn được giữ lại, tạo nên hình thức chung.

Các thành tạo ý nghĩa như vậy nảy sinh như thế nào? Khi một ẩn dụ lớn làm xong phận sự của mình trong văn hóa, mang lại nhiều kết quả, nó hòa tan vào bản chất của nền văn hóa đó - và có thể kết đọng lại trên mình những ẩn dụ khác, bởi vì bản thân nó dường như đã thôi là ẩn dụ. Nó bắt đầu được nghiệm như điều hiển nhiên, như cấu trúc của chính

hiện thực. Đó là một trong những cội nguồn sức mạnh tác động của nó.

Vậy là: ngay khi tư tưởng ngôn ngữ được truyền sang văn hóa thì ý nghĩa của những khái niệm vốn trước đây thuần túy mang tính chất ngôn ngữ học lập tức được mở rộng, được chứa thêm những nghĩa mới. Giờ đây chúng có tham vọng vươn tới những vị trí dẫn đầu trong tư duy văn hóa.

Một trong những khái niệm chủ chốt như thế của trào lưu tư tưởng mới nhất - rộng hơn, của văn hóa nhân văn nói chung- là khái niệm văn bản. Bây giờ nó bắt đầu được diễn dịch hết sức rộng: như một tổ hợp gắn kết các ký hiệu. Điều đó có nghĩa cho phép nói được về cả những văn bản phi ngôn từ. Hóa ra có thể đọc được văn bản của đường phố - với tất cả những gì có mặt và diễn ra trên nó; văn bản của cả một thành phố, trong đó kiến trúc của các tòa nhà, cấu trúc của không gian mang nghĩa của những thông báo hàm súc, nhiều lớp. Cả cách trang phục, cả bữa ăn với những dụng cụ dùng để ăn, cả hệ thống những cử chỉ và vị trí của cơ thể đều chứa đầy những ký hiệu liên quan với nhau: nghĩa vượt ra ngoài phạm vi ngôn từ (nó đã bị chật chội trong giới hạn ngôn từ suốt cả thời cận đại) và khát khao lao đi chinh phục, cư trú và biến đổi không gian phi ngôn từ.

Người ta đã nói (chẳng hạn nhà triết học V.Rudnev trong cuốn "Hình thái học hiện thực") về khả năng hiểu toàn bộ hiện thực nói chung như là văn bản: hiện thực - là văn bản "được viết bởi Chúa", trong khi các văn bản theo nghĩa hẹp của từ - đó là những hiện thực được tạo bởi con người. (Cách hình dung này, lẽ dĩ nhiên, có thể nảy sinh chỉ trong nền văn hóa với quá khứ cơ đốc giáo và với kết cấu khái niệm tương ứng: quan niệm thế giới như Thánh Thư là vốn có từ thời trung đại cơ đốc giáo. Đây còn là ký ức, ở biến thể đã mờ nhạt, về con người như hình mẫu Chúa Trời có tiềm năng tạo hóa).

Khái niệm hệ hình rất có uy tín. Thuật ngữ này nhà phương pháp luận khoa học Mỹ Thomas Kun mượn từ ngữ pháp (ở đây nó biểu thị tổ hợp các yếu tố tạo thành một quy tắc thống nhất: chẳng hạn, các tận cùng nhân xưng của động từ khi chia) và ông dùng nó để gọi sự nghiên cứu khoa học cổ điển mà giới khoa học lấy làm hình mẫu và cơ sở của truyền thống khoa học. Từ tay ông, lĩnh vực sử dụng thuật ngữ đã mở rộng gần như thành lời nói thông thường.

Trước đây người ta nói về các phong cách văn học hay nghệ thuật; bây giờ từ "phong cách" nói chung được hiểu là kiểu tổ chức hoàn chỉnh một loại hoạt động nào đấy. Do đó là có thể và trở nên phổ biến, việc nói về phong cách tư duy chẳng hạn, kể cả tư duy khoa học, thậm

chí nói về phong cách sống nói chung - đồng thời không phải là ở mức độ tán gẫu tầm phào, mà chính là phân tích nó một cách khoa học, nghiêm túc hẳn hoi: những thao tác phân tích như thế đã được hình thành.

Còn khái niệm đối thoại vốn có lúc chỉ thuộc về hành vi nói năng thì sao? Thế kỷ XX có thể thấy ở nó một nguyên lý nền tảng cho quan hệ của con người với những người khác, với thế giới và với Thượng Đế. (Theo cách nhìn này, con người cũng được đọc như một thứ "văn bản", ngôn từ, thông báo: bằng tất cả những gì có trong nó, nó - được định hướng, được gửi đi - đáp lại cái gửi tới cho nó. Toàn bộ cuộc sống biến thành lời nói có định hướng). Vô số các quan niệm triết học "đối thoại" (M.M.Bakhtin , M.Buber , F.Rozenshtok -Hussy ...) và mức độ ảnh hưởng của nó hoàn toàn không thể là chuyện ngẫu nhiên. Rõ ràng, thời hậu truyền thống, khi các mối quan hệ và liên hệ của mọi người với nhau và với Thượng Đế đã thôi là chuyện tất nhiên mà bắt đầu được nhận biết, đã tạo ra nhu cầu về cách hiểu như thế. Dù là dưới dạng chuyện trò về sự thiếu hụt, vắng thiếu, vô khả năng của chúng.

Và cuối cùng: chúng ta bây giờ sẽ không thấy được tất cả những điều đó hoặc có thể thấy bằng cặp mắt hoàn toàn khác, nếu như thế kỷ XX không đưa lại những ý nghĩa mới cho khái niệm ẩn dụ. Để giờ đây chúng ta có thể lấy nó làm chiếc chìa khóa tìm hiểu lịch sử trí tuệ châu Âu, thì chính ngay trong lịch sử đó đã phải có quan niệm về ẩn dụ như một phương tiện nhận thức. Từng đã có lúc người ta chỉ thấy nó là một cách thức tu từ. Thế rồi đột nhiên từ cuối thế kỷ trước - càng lùi xa càng mạnh - người ta nhận thấy nó trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người: trong huyền thoại, âm nhạc, triết học, các hệ tư tưởng, các quan niệm thường ngày... Thậm chí - nói ra thật khủng khiếp! - trong khoa học, thành trì của tính chính xác này! Thậm chí trong toán học! Hóa ra: cơ chế tạo nghĩa này là một trong những cơ chế phổ quát. (Chẳng hạn, người ta đã biết được rằng nguồn gốc của các thuật ngữ khoa học chính là như thế: trường, lực, hạt, sóng, mũi tên thời gian, sức căng, sức hút, cấu trúc hành tinh của nguyên tử...). Văn hóa, thông qua ngôn từ ẩn dụ - và sự tạo nghĩa, thấm vào cả khoa học, cả các lĩnh vực khác của mình bằng cách quy định chúng ở cấp độ cấu trúc vi mô của nghĩa, ngay cả khi một số lĩnh vực của nó - thí dụ, khoa học - muốn biệt lập tối đa khỏi nó và muốn đạt tới những kết quả mang ý nghĩa chung, độc lập về mặt văn hóa. Nó quy định tính chất của cả chính sự mong muốn đó. Các ẩn dụ - "khối đông kết" của văn hóa, chữ tượng hình của nó.

Ngoại đề 2- về tính chính xác của sự không chính xác và các ý nghĩa của

nó

Tất nhiên, trong thái độ nghiên cứu đối với ẩn dụ có mặt phương châm tiêu biểu của tư duy châu Âu thời mới: tìm cách phát hiện, bóc trần cái mù mờ, ẩn giấu nằm trong cái rõ ràng. Phương châm này xuất phát từ quan niệm cho rằng con người không hiểu được chính mình, rằng các motiv xui khiến nó hành động bị che đậy khỏi nó. Chính điều đó đã cho phép những thế lực bên ngoài điều khiển nó. Toàn bộ thế kỷ XX trôi qua dưới dấu hiệu của sự bóc trần các thuyết nhân hình mù mờ và các tính chế ước trong các thành tạo trí tuệ và văn hóa hết sức khác nhau (những khuynh hướng chính của nó đã được Marx , Nietzsche và Freud chỉ ra). Ngôn ngữ chính là đã cung cấp chất liệu phong phú nhất cho việc này. Người ta thấy ở ngôn ngữ, đặc biệt ở ẩn dụ, một trong những cơ chế tác động của thiên giới đối với con người, quyền lực của thiên giới đối với con người.

Con người châu Âu đã bao lâu nay tìm kiếm xem bản thân nó, con người thực của nó, nằm ở đâu dưới lớp phủ của tất cả các sự chế ước, điều này rốt cuộc nó càng đánh mất mình hơn. Nó từ bỏ khỏi mình các bộ phận khác nhau, coi chúng là nguồn gốc của quyền lực và bó buộc, kết quả là nó làm cho chính mình ngày càng bị giảm thiểu.

Nhưng vốn dĩ sự phát triển của châu Âu còn có thể nhìn theo một cách như thế này. Việc khám phá ra ẩn dụ như một phương tiện nhận thức và ngôn ngữ như một thế giới đặc biệt nói chung - đó là kết quả của sự nhận thức ngày càng rõ về tính ước lệ, tính thiếu chính xác, tính không đầy đủ trong sự mô tả thế giới của con người. Sự phát triển của văn hóa, ít nhất là trong biến thể châu Âu, - đó là việc ngày càng gia tăng độ chính xác của tính không chính xác này, của các hình thức, nguyên nhân của nó. Là ngày càng vạch rõ hơn giới hạn của sự không trùng khít tất yếu của chúng ta với thế giới để từ đó chúng ta thường xuyên khát khao vươn tới thế giới. Nhưng đó chưa phải là tất cả. Đến thế kỷ XX chúng ta dường như còn vươn lên hiểu được rằng sự đứt đoạn trong tính tất yếu đó của nó không chỉ là bi thảm, mà còn là bổ ích. Trong khoảng không đứt đoạn giữa mình và thế giới, từ những khát vọng thường xuyên muốn vượt qua nó, con người đã tạo ra một thế giới riêng của mình: thế giới của văn hóa, thế giới của ngôn ngữ, thế giới của tất cả những cái nảy sinh theo ý muốn con người và các quy luật của Đại Thế Giới chỉ được phép xuất hiện thôi chứ hoàn toàn không phải do yêu cầu hoặc bị bắt buộc. Đó là thế giới của tự do.

Tại nơi chúng ta thấy ra sự chế ước của mình, chúng ta sẽ có được tự do.

Cuộc sống mới của các khoa học cũ

Giờ đây ngôn ngữ học đối với nhiều khoa học không chỉ là nguồn xuất các thuật ngữ, mà nó còn có thể (giống như cơ học mấy thế kỷ trước đây) tham vọng đóng vai trò một thứ khuôn mẫu, cội nguồn cung cấp các mô hình cho chúng. Đã xuất hiện khả năng có những cách nhìn "ngôn ngữ học" về những đối tượng của những bộ môn vốn trước đây rất xa ngôn ngữ, thậm chí của chính ngay lý luận nhận thức. Có được tính chính xác, chặt chẽ nhờ cách nhìn mới về đối tượng riêng của mình (ngôn ngữ), ngôn ngữ học đã có thể hợp tác với lôgich học và toán học. Từ liên minh này đã ra đời ngôn ngữ học toán và ngôn ngữ học cấu trúc. Giữa khoảng giáp ranh của triết học, lôgich học và ngôn ngữ học đã hình thành một lĩnh vực nghiên cứu mới: mô hình hóa lôgich -triết học hoạt động ngôn ngữ, nó rất giúp ích cho việc nghiên cứu trí tuệ nhân tạo. Sự quan tâm đến các ngôn ngữ hình thức hóa đã sinh ra những lý thuyết thông tin khác nhau. Từ đó chỉ một bước rất gần là đi đến điều khiển học như một lĩnh vực tri thức đặc biệt và, cuối cùng, đến nền văn minh kiểu mới: văn minh tin học, hoặc là văn minh hậu công nghiệp.

Nghiên cứu văn học cũng nhìn đối tượng của mình theo cách mới. Nhờ sự gần gụi tự nhiên của nó đối với ngôn ngữ, văn học là một trong những lĩnh vực đầu tiên con người nhận thấy những sự tương đồng cấu trúc với ngôn ngữ. Công lao này trước hết thuộc về các nhà hình thức luận Nga và các nhà tượng trưng những năm hai mươi thế kỷ chúng ta (A.Belyi , Yu .N.Tynyanov , B.V.Tomashevski , B.M. Eikhenbaum). Thế kỷ XX đã phát triển và củng cố cách đọc văn học như thế.

"Văn học và ngôn ngữ đang kết hợp lại với nhau", - mấy chục năm sau Roland Barthes viết, đáng chú ý ông vừa là nhà triết học vừa là nhà nghiên cứu văn học. Ông nói thẳng ra rằng "cấu trúc ngôn ngữ (đối tượng của ngôn ngữ học) được tái hiện... trong cấu trúc của các tác phẩm văn học; ngôn bản (discours) không đơn giản gồm các câu ghép lại, chính nó, có thể nói, là một câu lớn".

Đi kèm điều đó là sự phát hiện tiềm năng triết học của văn học - hiểu như là "hiện tượng của ngôn ngữ, chứ không phải của tư tưởng" (V.V. Nabokov).

Các mô hình "ngôn ngữ" đã thống nhất các nghiên cứu trong xã hội học và văn hóa học, nhân chủng học và dân tộc học, những ngành bắt đầu có sự nghiên cứu cấu trúc của các hình thức văn hóa rất khác nhau: huyền thoại, tôn giáo, folklore , các tập quán đời sống... Trong ngành nghệ thuật học những năm sáu mươi phổ biến việc chỉ ra các cấu trúc bất biến trong các nghệ thuật khác nhau và kiểu nói theo nghĩa này về

"ngôn ngữ" của điện ảnh, balê , kiến trúc, hội họa, kịch... ảnh hưởng của các mô hình "ngôn ngữ" thấm cả vào tâm lý học và tâm thần học, làm xuất hiện phân tâm học cấu trúc của Jacques Lacan - chính ông đã nhìn thấy cấu trúc của vô thức tương tự ngôn ngữ. Vả chăng, ngay Freud đã nói về ý nghĩa đặc biệt của ngôn ngữ đối với việc xác định vô thức và các sản phẩm của nó.

Trực giác về tính hệ thống và tính cấu trúc của các hiện tượng khác nhau là nguồn gốc tạo ra lý thuyết hệ thống, lý thuyết của các nghiên cứu hệ thống-cấu trúc nói chung với tất cả sự đa dạng của chúng mà một bộ phận quan trọng trong đó (hãy nhớ lại sự bành trướng của ký hiệu!) là khoa học về các khoa học, ký hiệu học. Chính ảnh hưởng của nó là nguyên nhân sự phát triển, từ những năm sáu mươi, của các nghiên cứu liên ngành (chúng là nét tiêu biểu của đời sống khoa học châu Âu thế kỷ XX). Các bộ môn khác nhau giờ đây có khả năng hợp đồng với nhau dựa trên cơ sở tất cả chúng đều làm việc với các hệ thống ký hiệu. Ký hiệu học thu hút sinh học và sinh lý học vào trường khoa học nhân văn chung. Việc nghiên cứu sự phi đối xứng chức năng của các bán cầu não đã sinh ra bộ môn ký hiệu học nơron . Yu . M. Lotman về sau đã tìm cách dùng các thuật ngữ của nó để nói về toàn bộ chỉnh thể văn hóa.

Như vậy ngôn ngữ, khi trở thành đối tượng chú ý ưu tiên, đã được hiểu như là trường hợp riêng của các ngôn ngữ nói chung.

Tình trạng triết học

Hệ quả các quan hệ của triết học với ngôn ngữ đáng phải được bàn riêng ra. Do các quan hệ này mà diện mạo của nó đã rất thay đổi.

Trước hết, đã thay đổi ranh giới giữa triết học và các hình thức - hoàn toàn không chỉ là các hình thức khoa học - diễn dịch hiện thực khác. Triết lý đã thâm nhập, dính kết không chỉ, chẳng hạn, với nghiên cứu văn học, mà cả với phê bình nghệ thuật. Bắt đầu có sự khám phá và chiếm lĩnh về mặt triết học đối với những hiện thực mà do tính chất (dường như) phi ngôn ngữ của mình trước thế kỷ XX chúng hầu như không được nền văn hóa "lấy văn học làm trung tâm" của châu Âu nhận thấy: thể xác và tính nhục thể, các thực tế khác nhau, trong đó có thực tế của những hành động thường ngày, các cách truyền thông tin bằng hình thức thị giác - hội họa, nhiếp ảnh, trò diễn... Tất cả những cái đó có khả năng thực hiện được chỉ khi người ta nhìn chúng như một thứ ngôn ngữ: với những ý nghĩa riêng của mình, không nhại lại và minh họa cho các ý nghĩa của ngôn ngữ "bằng lời".

Khi mà ngôn ngữ chưa trở thành một hiện thực đặc biệt, nó thường bị đồng nhất với chính hiện thực, trùng nhập với nó. Nhưng ngay khi những ranh giới riêng của nó được vạch rõ thì mới hay có tồn tại những đối tượng của con người không trùng với ngôn ngữ. Nghĩa là đối với chúng phải có những cách hiểu riêng biệt, mới mẻ.

Nghịch lý không thể xóa bỏ của tình trạng, thật ra, là ở chỗ buộc phải nói về các đối tượng chú ý mới, phi ngôn từ bằng chính ngôn ngữ có lời, ngôn ngữ này không thể thoát đi đâu khỏi ước định của mình trong cuộc sống con người. Vì thế các cấu trúc ngôn ngữ (việc chúng "thực ra" có ở đấy không, đó còn là vấn đề) tất yếu phải được gán cho các đối tượng mới, chỉ với điều là có thể ít lộ liễu và trực tuyến hơn từ trước đến nay vẫn diễn ra. Ngôn ngữ, sau khi bứt khỏi phạm vi của mình, đã bắt không gian phi ngôn ngữ phụ thuộc vào mình - và không phải ngẫu nhiên điều đó lại xảy ra chính vào lúc nó được ý thức như một hiện thực đặc biệt.

Nhà triết học Martin Heidegger , có lẽ, là người đầu tiên đã nói nghiêm túc về chuyện cần nên thấy ở ngôn ngữ một cái gì đó lớn hơn là đối tượng của sự phân tích ngôn ngữ học. Theo Heidegger , ngôn ngữ là ngôi nhà của Tồn Tại, được xuyên thấu bởi cấu trúc của nó; qua nó bản thân tồn tại được nhận thức. Cả Freud cũng nói điều tương tự khi ông coi ngôn ngữ là một trong những điều kiện khởi thủy của kinh nghiệm con người. Có thể nghĩ rằng ở đây hai nhà tư tưởng rất khác nhau và rất có ảnh hưởng trong thế kỷ XX này nói về những trực giác chung của thời đại: người ta bắt đầu thấy ra ở ngôn ngữ những cơ chế chính hình thành kinh nghiệm, những sơ đồ phát xuất sự định hướng của con người trong thế giới, chúng có trước các khái niệm, đúng hơn chúng là các phản xạ. Dường như dựa vào ngôn ngữ, có thể bước ra ngoài giới hạn của chính tư duy.

Các nhà tư tưởng châu Âu thế kỷ XX hướng đến ngôn ngữ để tìm kiếm các cấu trúc tiên nghiệm: ban đầu là nhận thức, sau đó sâu hơn - thực tại, tồn tại. Họ muốn thâm nhập sâu hơn kinh nghiệm, đến cái có trước nó và quy định nó theo cách nào đấy. "Vô thức" của Freud và "thế giới sống" của Husserl không phải là chuyện ngẫu nhiên - đó là những ma trận tạo sinh rất uy tín của các quan niệm triết học của thế kỷ, chúng quy định về nhiều mặt các lực hút trong trường trí tuệ. Việc phát hiện ra các lĩnh vực khác nhau của cái không thể điều khiển được (trong đó có ngôn ngữ), tất nhiên, là mặt trái của khát vọng muốn điều khiển toàn bộ của nền văn minh công nghệ, nhưng nó còn có ý nghĩa sâu hơn nhiều. Đi vào sau ý muốn dai dẳng đó, lần mò tới tận cội nguồn riêng qua nhiều lớp nhiều tầng của cái "không đích thực" có thể thấy ra sự mất mát đức

tin khởi thủy vào Tồn Tại và vào chính mình. Rõ ràng, ở đây vấn đề là ở tình trạng hậu tôn giáo của văn hóa và của con người trong đó.

Các nguồn gốc số phận: lời và Lời.

Tất cả những điều mô tả ở đây sở dĩ có thể được là nhờ một cách hiểu rất xa xưa về ngôn ngữ như là sự thể hiện "tổ chức trật tự" (Pascal) của tư duy con người mà truyền thống châu Âu lâu nay vẫn đồng nhất với bản chất con người. Đấy là sự đẩy tới một số giới hạn các đặc điểm và xu hướng cơ bản của châu Âu Thời Mới. Nhưng thậm chí không chỉ có thế.

Trong suốt thế kỷ chúng ta, huyền thoại ngôn ngữ - một huyền thoại có từ rất xa xưa, thuộc số các huyền thoại khởi thủy - đã được phát triển lên, tô rõ hơn. Đó là quan niệm (trực giác thì đúng hơn) cho rằng ngôn ngữ là một cái rất cơ bản và tiêu biểu đối với bản chất con người, rằng việc hiểu được đặc điểm, cấu tạo, nguồn gốc của nó có thể giúp giải quyết dù chỉ là một số vấn đề gốc rễ của con người. Chẳng hạn, tách các chuyện thật ra khỏi các chuyện giả, các vấn đề đáng suy xét khỏi các vấn đề không đáng suy xét (Vitgenshtain). Hoặc giả sử, thấy được cơ cấu điển hình, đặc thù của tất cả công việc của con người, bởi vì ngôn ngữ - dường như là tinh hoa của chúng. Từ trực giác văn hóa chung đó đã nảy sinh nhiều quan niệm nhận thức rất khác nhau, đến mức đối lập nhau.

Bản thân nó, huyền thoại ngôn ngữ thuộc về những nền tảng gốc rễ của văn hóa cơ đốc giáo châu Âu.

Sự chú ý cao độ đến ngôn ngữ con người, hiển nhiên, gắn với người bạn đường của tình trạng văn hóa hậu cơ đốc giáo - nỗi lo âu hiện sinh tiêu biểu cho thế kỷ XX .

Mặt khác, sự chú ý đó sở dĩ có là nhờ việc nền văn minh châu Âu bám rễ vào truyền thống do thái cơ đốc giáo với các quan niệm của nó về Lời sáng tạo của Chúa - nguyên mẫu của lời con người. Ký ức về nó không bao giờ có thể biến mất hoàn toàn, bởi vì nó nằm ngay trong chính cấu trúc của quan niệm về lời. Nó được tồn giữ thậm chí cả ở bên trong các phương châm vô thần học (mà sâu hơn chúng rất nhiều) và tất yếu tác động đến các ý nghĩa được gán cho lời (viết thường).

Theo mức độ cảm quan về quyền lực đối với con người của Lời Thần Thánh, của sự có mặt trong đời sống của nó, bớt mạnh đi, bớt vô điều kiện đi, "trọng tâm" dần dần chuyển về phía lời con người. Lời này

bắt đầu mang chứa những ý nghĩa mà trước nó vốn không có, thậm chí có thể nói là dư thừa. Đồng thời đó hoàn toàn không phụ thuộc vào tính tôn giáo cá nhân của những con người cụ thể sống trong nền văn hóa đó, nó có thể là rất cao. Vấn đề là ở sự tự cảm chung của văn hóa, ở các xu hướng bề sâu của nó. Còn việc đám đông làm mất giá lời chỉ là cực khác của quá trình này, quá trình mà những người nhạy cảm và sâu sắc nhất cùng ở nền văn hóa đó trải nghiệm một cách hoàn toàn khác.

Chính trong tình trạng như thế Heidegger đã cảm thấy có khả năng và cần thiết phải gọi ngôn ngữ là giọng nói chân lý của chính Tồn Tại, là Ngôi Nhà của nó phải chú ý lắng nghe để nghe thấy tự thân chân lý.

Vậy là vấn đề ở đây không phải nằm ở các ẩn dụ đang thống trị, nó là triệu chứng. Một số ẩn dụ này nhường chỗ cho số khác bởi vì chúng đã thôi phù hợp với sự tự cảm của thời đại.

Con người châu Âu bèn đi tìm điểm tựa mới trong lời khi nó bắt đầu thôi tìm thấy nó trong Lời. Chúng ta vấp phải một tình trạng nghịch lý, phức tạp: các từ và nghĩa có nguồn gốc và bản chất cơ đốc giáo sinh sống và hoạt động trong thế giới hậu cơ đốc giáo, hình thành nên thế giới đó, trong khi phải chịu những biến thái tất yếu xảy đến mà kết quả là chúng trở nên khó nhận ra - có thể là ngày càng khó hơn. Nhưng từ đó chúng vẫn không thôi là chính mình: "ký ức văn hóa" là một vật thực tế không thể hủy diệt được.

"Phát hiện" ra ngôn ngữ với tư cách một hiện thực độc lập - đó thực chất không hẳn phải là phát hiện, mà chính là sự nhớ lại. Bởi lời đã từng là một hiện thực độc lập và có quy chế bản thể luận, mà điều đó thậm chí diễn ra sớm hơn đạo cơ đốc rất nhiều: trong ma thuật, rộng hơn, nói chung trong các nền văn hóa ma thuật. Cảm giác về tính hiện thực và quyền lực của lời đối với con người, thực ra, đã có từ lúc khởi đầu. Ký ức về điều đó được lưu giữ vĩnh viễn, chỉ có điều nó bị che át đi trong các thời đại văn hóa nhất định. Thời gian đã đến và nó đã quay lại. Thật ra, hoàn toàn dưới một diện mạo khác, vì thế dễ nhầm tưởng nó là một cái gì đó hoàn toàn khác.

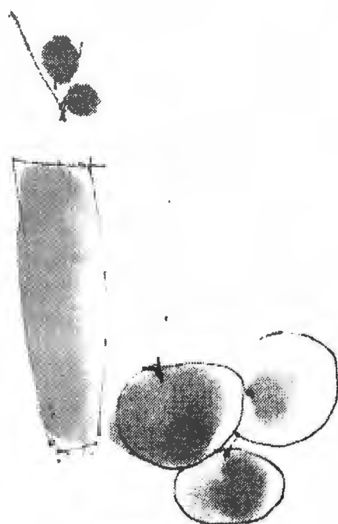
Cần phải thấy việc giải thiêng hiện thực là một, ít nhất là một, trong các nguyên nhân của chuyện đó.

Trong bản chất con người có nhu cầu cái thiêng: nhu cầu được trải nghiệm những vật về mặt bản thể luận vượt trội hơn bản thân nó và do đó biện giải và xác định sự tồn tại riêng của nó. Nguồn gốc như thế của các giá trị và những sự biện giải - nguồn gốc thật sự đáng tin cậy - chỉ có thể là cái vượt hơn chúng ta ở một mức độ lớn. Nếu như con người

không tìm thấy các đối tượng cho phép nó trải nghiệm đầy đủ kinh nghiệm cái thiêng, phóng chiếu lên chúng những quan niệm tương ứng, nó sẽ bắt đầu cấu trúc những sự thay thế chúng. Một số cái xấu đã được cấu trúc lại. (Toàn bộ Thời Mới ở châu Âu, nhất là thế kỷ XX , đầy những nỗ lực cấu trúc như vậy). Những cấu trúc đó xét đến cùng không bao giờ đồng bộ với độ tin cậy khá đủ. Cái thiêng vẫn là cái thiêng, nó không phải được cấu trúc, mà được đem cho, được ban tặng. Việc hiểu ra điều đó đã dẫn tới những sự tìm tòi cái tiên nghiệm, cái vượt trội kinh nghiệm và xác định nó một cách tin cậy.

Thí dụ, ngôn ngữ.

NGÂN XUYÊN *dịch*
theo nguyên bản tiếng Nga
tạp chí Znanie -Sila *(11-12/1998)*





NGUYỄN QUỐC TRỤ
W. G. Sebald .

Gửi NBD.

1. Vĩnh biệt W. G. Sebald .

W. G. Sebald , tiểu thuyết gia, nhà phê bình văn học Đức, đã mất, hưởng dương 57 tuổi, theo tin tờ New York Times trên lưới số đề ngày 15 tháng Chạp, 2001.
Ông đưa cô con gái Anna về nhà (Norwich , Anh quốc); trên đường, lạc tay lái, chắc là do một cơn đau tim, và đâm vào xe tải, theo Andrew Wylie , nhân viên lo việc xuất bản của ông. Có lẽ ông đi liền, khi tai nạn xảy ra, còn cô con gái bị thương nặng. Wylie nói thêm, cái chết của Sebald là "không thể nói được" - và là hơi thở hắt sau cùng của một năm xấu.
"Không thể nói được" (unspeakable), một "thuật ngữ" thường được dùng để chỉ những điều ghê gớm tởm lợm của chủ nghĩa Nazi và cực điểm của nó là Lò Thiêu Người. Sebald được coi là nhà văn của mọi

nỗi bi thương và bao điều tưởng niệm, về cái gọi là "không thể nói được".
Sau đây là một số nhận xét về Sebald của những đồng nghiệp của ông, trên toàn thế giới.
Nhà thơ, tiểu luận gia, tiểu thuyết gia; những hình ảnh mãnh liệt của ông chiếu rọi vào cái thế giới đương thời, với những nhân vật không làm sao thoát ra khỏi cái bóng ma Đệ Nhị Chiến và Lò Thiêu. Những gì ông viết ra, động cơ khiến ông viết, người đọc có thể lần theo đó, tới tận thời thơ ấu của ông: Đức quốc thời hậu chiến, một nơi chốn với những sự thực chẳng thú vị gì được khỏa lấp, hay tốt hơn hết, đừng thèm để ý tới.
Khắc khoải, liều lĩnh, cùng cực, câm nghẹn... những tính từ chỏi nhau như thế, sau khi được gột sạch những rác rưởi, chỉ khi đó, mới tiếp cận được cái thế giới đậm đặc luôn giãy giụa của Sebald ; James Wood viết trên tờ The New Republic . "Người Đức sống ở Anh trên 30 năm này, là một trong những nhà văn Âu Châu đương thời đã đạt tới đỉnh của sự thăng hoa, và đây đúng là một điều thật kỳ bí."
Nhân vật chính của ông, hay là cái phần tử chung (common element) của thời đại chúng ta: một người kể chuyện lang thang. Tác phẩm của ông, một thứ vữa đặc biệt, được trộn bằng giả tưởng, hồi ức và lịch sử. Ông thật sự lo lắng, về điều gọi là bản chất của hồi ức: liệu quá khứ còn hay mất?
Lẽ dĩ nhiên ông có những tiền thân – những người đi trước – nhưng hiện nay, chẳng có một người nào viết như ông, kẻ gom góp những mảnh vụn của Âu Châu.
"Lịch sử là một cơn ác mộng, ở trong đó, những nhân vật của Sebald và những cuốn sách của ông - như một toàn thể - cố gắng thức dậy."
Khi "Di dân" (The Emigrants), cuốn tiểu thuyết đầu tiên của ông được dịch ra tiếng Anh và được xuất bản tại Mỹ (1996), ông được đón chào như là một nhà văn của nhà văn (a writer 's writer). Susan Sontag , nữ văn sĩ Mỹ, coi đây là một "kiệt tác làm [người đọc] ngỡ ngàng", rằng "nó có vẻ tuyệt hảo vậy mà lại không giống như bất cứ một cuốn sách nào [bà đã] từng đọc".
"Di dân" là câu chuyện về hai người Do Thái thoát khỏi Lò Thiêu. Cuốn tiếp theo, "The Rings of Saturn " (1998), một pha trộn (hybrid) giữa tiểu sử và du ký, và đây là câu chuyện của một du khách lạc vào thế giới hồn ma bóng quế được "đặt để" ở miền đông nam nước Anh. Robert Silman của tờ New York Times , coi đây là một cuộc lữ xuyên qua không gian và thời gian, "xóa sạch thời gian và thách đố tỉ giảo". Richard Holmes , một tiểu sử gia cùng sống tại Norwich và là tác giả

cuốn "Những Bước Chân", cũng một pha trộn giữa tiểu sử và du ký, đã nhận xét về "The Rings of Saturn ": một cuốn sách trí tuệ (brillant), rất, rất uyên nguyên (original), với chất tếu (humor) tỉnh bơ và những pha đổi tông (shifts) tuyệt vời; phải nói là huyền ảo.
Sau thành công của hai cuốn trên, "Vertigo ", bản tiếng Anh của cuốn tiểu thuyết đầu tiên của ông (tiếng Đức, 1990) được xuất bản tiếp theo đó. Chỉ nội bốn cuốn đã đủ để xác định ngôi đền của ông, trong điện chư thần văn học (chữ của Mel Gussow , NY Times).
Cuốn tiểu thuyết sau cùng của ông "Austerlitz ", được ban biên tập tờ điểm sách NY Times coi là một trong 9 cuốn hay nhất trong năm 2001. Đây là câu chuyện một người sống sót Lò Thiêu truy tìm căn cước cha mẹ. Trong bài điểm sách trên tờ NY Times , Michiko Kakutani cho rằng, [như một con thuyền ma], cuốn truyện chuyển độc giả của nó vào không gian hồi ức, cõi mù sương, với những hình ảnh - nửa là nhớ lại, nửa là mù khơi - và những hồn ma; nó làm người ta nhớ liền tới "Những trái dâu dại" của Ingmar Bergman , những chuyện ngụ ngôn [làm cho người ta sống dở chết dở khi phải đụng đầu với ý niệm] về tội lỗi và thân phận quít làm cam chịu, tức phận người, của Kafka , và lẽ dĩ nhiên, nó còn làm độc giả nhớ tới Proust , với tuyệt tác "Đi tìm thời đã mất". Với Sebald , mọi so sánh như trên đều là thiết yếu.
Sebald viết, bằng cách pha trộn hồi ức, tiểu thuyết, tiểu luận và luôn cả những hình ảnh. Không giống như một sử gia, tới thư viện với một chương trình tìm tòi, nghiên cứu, ông tới đó, như bất thần bị xô đẩy. "Tôi thật khó mà chịu nổi chuyện, miệt mài hai năm trời, thí dụ vậy, ở Thư khố Chiến tranh ở Munich ", ông nói. "Thế là tôi chạy vội vô, ngồi chừng một, hay hai tuần lễ, nhặt nhạnh, theo kiểu của một người không thể nấn ná, một người rời căn nhà đang phát hỏa, và chuyện cháy nhà là tình cờ".
Người đọc rút ra được gì, từ những cuốn tiểu thuyết của Sebald , tất cả những nhân vật đều có vẻ như lấy ra từ tác giả: khật khừ, bi thương, bịnh hoạn? Arthur Lubow , biên tập viên NY Times , tự hỏi, từ Norwick , Anh Quốc, nơi Sebald vừa vĩnh viễn từ bỏ. Và theo Lubow , điều này càng biểu hiện (apparent), ở trong cuốn tiểu thuyết cuối cùng của ông, Austerlitz , câu chuyện một người sống sót Lò Thiêu đi tìm căn cước bố mẹ, một cuốn sách mà trong đó, nhân vật có tên là tựa đề cuốn sách, và người kể chuyện tráo đi tráo lại giọng điệu, định kiến, cũng như những điều mà cả hai cùng quan tâm. Theo Lubow , thật khó mà tách rời tác giả ra khỏi những nhân vật của ông.
Và vẫn chính ông, đã thở ra một cách nhẹ nhõm, khi gặp gỡ tác giả, và nhận ra rằng, Sebald ở ngoài đời, một giáo sư giảng dậy môn văn

chương tại Đại học East Anglia , ở thành phố có ngôi nhà thờ cổ này, thật khác xa một con người tang tóc thê lương: Tức cười, ưa bắt chuyện, nhưng chắc chắn một điều, vừa có dịp là ông nói về những người đã chết, và ông không nói bằng một giọng thê lương. Điều ngạc nhiên hơn nữa, mặc dù những điều thê lương, những hồn ma làm đầy những trang viết, nhưng đó là những cuốn tiểu thuyết thật dễ đọc, với một thông điệp thật rõ ràng: nối vòng tay lớn, không phải chỉ giữa những người sống mà còn luôn cả với những hồn ma. Bởi vì, như nhân vật Austerlitz trong cuốn tiểu thuyết cùng tên, nhận xét: biên giới giữa sống và chết không rạch ròi như người ta tưởng.

2. Làm sao mà thế giới của chúng ta lại u ám đến như vậy?

Benjamin Markovits , trên tờ Điểm sách Luân Đôn, số đề ngày 18 tháng Mười 2001, đã tự hỏi như trên, khi đọc Austerlitz của Sebald .Trích dẫn [nhà thơ Anh] Philip Larkin - đã có lần tự hỏi, sự tình sẽ ra sao, nếu như người yêu của ông bước vô cái sọ của mình: "Nàng sẽ ôm chặt hai tai, chống lại cuộc trình diễn thơ bất tận/ réo rắt theo dòng đời, hết thất ngôn lại lục bát, rồi tự do..." - ông cho rằng, bước vào trong cái đầu (hay thế giới giả tưởng, tức những cuốn tiểu thuyết của) Sebald , phản ứng cũng y hệt như vậy, và người đọc thở phào, khi bước ra ngoài. Bên trong, là một thứ ánh sáng nhức nhối, những chiếc ghế cứng nhắc, căn phòng lạnh, và mặc dù được bầy biện thật đẹp, đầy bụi. Và luôn luôn, từ chiếc đài (la-dô), là buổi trình diễn bực bội đó. Sebald đã có lần cho biết, ông không chọn lựa, mô tả điều ghê gớm tởm lợm, nhưng giả dụ, rằng nó - điều ghê gớm tởm lợm - "cho biết" tất cả những gì ông suy nghĩ và viết (that it informs everything he thinks and writes). Theo nghĩa đó, Austerlitz "được biết" bằng những nỗi thê lương "ruột" (favorite) của tác giả: ở trong đó, là thiên nhiên - đúng ra là một thiên nhiên đã biến chất, đã không còn là thiên nhiên nữa - tức cuộc sống của một di dân; những dấu vết thời gian chà đi xát lại, và hậu quả của nó lên nhân vật chính; anh ta ngày một trơ ra, hết còn mẫn cảm; sự độc ác của lịch sử; đặc biệt, của thời kỳ Đức Quốc Xã. Trước những điều ghê gớm như vậy, nhà thơ Auden viết, ngọn lửa

nghệ thuật sáng lên ("nghệ thuật chỉ cho chúng ta thấy ngọn lửa xác quyết, khẳng định, và đó là lý do của nó"). Sebald vặn cho ngọn lửa chỉ còn lập lòe, tù mù, như một hạt đậu xanh.
Nguồn gốc của Austerlitz là ở phần bốn, cuốn The Imigrants , tác phẩm đầu tiên được dịch từ tiếng mẹ đẻ của tác giả là tiếng Đức qua tiếng Anh, dịch giả Michael Hulse , xuất bản tại Anh, nơi ông sống từ năm 1966. Đây là đoạn nói về cuộc đời của Max Ferber (mô phỏng cuộc đời họa sĩ Frank Auerbach), một đứa trẻ Do Thái được gửi tới Anh vào năm 1939, để trốn thoát Đệ Tam Reich . Cha mẹ của đứa bé sau bị giết chết ở trong trại tập trung. Sebald không chú tâm nhiều tới nỗi đau phải chia lìa người thân, mà là sự trống vắng tiếp theo sau đó. Ferber nhận ra rằng cha mẹ của mình đã chết, cùng với những lá thư cứ thế mà khô kiệt đi, rồi đứt hẳn. "Sự liên lạc thư từ trở nên thật mệt nhọc đối với tôi," Ferber viết, "và khi thư ngưng, vào tháng Mười Một 1941, lúc đầu tôi cảm thấy nhẹ nhàng, bây giờ tôi nghĩ lại, tôi thấy thật khủng khiếp. Dần dần, nó làm rõ ra cái số kiếp của tôi: sẽ chẳng bao giờ được viết thư cho gia đình."
Không hẳn những nhân vật của Sebald không thể đương đầu với khổ đau, mà là, khổ đau cứ tự nó tiêu đi, nhưng lại chẳng cho hạnh phúc thế chỗ nó. Như Ferber nhận xét về "phận mình": "Tôi dần dần hiểu ra rằng, quá một điểm nào đó, nỗi đau xóa sạch ý thức về nỗi đau, và có lẽ, tự xóa sạch luôn chính nó; có vẻ như chúng ta cũng chẳng hiểu gì nhiều cho lắm, về chuyện này."
Trong "Austerlitz ", Sebald trở lại với hiện tượng này, qua câu chuyện một di dân cố xoay sở làm sao để sống nổi đời mình, tức là cố quên hẳn đi cái gốc rễ đã quên mất. Austerlitz tin tưởng, "tất cả cứ thế tàn lụi đi", và "với bất cứ một đời sống tàn lụi đi, thế giới khô kiệt theo". Sebald nhận xét, "những người không có hồi ức thì hạnh phúc hơn, so với những người đau khổ vì những hồi ức."
Austerlitz đau khổ cả hai kiểu.

3. W. G. Sebald : Viết như chó chạy rông ở ngoài đồng hay là Ý nghĩa của Tình cờ.

Lời người giới thiệu: Dưới đây là chuyển ngữ cuộc trao đổi giữa Joe Cuomo và W. G. Sebald , người vừa tử nạn xe hơi ngày 14 tháng Chạp

năm 2001, hưởng thọ 57 tuổi, tác giả những cuốn tiểu thuyết thoát thai từ tro than Lò Thiêu.
Cuộc phỏng vấn thực hiện trước đó, và đăng trên tờ Người Nữu Ước, số đề ngày 3 tháng Chín 2001 (lên lưới ngày 27 tháng 8, 2001), vào dịp bản dịch tiếng Anh cuốn tiểu thuyết Austerlitz được nhà xuất bản Random House phát hành (Tháng Mười, 2000). Tờ báo số mới nhất (Dec 20, 2001) đã cho đăng lại cuộc trò chuyện trên.
Sinh tại Allgau vào năm 1944, Sebald sống tại Đức tới năm 1966; sau đó ông làm giáo sư tại một số đại học Anh, tuy nhiên ông vẫn viết văn bằng tiếng Đức. Những cuốn tiểu thuyết của ông gồm có Vertigo (xb tại Đức 1990, tại Mỹ 2000), The Emigrants (1996), và The Rings of Saturn (1998) đã đem đến cho ông một số giải thưởng như Berlin Literatur và Literatur Nord Prizes, và The Los Angeles Times Book Prize. Vào tháng Ba năm 2000, ông có tham dự trong chương trình đọc sách của trường [the] Queens College (Evenings Readings series, forbin .qc .edu /qcer) trong đó có mục phỏng vấn của Joe Cuomo (a question -and -answer session), một nhà văn và cũng là một "lecturer " của Queens College. Bài chuyển ngữ sau đây là trích từ cuộc phỏng vấn trên.

Joe Cuomo : Bạn tôi, một nhà văn có hạng, nói với tôi, vừa đọc xong cuốn "The Rings of Saturn " là anh ta liền khởi sự đọc lại ngay từ đầu. Lý do là anh ta không biết chuyện gì đã xẩy ra cho anh ta. Tôi cũng tự hỏi bằng cách nào ông tiếp cận "cái gọi là" thể văn tự sự, trong khi viết cuốn sách đó?
W. G. Sebald : Tôi cũng khó mà nhớ, nó đã ra làm sao. Thoạt đầu tôi tính viết vài mẩu ngăn ngắn cho mấy tờ báo Đức, để trừ khoản tiền cho một chuyến ngao du chừng nửa tháng. Chương trình là như vậy. Rồi thì tản bộ, rồi thì tản mạn, [tôi muốn nói] tìm kiếm điều này điều nọ. Tôi nghĩ đó là lợi ích, và là một trong lý do tôi thích tản bộ. Chuyện này chuyện nọ cứ như bóng với hình cùng tản bộ với bạn. Hay là ghé viện bảo tàng nho nhỏ miệt vườn, mua một cuốn sách mỏng được viết bởi một sử gia địa phương; thứ này làm sao kiếm thấy ở Luân Đôn. Trong cuốn sách mỏng như thế đó, bạn có thể tìm thấy những chi tiết ngồ ngộ, có thể chúng sẽ dẫn bạn tới những xó xỉnh ngồ ngộ khác. Theo tôi, đây là cách tìm tòi không theo hệ thống; lẽ dĩ nhiên, một hình thức nghiên cứu như thế đối với một nhà khoa bảng, nó thật khác xa hình thức mang tính chính thống, và bởi vì chúng ta thường chỉ thích việc nào ra việc đó, nghĩa là làm việc theo hệ thống. Thú thực, tôi chẳng ham làm việc theo hệ thống. Ngay cả việc nghiên

cứu, tìm tòi tài liệu cho văn bằng Ph . D, nó cũng chẳng hệ thống, mà theo kiểu tình cờ. Càng làm việc theo ngẫu hứng, tôi càng nhận ra điều này: thực sự chỉ có cách đó là được việc – giống như kiểu chó chạy rông ở ngoài đồng. Nếu bạn để ý tới một con chó, dưới sự "cố vấn" của cái mũi, nó băng qua một dải đất theo một lối mà bạn không làm sao ngờ được. Và thường là nó sục ra, thứ nó tìm. Tôi thích chó, có lẽ vì vậy, tôi học từ chúng, làm sao viết, viết như thế nào.

Vậy là, khi bạn có trong tay một dúm vật liệu, bạn "tích tụ" chúng, và chúng sinh con đẻ cái, [tôi muốn nói], điều này dẫn tới điều kia, thế là bạn có được một cái gì đó, từ mớ vật liệu được lắp ghép theo kiểu ngẫu hứng. Và bởi vì chúng được lắp ghép theo kiểu bạ đâu xâu đấy, bạn phải vận dụng trí tưởng tượng để móc chúng với nhau theo cặp đôi, tức tìm mối liên kết giữa hai sự vật. Nếu bạn kiếm ra những điều, giống như những điều mà bạn kiếm trước đó, vậy là, hiển nhiên, chúng móc vào nhau, nhưng theo một kiểu trước đó chưa từng có; vậy là bạn viết ra được một điều chi mới mẻ, bổ ích (productive). Vấn đề là bạn phải rút ra từ mớ vật liệu chằng chịt, rồi vận động trí tưởng của bạn, làm sao bật ra một điều gì trước đây chưa có. Tôi nghĩ về việc viết lách như vậy. Và, lẽ dĩ nhiên, phải có sự tò mò ở trong đó.

-Tiến trình đầy tính khám phá, 'viết như chó chạy rông ở ngoài đồng', luôn 'tóm' lấy ông, mỗi khi ngồi vào bàn?

Lâu lâu, thỉnh thoảng thôi. Tôi cho rằng, khi bạn viết, hay làm điều gì theo kiểu trên, sẽ có những lúc bạn hầu như cảm thấy, mình đi đúng đường. Không phải bạn hoàn toàn tin tưởng, nó phải như thế, rằng "nó đây rồi", không thể chệch vào đâu được nữa, nhưng mà là, bạn cảm thấy vững tâm hơn, so với những khi khác. Và theo tôi, nó là như vậy, một khi những con chữ theo nhau từ trong túi áo bạn chui ra. Thì như bạn biết đấy, bạn ngồi vào bàn, lôi mấy mẩu đầu, cố kéo ra cho đầy trang, thí dụ vậy. Và nếu mọi chuyện thuận buồm xuôi gió, thế là chúng cứ thế tuôn ra; tôi muốn nói, những lời "người này" nói, "người kia" nghe, những hình tượng, những nơi này, chốn khác... những gì ba mươi năm bạn chẳng hề nghĩ tới, tưởng chừng quên sạch, đột nhiên chúng cứ thế đon đả, mời chào bạn. Tôi chủ trương, cứ mặc kệ cho sự vật tiến diễn, chừng nào bạn còn có thể tin cậy được, kể cả những đột biến, do chính cái hành động viết gây ra. Tôi lấy thí dụ, phần cuối của cuốn sách [The Rings of Saturn], là nói về tơ lụa, và cái chương sách đó đã kết thúc bằng mấy trang về cách để tang (culture of mourning). Vào đúng cái lúc tôi kết thúc những trang sách đó, tôi đọc lại, và tôi nghĩ, đây là từ tờ Thời Báo (Times), đây là tất cả những vụ việc (events) mà tôi cần, từ cái danh sách những gì xẩy ra, một ngày nào đó,

cách đây một trăm ba mươi năm, hay hai trăm hai mươi năm. Và tất cả cứ thế tuồn vào bản văn, như thể tôi viết [là để] nhắm tới điểm đó. Ngộ thiệt! Nhưng đôi lúc, thật là mãn nguyện, một khi chuyện xẩy ra như vậy.

-Diễn biến tự xẩy ra như vậy, ông đã tả trong một cuốn tiểu thuyết; về một điều gì không thể nào giải thích được, xẩy ra; chúng ta thực sự không biết xoay xở ra sao với nó; nhưng chuyện xẩy ra như thế rất có ý nghĩa.

Đúng như thế. Và tôi nghĩ toàn thể vấn đề này đều trông vào sự tình cờ, và đây là sự kiện nổi bật ở trong những sáng tác của tôi. Tôi mong rằng, độc giả không cảm thấy, mình bị quấy rầy. Nhưng bạn biết đấy, ngay trong cuốn đầu tay, Vertigo , đã có cả lố. Tôi thực sự không trông mong ở những dẫn giải siêu tâm lý, kiểu này hay kiểu nọ, hay là những lý thuyết của Jung về chủ thể. Tôi thấy chúng chán phèo. Theo tôi, một cách nào đó, cần phải đem ý nghĩa cho cái vô nghĩa của cuộc sống. Bạn gặp một người cùng ngày sinh với bạn - cho dù xác suất của việc này là 1/365, như vậy cũng đâu có gì là ghê gớm, quái dị. Nhưng nếu bạn hợp với người đó, thế là liền lập tức, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật... và tôi cho rằng, tất cả những hệ thống triết học, tín ngưỡng, cách ở đời... đều được xây dựng theo đường lối đó, trong mong ước tìm ra cái nghĩa, khi chưa có.

-Một trong những điều đáng kể, ở trong cuốn sách, ông không hề cố gắng sử dụng những tình cờ như trên, hướng nó về một mục đích. Và theo tôi, ông đã làm được điều này: rằng người đọc không cảm thấy họ bị xỏ mũi, bị nhìn thế giới theo một kiểu nào đó. Cả lố tiểu thuyết tâm lý "pop " được dàn dựng theo kiểu này: Bởi vì chúng ta sinh ra đời cùng một ngày, vậy là chúng ta có duyên vợ chồng với nhau. Hoặc một chuyện na ná như vậy. Hiện đang có ý hướng giản lược thế gian, theo một mẫu mã như vầy: cái này là bằng chứng của cái kia. Và ông như cảm thấy đòi hỏi phải cưỡng lại ý hướng trên, qua những cuốn tiểu thuyết, cuốn nọ tiếp cuốn kia của ông.

Bởi vì tôi sẽ rẻ rúng nó, nếu làm như vậy.

-Đúng thế.

Tuy nhiên, điều có ý nghĩa, ở phần đầu cuốn Vertigo , là về Stendhal ; và cái đoạn khá ngắn ngủi đó đã kết thúc bằng cái chết của Stendhal trên một đường phố ở Paris có tên là Phố Danielle -Casanova . Tôi không biết 'Danielle ' Casanova là ai. Cái tên Casanova thì còn có nghĩa đối với tôi, qua nội dung của cuốn sách. Nhưng 'Danielle ' Casanova , không. Mùa hè sau đó, tôi tới Corsia . Tôi cuốc bộ qua một vùng núi, tới làng Pina ở bờ biển, trong làng có một căn nhà gắn tấm

biển tưởng niệm Danielle Casanova , bị sát hại bởi những đồng bào của tôi ở [lò thiêu] Auschwitz . Bà là một nha sĩ, một người Cộng Sản, và chiến đấu trong Lực lượng Kháng chiến Pháp. Tôi đi qua đi lại căn nhà chừng ba, bốn lần; lần nào cửa cũng đóng im ỉm. Một lần tôi đi vòng qua sau nhà, và gặp cô em của bà. Tôi đã nói chuyện với cô em chừng cả một tuần lễ *[thính giả trong buổi nói chuyện cười ồ thú vị].* Chuyện xẩy ra là như vậy đấy. Tôi có đủ thứ giấy tờ về bà, và bây giờ tôi chưa biết sẽ làm gì với chúng. Nhưng đó là một kiểu cơ duyên bèo nước, theo tôi. Và một khi nó chợt tới, vậy là bạn nghĩ, có lẽ, không phải mọi chuyện đều là vô tích sự. Đôi lúc, nó cho chúng ta một ý nghĩa thoáng qua, về niềm an ủi.

-Trở lại với tác phẩm đầu tay của ông, "Theo Thiên Nhiên" ("After Nature "), ông có thể cho biết, nó đã được hình thành như thế nào?

Câu hỏi lý thú đấy, bởi vì bạn khó mà đoán ra được, làm sao tôi vướng vào cái dịch vụ lạ lùng, là viết lách. Tôi muốn nói, tôi chưa hề có tham vọng "trở thành", hay "là" nhà văn. Ở vào cái quãng nửa đời người, tôi ngày càng bị vây khổn bởi những đòi hỏi, ở chỗ làm tại đại học, ở ba chỗ linh tinh khác nữa, như bất cứ một người nào trong cuộc đời của mình. Tôi cần phải kiếm cách thoát ra. Vẫn là chuyện tình cờ, đúng lúc đó, tôi mò xuống Luân Đôn, rồi đọc một cuốn sách của một nhà văn Đức thuộc loại hũ nút, tên là Konrad Bayer . Ông này là một trong những nhà văn trẻ thuộc nhóm siêu thực hậu chiến, cả đám không làm sao vượt lên khỏi Nhóm 47. Ông sau tự tử, để lại vài ba tác phẩm mong mỏng, trong có cuốn [Cái đầu của] "The Head of Vitus Bering "; trong cuốn này có một tiểu chú nhắc tới một nhà thực vật và động vật học người Đức thế kỷ 18 tên là Georg Wilhelm Steller , bạn thấy không, ba chữ cái đầu tên ông y chang của tôi; tình cờ hơn nữa, nơi ông ra đời đúng là nơi má tôi đã tới, khi đang mang bầu tôi, vào năm 1943.

-Trong cuốn sách có nói tới chuyện này.

Vâng. Bạn thấy đấy, nỗi "băn khoăn" làm thế nào "dưng không trồi lên sự thực" [chữ của Thanh Tâm Tuyền], làm thế nào có một cái gì đó, từ cái chẳng có, sau cùng hóa ra, đây là công việc viết lách. Với tôi, nó là bước ngoặt, chuyển từ độc điệu khoa bảng qua một dạng chưa được xác định, nghĩa là hoàn toàn tự do; như bạn biết đấy, một nhà khoa bảng luôn phải nghe: "Này, viết lách bậy bạ nhảm nhí như thế hả?" Bây giờ tôi có thể nói: "Viết vậy đó , được không?"

-Sợi chỉ xuyên suốt những tác phẩm của ông, theo tôi, là cái phần thế giới mà chúng ta biết thì nhỏ xíu. Và cái phần thế giới mà chúng ta chưa biết thì thật vô cùng. Tuy nhiên, trong cái cõi nhỏ xíu mà chúng ta biết đó, ông cố làm bật ra cái đúng, cái tiếng nói thực của nó. Và,

trong khi làm như vậy, chúng ta tin tưởng rằng, chúng ta biết được một điều gì đó về thế giới.

Với tôi, làm được như vậy, là tuyệt vời. Bạn khó mà nắm bắt thực tại, một khi nó biến đổi theo chiều hướng bệnh lý, và tất cả – phải nói là hầu hết – cung cách ứng xử của chúng ta đều có chút chi liên quan tới bệnh lý. Viết, sáng tạo là chắt chiu từng kỷ niệm, chi li từng chi tiết. Với một dúm kỷ niệm, chi tiết, thành phần như thế đó, bạn dàn dựng, xây nên một cái gì. Và ba cái chuyện tỉ mỉ loay hoay sờ soạng như vậy, là có dính đến bệnh lý, nếu không muốn nói là hoang tưởng. Lẽ dĩ nhiên, nó là ngón nghề (device) của hoang tưởng. Bạn thử đọc những tác phẩm của những tay hoang tưởng, chúng đều được viết đúng câu kệ một cách không thể chê được, tuy nội dung bệnh hoạn, bởi vì chúng khởi đi từ một loạt những cách ngôn trời ơi đất hỡi. Một khi bạn chắt chiu từng kỷ niệm, chi li từng chi tiết, là bạn lạc vào cõi mê hồn, chốn kỳ quặc, và nó cứ dẫn bạn đi hoài hoài. Nhìn từ quan điểm đó, bạn thấy ngay là cái ngón nghề chi ly mò mẫm đó khó có thể là cách đo chân lý. Khổ một nỗi, đây chính là ngón nghề của giả tưởng, của văn xuôi: bạn bị kết án phải chi ly, mầy mò. Từ một hình ảnh, bạn phải làm sao có được một câu chuyện tình, thí dụ vậy. Làm sao không phải mầy mò, qua ngôn ngữ, qua tưởng tượng?

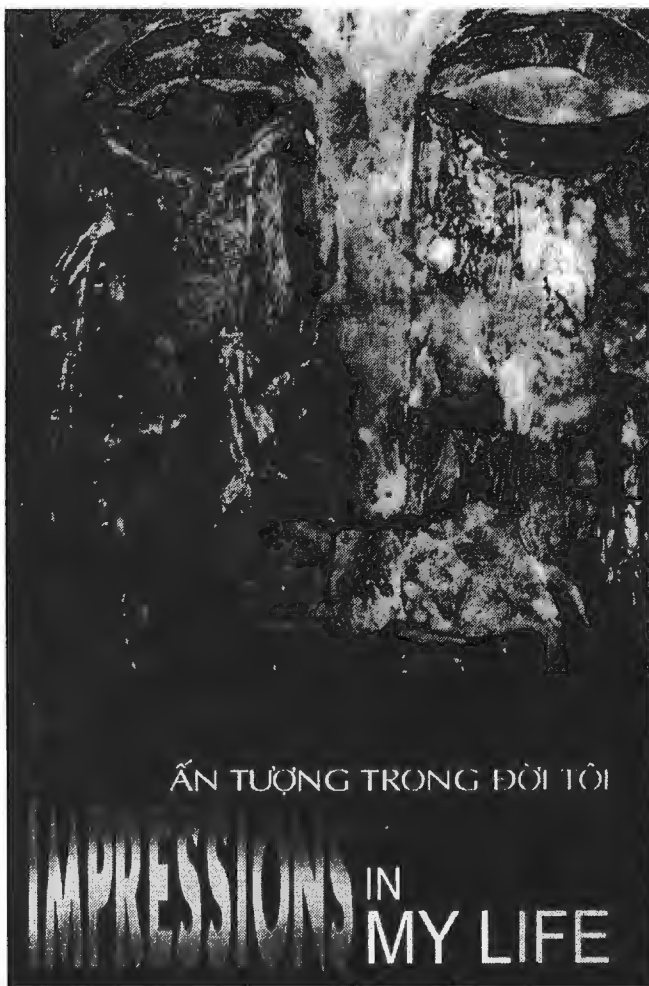
-Trước khi kết thúc cuộc nói chuyện, còn hai điều này: Trong "The Rings of Saturn ", đoạn Thomas Browne nói làm tôi nhớ tới lời giảng của Cha Zosima , trong "Anh em nhà Karamazov ", và cả hai đều chỉ ra mối quan tâm của ông, rằng cái kinh nghiệm có được bằng cách mầy mò sờ soạng , một cách nào đó, lại móc nối được cái thế giới vượt quá lên trên những gì có thể mầy mò sờ soạng . Đoạn này còn làm cho tôi nhớ tới tác phẩm của những thi sĩ, như Czeslaw Milosz , Adam Zagajewski và Joseph Brodsky . Ông có nghĩ, những gì ông viết ra là cùng một dòng với họ?

Tôi nghĩ họ đều có một điểm chung, là niềm quan hoài siêu hình, điều này thật hiển nhiên với Dostoevsky . Những đoạn tuyệt vời nhất của Dostoevsky là về siêu hình, chứ không phải về tôn giáo, theo tôi. Và siêu hình là một điều luôn luôn ám ảnh tôi, theo nghĩa này: rằng một con người có quyền giả dụ về những địa hạt vượt ra ngoài cái hữu hạn là đời người. Thật đáng tiếc, có thể nói, thật điên khùng, khi những triết gia của thế kỷ 19 đã vứt bỏ siêu hình, coi là không đáng, và giản trừ họ, như là những nhà hậu cần, thống kê.

Theo tôi, siêu hình là một nỗi quan hoài chính đáng. Và những nhà văn như Kafka , thí dụ vậy, đều quan tâm tới siêu hình. Nếu bạn đọc một câu chuyện như "Điều tra của một con chó" (Investigations of a Dog), chủ

đề của nó thật thấp, nếu nói về mặt tri thức luận. Chỉ loay hoay ở dưới đầu gối, nghĩa là không quá mấy ngón chân. Nhưng con chó đã làm những trò quỉ thuật như thế nào để cho bánh mì lọt vào trong cái thế giới thấp hèn đó, nghĩa là từ trên bàn ăn rớt xuống. Làm sao nó rớt xuống, con chó không hiểu được. Nhưng nó biết, nếu nó trình diễn một thứ nghi lễ nào đó, biến động sẽ tiếp theo. Thế là con chó đã trải qua những giả dụ rất ư kỳ quặc về thực tại, hoàn toàn khác hẳn với của chúng ta. Khả năng hiểu biết của con chó thì hạn hẹp, của chúng ta cũng vậy. Giống như trò chơi đố chữ, thật hết sức hữu lý, nếu chúng ta hỏi, như những triết gia đã từng hỏi: "Liệu có chắc chúng ta đang thực sự ngồi ở đây không?"

NGUYỄN QUỐC TRỤ





Sĩ tử nhập trường Nam Định
Biết đâu trong đám sĩ tử này lại không có Tản Đà lúc ấy còn gọi là Ấm Hiếu?



NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH
Vì sao tôi nghiên cứu khoa cử?

Từ nhỏ tôi vẫn thích viết lách nhưng yên trí nếu không làm thơ thì cũng viết truyện ngắn, truyện dài, không bao giờ ngờ rằng một ngày kia mình lại có thể "say mê" đi vào con đường "khô khan" là nghiên cứu, biên khảo.

Tôi bước chân vào ngành biên khảo một cách rất tình cờ : Như đã nói trong "Lối Xưa Xe Ngựa... ", khoảng 1985, tôi mua được quyển *Quand les Francais découvraient l'Indochine (Khi người Pháp tìm ra Đông-dương)* của Charles Daney trong có loạt ảnh do Salles chụp cảnh lễ Xướng Danh trường Hà-Nam khoa Đinh-Dậu (1897), ảnh rất rõ

và đẹp. Tôi đã đọc *Lều Chõng* của Ngô Tất Tố và *Bút Nghiên* của Chu Thiên nên đã biết Khoa cử nhưng nay mới thấy tận mắt quang cảnh trường thi là thế nào, Khảo quan, lính hầu, Tân khoa ăn mặc ra sao... Ngòi bút các nhà văn dù linh hoạt đến đâu cũng không sao gây được cho tôi mối xúc cảm như khi nhìn ảnh, tôi như người được đi du lịch ngược thời gian... Thích quá, tôi đã tìm đến tận kho ảnh để xem toàn bộ, chọn thêm được mấy cái nữa.

Từ đấy tôi nẩy ra ý muốn săn tìm tất cả những ảnh chụp về Khoa cử để in thành sách cho mọi người cùng được thấy quang cảnh trường thi ngày xưa, đồng thời cũng là một cách bảo tồn những tấm ảnh lịch sử quý hiếm. Tôi để ra một năm đi thăm các kho ảnh ở Paris mới biết là trừ Salles ra còn thì lác đác đó đây chỉ có vài cái chụp Khảo quan hoặc trường thi với các dẫy lều Thí sinh. Charles Daney cho biết Thư Viện Quốc Gia có hai cái. Tôi đi năm lần bẩy lượt cũng không ai biết ảnh nằm đâu, phải quay lại hỏi Daney lần nữa. Cuối cùng, vẫn không tìm ra, họ đành dẫn tôi đi thang máy xuống cả chục từng hầm như vào *Mê hồn trận*, rồi bỏ tôi một mình ở đấy mặc sức tìm và cũng mặc sức... sợ. Ví thử họ quên, không quay lại thì tôi biết đằng nào mà lần? Ở dưới hầm sâu mấy từng, chung quanh những sách là sách, dù gọi khản cổ cũng chẳng ai nghe thấy! Rút cục tôi cũng tìm ra hai cái ảnh ấy nhưng thất vọng vì là loại Bưu thiếp, một cái chụp trường thi và lều các Thí sinh, một cái chụp trống thu quyển, ảnh đã nhỏ lại mờ, cũng không chú thích rõ ngày tháng như Salles .

Khi đã đi lùng hết các kho ảnh ở Paris , tôi định bụng sẽ cho ra một quyển sách loại phổ thông mà chủ lực là tranh ảnh kèm theo thơ văn liên quan đến thi cử, còn phần chú thích của tôi sẽ rất khiêm tốn, tôi tự biết mình không phải "nhà nghiên cứu" và định bụng viết xong quyển này là sẽ ngừng. Mục đích của tôi chỉ để giới thiệu loạt ảnh Khoa cử và văn hóa Việt-nam cho Việt kiều -những người vì hoàn cảnh nên có lẽ biết nhiều về văn hóa nước người hơn văn hóa nước mình- và những người ngoại quốc muốn tìm hiểu sơ qua về văn hóa Việt-nam. Tôi còn có ý muốn giúp Việt kiều thế hệ thứ hai (không thông thạo tiếng mẹ đẻ) cùng những người ngoại quốc đang học tiếng Việt và những người Việt đang học tiếng Pháp, nên viết loại song ngữ Việt-Pháp, dịch khá công phu để họ có thể đối chiếu mà trau giồi thêm Pháp ngữ hay Việt ngữ. Quyển này viết xong từ năm 1989 nhưng tạm thời xếp trong ngăn kéo vì không có thì giờ tìm nhà xuất bản.

Săn ảnh tuy mất công nhưng không thấm vào đâu với việc chú thích mà lúc đầu tôi tưởng dễ dàng, bắt tay vào mới nhận ra sách sử

của ta mỗi người chép một phách, biết tin ai? Thí dụ Ngô Tất Tố tả cảnh vinh quy thì cho cờ biển đi trước, nhưng Chu Thiên lại viết là kèn trống dẫn đầu. Có người gửi cho tôi một tờ báo của các phụ lão ở Mỹ, thấy có cụ tuyên bố đã từng chứng kiến tới ba đám rước vinh quy, tôi mừng quá, cậy cục xin địa chỉ, một năm sau mới được, hóa ra tác giả sống ngay vùng Paris như tôi! Tôi đã gặp và đặt câu hỏi trong đám rước vinh quy cái gì đi trước thì cụ lắc đầu :"Không nhớ được. Lúc ấy tôi mới có 8 tuổi". Tôi gặng :"Nhưng cụ nói đã chứng kiến tới ba đám vinh quy, vậy thì hai đám kia thế nào?". Cụ vẫn lắc :"Lại càng khó nhớ vì một lần tôi chỉ có 3 tuổi, còn lần kia mới được 8 tháng, vú em còn ẫm ngửa trên tay"!

Có người bạn sau khi đọc bài :"Ai là chủ khảo trường Hà-nam khoa Đinh-Dậu?" bảo tôi :"Đọc chị như đọc Agatha Christie ". Tôi biết bạn tán dương cho vui, nhưng có một nhận xét đúng : quả tôi rất ham đọc và xem những phim truyện trinh thám, đoán trúng ai là hung phạm thì lấy làm thích thú. Viết nghiên cứu cũng tương tự : khi giải quyết được một nghi vấn thì có phần còn hứng thú hơn nữa. Những nghi vấn đầu tiên do loạt ảnh của Salles đem lại cho tôi. Thoạt đầu tôi khám phá ra cái ảnh mà Salles chú là "Giám sát Thân Trọng Koái " thì Trần văn Giáp lại chú là "Phó Chủ khảo Nguyễn Gia Thoại", song cả hai đều đã mất, biết hỏi ai? Tôi bàn với Daney và chúng tôi đồng ý là Trần văn Giáp tất nhiên hiểu biết về Khoa cử hơn Salles , Daney còn yêu cầu tôi sửa hộ chú thích của Salles theo Trần văn Giáp. Tôi phóng bút sửa ngay, còn lấy làm hãnh diện đã giúp cho người Pháp chỉnh lại đúng sự thật, sau mới biết là mình thiếu kinh nghiệm, quá hấp tấp.

Như tôi đã kể trong *"Lối Xưa Xe Ngựa..."*, tôi nghĩ vấn đề Thân Trọng Koái / Nguyễn Gia Thoại có thể giải quyết bằng cách tìm thành phần Khảo quan trong *Quốc triều Hương Khoa Lục* của Cao Xuân Dục, nhưng *Hương Khoa Lục* lại không chép tên các Giám sát, ngược lại, cho biết Cao Xuân Dục là Chủ khảo khoa 1894 chứ không phải Chủ kháo khoa 1897 như ảnh của Salles ghi chứng. Ảnh cũng cho thấy khoa Cao Xuân Dục làm Chủ khảo thì Paul Doumer có đến chứng kiến lễ Xướng danh. Nhờ tình cờ đọc *Hồi Ký* của Paul Doumer mới biết Doumer chỉ sang làm Toàn quyền từ 1897, tức là khoa 1894 Doumer còn ở Pháp, *Hương Khoa Lục* đã chép nhầm.

Có lẽ Trần văn Giáp cũng nhận thấy chỗ không ổn giữa Hương Khoa Lục và Salles nên mới chú thích loạt ảnh của Salles kiểu "nước đôi" : *"Kỷ niệm thi Nam khoa, Thành-thái Giáp-Ngọ và Đinh-Dậu "*. Chú thích như thế tỏ ra tác giả thận trọng, chưa giải quyết được thì tồn nghi, nhưng không ổn ở chỗ mỗi khoa người ta đề cử một ban Giám

khảo mới, không thể nào cùng một ban Giảm khảo lại được cử đi chấm hai khoa thi liên tiếp cùng một trường.

Vấn đề ảnh Giám sát Thân Trọng Koái hay Phó Chủ khảo Nguyễn Gia Thoại rồi cũng được giải quyết khi tôi giở ảnh của Salles ra ngắm lại, thấy Thân Trọng Koái trẻ và không có râu, trong khi Phó Chủ khảo là người ngồi cạnh biển *Phụng Chỉ* trong ảnh Tân khoa chào Khảo quan, và là người ngồi cạnh Chủ khảo Cao Xuân Dục trong ảnh chụp toàn ban Giám khảo, lại là một người đã có tuổi và để râu, như vậy là Trần văn Giáp chú thích nhầm, người trẻ tuổi và không râu không thể là Phó Chủ khảo Nguyễn Gia Thoại.

Vụ Thân Trọng Koái / Nguyễn gia Thoại dẫn tôi chú ý đến cái biển *Phụng Chỉ* viết một cách kỳ quặc : một chữ lớn ở trên, một chữ nhỏ ở dưới, nép sang bên phải. Tôi không biết chữ nho, nhờ mẹ tôi đọc hộ. Mẹ tôi đọc là *Phụng chỉ*, tôi hỏi tại sao biển còn thừa chỗ mà lại viết chữ dưới nhỏ và lệch sang một bên, trông trống chếnh, không cân đối, mẹ tôi lắc đầu không biết. Tôi vẫn yên trí chữ trên là Phụng, chữ dưới là Chỉ cho đến khoảng bẩy năm sau, khi soạn quyển *"Lối Xưa Xe Ngựa..."*, tôi đem tự vị ra tra mới rõ chữ trên là *Chỉ,* chữ dưới là *Phụng*. Tôi lấy làm lạ sao lại đọc chữ dưới trước chữ trên. Lúc ấy mẹ tôi đã mất nên không hỏi được, sau mới nghĩ ra chữ nho đọc từ phải sang trái, nhưng cũng chưa giải quyết được tại sao có chữ to chữ nhỏ, chữ đọc sau lại ở trên, chữ đọc trước ở dưới. Tôi đã biết lệ luật trường quy nhưng phải một thời gian sau mới tình cờ "giác ngộ", đem ráp hai chuyện làm một và hiểu rằng cái biển không làm gì khác hơn là áp dụng luật trường quy : chữ *Phụng* trỏ vào ông quan nên phải viết nhỏ lại, chữ *Chỉ* trỏ vào công việc làm của vua làm nên phải đài lên cao một bực. Sở dĩ mẹ tôi không hiểu là vì thời xưa phụ nữ không được đi thi nên mẹ tôi không học đến luật trường quy. "Giác ngộ" rồi, tôi mừng tưởng còn hơn bắt được vàng!

Ngoài những thích thú khi giải quyết được một vấn đề, nghiên cứu còn dậy tôi hai bài học : dè dặt và kiên nhẫn. Phải dè dặt vì dù thận trọng đến đâu cũng không sao tránh khỏi sai lầm. Kinh nghiệm cho biết có những điều thoạt nghe tưởng không có gì đáng nghi ngờ, như Nguyễn Công Trứ đỗ Tiến-sĩ, lại hóa ra sai, Nguyễn Công Trứ chỉ đỗ Giải-nguyên, tức đỗ đầu thi Hương.

Khi viết về Lê văn Duyệt thì trong số những sách tôi đọc chỉ có một quyển viết là "Lê văn Duyệt đã giúp vua đánh Trịnh, dẹp Tây sơn". Tôi lấy làm "đắc chí" đã tìm thấy một chi tiết ít người biết, chép ngay mà không kiểm lại. Sách in ra, tôi nhận được thư của một độc giả

viết :"Lê văn Duyệt mà muốn đánh Trịnh thì phải vỗ đùi nhẩy qua đầu Nguyễn Huệ". Tôi sửng sốt, vì yên trí Lê văn Duyệt có đánh nhau với Hoàng Ngũ Phúc, sau tính lại thì thời Hoàng Ngũ Phúc Nam chinh Lê văn Duyệt, cũng như Nguyễn Ánh, chỉ mới khoảng mười tuổi, chưa thể cầm quân đi đánh trận. Thấy người viết thư là người duy nhất chú ý đến tiểu tiết này lại họ Trịnh, tôi hỏi có phải dòng dõi chúa Trịnh không, quả nhiên đúng.

Bài học thứ hai là để giải quyết một nghi vấn thì phải kiên nhẫn đọc thật nhiều - có khi đọc cả tháng không tìm ra cái muốn tìm mà lại ra cái không định tìm- và kiểm tra thật kỹ. Như tôi đã viết trong bài "HỒ XUÂN HƯƠNG - "Rút nhầm tơ duyên...", ai cũng biết Nguyễn Du đỗ tam trường, nhưng là thi Hương hay thi Hội, thi ở Thăng-long hay ở Sơn-nam, thi năm 17, 18 hay 19 tuổi thì không ai biết đích xác. Theo tôi, thi Hương, như tên đã nói rõ, là thi ở quê hương mình. Nguyễn Du quê ở Nghệ-tĩnh thì phải thi ở trường Nghệ như người cháu năm đời là Nguyễn Mai, đã đỗ Cử-nhân khoa 1900 tại trường Nghệ. Thăng-long chỉ là nơi Nguyễn Du sinh trưởng, Nguyễn Du chỉ có quyền xin phụ thí ở Thăng-long nếu cha đang làm quan ở đấy, nhưng ai cũng biết Nguyễn Du mồ côi cha từ mười tuổi. Còn Sơn-nam là quê vợ thì Nguyễn Du không có lý do gì để được thi ở Sơn-nam cả.

Nhiều người như GS Hoàng Xuân Hãn khẳng định là Nguyễn Du đỗ Sinh-đồ, tức đỗ tam trường thi Hương, có lẽ vì nghĩ Nguyễn Du chân trắng tất phải bắt đầu bằng thi Hương. Sự thực, theo tôi, Nguyễn Du có cha làm quan to nên được hưởng lệ tập ấm, miễn thi Hương, chỉ cần đỗ một kỳ khảo hạch là có quyền thi Hội, và vì đỗ tam trường thi Hội không có tên gọi riêng như đỗ tam trường thi Hương (gọi là Sinh-đồ thời Lê, Tú-tài thời Nguyễn) nên người ta mới chép lửng lơ là "đỗ tam trường". Dĩ nhiên thi Hội là phải thi ở kinh đô chứ không thể thi ở Sơn-nam.

Theo *Khoa Mục Chí* của Phan Huy Chú thì Thăng-long chỉ tổ chức thi Hội vào những năm :

1781 khi Nguyễn Du được 17 tuổi ta;

1785 khi Nguyễn Du đã rời Thăng-long lên Thái-nguyên.

Còn năm 1783, Nguyễn Du 19 tuổi, thì không có khoa nào cả. Cho nên tôi kết luận rằng : Nguyễn Du chỉ có thể thi Hội ở Thăng-long, năm 1781,17 tuổi ta.

Tuy nhiên, đọc nhiều cũng chưa đủ, thành công một phần không nhỏ còn nhờ ở may rủi, nếu đọc không đúng lúc cần thì có đọc cũng như không. Còn nhớ khi mới bắt đầu tìm tài liệu về Khoa cử có người cho tôi mượn bộ *Bóng Nước Hồ Gươm* của Chu Thiên, lúc ấy tôi chỉ

chú tâm tìm hiểu về Khoa cử, ngoài ra đọc lướt qua. Năm 1996, đọc tới đoạn Toàn quyền Pierre Pasquier kể chuyện năm 1898 ông ta cùng viên Công sứ ở "Cau Do" đã chứng kiến một quang cảnh lạ lùng : Dân chúng võng lọng khiêng trả nhà nước một ông quan huyện vì ông này không do Khoa mục xuất thân mà do người Pháp cất nhắc (vì đã có công cộng tác đắc lực với chính phủ Bảo hộ). Pasquier viết tiếng Pháp nên "Cau Do" không có dấu, tôi tự hỏi "Cau Do" là gì, tìm mãi trong các sách địa dư cũng không ra. Đầu năm 2000, mua được bộ *Bóng Nước Hồ Gươm,* đọc lại, đến gần cuối mới thấy Chu Thiên đã giảng rành mạch "Cầu Đơ" là tên của Doumer đặt cho Hà-nội, lần đọc trước tôi không lưu ý đến chi tiết này.

Không phải lúc nào tôi cũng may mắn giải quyết được như trên. Khi viết chương "Đề mục" của *Thi Hương*, tôi trích J. Boissière , chép một đề mục khoa 1894 :"En hiver , on creusa la rivière de Thu", tôi dịch là "Về mùa đông, người ta khơi con sông *Thu* " nhưng chữ *Thu* J.Boissière viết không có dấu nên tôi không hiểu là sông *Thu*, sông *Thù*, sông *Thú*, sông *Thủ*, sông *Thư* vv . ? Tôi đọc lại *Đông Chu Liệt Quốc, Trung Quốc Sử Cương, Tứ Thư, Ngũ Kinh* -trừ *Kinh Lễ* và *Kinh Xuân Thu* chưa mua được- cũng không tìm ra. Một người bạn cho biết nước *Lỗ* có con sông *Thù, Khổng Tử* thường ra đấy giảng đạo, nhưng chi tiết này chẳng ăn nhập gì với đề mục vì trong một bài làm mà J. Boissière tả là được các Khảo quan khuyên chằng chịt xanh đỏ khiến người ta có cảm tưởng như đứng trước một vườn hoa xuân, có câu :"Đúng là về mùa đông, vua nước Lỗ, thiếu suy xét, đã cho khơi con sông Thu để bảo vệ kinh thành", rõ ràng đầu đề không nói về đạo Khổng mà nói về vấn đề bảo vệ nước. Giữa năm 2000 tôi mới mua được quyển *Kinh Lễ*, trong có đoạn nói tới sông *Thú*, nhưng phần chú thích lại chép là *Thù*. Tôi kết luận chắc tên con sông là Thù nhưng vẫn chưa tìm ra điển tích.

Những sách nòng cốt về Khoa cử (*Lịch Triều Hiến Chương - Khoa Mục Chí* của Phan Huy Chú hay *Quốc triều Hương khoa lục* và *Đăng khoa lục* của Cao Xuân Dục) viết tỉ mỉ về số người đỗ, song lại sơ sài về các đề mục vv . Ngoài ra không phải là không có những chỗ sai lầm hoặc thiếu minh bạch. Thí dụ : khi Phan Huy Chú viết là "thi Cử-nhân" thì phải hiểu là "thi những người đã đỗ Cử-nhân" tức thi Hội, chứ không nên hiểu theo ngày nay là "thi để đỗ Cử-nhân".

Không những thế, Phan Huy Chú chỉ chép về Khoa cử từ nhà Lê về trước, Cao Xuân Dục chỉ chép Khoa cử thời nhà Nguyễn, phải đợi đến Dương Quảng Hàm, Trần văn Giáp, Tuyết Huy vv . mới thấy những

bài viết bao quát đầy đủ từ nhà Lý khai khoa đến nhà Nguyễn bãi Khoa cử, nhưng lại là những bài chỉ gồm mấy chục trang, quá sơ lược. *Quyển Khoa cử và Giáo dục Việt-nam* của Nguyễn Q. Thắng tuy viết đứng đắn nhưng vẫn khái quát.

Để có một quyển sách về Khoa cử tương đối đầy đủ tôi cũng viết từ thời nhà Lý đến nhà Nguyễn, kèm theo tranh ảnh minh họa. Như trên đã nói, tôi khởi sự từ năm 1985, đến năm 1989 thì viết xong quyển Khoa cử loại phổ thông. Năm 1997 tôi đem ra sửa lại, viết tỉ mỉ hơn, do đó nhận ra có một số vấn đề mà khi viết loại phổ thông tôi không thấy và các bậc đi trước cũng không đề cập đến. Thí dụ ngày nay có ít nhất là năm người viết rằng thời xưa đi thi chỉ học Bắc sử (sử Trung quốc) còn Nam sử (sử Việt-Nam) phải đợi người Pháp sang cải cách Khoa cử (1909) mới đưa vào chương trình. Tôi rất lấy làm ngờ vì trong non một nghìn năm tự trị ta dùng Khoa củ kén người ra cầm quyền chính, ngay từ đầu đã biết thi văn sách hỏi về thời vụ nước Nam, thế mà trong non một nghìn năm ấy lại không có một ai nghĩ đến chuyện đưa Nam sử vào chương trình học thi hay sao? Lý thì như vậy nhưng phải có bằng chứng. Tìm cả tháng trời trong các đề mục thi không thấy, sau phải chuyển sang tìm trong chương trình học thi mới được Dương Quảng Hàm cho biết trong số các sách học vỡ lòng có quyển *Sơ Học Vấn Tân* dành gần một phần ba dậy Nam sử, nhưng lại không nói sách viết từ thời nào và ai là tác giả. Tình cờ ít lâu sau đọc *Văn Đàn Bảo Giám* mới hay trong số những tác phẩm của Trương Vĩnh Ký có *Sơ Học Vấn Tân* nhưng cũng không có thêm chi tiết nào khác. Phải giở *Sương mù trên tác phẩm Trương Vĩnh Ký* của Bằng Giang mới biết T.V. Ký đã dịch và in *Sơ Học Vấn Tân* đích xác vào năm 1884, tức năm ký Điều ước Giáp Thân (Patenôtre) công nhận cuộc Bảo Hộ của người Pháp. Rõ ràng Nam sử đã được đem dậy ấu học từ trước khi Pháp đô hộ ta. Sau này đọc lại *Khoa Mục Chí* tôi mới thấy đoạn Phan Huy Chú trích bản khải của Ngô Thì Sĩ gửi chúa Trịnh Sâm có câu : *"Học trò làm văn chỉ vụ ý quan trường (...) về quốc sử và thời vụ chỉ biết qua loa, trả lời cẩu thả..."*. Hiển nhiên, ít ra là từ thời Lê Trung Hưng, quốc sử đã có trong chương trình đi thi.

Sang thời Nguyễn, Thực lục chép :*"Năm Minh-Mệnh 18 (1838), Ngự sử Nguyễn văn Đạt dâng sớ xin cho các đề thi lấy ở Kinh Truyện và Nam sử làm phần chính, Bắc sử làm phụ. Vua truyền cho bộ Lễ bàn xét. Bộ Lễ tâu xin cho sửa lại những bộ sử cũ làm thành "Lịch Đại Nam Việt Sử Ký" để dùng trong việc thi cử "*. Bằng chứng rành rành là không phải đợi người Pháp sang Bảo Hộ ông cha ta mới biết đưa Nam sử vào chương trình học thi.

Có những nghi vấn tôi mất nhiều năm mới giải quyết được, vì thế, để tránh cho người đi sau đỡ mất thì giờ tìm kiếm những điều tôi đã tìm ra, tôi quyết định gửi bài đăng báo.

Đối với những nghi vấn chưa giải quyết được một cách ổn thỏa như "giấy trung chỉ", "biếm một tư" là gì, tôi đều hỏi người chung quanh nhưng thường được trả lời đại khái :"Chị hỏi toàn những câu hóc búa!" tôi đành chép lại nguyên văn để tồn nghi.

Khi sửa lại quyển Khoa cử (1997), tôi tính chỉ cần lấy sách ra điền thêm những chi tiết tôi đã thu thập được trong bấy lâu là xong. Sự thật, điền thêm những chi tiết mới thì dễ, nhưng điền xong đọc lại thấy như cái áo vá, rời rạc. Thế là tôi đành ngồi viết lại từ đầu, song những sách đọc từ hơn mười năm trước nay quên gần hết, phải đọc lại! Vì có quá nhiều tư liệu, mặc dầu đã bỏ phần Pháp ngữ, tôi vẫn phải san sách thành hai quyển :

- Tập Thượng dành cho thời kỳ "Dùi mài kinh sử" và "Thi Hương", kể như đã viết xong, gồm hơn 200 trang khổ to (21x29 ,7) và gần 80 cái vừa tranh vừa ảnh;

- Tập Hạ gồm "Thi Hội -Thi Đình" và "Phụ lục", dự tính hoàn tất trong ba năm nữa.

Ngay từ khi khai thác các tài liệu của người Việt tôi cũng đồng thời tìm đọc những sách báo của người Pháp viết về Khoa cử. Khi Pháp chiếm được nước ta rồi họ liền tìm cách củng cố chủ quyền, tìm hiểu văn hóa người bản xứ và dĩ nhiên họ đặc biệt lưu ý đến Khoa cử là chỗ đào tạo ra vua quan là những người nắm giữ vận mệnh nước Nam. Họ đã quan sát Khoa cử với cặp mắt tò mò, mới lạ. Những bài tường thuật của họ có nhiều chi tiết mà sách sử của ta không mấy lưu ý, chẳng hạn ghi rõ ngày khai khoa, ngày bế mạc (âm lịch và dương lịch), số người dự thi, số người đỗ mỗi kỳ, đề mục vv . Nếu đem phối hợp với những chi tiết của người mình chỉ chú trọng đến số người đỗ và bản thân người đỗ vv . thì ta có thể có một cái nhìn tương đối khá chính xác và đầy đủ về Khoa cử cuối thời nhà Nguyễn.

Tuy người Pháp chép ghi tỉ mỉ nhiều chi tiết đáng tin cậy, song khi sử dụng tài liệu của họ chúng ta vẫn phải dè dặt vì văn hóa khác nhau, dễ có chỗ hiểu nhầm. Bác sĩ Hocquard kể năm 1892 có đến thăm trường thi Hà-nội sau khi bế mạc và thấy tận mắt những mảnh giấy niêm phong phòng thi của các Thí sinh. Hocquard không thể hiểu rằng người ta lại có thể niêm phong phòng để giam các Khảo quan. Điều đáng tiếc là vì Hocquard viết sai nên giất dây cho những người Pháp đi sau ông cũng nhầm theo : P. Doumer chép theo Hocquard , rồi

đến lượt Daney lại chép theo Doumer vv .

Không những văn hóa khác nhau nên có chỗ hiểu lầm, tôi cho đôi khi người Pháp còn xuyên tạc sự thật để tự bênh vực. Thí dụ Doumer viết rằng sở dĩ phong trào Văn thân bùng nổ mạnh là vì các nhà nho đi thi hỏng nên bất mãn với chính quyền, Doumer tỏ ra không đếm kể đến tinh thần bất khuất và bất vụ tư lợi của các nho gia chân chính.

Trên đây tôi chỉ sơ lược một số khó khăn tôi đã gặp trong giai đoạn đầu tức giai đoạn tìm tài liệu và giải quyết những nghi vấn mà bất cứ ai nghiên cứu cũng gặp. Giai đoạn sau chắc là những khó khăn của riêng tôi : Sang Pháp từ 1952, tôi vẫn nói và viết tiếng Việt trôi chẩy nên không ngờ mình có thể gặp khó khăn khi viết sách. Quyển *Métisse blanche* của Kim Lefèvre tôi loay hoay mãi rồi dịch loanh quanh là *Đứa con gái lai bạch chủng*, biết là lê thê, không gọn, nhưng không tài nào nghĩ ra hai chữ Đầm lai! Hóa ra tôi chỉ không quên những tiếng thông dụng hàng ngày, đến khi cần tìm chữ thích hợp mới thấy tìm không ra. Để khỏi đứt mạch tư tưởng, tôi thường tạm thời chêm tiếng Pháp hay tiếng Anh, sau đó mới lấy tự vị tra để dịch sang tiếng Việt. Song tự vị thường không đủ chữ, tôi phải đọc lung tung, hễ gặp một chữ diễn tả đúng ý muốn là ghi ngay lên giấy, thành ra trên bàn học, đầu giường... chỗ nào cũng có một tờ giấy chi chít những chữ chẳng ăn nhập gì với nhau, chỉ có tôi mới biết chữ nào dùng để sửa ở bài nào, đoạn nào. Sửa xong, đọc lại thấy không còn là thứ văn dịch ngô nghê nữa tôi mới gửi bài đi. Lúc đầu tôi giấu kín không cho ai xem những tờ giấy chép chữ đó nhưng có một lần sơ ý để một người trông thấy nhặt lên tò mò đọc rồi ngẩn người ra, tôi giật lại không kịp!

Có người phỏng vấn hỏi tôi tại sao sống ở Pháp lâu năm, vào thời buổi này thiếu gì chuyện để viết mà cứ viết đi viết lại mãi một đề tài Khoa cử? Như trên đã nói, tôi chọn đề tài Khoa cử thoạt đầu chỉ vì tình cờ được trông thấy loạt ảnh của Salles , sau đó vì cần chú thích ảnh tôi phải đọc sách và khám phá ra sách sử của ta viết không giống nhau, cần phải tìm xem ai nói đúng, rồi nhờ tìm ra được những bằng chứng để giải quyết một số nghi vấn, tôi thấy vui thích với công việc mình làm. Ấy là chưa kể nhờ đọc sách tôi đã học hỏi được nhiều, mở rộng kiến thức, sửa được những ý nghĩ sai lầm của mình : Khoa cử không phải chỉ thi thuần văn chương (concours littéraires) mà kỳ thi văn sách hỏi thuật trị nước mới là kỳ thi trọng yếu. Có tìm hiểu Đạo Nho tôi mới biết rằng vua quan không phải chỉ là những người ngồi không hưởng thụ, nắm quyền uy vv . mà họ đều phải học bổn phận và có trọng trách.

Bảo Đại khi sang Pháp du học cũng có một ông quan theo sang để kèm dậy bổn phận làm vua theo đạo Nho. Dĩ nhiên không phải vua quan nào cũng thực hành triệt để những điều mình học, song cũng không phải họ ở ngôi cao chỉ nhờ vào chế độ "cha truyền con nối".

Một lý do cũng rất chính đ

áng để tìm hiểu Khoa cử là vì Khoa cử liên quan mật thiết đến vận mệnh của nước Nam. Trong non một nghìn năm tự trị ta đều dùng Khoa cử để kén người ra cầm quyền chính, đều hỏi về thuật trị nước của Nho giáo, dựa trên trật tự xã hội, giáo dục và đức độ. Khoa cử và đạo Nho đã đào tạo ra những ông vua tuy không tránh khỏi những sai lầm nhưng đã cố gắng làm tròn nhiệm vụ, những ông quan có công giữ nước, trị dân, giúp vun trồng những đức tính tốt của người dân, biết phân biệt phải trái, biết tự trọng. Mặc dầu người Việt ngày nay không mấy ai còn biết đến đạo Nho hay Khoa cử là gì nữa, song tính hiếu học và nếp sống đạo đức đã in sâu vào tâm hồn, cốt tủy chúng ta. Tôi nhận thấy người Pháp quanh tôi thường tỏ ra trọng người Việt, không những vì những thành quả ở mặt trí thức mà còn ở phong cách. Riêng đối với nước Việt, phần đông người Pháp chỉ biết trước là thuộc địa của họ và không thiếu gì người yên trí Pháp đã sang khai hóa cho ta. Nhờ hiểu biết rõ Khoa cử, tôi có thể cho họ thấy rằng Việt-nam đã có một tổ chức xã hội có quy củ từ lâu, đặc biệt đã biết dùng Khoa cử từ thế kỷ thứ XI trong khi Pháp chỉ biết dùng thi cử để kén người từ thế kỷ XIX

.

Khoa cử không phải chỉ là những kỳ thi văn chương thơ phú vô bổ, không phải chỉ đào tạo ra hạng tham quan ô lại, vua chúa chuyên chế, lộng hành. Đạo Nho đã cũ từ mấy nghìn năm song đến nay vẫn có chỗ đắc dụng như vấn đề giáo dân. Người Tây Âu trọng tự do cá nhân, thả lỏng con em quá nên ngày nay thiếu niên du đãng và bạo hành ngày một nhiều và nước Pháp bắt đầu thấy cần phải đem chương trình giáo dục công dân vào chốn học đường để trẻ em hiểu rằng sống trong xã hội chúng cũng có bổn phận chứ không phải chỉ có quyền đòi hỏi mà thôi. Mấy năm gần đây, nước Pháp "tiến bộ", cho những người đã trót gây tội lỗi được phép lấy công chuộc tội vv . song điều này không có gì mới lạ đối với xã hội Việt-nam xưa.

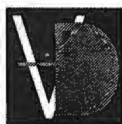
Khoa cử quan trọng đối với nước ta như thế song ngày nay phần đông chúng ta chỉ hiểu Khoa cử một cách lờ mờ, muốn tìm một quyển sách viết tương đối cặn kẽ về Khoa cử lại không có. Trước kia tôi có ý định thu vào một quyển tất cả những văn thơ liên quan đến Khoa cử và tất cả những sách báo viết về Khoa cử nhưng nay xét ra khó lòng



Trường Nam Định, khoa Đinh Dậu (1897).
Khảo quan ngồi trên ghế tréo chứng kiến lễ Xướng Danh
Ông phó chủ khảo ngồi bên cái biển "Phụng Chỉ"

thực hiện được nên đành chọn giải pháp trung dung kèm với mục "Sách tham khảo" khá đầy đủ cho những ai muốn đào sâu thêm.

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH
Châtenay -Malabry , 11/12/2000



NGÔ TỰ LẬP
Lời động viên của E. A. Poe

Sự kém cỏi của văn học Việt Nam, theo tôi, chủ yếu xuất phát từ quan niệm sai lầm cho rằng văn chương là tiếng nói của tình cảm, rằng viết văn chính là cách giải tỏa bức xúc. Chẳng khác nào văn chương là một thứ chất thải vậy! Kết quả là ai cũng thấy viết văn là dễ. Người ta nhầm lẫn văn chương với việc ghi chép những tình cảm có thực và kết án trí tưởng tượng của người viết ("Nhà văn nói láo, nhà báo nói phét". Người ta nhầm lẫn giá trị của văn chương với sự ám chỉ hoặc bất mãn ("tớ vừa viết xong một cái, gai lắm, chắc chắn không in được!"). Các nhà thơ thì mơ mộng hơn, chỉ sau vài câu tán tỉnh tầm phào đã có đủ bức xúc để làm thơ tặng cho người đẹp!

Thực ra nói viết văn là một cách giải tỏa tâm sự cũng không phải là sai với tất cả mọi người. Nhưng giải tỏa là một chuyện, văn chương lại là chuyện khác. Về tình cảm cũng vậy. Mọi văn bản được viết ra đều mang tình cảm của người viết, dù là vui, buồn hay lãnh đạm. Nhưng tình cảm là thứ đương nhiên có. Tôi không nghĩ rằng một người nông dân ít học, dù nghèo tiền, lại nghèo tình cảm hơn một học giả hay một nhà thơ danh tiếng. Tình yêu của chàng nông dân chắc chắn cũng không kém nồng nàn hơn. Nhưng khi họ mô tả tình cảm của mình, kết quả lại khác nhau hoàn toàn. Nếu người nông dân - tôi không đề cập đến những thi sĩ khoác áo nông dân - chỉ viết được những dòng chữ vụng về, thậm chí

ngây ngô thì vị học giả có thể có một bài mô tả khúc chiết, còn ở nhà thơ là những dòng thơ - rất có thể là những dòng thơ hay, hay thậm chí là những dòng thơ bất hủ, như những câu sau của Chế Lan Viên:

Em đi như chiều đi
Gọi chim vườn bay hết...

Cái gì làm nên sự khác nhau ấy? Chắc chắn đó không phải là tình cảm mà là cách thức diễn tả tình cảm đó. Nhưng cái gì quyết định hình thức? Chắc chắn đó là trí tuệ, hay nói đúng hơn là những mức độ khác nhau của trí tuệ, cái mà chúng ta vẫn quen gọi là tài năng.

Vậy liệu chúng ta có thể mô tả quá trình sáng tạo đó không? Theo tôi, và ít nhất là với riêng tôi, hoàn toàn có thể: viết văn thực chất là giải một bài toán tối ưu.

Một bài toán nhiều biến: Một hôm, vì những lý do khách quan và chủ quan nào đó, ngẫu nhiên nhưng cũng hòa trộn với ít nhiều xu hướng cá nhân, tôi đột nhiên muốn bày tỏ một triết lý, một câu chuyện, một tâm sự hay một cảm giác mơ hồ... Nói cách khác, tôi lờ mờ đặt ra một cái đích thẩm mỹ. Bài toán đặt ra là làm sao để đạt được cái đích đó. Kinh nghiệm, tri thức và trực giác ở thời điểm đó mách bảo tôi lựa chọn một hình thức: văn vần hay văn xuôi, dài hay ngắn. Giả thiết rằng vào thời điểm ấy tôi chọn truyện ngắn, tôi sẽ có toàn quyền lựa chọn số lượng nhân vật cũng như đặc điểm của họ mà tôi cảm thấy là phù hợp nhất: nam hay nữ, đẹp hay xấu, trẻ hay già, sống ở thành thị hay nông thôn... Rồi tôi lại có thể chọn tiếp, cũng vẫn tuân theo chỉ dẫn của trí óc vào thời điểm đó: họ gặp nhau như thế nào, họ yêu nhau hay ghét nhau. Nếu họ yêu nhau, mối tình ấy may mắn hay trắc trở... Bản chất của tất cả quá trình này giống như công việc của những người đi rừng: họ vừa đi vừa mở lối để tìm con đường tối ưu để tới đích cuối cùng. Và cũng như người đi rừng, quyết định của nhà văn không phải lúc nào cũng đúng. Đôi khi anh ta bị lạc. Đôi khi anh ta sa đà vào việc săn thú, tìm cây quả hay thậm chí bị cuốn hút bởi những ý thích đỏng đảnh nhất thời. Đôi khi anh ta cũng nản chí và hoảng sợ, cảm thấy đích phải đến quá xa mà mình lại quá nhỏ bé trước cái mênh mông đáng sợ của rừng già. Và trong không ít trường hợp, khi đã đi được nửa đường, nhà văn nhận thấy mình đã chọn nhầm đích hoặc đột nhiên muốn chọn một cái đích khác. Và thế là tác phẩm ra đời không còn giống như những gì anh ta hình dung khi mới bắt đầu.

Mười năm rồi tôi là người đi rừng như thế. Những cuộc đi rừng, với tính chất phiêu lưu và bí hiểm của nó, luôn luôn hấp dẫn lúc ta xốc ba lô lên vai. Nhưng càng đi, khó khăn, nguy hiểm càng nhiều. Đã nhiều lần tôi bỏ cuộc. Đã nhiều lần tôi lạc đường. Đã nhiều lần tôi chọn nhầm đích. Nhiều lần tôi đến đích, nhưng hóa ra đó chỉ là một xứ sở khô cằn



DỊ KHUÊ
Giao thừa

phút này giao thoa thời khắc
nối tay dài ngón
dài ôm đêm tận và anh
dài ôm năm tận và anh
phút này giao thoa mùa chuyển
ước em đọc từ mắt anh bài thơ ngày sau truy tìm
bài thơ ngày sau dấu chút tóc tơ
vương vai áo giữ
mãi mãi
tóc xanh

ước tay dài ngón
run nụ đắm ngất em thở môi anh
cháy lửa một lần nguyên thể
vĩnh viễn được yêu và sống
em tan phút này
trong anh

DỊ KHUÊ, đêm 31/12/2001

mà những người đi trước đã đến, đã khai thác hết những gì có thể khai thác được và đã bỏ đi. Thật buồn là kinh nghiệm, nỗi lo sợ và thói lười biếng luôn có xu hướng dẫn ta đến những nơi như thế. Thật hạnh phúc cho kẻ nào giải được bài toán : biết chọn đích phải đến, đến được nơi đã chọn nơi có mỏ vàng ròng. Kẻ đó chính là thiên tài.

Mười năm rồi tôi đi rừng và nghĩ về những chuyến đi của mình. Rất nhiều người phản đối tôi. Nhưng một lần tôi may mắn được gặp Edgar Allan Poe . "Nghệ thuật là sản phẩm của trí tuệ" - Poe nói thế. Cuộc gặp gỡ ấy với tôi là một hạnh phúc lớn lao. Poe , con người kỳ lạ của những truyện ngắn và bài thơ kỳ lạ, đã động viên và ủng hộ tôi từ hàng thế kỷ trước lúc tôi cất tiếng chào đời./.

NGÔ TỰ LẬP.





ĐỖ QUỲNH DAO
Con nữ

Trời không nắng gắt cho vầng đỏ hong ấm cái không gian sũng đọng âm khí, trời không mưa ào cho nhóm khách đi đưa có cớ để tan mau. Trời chỉ rỉ giọt li ti đủ để lọn tóc ướt dán từng bệt vào mặt, trời chỉ nhểu hột nhỏ đủ để khách đứng tụm lại không nỡ bỏ về. Trời đìu hiu vắng ngắt. Đám tang đã trong tuần lại còn rơi vào tháng tám, cái tháng mà mọi người đi hè, mọi hàng quán đóng cửa, cái tháng chết của năm. Gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, ai ai cũng đi nghỉ. Vớt vát lắm cũng vỏn vẹn không hơn mười người. Không, mười bốn người, nếu tính luôn bốn người của nhà đòn. Đám tang chỉ mười bốn người, mười bốn người sống đưa tiễn một người chết, chao ôi hỏi làm sao mà không nẫu ruột.

Tang gia bối rối đau đớn, đứng tựa vào nhau khóc rưng rức. Khách đi đưa ngơ ngác bùi ngùi, nhìn quanh quên cả nói lời tiễn biệt. Trời ai oán não nùng. Đây đó và xa hơn tầm nhìn, vùi sâu dưới mấy thước đất là những tro bụi đã từng trôi nổi thăng trầm khi còn trên cõi

sống. Phần xác đã hóa bụi, còn phần hồn nay lưu lạc chốn nào? vất vưởng quanh đây hay phiêu diêu ở một thế giới xa xôi vô định? Trong lòng khách dấy lên một nỗi buồn man mác. Buồn cho người nằm dưới, buồn cho người đứng trên, buồn cho chính họ. Vì bây giờ trầm tư lắng đọng, nhưng chốc lát khi rời khỏi đây lại tiếp tục như con vụ lăn xả vào trận lốc mà quay tít. Rồi xô đẩy chen chúc giành giật, rồi yêu đương ganh ghét hận thù, dù biết tất cả chỉ là cơn gió thoảng, dù biết cuối cùng cũng xuôi tay hóa bụi. Bầu trời trắng đục chằng chịt những mụn mây xám bao trùm lấy vạn vật trong màu thê lương u uất.

Quan đã hạ xuống huyệt, khách xếp hàng đến chào thân nhân người quá cố ra về. Thoắt chốc, nghĩa trang lại im lìm. Còn lại chỉ một người đàn ông đứng trầm ngâm trước mộ, mắt không rời vòng hoa đặt trên bia...

-Thôi về.

Hắn nói, giọng khàn đục như vừa chui khỏi một cổ họng viêm loét.

-Không, tao ở lại.

Giọng trả lời vuốt dài những chữ cuối -ơ ở lai lại- nghe the thé đến rợn gáy.

-Mọi người về hết từ lâu, mày còn muốn ở đến lúc nào nữa?

-Ai cũng bỏ anh ấy cả. Tao ở lại đây, mày muốn về thì cứ việc.

-Mày...

Hắn ngừng lại, tức tối.

...mày chướng vừa vừa vậy, mày không về thì làm sao tao về được?

-Vậy thì câm đi!

Hắn lầm bầm một lời tục tĩu.

-Cái con nữ khốn kiếp này...Lúc nào cũng phải nói cho được tiếng chót.

Con nữ luôn luôn nắm đầu chuôi và hắn lúc nào cũng thua, thua sát rạt thua xiểng liểng.

Mưa tiếp tục rỉ rả. Giọt mưa bây giờ tròn hột hơn và mằn mặn vị muối pha. Như vị của da thịt mùa hè trên biển khi gió cát đã liếm khô hết nước. Nhưng đây không là biển với gió cát. Đây là bãi đất rộng ở ngoại ô, rào chung quanh bằng một tường thành cao dày. Mặt tường sần sùi lở loét những bệt rêu đen bám vào khe hở giữa các hàng gạch, khiến nàng Xuân khiếp sợ không dám ghé vào đây thăm viếng. Vắng đi một mùa, thiên nhiên té gãy vì mất cân bằng nên lơ là dửng dưng khiến đất khô cằn héo quắt không sinh nổi một gốc cây ngọn cỏ, có chăng chỉ là vài chòm cỏ dại lơ thơ và...thật nhiều hoa đá. Hoa mọc san

sát, đủ loại đủ cỡ. Xi măng, cẩm thạch, hoa cương... Đứng, nằm, cao vượt đầu người hay lè tè ngang đứa trẻ. Có hoa chĩa lên trời như bàn tay nhiều ngón cố vươn lên thật cao để chụp lấy ánh dương, có hoa úp mặt xuống như dỗ dành những bụi tro đang nỉ non cùng kỷ niệm. Hoa có tên và không một tên nào giống nhau, hoa có tuổi và tuổi nào cũng già hơn hiện tại, hoa có nhiều màu và màu nào cũng sậm tối như bụi thời gian.

Đây không là biển với nắng dát vàng trên cát, đây là bãi tha ma với mưa lất phất trên mộ và một người duy nhất còn nán lại, trên mặt hai đường nước ứa ra từ hỏm mắt sâu quắm.

-Thôi nín đi, đừng khóc nữa.

Giọng nói khàn rỉ, đã không mang một tý ấm áp vỗ về mà còn làm xóc óc nổi gai.

Con nữ òa lên nức nở, như thể tấm lòng rách toạc dưới gánh sầu nặng trĩu.

-Tại sao anh lại đi? tại sao anh lại bỏ em? em yêu anh, em không dám đòi hỏi gì cả, dù cho anh có ai khác, miễn sao anh chấp nhận em, miễn sao anh đừng chê em. Tại sao anh chê em? tại sao anh ấy chê tao? Tại anh ấy giận mày, nếu không thì tao đã có thể gặp và cản anh đừng chạy moto nguy hiểm. Đội mũ hay không thì cũng vậy, làm sao mà chịu nổi chiếc cam nhông tông vào. Tại mày, tại mày cả, tại mày mà anh ấy chết, tại mày mà tao mất người tao yêu. Đúng rồi, anh ấy khinh mày, không thèm có đứa bạn như mày. Anh ấy nói không muốn nhận thư không muốn nghe điện thoại, không muốn bất cứ liên hệ nào nữa với mày...

Hắn bực tức trả lời, giọng cao lên như đã trèo mấy bậc.

-Không, tại mày mà tao mất bạn, nếu không có mày thì tụi tao vẫn là bạn thân, như thuở trước, như thuở...

Như thuở hắn và bạn cùng ở một chung cư, cùng ngồi một lớp học. Từ tiểu học cho đến lớp mười hai, có lúc nào mà không ơi ới rủ nhau đi học hay đi đá banh ở sân cỏ gần nhà. Hai đứa là cặp bài trùng, đi đâu cũng có nhau. Lũ bạn vẫn gọi chúng là thằng Gấu thằng Nai mà. Đừng đứa nào léng phéng ăn hiếp hắn nếu không lãnh đòn của thằng Gấu, nó luôn luôn có mặt để che chở thằng Nai.

Con nữ khốn kiếp, chỉ biết nói láo!

Trong hành lang gần nơi để hộp thơ, vợ chồng ông gác dan đang nhí nhố xì xào với ba người khác trong chung cư. Hắn vừa bước vào thì mọi người im bặt. Không nói, không cử động, chỉ có ánh mắt họ đảo lượn như bầy ruồi đến đậu trên hắn rồi bay trở lại chụm vào nhau bàn tán đủ điều. Con nữ nhếch miệng cười thách thức rồi vênh váo hỏi:

-Lạ lắm hả? khó chịu lắm hả?

Hắn vội vàng xô nó bước vào thang máy.

-Sao mày hèn vậy? bộ sợ họ à?

-Con khốn kiếp, hôm nay cứ kiếm chuyện hoài. Hồi nãy ở ngoài kia chưa đủ sao, bây giờ còn sưng sỉa nữa?

-Tao ghét mày tao thù mày. Tại mày xấu xí dị dạng nên anh ấy không muốn gặp tao, tại mày không cho tao toàn vẹn nên anh ấy chê tao. Tại mày, tất cả là tại mày.

Con nữ gầm lên, hai tay đập mạnh vào bụng dưới của hắn. Những ngón tay ô dề như khúc củi buộc túm lại bằng mấy sợi gân xanh, với vuốt dài quặp xuống sơn vẹc ni tím bầm.

...

Con nữ chỉ nói bậy. Hắn đâu có xấu xí dị dạng, xưa nay ai cũng bảo là hắn "bắt mắt". Lúc nhỏ, các bà các cô vẫn trầm trồ thằng bé kháu khỉnh. Và bây giờ, không biết có phải vì cái tên thằng Gấu thằng Nai mà các bạn đặt cho đã dính luôn vào người, mà bạn thì giống gấu còn hắn thì giống nai. Bạn vạm vỡ dềnh dàng, ngực nở ngang và lưng hơi dày. Dáng đi chậm rãi và trầm trọng từng bước chắc nịch. Mặt bạn hơi "bụi" vì vết sẹo té xe đạp hồi bé nhưng bù lại đôi mắt sáng và miệng cười rộng chạy từ tai này sang tai kia mang lại nét hiền từ thẳng thắn. Giống hệt gấu! Hắn trái lại cao gầy thon thả, nhất là cặp đùi thuôn đuột trên hai cổ chân mỏng mảnh. Trừ hai bàn tay thô kệch gân guốc, ở hắn chỉ là những đường mềm mại dịu dàng. Mắt hắn tròn lúc nào cũng mở to như chờ đợi tìm kiếm một cái gì. Thêm vào đó hàng mi dài rậm giữ nguyên vẹn nét non dại của trẻ thơ. Y chang nai!

Có một lần bạn nói với hắn:

-Mày mà giả gái chắc giống lắm. Ruồi bu đen đó!

Hắn ỡm ờ:

-Có mày trong số "ruồi bu" đó không?

Bạn cười lớn, xuôi chèo theo câu hỏi:

-Dám lắm, dám lắm.

...

Câu nói của bạn đã làm hắn thức sáng trắng. Suốt đêm không ngủ, hắn chỉ thấy trong đầu từng chữ d, a, m, l, từng dấu sắc, dấu ă, nhảy tưng tưng như hột mè rang trong chảo nóng. Hắn kiên nhẫn chờ đợi, chữ mỏi rồi sẽ nghỉ, mè nguội rồi sẽ nằm. Khi đó hắn sẽ chụp từng chữ từng dấu để ráp, để chắp, để nối. Trân trọng thành khẩn, như thể hàng chữ xếp ra quyết định cho tương lai vận mạng. Khi hàng chữ đã sắp ra câu, hắn lại tiếp tục sinh thiết moi móc bề ẩn bề sâu của từng ý một. Hai mày nhăn nhíu, đôi mắt nhìn thẳng một chấm vô hình, như

cậu học sinh đang chăm chú tìm giải đáp cho một bài toán hắc búa. Chính lúc hắn đang tập trung suy nghĩ thì con nữ đến làm quen. Nó đến thật tự nhiên, không ra mặt mà chỉ rù rì trong tai hắn. Lần đầu tiên, nhưng hắn lại có cảm tưởng đang nghe giọng nói quen thuộc của một người bạn từ lâu không gặp. Trong hắn, mỗi tế bào nghe như nở ra thành vạn chiếc tai nhỏ uống ừng ực từng lời nói của con nữ. Những lời nói êm tai thuận nhĩ, ngọt như mật rót, thơm như rượu đong.

Lần đó nữ nói với hắn:

-Dám lắm có nghĩa là dĩ nhiên, đúng vậy. Là khẳng định, là mời mọc. Đó chỉ là một cách nói xa gần, làm như không phải nhưng thật ra là có. Mày đừng ngốc nghếch lừng khừng nữa, anh ấy đang đợi mày đấy.

Con nữ tinh quái lắm, vẫn không chịu ló mặt mà chỉ tiếp tục vo ve trong tai hắn. Ngày một ngày hai, nữ xâm nhập cuộc sống của hắn, mới đầu một thoáng ngắn trong ngày rồi một thoáng ấy kéo dài, vào trong giấc ngủ vô trong cơn mộng. Lúc trước hắn hoàn toàn làm chủ đầu óc của mình, khi đang làm việc hay bận suy nghĩ một chuyện gì thì nữ bặt tăm hơi. Nay nữ xẹt đến bất cứ lúc nào, ra vô thoải mái tâm trí hắn, như thể không phải do đầu óc hắn nghĩ đến mà nó từ bên ngoài bước vào. Dần dà nữ tràn ngập trong hắn, trong tai trong đầu trong óc trong ngực trong bụng, như một ký sinh trùng len lỏi trong máu đi khắp nơi. Chỉ là âm vang chỉ là giọng nói, nhưng sao mải miết không ngừng.

Nữ nói cho hắn nghe những gì hắn chỉ dám nghĩ trong đầu và luôn cả những điều thật khủng khiếp, nhưng lạ quá không mảy may làm hắn chấn động. Giọng nói mới lạ kỳ, lúc này lúc nọ cứ thay đổi liên miên. Nó hỉ hả tiếng người thí sinh miệt mài vừa thấy tên mình trên bảng yết. Nó ríu rít tiếng trẻ đi học về, kể huyên thuyên cho mẹ chuyện trong trường. Có lúc nó thổn thức tiếng ve bên khóm oải hương lúc cuối hạ, cùng hát với hoa bài hát vĩnh biệt trước khi hoa rụi tàn và ve khô xác. Và cũng có lúc nó não nùng tiếng mèo cái gọi đực lủi thủi trong đêm khuya, mắt sáng lân tinh lục lọi rình mò. Rồi nó trơn trượt uốn éo tựa cô gái giang hồ đang nài khách, hay thơn thớt dẻo nhẹo hệt mụ bán cá đang chào hàng. Thỉnh thoảng nó nồng nàn mơn trớn như người đàn bà đang yêu hay nhão nhoẹt chán chường như kẻ thất tình muốn chết. Nhiều khi nó chua lè như mụ em chồng bới móc chị dâu, và cũng nhiều khi nó đắng nghét như mẹ ghẻ đay nghiến con chồng. Giọng nói mới lạ kỳ, vừa nhấc bổng hắn lên trong khoan khoái lạc thú và vừa bóp nghẹt hắn trong sợ hãi bất an.

Căn phòng vừa là phòng khách vừa là phòng ăn, sạch thơm như đứa trẻ vừa mới tắm. Đồ đạc được chọn lựa và bày biện thật trang nhã.

Chiếc bình phong bằng trúc vàng óng có vẽ bức tranh thủy mặc, chặn tầm nhìn ở góc cuối phòng nơi kê giường và tủ áo, khiến khách đến chơi thấy thoải mái vì không phải xâm nhập miễn cưỡng chốn riêng tư của chủ nhà. Bốn ghế mây lót đệm nhung màu vàng nghệ xúm xít quanh một bàn kính thấp, ở trên có chưng chậu bonsai thấp lè tè.

Hắn mua chậu này lúc đi viếng vườn bonsai . Lần ấy, hệt như lúc bé đứng trong tiệm bán đồ chơi, hắn thấy choáng ngợp giữa trùng trùng điệp điệp những cây bị hãm, cao không quá hai gang tay. Mắt hắn tấm tắc từng thân cây lượn vòng thành hai cuộn bện sát, miệng hắn xuýt xoa từng cành nhánh uốn cong ra hình thú cầm. Nhưng chân hắn dừng lại dính cứng, trước một chậu sành nhỏ màu da lươn nằm khuất trong góc như thể chủ nhân chưa hài lòng và còn muốn dấu tác phẩm của mình. Thân cây hình thù như chén ăn cơm, khô queo và hang hốc tựa khúc củi mục. Vài cọng rễ nhăn nhúm đâm tủa ra khỏi lớp đất mỏng, xơ xác rạc rài. Thoạt tiên mới nhìn vào, hắn ngỡ là cây chết nhưng xem kỹ lại, từ cái hòn sù sì đen xám ấy, chĩa ra một cành ốm tong teo đèo thêm một búp lá xanh ngăn ngắt . Như sự sống nẩy chồi từ cái chết, như niềm tin vươn lên từ tuyệt vọng. Hắn xúc động trước sức sống mãnh liệt của đọt lá mong manh ấy và quên hết những cây bonsai đẹp mà hắn vừa mới trầm trồ. Hắn nài nỉ mua, tuy ông chủ vườn cho biết chỉ mới làm thuần giống cây mang từ Phi Châu về từ vài tháng nay và không dám bảo đảm kết quả. Cuối cùng, hắn đã ôm về nhà cây bonsai mua với giá của một chậu sành bán ngoài phố. Thấm thoát đã ngoài hai năm, cây bonsai vẫn còn đó và trổ thêm lá tuy không nhiều hơn ngón trên bàn tay, nhưng từ mỗi lá tươm ra nhựa sống đặc quánh tô điểm gian phòng thêm tươi mát.

Con nữ săm soi thật lâu một búp lá vừa mới nhú và xịt nước tưới đều lên mặt đất. Xong chậm rãi đến ngồi nơi bàn làm việc gần cửa sổ. Từ hơn tuần nay nó đã chịu lộ diện. Lúc thì kín đáo để một thỏi son trong tủ phòng tắm bên cạnh máy cạo râu của hắn, lúc thì hớ hênh bày bừa cặp mút độn vú dày cui trên giường.

Nữ lôi trong hộc bàn tấm gương soi mặt và một hộp đựng đồ hóa trang. Bày mọi thứ lên bàn và bắt đầu trang điểm. Năm ngón tay chuối mắn của nó chạy thoăn thoắt trên mặt. Hết lớp kem lót thì đến lượt phấn màu da, mẩu bông bằng latex không ngớt xoa xoa phết phết. Công phu nhất là ở đôi mắt. Không chỉ một đợt màu mà nhiều đợt khác cùng gam, nhạt trước đậm sau, nằm đè lên nhau. Rồi hàng mi giả rin rít keo, rồi viền mắt xếch ở đuôi, rồi đường mày tỉa sạch loáng, rồi... Hắn há hốc khâm phục và tự hỏi

không biết nữ học trang điểm từ hồi nào.

—Trời sinh mà, giống như con nít mới đẻ đã biết bú vú mẹ chùn chụt, thì đàn bà con gái chỉ cầm hộp phấn cây son là biết sửa soạn liền. Rồi mày xem, càng ngày càng nhuyễn nhừ.

Như đoán biết ý nghĩ của hắn, nữ cười tủm tỉm trả lời, đuôi mắt xếp dài một đường thật lẳng. Không biết ai dạy cho nó cái điệu liếc giết người này? Hắn càng thêm sững sờ ngạc nhiên khi chính hắn, không đợi con nữ bảo, đã trao tiếp cho nó theo thứ tự, những món lỉnh kỉnh để trang điểm. Từng động tác thuần thục, rành mạch như thể...trời sinh.

Nữ thay đổi thấy rõ. Chỉ thấy nó uống chích đều đặn tuần này tháng nọ mớ thuốc giấu kín trong tủ áo, mà bây giờ nó hơ hớ da mềm thịt mởn và nhất là hai trái vú nổi phồng không cần để mút độn nữa. Nữ càng giòn thì hắn càng tiêu nhiều, nào son phấn nào áo quần nào đi chơi ở hộp đêm.

Trong cái quán đêm sang trọng ở Paris quận 8 này, khách trả tiền bằng những con số có trọng lượng tương đương với cảm giác họ tìm thấy nơi đây. Không có dàn máy gào hét cả trăm decibels chọc thủng màng nhĩ, không có quả cầu đèn bắn những mảnh sáng cứa đứt võng mạc. Không, không có những món ấy trong thực đơn của quán này. Ở đây, người ta mời khách thưởng thức món khai vị là tiếng nhạc êm ả từ piano bar như lót nhung giọng nói, món kế tiếp là vũng sáng dịu dàng từ ngọn đèn nhỏ như căng mướt khuôn mặt. Và món chính, cũng là món đặc biệt của quán, là cái không gian ướt đẫm nhục cảm, quyện trộn nhựa cái chất đực và luôn cả mùi của những ngư nữ ngai ngái hơi đàn ông.

Con nữ khôn lắm. Trước đám đông nó không bao giờ ngả ngớn buông tuồng, mà chỉ chậm rãi nhón thật điệu nghệ từng hột đậu phụng như thể đang nâng niu hột minh châu, trong lúc đôi môi bóng nhẫy son màu nâu già đưa đẩy một nụ cười mời gọi. Chỉ nhìn cách ăn mặc và trang điểm thì đủ biết bản lãnh của nó. Cặp đùi dài xếp tréo để hở giữa váy và đôi ủng gót nhọn cổ cao ngang mắt cá, một khoảng da thịt bao trong vớ lưới đen đủ lưới bọn cá đang nhễu nhão thèm muốn. Mảnh voan đen mỏng dính quấn hờ hững để che trái cổ, giăng bẫy tóm gọn bầy thú đang hau háu trên hai gợn tròn lấp ló trong chiếc áo hở ngực. Thêm vào đó, đôi mắt viền chì khô sâu hút và mái tóc ngắn chải keo ướt nhẹp sẵn sàng hớp hồn lũ mồi đang láo liên hấp háy...

-Mày thấy tao đẹp không?

-Có

-Mày thấy tao hấp dẫn không?

-Có.

-Đàn ông có thích tao không?

-Có,... Đàn ông có mê tao không? -Có,..Anh ấy có thích tao không?-Tao không biết,... Anh ấy có mê tao không? -Tao không biết,... Anh ấy nói: dám lắm, có nghĩa là anh ấy thích tao, anh ấy mê tao. Đúng không? đúng không? -Đúng đúng,..Anh ấy có thích tao không? -Có,...Anh ấy có mê tao không? -Có...Anh ấy thích tao, anh ấy mê tao, anh ấy yêu tao. Có không? -Có, có, có...Vậy mày cho tao gặp anh ấy đi.

Nữ quay hắn mòng mòng và cuối cùng hắn phải chịu thua đầu hàng.

...

Thằng Gấu hét lên:

-Hết chuyện chơi rồi hả Nai? lập tức đi tẩy sạch cái mặt mày đi. Đồ khùng!

...

Hắn buồn rầu nói với nữ:

-Mày thấy chưa? anh ấy đâu có thích mày. Thôi làm ơn lủi đi, đừng chường mặt ra nữa.

Nữ mềm giọng òn ỉ :

-Không phải đâu. Chắc vì tao chưa hoàn toàn giống nên anh ấy nói vậy. Hay mày cho tao được toàn vẹn đi. Chắc chắn lúc đó anh ấy sẽ yêu tao say đắm. Mày giúp tao đi...

Một lần nữa hắn lại vô tròng, dễ dàng như trẻ nít bị mẹ mìn dụ kẹo.

-Thì cũng phải từ từ, chứ tiền đâu mà sẵn vậy. Mấy ông bác sĩ giải phẫu có tiếng là chém ngọt, mày không biết sao?

.

Tiệc sinh nhật của hắn đã tàn, lũ bạn kéo rốc về trừ thằng Gấu ở lại giúp hắn thu dọn.

-Mày giỏi thật, ở một mình mà nhà cửa ngăn nắp gọn gàng. Hay có em nào đến dọn giùm ? khai thật đi đừng dấu nữa.

Hắn đỏ mặt lí nhí:

-Đâu có.

-Dấu anh em làm gì, nói tao nghe để tao mừng cùng. Tao có quen ẻn không? có dự định tính toán gì chưa?...Kể riêng cho mày nghe chuyện này, khoan cho mấy đứa kia biết đã.Coi bộ tao với Marie lậm nhau dữ rồi, tụi tao định cuối năm nay làm đám hỏi. ...Ha ha, thằng Gấu bạn mày sắp bị dắt cổ đi rồi.

Hắn chưa kịp nói lời chúc mừng thì con nữ đã nhào tới, phanh áo cởi trần khóc lóc thảm thiết:

-Đừng anh ơi, em yêu anh. Lúc trước anh bảo sẽ yêu em nếu em là con gái. Anh nhìn đây, em là con gái, em là đàn bà. Tất cả là vì anh...

...

Thằng Gấu đứng như trời trồng, sững sờ nhìn con nữ. Ánh mắt loang loáng nỗi kinh hãi ghê tởm đã giội nước lạnh lên ngọn lửa đam mê của nữ. Nó im bặt thôi kể lể khóc than. Cơn xúc động đã dịu bớt nhưng trong ngực tim vẫn thùm thụp tới tấp. Nữ bàng hoàng không hiểu tại sao mình có thể sốc nổi như vậy, nhưng cùng lúc lại thấy nhẹ phào vì đã trao tận tay cho người nó yêu thông điệp tình bấy lâu nay cất nén. Không khí nặng nề căng thẳng. Không ai nói một lời, không ai dám thở mạnh. Căn phòng thật yên lặng, yên lặng quá mức bình thường, như đang dò dẫm rình rập, như đang nơm nớp lo sợ cơn bão sắp ập đến. Thằng Gấu bỗng kêu hự một tiếng và khuỵu xuống, mặt xanh mét như tàu lá. Con nữ chỉ kịp đưa tay đỡ bạn thì nó đã nôn bắn vào người nữ.

... Gấu nói với hắn, giọng cương quyết nhưng thoáng chua chát ngậm ngùi:

-Đây là lần cuối tao nói chuyện với mày. Từ nay về sau, đừng bao giờ để tao thấy mặt mày nữa, đừng bao giờ tìm gặp tao, đừng viết thư đừng email đừng điện thoại. Tao không muốn bất cứ liên hệ nào nữa với mày.

...

Bạn đã bỏ đi từ lâu mà hắn vẫn đứng đó chết trân , nhầy nhụa tanh tưởi mùi thức ăn chưa tiêu.

Đêm ấy là lần đầu tiên mà hắn và con nữ gây gổ dữ dội. Cơm lành canh ngọt thì lời mềm lời mỏng, hôn nhân gãy đổ thì tiếng bấc tiếng chì. Nữ lồng lộn hung dữ:

-Tại mày mà anh ấy không yêu tao. Tại mày mà anh ấy bỏ tao. Mày giữ làm gì cái quỷ đó mà không cắt phéng đi? mày tự nhìn đi, người không ra người ngợm không ra ngợm. Anh ấy tởm mày, anh ấy gớm mày. Tại mày, tại mày...

-Câm miệng. Có bao giờ tao nói không chịu đi mổ đâu? phải từ từ đợi để dành tiền, chứ ở đâu mà có sẵn vậy? tao đi làm chứ bộ đi ăn cướp sao mà có liền?

-Không ăn cướp thì ra ngoài Rừng Boulogne mà đón khách. Sẽ không thiếu đứa thích của lạ đến vớt mày!

Cơn giận dâng lên chặn nghẹn cuống họng, mặt hắn nhợt nhạt không còn máu, mí mắt trên bên trái co giật liên tục theo nhịp thở dồn

dập, và bên trong hai con ngươi sáng quắc nháng lửa. Trong một lúc, từng tràng chưởi tục tĩu nối đuôi nhau phọt ra.

Đồ... đồ...Con khốn kiếp, được nuông chiều như thế mà bây giờ lại trở mặt nói bậy nói bạ. Lại còn dám xúi hắn đứng đường đón khách. Càng ngày càng lừng, nó là cái thớ gì mà xấc xược hoạnh họe như vậy? Tại sao lâu nay hắn lại nghe lời nó rù quến? hắn là đàn ông mà. Nhất định không để nó giật dây nữa. Nó là ma là quỷ, phải tống cổ nó đi. Phải nạo nó ra khỏi óc, phải móc nó ra khỏi ngực.Tay trái hắn đưa lên, hươ đụng vào ngực... Chao ôi, sao trái vú vừa vặn quá trong nắm tay và thịt da mướt mềm như nhung lụa. Không, không, đừng nghe con nữ dụ dỗ, phải moi nó khỏi bụng phải rứt nó khỏi đầu.Tại nó mà bạn ghê tởm hắn, tại nó mà bạn bỏ đi. Nhưng... làm sao mà không yêu đôi mắt sáng, làm sao mà không thương miệng cười rộng? Trong đầu hắn mồn một những kỷ niệm chung của hai đứa. Cậu bé sáu tuổi khóc rưng rưng vì lũ nhỏ cùng chung cư xúm lại chế diễu cặp giò tăm xỉa răng, bạn xuất hiện chỉ hô lên mấy tiếng thần diệu: -nó là bạn của tao, thì cả đám như quên mất hai que tăm. Rồi vào giờ thể thao bọn học trò đùa giỡn lặn ngụp trong hồ lớn, làm như không thấy hắn đeo phao lõm bõm nơi hồ nhỏ vì đã có bạn đang lom lom rình xem đứa nào dám cười nhạo. Và lần bạn ra điều kiện với đội đá banh của xóm phải nhận hắn vô đội nếu họ muốn bạn ở lại làm thủ môn. Rồi bao nhiêu lần khác nữa, bao nhiêu lần bạn đã làm mộc chắn gió, làm bia đỡ đạn. Hỏi làm sao mà hắn quên được bờ vai nở, hỏi làm sao mà hắn không nhớ phản lưng dày. Lòng hắn chùng xuống với kỷ niệm xưa, bồi hồi miên man trong những hình ảnh còn đậm nét và nguyên vẹn như thuở nào. Bạn ơi, Gấu ơi... Không, không, nhất quyết không nghe lời con nữ, hắn là đàn ông mà. Tay trái hắn mân mê bụng dưới như để khẳng định. Bỗng một cảm giác lâng lâng từ đâu ập đến, len qua kẽ chân lông luồn sâu vào tia máu và ủ hắn nóng hổi rần rật. Lần hồi khoái cảm ấy lan ra thêm, lan thêm nữa, lan nhiều nữa. Rồi ồ ạt, rồi tới tấp, rồi đầy ứ, rồi tràn ngập, rồi con nước trào lên tung tóe phá vỡ đê... Trong tai hắn, tiếng con nữ cười vang khoái trá, giọng khét lẹt như bánh xe rít trên đường.

Những ngày sau đó là một nùi rối dằn co níu kéo thay phiên nhau xâu xé hắn. Trong tâm trí, chằng chéo những giận, buồn, tủi, hận và luôn cả ghen tức, không phải với một người mà với thời gian cũ bị mất. Đã vậy, nỗi nhung nhớ như mài liếc những cảm xúc thêm bén nhọn, càng khiến hắn chơi vơi hụt hẫng.

Hắn nhớ bạn quay quắt. Nhớ nụ cười, hắn chỉ biết nhìn xấp hình

cũ chụp chung lúc xưa. Nhớ giọng nói, hắn chỉ dám quay điện thoại về nhà trong giờ làm việc để nghe tiếng bạn nói trong máy trả lời. Bây giờ tất cả đều quy tụ về bạn. Những con đường gần nơi bạn ở trở thành con đường nhà bạn, những xe Twingo xanh dù có mang bảng số gì đi nữa cũng đều là xe bạn. CD nhạc bạn thích nghe ra rả quay đi quay lại trong máy hát, cuốn sách bạn khen hay cong nát hết các trang vì hắn cứ lật tới lật lui. Có đọc trên một cột báo nhắc đến sở làm của bạn thì nguyên số báo tám trang sẽ trọn vẹn dành riêng cho sở bạn. Có nghe ai nhắc đến tên bạn thì câu chuyện sau đó chỉ đặc biệt nói về bạn. Vừa thấy một dáng người hơi dày trong chiếc áo khoác ca rô xám thì hắn đã nao nao bồi hồi, nhìn ra gương mặt và cử chỉ bạn. Tâm trạng hắn lúc bấy giờ thật mâu thuẫn, vừa muốn và cũng vừa sợ gặp bạn. Lúc nào cũng thấc thỏm bồn chồn, đứng ngồi không yên như chờ đợi một điều gì, đợi một dòng chữ trên email hay một cú điện thoại báo tin bạn hết giận và đã tha lỗi cho hắn. Chỉ nghĩ đến bạn tha thứ thì hắn đã sướng rơn, hai chân muốn mọc cánh để bay đến tìm bạn. Nhưng...tại sao bạn lại tha thứ? tại sao bạn lại giận hắn? hắn đã có lỗi gì với bạn? Bao nhiêu câu hỏi vây bủa như bầy kiến đánh hơi đường xúm xít chung quanh mẩu bánh vụn, khiến hắn hoang mang choáng váng.

Hắn vùng vẫy ngọ nguậy trong đám sương mù không lời đáp. Cho đến lúc hắn hiểu con nữ không chỉ là ám ảnh mà là sự thật rành rành, và sự hiện hữu của nó trong hắn sẽ luôn luôn mãi mãi. Cho đến lúc hắn hiểu bạn đã dứt khoát quên hắn và gạch xóa vĩnh viễn cái tên thằng Nai trong đầu. Khi ấy, hắn té nhào xuống vực thẳm đau khổ, nơi đây lần đầu tiên hắn mới thấy thấm thía những ẩn dụ xưa nay vẫn nghe và nói. Nỗi đau bóp nghẹt, trái tim rỉ máu, cõi lòng tan nát,...những so sánh nặng kịch tính này chỉ có ai đã va chạm rồi mới hiểu thấu. Bây giờ hắn ngấm đẫm ý nghĩa của những câu ví này, vì bây giờ hắn đã qua cầu. Trong hắn, tình cảm và xúc động nay rõ rệt trước mắt như có thể nhìn thấy, sờ mó và cân đo được. Nếu có thể vật chất hóa cảm xúc thành một cái gì có hình thù mùi vị màu sắc, thì bây giờ đau khổ đối với hắn là chén thuốc độc phải uống. Rồi sau đó, nằm chờ chất độc ngấm dần vô máu làm tê cứng mọi cơ bắp, trong lúc trí não vẫn minh mẫn để có thể nếm trọn vẹn nỗi đau đớn cùng cực của thể xác đang hóa đá. Tuy biết là thuốc độc nhưng vẫn uống, tuy biết là đau khổ nhưng vẫn cam. Dù có muốn làm khác đi nữa cũng không được vì hắn đâu còn sự chọn lựa nào khác, trừ phi... hủy diệt con nữ. Nhưng liệu hắn có thể chối bỏ bản năng và khước từ chính mình không?

Hắn trống hoác như cái xác không hồn. Cái xác tươi ấy thờ ơ với hiện thực, ăn mà không biết mình ăn gì, làm mà không biết mình làm gì, chỉ biết ngày qua ngày tụt dần vô trong một không gian khép chặt: không gian của cô đơn và buông thả. Nơi đây, hắn nằm co quắp như con cuốn chiếu, để mặc cho nỗi chán chường trải rộng ra trùm kín mít. Không dùng dằng ray rứt, không băn khoăn khắc khoải, mà chỉ bải hoải rã rượi, bạc nhược chán nản. Mọi năng lực ý chí như bốc hơi tan biến, hắn không muốn và cũng không còn sức làm một điều gì hết. Ngay cả làm vệ sinh hằng ngày cho chính mình, đánh răng rửa mặt tắm gội. Ngay cả uống thuốc của bác sĩ cho, lần gia đình mời đến khám bệnh. Bây giờ những ý niệm dơ sạch ốm đau... trơn trượt trên hắn và không có một chỗ trú nào trong tri thức. Ngày bần thần ngẩy ngật, đêm trăn trở chập chờn, hắn bập bềnh lơ lửng không còn biết phân biệt sáng tối hay ngày tháng. Suốt ngày, chỉ muốn nằm, nằm đến đầu nhức bưng, vai rêm rả, và lưng mỏi dừ . Rồi ngồi dậy, thừ người trên ghế mây, nhìn đăm đăm cây bonsai khát khô, lá rũ vàng. Hắn không thiết ăn không thiết uống, quên bẵng cái bao tử lép cái cổ họng khô của chính mình thì còn tâm trí đâu mà nhớ đến cây? Nhìn cây chán, hắn lại đến ngồi nơi bàn gần cửa sổ. Trời có trong xanh nắng có lấp lánh thì với hắn cũng chỉ ui ui một màu chì. Tiếng xe có inh ỏi, tiếng nói chuyện có lào xào thì cũng không khác gì ngoài sa mạc. Ngồi chưa lâu thì hắn đã thấy mệt và trở lại giường nằm. Trong cái mênh mông của trống trải vô vọng, hắn tụt dần, tụt dần xuống tận đáy. Điều duy nhất còn nối liền hắn với đời sống hiện thực, là thỉnh thoảng lúc đêm khuya, không hiểu nhờ một tiềm lực nào thúc đẩy, hắn lang thang đến dưới gốc cây trước chung cư nơi bạn ở. Rồi nhìn lên các cửa sổ và đoán xem người ở trong nhà đang làm gì. Phải hiểu là trong mắt hắn bây giờ, tất cả cửa sổ của bốn dãy nơi chung cư đều là cửa sổ nhà bạn, và chỉ có bạn hắn là người duy nhất ở đây.

Chùm sáng hất từ cột đèn đường đu đưa như lay võng khiến mặt hắn lúc sáng lúc tối ngả màu vàng xám tựa mặt người chết. Thật ra đâu có gì lạ, vì hắn đã là cái xác tươi rồi. Hắn đứng như vậy suốt đêm, cho đến lúc áo trời trắng dần và sáng sớm rón rén bước ra. Sáng sớm, như mọi sáng sớm, thật im lặng. Im lặng cùng nghĩa với mất mát vắng mặt. Im lặng cùng nghĩa với đồng lõa chia sẻ.

Hắn mở cửa bước vô nhà. Một mùi hôi thúi từ đâu tạt vào mặt, dai dẳng như đã ngấm ướp trong da thịt. Vào phòng tắm, hắn cởi bộ quần áo ướt định đi thay chợt mũi "tìm" ra mùi khó chịu này. Phải rồi,



LÊ THÁI LÂM
Thể nhập

Tâm thân thể nhập hòa chuông
Thanh âm vụn vỡ nỗi cuồng vọng ta
Một trăm lẽ tám sen tòa
Vô cùng sánh với sát na khởi về

Bao la

Vũ trụ chứa đầy đôi mắt biếc
Thuyền yêu nẻo lạc giữa thiên hà
Vô tận chìm sâu phương hướng hẹn
Thèm về mi chớp đã bao la.

LÊ THÁI LÂM

đúng là nó rồi, ôi cái mùi khiếp đảm, nó là cũ kỹ của mộ bia ngoài nghĩa địa, là ẩm mốc của rêu phong trên thành tường, là khẳm thủm của thịt rữa trong đất lạnh. Nó bốc từ con nữ đang đứng nhìn trong gương, mặt chảy thiu nhếch nhác. Nồng nặc trên bờ ngực nây nẩy đàn bà, nồng nặc nơi bụng dưới nguyên vẹn đàn ông. Như có gì lợn cợn túa ra trong cổ khiến hắn lợm giọng, nôn thốc nôn tháo trên con nữ.

Giống bạn hắn, lần cuối cùng gặp nhau.

ĐỖ QUỲNH DAO
Sceaux 07-11-2001

Twingo : tên một hiệu xe Pháp



PHAN BÁ THỌ
Những động âm của giấc mê

Tôi nghe sự trở mình của những bờ bến lạ
những âm thanh xô đẩy đuổi rượt nhau dưới những sườn dốc
thoai thoải & dựng đứng
tôi biết mình đã phai vàng úa lá
ngập ngừng buông cùng định ý bay lên

Ơi sự lập dị đáng thương là tôi
sự cầu kỳ của mộng ước lá vàng mơ bay về trời
sẽ bay về trời
đưa bay về trời
sẽ bay về đậu vào bên cạnh của nỗi phận mình & người
sẽ tái tạo lại những nguồn vui ước mơ không như giấc mơ

Sự trở mình của mùa trên bến lạ
nơi ấy không ghe thuyền neo đậu
cua ốc cá tôm ngồi vắt vẻo lưng sóng thả những mồi hoa câu người
ôi những hải vật muốn nghe đồng dao & cổ tích bằng đôi tai của gió
muốn thấy loài người tra vấn lòng mình trong giấc chiêm bao

Tôi nghe lạo xạo tiếng nắng
những lời ai đó chưởi rủa vào câu thơ mề mệt tôi vừa viết ra
trong thơ tôi mặc kệ
những đứa bé sẽ cứ tập bay trước lúc tập đi
luyện giọng ca hát trước khi tập nói
chỉ có ở đó nó mới tự do với những ý nghĩ thơ trẻ

Tôi ngập trong sự trống vắng khô hạn sau bước quay lưng của một đám
quen
sự trống vắng không sờ mó cảm nhận & định nghĩa được bằng những
niệm ý
có sẵn
sự trống vắng chứa ngàn triệu dấu hiệu
có cái dẫn đưa tôi về bến lạ
chốn ấy xanh trong hoàng hôn & tháng ngày ngồi vẽ mặt thời gian.

PHAN BÁ THỌ



TN

THƠ THƠ
Mùa xuân trắng

(bà tôi đã chết trong căn phòng đó,
mùa xuân sẽ luôn luôn còn đó....)

"*Lại mùa xuân...*", tôi nghe tiếng mình vang vang từ một tiềm thức. Tôi trở lại căn phòng ấy vào đúng mùa xuân. Bên ngoài cửa sổ, cây lê cổ thụ đã rợp đầy hoa trắng, đằng sau là một vòm lá xanh, xanh ngắt, xanh mượt mà, xanh như màu chỉ có trong huyền thoại, màu nguyên thủy của ký ức tuổi thơ.

Tôi từng ngắm khung cửa ấy với nhiều tâm trạng khác nhau, có những lần tưởng như tuyệt vọng, có những lần tưởng như cả thế giới đã khép cửa lại. Nhưng khung cửa màu xanh ấy vẫn cứ lung linh, vì nó là cửa kính, trong suốt – phản chiếu – soi rọi. Nó tô màu mọi hình ảnh bên ngoài, nó thu hút mọi năng lượng của tâm thức. Chỉ có một lần, khung cửa ấy đã trở nên không màu- không ánh sáng- không bóng cây, không tiếng chim- không nắng- không hình ảnh, không thời gian, không còn gì hết.

Ngày mà bà ngoại tôi mất.

Bà ngoại tôi đau trong suốt bảy năm. Cái giường trong bảy năm đó kê ở một vị trí cố định, vị trí tốt nhất để nhìn ra cửa sổ. Bà tôi nhìn bốn mùa thay nhau qua lại khung cửa ấy – như một nhà thơ – nên càng lúc lời nói càng trở nên văn chương, bóng bẩy, đôi khi quá hàm súc đến độ mơ hồ. Những câu nói như của một ngôn ngữ khác, mênh mông hơn, và vang vọng hơn – khó nhớ hơn, nhưng cũng khó quên hơn cái tiếng dội lại, khi tôi bắt được một ý nhỏ trong suốt một câu nói dài. Một buổi chiều, ánh nắng thật kỳ quái, vừa chói lọi vừa vàng vọt, tôi khó chịu toan kéo màn lại. Chợt giọng bà thảng thốt, "Đừng! Đừng!". Tôi thôi ngay, quay lại nhìn bà. Giọng bà bối rối nửa như giải thích, nửa như tự thú, "Con đừng ngăn ánh sáng nhé, nhớ đừng bao giờ. Nhất là ánh sáng của buổi chiều..., chẳng còn bao lâu nữa...".

Có vẻ như bà còn muốn nói thêm, nhưng giọng cứ chùng xuống, rồi im bặt. Tôi đau lòng, mà không tìm được lời an ủi. Bà chắc cũng quên rằng tôi đang đứng đó, mắt đăm đăm dán vào khung cửa. Tôi khẽ khàng sửa lại chiếc gối cho bà, rồi len lén rút lui.

Tôi nhớ, bà càng ngày càng hao mòn đi, xương xẩu và hốc hác đến độ ai nhìn thấy cũng phải xót xa. Mỗi ngày tôi chải đầu cho bà, kín đáo dấu vào túi áo mớ tóc rụng trước khi bới lại thành búi nhỏ. Nhưng bà biết, "Hôm nào bà phải cắt tóc ngắn thôi, như mấy bà già Tầu ấy! Chứ tóc chẳng còn mấy thì con làm sao mà búi mãi được".

Cơn bệnh tàn phá thật khủng khiếp, tốc độ và cường độ của một cơn bão lốc. Những cơn đau dã man, hành hạ không cho bà nằm, cũng chẳng thể nào ngồi. Những lúc đó, bà quỳ gập người rên rỉ trong tư thế cầu kinh, tư thế duy nhất làm giảm cơn đau cắn xé. Bà tôi bây giờ gần với thây ma hơn là người sống, duy chỉ đôi mắt là vẫn thế, trìu mến và buồn bã, đăm đăm và ngời sáng, hướng về khung cửa sổ. Đôi mắt mở to giữa hai hốc mắt sâu thẳm, bất chấp tất cả, và khung cửa bây giờ không cần phải kéo màn nữa, dù ngày hay đêm.

Mỗi ngày lúc nắng lên, trong nhà thế nào cũng có người treo một giò lan dưới chạc cây lê ngoài cửa sổ cho bà ngắm. "Hoa lan chơi được lâu", bà bảo, "nhưng lâu quá sẽ thành ra hoa giả". Tôi trở nên thờ ơ với những đóa lan đó, chi chít trên cành tháng này qua tháng khác. "Bà thích hoa hồng nhất, mỗi lần con đến thăm bà, mang cho bà một đóa hồng thôi...", mắt bà thấp thoáng nét cười. Tôi muốn làm vui lòng bà, vội nói:

"Mai con đi chợ mua hoa hồng cho bà".

Bà không nhìn tôi, quay về phía cửa sổ:

"Không, sau này..., sau này con ạ".

Rồi ánh mắt lại đi xa hơn nữa, nhưng không phải một tia nhìn vô

định. Tôi biết, hình dung ra một vạt cỏ xanh, hoặc bóng cây cao có lá lao xao ve vuốt mặt đất. Tôi nhìn sang bà, vẫn cái nhìn đó, bà đang đi về một nơi nào đó, biết đâu chừng trong thâm tâm bà đã tới đó rồi. Tôi nghĩ thầm, hoa hồng bây giờ chưa làm được gì, khóc bây giờ cũng vô ích, bà chưa cần ai khóc hết, vào lúc này, không hiểu tại sao mình lại đau lòng đến thế.

Trong những ngày cuối đó, mùa xuân vẫn còn rất đẹp, rất rực rỡ ngoài khung cửa. Cây lê trắng xóa, thả vào gió cả ngàn cánh hoa mong manh lả tả, mùi hương thật nhẹ nhưng lại đọng rất lâu trong ký ức. Những lúc không bị cơn đau hành hạ, bà ngồi với một chồng gối sau lưng, mỏng hơn tờ giấy. Những lúc nửa thức nửa ngủ, bà hay nói một mình, kiểu như mê sảng, người nhà nói thế. Đó là một chuỗi những câu nói mơ hồ và ẩn ý, nghe tựa tựa như thơ, ngôn ngữ thật đơn giản đến độ dễ tan loãng trước khi người nghe kịp hiểu. Đôi khi tôi thấy hay hay, mang máng hiểu, và lấy giấy bút ghi lại. Nhưng không cách nào chép được trọn vẹn, như những câu nói hay ý tưởng của giấc mơ, không kéo dài , mới hiểu đó đã trở nên vô nghĩa, hoặc ngớ ngẩn, mờ nhạt đi như khói, rồi mất hút. Tôi thấy nản, đành bỏ cuộc. Đáng lẽ bà đã có cả tập thơ để lại...

Tôi đến thăm bà lần cuối.

Căn phòng tối sầm, ánh sáng ban ngày không rọi thấu bức tường và những tấm màn buông rủ. Miếng vải trắng đã phủ đến ngang vai, mái tóc ngắn xõa trên gối, tôi không rõ đã có ai vuốt mắt cho bà chưa. Đêm qua, bà đã tự tay pha chén thuốc cuối cùng, kéo lại tấm màn cách biệt trước khi lên giường nhắm mắt...Tôi nhớ trong phòng lúc ấy nhiều người lắm, mẹ tôi cứ chăm chú cầm tấm gương nhỏ kê sát mũi bà, quan sát, rồi khẽ lắc đầu, “Chính tay bà đã khép cửa lại, nếu bà đã nhất quyết đóng cửa thì không còn hy vọng nữa đâu”, mẹ nói bằng giọng y hệt như của bà, cái giọng thanh tao và mệt mỏi làm tôi rùng mình. Tôi chạy ra ngoài, với một hy vọng mơ hồ, giựt mạnh rèm cửa. Rõ ràng là tôi mở mắt, lúc đó, nhưng không thấy gì hết nữa. Mọi hình ảnh đã xóa nhòa, như một tấm màn thật lớn ngoài kia đang đóng đinh cả trời và đất, và tất cả. Một tấm màn im lìm, và cả thế giới đóng lại. Tôi nghe một tiếng thét thật lớn, của chính mình, rồi không còn biết gì nữa.

Đám tang không nghi lễ, không cầu kinh, không tụng niệm, như ý bà muốn. Không một đặc ân nào của thế giới này dành cho thế giới bên kia. Trong suốt một năm trời sau đó, mọi tấm rèm trong nhà để rủ, lẫn lộn trong những miếng trướng thêu tối tăm, tôi quen dần với ý nghĩ ngôi nhà không còn cửa sổ nữa.

Bẵng đi mười mấy năm, chúng tôi theo bố mẹ dời đi một thành phố khác. Ngôi nhà của bà và những ngày cũ hầu như bị xóa mờ khỏi ký ức, như ai lấy tấm vải chụp xuống mặt trắng xóa. Đôi khi tôi cố moi móc trong đầu, mong tìm ra chút manh mối nào chăng. Mỗi năm một lần, ngày giỗ bà, chúng tôi thắp nén hương, mơ hồ khấn vái, mơ hồ tin tưởng một điều gì đó. Và con đường về quá khứ tưởng như xa vô vọng.

Lần này dì tôi bán nhà , nhắn mẹ tôi về thu xếp công việc, tôi mới có dịp trở lại thăm căn phòng lần cuối. Đồ đạc ngày xưa đã mang đi gần hết, cái giường của bà đã gỡ ra xếp vào một góc, vị trí để cái giường ngày xưa giờ là một mảng bụi dầy cộm. Sàn nhà vương vãi những tấm hình gỡ vội vàng từ album ra, tranh ảnh đã hạ xuống, để lộ ra bốn bức tường nông cạn và vô hồn. Tôi khó lòng nhận ra ngôi nhà của bà ngày nào nữa, cho tới khi bất chợt nhìn ra cửa sổ.

Vẫn tấm màn cũ đã phai màu, kéo về một bên cho ánh nắng lùa vào – như ngày bà vẫn còn. Ánh nắng lung linh và vòm lá vẫn xanh như màu xanh tôi còn giữ trong ký ức. "*Lại mùa xuân...*", tôi thì thầm, ứa nước mắt. Tôi chợt nhớ ra tất cả từ ngày ấy. Cây lê cổ thụ đang thả đầy hoa trắng ngoài kia, màu trắng non mong manh và thanh thoát cứ lay động không ngừng, tưởng chừng như gió đang thổi lên từ đó, không có gì thay đổi cả, dù đây là lần đầu tôi phải khóc khi nhìn thấy nó. Những chùm hoa trắng làm tôi khóc, nắng gió đổ xuống chung quanh làm tôi khóc, cả một tuổi thơ và những huyền thoại trở về làm tôi khóc.

Khung cửa giờ đã lấy lại tất cả những gì từng thuộc về nó, ánh sáng của những buổi chiều, không gian nó đã từng phản chiếu, những ký ức hắt hiu, và cả đôi mắt đã từng nhìn ngắm nó.

THƠ THƠ



HOÀNG XUÂN SƠN
Kèn hiệu

Dù sao còn giữ được hiệu
loa kèn
cho nhạc khúc hành binh trụy thai
cố thổi lên không lạc điệu
thổi lên nguyên sơ ở hang lủ khủ cáo chồn
bầy ngự sử lên dây đàn tim óc
(bổ búa ra ở giữa động và thực
 ngự trên bầy)
căng lắm những buổi chiều dây leo
con chữ ôi huê tình!
đám lang dại ngóc đầu thảnh thơi giếng bò quanh động mạch
hứng này hứng tình gàu nước mát đôi sinh
trở dạ ngẫu nhiên hàng quán

Kèn thổi mấy chục năm chưa nên hồn
nên dáng mại mại những bài thơ mai mái
không có thơ không có thơ không có
chừ điệu rap vỗ thủng màng nhĩ
nghe hoài không ra
thà rằng không có thơ đành rằng không có
nhạc tự do trôn đàn bà
a!thành kiến như mồ chôn
phường vô lại.

HOÀNG XUÂN SƠN
14 aout 2001





LAM TRÙNG DƯƠNG

Khinh

Thật ra có những điều mình chờ đợi từ rất lâu. Và khi nó đến lại ngạc nhiên quá đỗi. Ngạc nhiên thở phào.

Vào một buổi chiều nào đó trong năm, ở một nơi nào đó, một điều nào đó, tương tự như vậy đã xảy đến với tôi. Có lẽ đó là lúc tôi nhàn rỗi nhất và cảm thấy tự tin hơn bao giờ hết. Đơn giản là nó đã nói ra: nó coi tôi như cục cứt. Không quanh co ngại ngùng gì hết. Nó nói phải, nó coi tôi như cục cứt thật. Bất ngờ tôi lại bật ra ý nghĩ tôi cũng vậy. Tôi coi nó như cục cứt. Thẳng thừng lắm, không phải là phân, là đồ dơ bẩn, là rác rến, mà là cứt - hệt như những gì nó nghĩ về tôi.

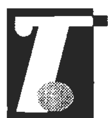
Lẽ ra chúng tôi không nói cho nhau nghe những lời như vậy. Vì nó luôn tự cho mình là người lịch sự, còn tôi trước giờ vẫn nghĩ mình đứng đắn. Chúng tôi đã nhã nhặn vậy vậy rất nhiều rồi. Để làm gì?

Nó đã ngậm tăm mà mai mỉa tôi, còn tôi thì cay cú chịu đựng những nhục nhằn lỡ cỡ. Vậy cũng được. Điều tôi không hiểu là nó ghét tôi ở điểm nào và từ bao giờ? Trong cách trình bày của nó, nói đúng ra là lời giải thích của nó tại sao tôi là cục cứt mà lại không là những thứ khác, có cái gì đó lổn ngổn, luộm thuộm, không minh bạch và thiếu nhất quán. Ban đầu thì nó nói nó ghét tôi từ khi tôi còn là học trò của nó, bởi vì tôi ngu quá, không giải nổi một bất phương trình bậc

hai. Rồi có lúc nó nói là nó ghét tôi khi tôi tặng nó bó hoa đầu tiên sau những lần hẹn hò. Loài hoa đầy gai mà nó rất không thích: hoa hồng. Khi khác nó lại nói nó ghét tôi vì tôi đã giật cái bình sữa nó đang bú, lúc đó tôi vừa lẫm chẫm biết đi còn nó thì mới biết lật. Nó chán chê tôi từ hôm qua. Vậy là mới thôi à? Nó nói không, lâu rồi. Lâu là bao lâu? Không biết. Và nó chợt nhớ ra, hình như trong lớp tiếng Anh thì phải. Nó ghét tôi từ lúc đó, vì tôi hay quạu quọ, cho bài kiểm tra rất khó, vô lớp không đúng giờ, bắt bí học sinh, và thường nhái giọng phát âm của nó để làm trò cười. Rồi nó lại nói không, nó lộn rồi, nó ghét tôi từ thuở còn đi học, ở trọ xa nhà, đứa nấu ăn, đứa rửa chén. Học bài cũng ngồi học cùng. Đi uống cà phê cũng đi cùng. Tối nằm gác chân chữ ngũ đong đưa kể chuyện đầu cua tai nheo. Nó ghét tôi, đâu có gì đáng để nói thêm vì thực ra tôi có coi nó ra gì đâu. Vậy mà tôi vẫn muốn biết tại sao nó ghét tôi và nó thì muốn giảng giải ngọn ngành lý do do nó ghét tôi. Nó ghét tôi vì tôi hay ngủ dậy trễ. Nó ghét tôi vì sự thông thái đáng nghi ngờ của tôi. Nó ghét tôi vì từng tuổi này còn lông ngông chưa nghề ngỗng gì ra hồn, mà cũng không làm được cái tích sự gì đáng gọi là. Nó ghét tôi vì tôi hay lang thang chỗ này chỗ nọ mà không hề nói cho nó biết. Nó ghét tôi vì tôi cao hơn nó một cái đầu. Nó ghét tôi vì tôi đen đủi cù lần. Nó ghét tôi vì những cô gái khác không ưa nó. Nó ghét tôi vì tôi ăn nhờ ở đậu nhà nó. Nó ghét tôi vì tôi không sao bì kịp đức hạnh con cái nhà nó. Nó ghét tôi vì tôi chẳng bao giờ hoàn toàn tin lời nó nói. Nó ghét tôi vì tôi bổ bã chứ không ngọt ngào khôn khéo như những chàng trai nó từng nép vào ngực. Nó ghét tôi vì tôi đã mắng mỏ nó trong sở làm, trước mặt những đồng nghiệp khác chỉ vì cái dự án tôi giao cho nó đã quá kỳ hạn một ngày mà nó chưa làm xong. Nó ghét tôi vì khi nó cho người gọi tôi lên văn phòng của nó, thì tôi lại tông cửa vô với bộ mặt kênh kênh. Và chưa đợi nó kể lể hết về cái quyết định sa thải tôi thì tôi đã trả lời là tôi đách cần cái chỗ làm này, là tôi không bất tài như nó tưởng. Nó ghét tôi vì nó ghét tôi quá. Nó coi tôi như cục cứt.

Tôi đã suy nghĩ rất lung về chuyện ghét bỏ. Nhưng chưa lần nào tôi thấy thú như lần này. Tôi muốn la lên, muốn hét lên, hạnh phúc quá, nó ghét tôi, tôi ghét nó, chúng tôi ghét nhau, chúng tôi nói ra, chúng tôi tâm sự cho nhau bao nhiêu uẩn ức bấy lâu. Tao coi mày như cục cứt. Vậy hả? Trời ơi, tao có khác gì, tao cũng coi mày như cục cứt. Ít khi nào chúng tôi lại có dịp nói và nghe những lời thật như vậy. Chưa bao giờ thì phải.

Tôi ngồi xuống. Thành phố đi ngang qua. Những con đường của tôi, những khuôn mặt của tôi, những vầng mây thơ ấu của tôi, những



LÃO NHIÊU
Dòng đời

Bắng nhắng cái con khỉ
lại mồm năm miệng mười
nằm một nơi chết dí
dòng đời, fucking trôi. . .

Ẩm

Trăm năm một tiếng khà
uống cho đời dủ dẻ
có chết một thằng cha
cũng ấm lòng. con mẹ!

Thương

Ngậm ngùi bươn tứ xứ
chải một vòm tóc thưa
mây ơi! đồi núi cụ
thương biết mấy cho vừa

LÃO NHIÊU

và những. Tôi đứng lên. Tôi đi ngang qua thành phố. Mỉm cười hài lòng, về tôi, về nó, về chúng tôi, về chúng ta, về tất cả.

Tôi chưa tự hỏi tại sao tôi lại ghét nó. Không lẽ chỉ vì nó coi tôi như cục cứt nên tôi cũng coi nó như cục cứt. Ấu trĩ quá phải không? Không, tôi không hề là người như vậy. Tôi có thể không nhã nhặn, bặt thiệp nhưng ít ra chín chắn, và thỉnh thoảng, rất độ lượng.

Đây phải chăng là một vài ngày lẻ loi trong đời tôi thấy lòng mình phơi phới lạ? Tạm biệt nỗi niềm của nó, sự trỗi dậy của tôi. Đi qua đi, bóng đêm và ánh sáng. Tôi đã không tìm thấy. Xin chào.

LAM TRÙNG DƯƠNG
Orange , ngày giữa đông 2001.



LƯU HY LẠC
Niệm lại

gửi nh.

Sự câm lặng của mặt trắng trang giấy
bắt đầu từ khi cơn táo bón của
chữ diễn ra kéo dài một cách triền
miên bấy giờ nơi khoảng trống sự câm

lặng tỏ dấu lì lợm ghê gớm rồi
đây do môi sinh cảnh thổ sao đó
có thể sự câm lặng của mặt trắng
trang giấy nơi khoảng không dấu hiệu lì

lợm sẽ biết cách cầm chừng và dòng
đời thì trôi chảy, nói trọn vẹn nghĩa
nơi khoảng không sự câm lặng của mặt
trắng trang giấy tỏ dấu lì lợm rồi

đây do ưu thời mẫn thế sao đó
sự câm lặng của mặt trắng trang giấy
nơi khoảng trống dấu hiệu lì lợm sẽ
trở nên nhẹ cân hơn ít cầm chừng

hơn và dòng đời thì trôi chảy còn
cách nói theo thì bây giờ là sự
câm lặng sao đó của mặt trắng trang
giấy nơi khoảng không tỏ dấu lì lợm

do cơn táo bón chữ diễn ra kéo
dài có thể triền miên, thường ngay từ
bắt đầu chỉ sự rỗng tuếch tầm phào
chả ghê gớm gì ngoài nỗi chịu đựng

bền bỉ và, cho đến cuối quả sức
người có hạn sự câm lặng của mặt
trắng trang giấy nơi khoảng trống dấu hiệu
lì lợm sao đó nó giống cùng nghĩa

với những câu chữ chửi tục thực bạt
mạng thực cô đơn.
LƯU HY LẠC





TỪ NGUYÊN TĨNH
Người tình của cha

Có lẽ ít người cha trên đời thương yêu con như cha tôi. Mẹ tôi mất từ lúc tôi lên hai, cha nuôi tôi từ thuở ấy. Người dùng chiếc xích lô kiếm sống. Thành phố nhỏ miền Trung này, chắc hẳn đã có người bắt gặp. Một người đầu chớm hói, có nước da rám nắng và đứa trẻ gái ngồi trên ghế mây, đó là tôi và người cha tội nghiệp. Tất cả tình thương cha dành cho tôi. Tôi lớn lên trong sự nhọc nhằn thức khuya dậy sớm nai lưng đạp xích lô của cha, giờ đây, tôi đã là cô gái mười bảy tuổi đang học những năm cuối của bậc trung học. Cha hay kể về mẹ bằng những lời ngọt ngào. Cha kể đến mức tôi thuộc lòng hình ảnh mẹ. Hễ nhắm mắt lại là thấy mẹ hiện lên, khuôn mặt đôn hậu, hai mắt mở to nhìn tôi. Dẫu chiến tranh tàn khốc và thiếu thốn ở chiến trường Tây Nguyên vẫn không tàn phai được sức sống và vẻ đẹp của mẹ -cha bảo mẹ có nụ cười đầm ấm dễ thương- mẹ Thu của con đã cứu cha thoát chết bởi những trận sốt rét ác liệt. Mẹ lội khắp rừng tìm lá thuốc nam sắc cho cha uống. Mẹ xuống bìa rừng bắt giun dùng lá chè xanh rừng chuốt sạch nhớt bắt cha nuốt. Sau khi thoát chết là đói. Đói đến nỗi rụng tóc và lông mày rụng hết, cha phải dùng cả hai tay mới bò nổi

từng bước, mẹ lại lần đến những bản xa xôi của người cùi, không ai dám tới xin bắp về nấu cháo bón cho cha từng thìa...

Bao giờ cũng vậy, kể đến đó cha đến bên bàn thờ của mẹ thấp ba nén hương. Miệng cha lầm rầm tâm niệm. Chiếc ảnh của mẹ tuy đã phai màu nhưng vẫn ánh lên mỉm cười cùng cha con tôi.

*

Tôi thương cha hàng ngày phải làm thay phần việc của mẹ. Lo từng mớ rau, quả cà và cả việc may vá. Nghề đạp xích lô không ai lạ gì. Phải dậy thật sớm đón khách đi chợ, đón người từ ga tàu về. Nhiều hôm phố, xóm đã cơm nước ngồi xem ti vi cha mới lạch xạch đạp chiếc xe cà khổ về nhà, cha hì hục lau chùi rồi dùng xích sắt khóa vào chân giường cha nằm, cha bảo đó là con ngựa chiến nuôi sống nhà mình. Mà quả thật, đó là món tiền nghỉ chế độ một lần của cha ngày mẹ mất về nuôi tôi.

Tài sản ngoài ba gian nhà lá trong nhà chẳng có thứ gì đáng giá ngoài chiếc xích lô cũ kỹ. Vẫn hai chiếc giường từ ngày tôi ra đời, chiếc cha nằm đã mọt, có đêm tôi giật mình thức giấc bởi tiếng nghiến răng của mọt. Tôi thương cha nên sớm thành cô gái ngoan. Tôi muốn đỡ phần bếp núc, quét dọn nhà cửa. Căn nhà của cha tôi là một tổ ấm nho nhỏ. Làm dịu lòng cha thân phận người đạp xích lô hèn mọn. Một lần tôi nghe một cô gái trạc tuổi tôi nói như hét vào nhà.

- Xích lô! Đi ga nhé!

Tôi buồn rầu hỏi cha:

- Có nghề gì tốt hơn đạp xích lô không cha?

- Bốc vác, bơm xe... -Nghĩ ngợi một lúc cha tôi cười- con hiểu cho cha, cha đi lính từ năm mười bảy, lúc chưa kịp rời khỏi ghế nhà trường nên chẳng biết nghề ngỗng gì. Mới lại, Thu Trang con ạ! Chiếc xích lô này sẽ đưa con vào trường đại học. Rồi cha kể cho tôi nghe sự phong phú của "Binh chủng" xích lô. Người mù chữ có, người có bằng cấp có, lính có, quan có... có chàng ban ngày lên bục giảng, đêm đến cùng "con ngựa chiến" ra đi... cha bảo nhiều vị khách nước ngoài họ khoái đi xích lô, họ thiếu gì tiền để đi xe du lịch, nhưng thích rong ruổi trên xích lô để ngắm thành phố. Vớ được một người khách ấy đạp bở hơi tai, nhưng cũng hời vì họ hào phóng. Tôi nghe bao lời điều tiếng về nghề của cha. Họ kể về sự phức tạp của dân xích lô. Nào có bà khách đi chơi đêm không có tiền trả, muốn gạt nợ bằng chuyện làm tình, có ông thích cầm nhầm của khách hàng. Tôi tin cha, người có trái tim của người lính.

Những hôm vắng khách cha bảo tôi lên xe ngồi và cha con tôi rong ruổi khắp phố phường. Lúc đó cha tươi cười nói một cách trẻ trung, nhìn thành phố, người qua lại nói cùng tôi.

- Thu Trang ạ! Có lẽ khi loài người bay vào vũ trụ dong chơi, chắc vẫn nhớ đến xích lô của cha con mình.

Nghe cha nói tôi nhủ thầm, dẫu sao nghề nghiệp của cha cũng chân chính như trăm ngàn nghề khác, vất vả mới kiếm được đồng tiền.

Bạn bè của tôi thích cuộc sống đạm bạc của cha con tôi. Các cậu ấy nói cùng cha:

- Bác ạ, Thu Trang sẽ vào đại học bằng "chú ngựa sắt" của bác, rồi ra bác sẽ đỡ khổ.

Tôi muốn kiếm một nghề đỡ đần cho cha, chắc mẹ tôi ở dưới suối vàng cũng ngậm vui...

Có lẽ tôi là người biết chậm nhất. Mấy bà hàng xóm nói đuổi theo tôi.

- Thật khổ cho con nhỏ, mẹ chết đuối chẳng tìm được xác, cha phải bỏ cơ quan về nuôi nó...

- Chậc! Ông ấy có người tình là phải rồi!

- Thì bà bảo nhịn làm sao được. Cha nó nhịn được mười lăm năm là giỏi đó.

- Đàn ông đàn anh họ vậy cả đấy, đầu gối cắt còn máu còn thích nhấp nhổm.

Tôi buồn bởi một lẽ cha không nói thật ra cùng tôi, tôi thề sẽ không như những cô gái khách ích kỷ muốn cha ở vậy hầu hạ mình mãn đời. Tôi thèm những đêm trăng cha chở tôi đi men theo đường phố. Tay người chỉ lên những quả đồi bát úp mọc chi chít thông. Cha bảo ở Tây Nguyên có nhiều thông lắm. Lán giao liên của mẹ của cha cũng ở dưới gốc thông, những đêm trăng sáng, bao giờ mẹ cũng đánh thức cha dậy bằng được. Mẹ bảo những cây thông nó đang trò chuyện và ngắm trăng đấy!

*

Thôi rồi, còn đâu những ngày đầm ấm nơi căn nhà lá đạm bạc. Thì đằng nào cha cũng cần có cuộc đời riêng. Sao ta lại phi lý bắt cha phải chịu đựng vắng bóng người vợ dẫu đó không phải là mẹ. Nhưng thà cha đừng kể nhiều về mẹ, cha như bao người đàn ông bạc tình khác ở cõi đời quên người vợ nằm xuống khi cỏ chưa xanh. Nhưng cha cứ kể với giọng ngọt ngào... Cha thắp hương trên bàn thờ của mẹ.. tôi lại phải nhắm mắt lại đã nhìn thấy mẹ hiện lên... Có đêm, học mệt

nhoài, nằm thiếp đi, tôi thấy mẹ và cha trở về, mẹ dắt tay cha rón rén nhìn tôi. Cha hết nhìn mẹ lại nhìn tôi như so sánh sự giống nhau. Mẹ xoa đầu tôi, nước mắt mẹ rơi trên trán tôi nóng bỏng. Tôi khóc thét lên như đứa trẻ nhỏ gọi:

- Mẹ ơi! Mẹ của con ơi!

Mở mắt ra chỉ nhìn thấy cha nước mắt rơi lã chã.

Tôi không tin cha tôi có người tình. Nhưng tụi bạn lại thề độc, chúng nó nhìn thấy cha cùng người ta ôm nhau trên xe xích lô. Người đó khóc, còn cha vỗ về...

Tận phút này cũng ít ai thương còn như cha. Cha ra đi từ mờ sáng nhưng cơm nước đậy sẵn lồng bàn cho tôi ăn đi học. Tối nào trở về dù khuya cũng mua cho tôi lúc thì quả xoài, hôm thì hộp kẹo, cha gọi tôi khoe chú cá lóc.

- Thu Trang con không nhớ ư? Mẹ con là chúa thích ăn canh cá lóc lắm đó.

Cha làm như tôi đã được sống với mẹ không bằng.

Nghe cha nói tôi vừa bực mình lại vừa thương cha, dưới con mắt cha, tôi vẫn là đứa trẻ dại khờ. Được, đằng nào tôi cũng phải làm cho ra nhẽ. Để cha tôi và người đó phải ngượng ngùng cho mà xem. Tôi tưởng tượng ra người tình của cha mắt nhìn đi nơi khác để tránh cái nhìn của tôi, còn cha thì nói đứt quãng:

- Thu Trang... con... tha thứ... cho cha!

Tôi mượn bộ quần áo con trai để mặc, đầu đội mũ lưỡi trai dài che kín mặt, đeo kính râm. Đạp xe từ thành phố ra ga mắt quan sát người đạp xích lô. Quan sát những gốc cây cổ thụ, những đoạn đường vắng vẻ. Đạp vòng vèo mãi tận khuya mà không thấy cha đâu. Mấy cô gái đi hoang gọi theo léo nhéo:

- Anh ơi! Em chờ anh hoài... hay vì tình mới mà quên bạn xưa cũ hở anh? Họ cười phá lên nghe mà nổi cả gai ốc. Không biết trong những người đó, có ai là người tình của cha tôi?

Thất vọng, quay xe đạp qua cầu sắt về nhà. Nhưng kìa chiếc xích lô áp vào gốc cây đầy cầu. Một người đàn bà mặc đồ đen đang gục vào cha tôi khóc. Cha vỗ về -nín đi em... trời bắt tội, anh biết làm sao được!

Tôi muốn lao xe đến hét toáng lên. Ôi! Xấu hổ chưa cha ơi! Sao không nói cùng con và lạy trước linh hồn của mẹ mà về ở với nhau cho đàng hoàng.

Nước dưới chân cầu rỉ rả phụ họa cho tiếng khóc của người đàn bà. Tiếng cú rúc cùng đêm lạnh.

Tôi về gian nhà lá mồ côi, lấy chăn trùm kín mặt. Nước mặt tự dưng trào ra.

Cha mãi khuya mời về, gọi tôi nhỏ nhẹ.

- Trang ơi! Quà của con đây này!

Tôi nín lặng hồi lâu, không hiểu sao lại nói cùng cha.

- Cha cưới người ấy đi, con không độc với người ta đâu.

- Không bao giờ... không bao giờ con ạ! -Tiếng nói như bị tắc trong cổ cha.

Bẵng một thời gian tôi nói với cha:

- Tối nay con đi học nhóm, con sẽ ngủ lại ở nhà bạn con, cha đừng chờ con.

Cha nhìn tôi một lát rồi hỏi:

- Con đã hẹn với bạn chưa?

Tôi gật đầu thay cho trả lời.

- Hôm nay thì được nhưng lần sau con nên rủ bạn đến học ở nhà ta. Nhà mình vắng, cha khuya mới về.

Nghe cha nói tôi thấy lòng chua chát quá. Cha biết đâu, tôi muốn bắt được cha và người tình ngay ở căn nhà này.

*

Đêm trăng sáng. Thành phố nhuốm đầy ánh sao. Tôi lẫn vào đoàn người và xe cộ. Như một thiếu nữ đi dạo chờ người tình, tôi lang thang tới khuya. Rón rén như một tên ăn trộm tôi mò tới cửa sổ. Nơi giường của mẹ tôi, cha tôi và người đàn bà ấy đang ôm chặt nhau. Vai người ấy đang rung lên tiếng nấc.

Tôi chạy vào nhà cố kìm lấy tiếng la hét:

- Trời ơi! Sao các người lạ lùng vậy? Không biết xấu hổ cùng người mẹ của tôi hay sao?

Bà ta vùng dậy nghẹn ngào:

- Trời ơi! Kìa... anh!

- Không được... Liên, nghe anh!

Bà ta lại gục đầu vào cha tôi khóc rưng rức. Tôi vùng chạy khỏi nhà. Chạy để khỏi thấy nỗi khổ trớ trêu dày vò tâm can. Tôi muốn thức trọn đêm nay với nỗi lòng tan nát vì người cha. Tôi đi đến bãi sông bên cầu sắt, nơi cha tôi tìm được bộ quần áo của người mẹ xấu số, cái lần mẹ đi tắm và vĩnh viễn không trở về.

Trời khuya, gió lạnh. Ánh trăng nhạt nhòa chiếu xuống dòng sông. Khúc nhạc cô đơn của dòng sông thấm vào lòng tôi. Tôi nhìn thấy nơi dòng sông như có tiếng ai đó vậy gọi:

- Con ơi... con tội nghiệp...

- Thu Trang... về đi con! Tôi giật mình quay lại thấy cha tôi cùng chiếc xích lô đến từ lúc nào.

Tủi thân, tôi ôm lấy thành cầu khóc.

Nhìn thấy dáng ảo não của cha, tôi càng khóc to hơn.

- Lên xe đi con! -Cha tôi giục.

Không chở tôi về nhà mà ông chở tôi đi dọc phố. Đêm vắng lặng. Lòng cha tôi cũng nặng buồn. Đêm trăng, vẫn là đêm trăng sao buồn bã cô đơn. Vẫn là những quả đồi quen thuộc, những hàng thông xếp hàng tít lên cao. Nhưng tôi lại tưởng những cây thông như người đàn bà mặc áo đen đang trèo lên đỉnh mà chẳng bao giờ tới đích.

Tiếng hú của con tàu nào vào ga, có phải mọi hôm giờ này cha tôi đã đi đón khách.

Nhưng nỗi buồn ấy chưa vơi thì một tai họa khác lại giáng lên đầu tôi. Một hôm tôi đang học thì mấy bà hàng xóm hớt hải đến lớp, báo tin cha tôi bị nạn cấp cứu đưa vào bệnh viện, không biết sống chết ra sao.

Chị hộ lý đón tôi, dẫn vào phòng cấp cứu. Người cha tôi quấn đầy băng trắng xóa, nằm bất động. Tai nạn bất ngờ xảy ra cùng cha. Khi cha đang chở xe hàng nặng leo lên dốc cầu, bị một xe ôtô đi ngược chiều quệt làm cho xe hàng đè lên người cha. Tôi ôm chầm lấy cha khóc như mưa.

- Cha ơi! Sao mà khổ thế cha ơi!

Cha tôi nuốt đi những giọt nước mắt. Bàn tay khô héo xoa lên đầu tôi. Cha nhìn tôi như muốn dồn tất cả tình yêu thương trước khi lìa khỏi cõi đời, thật ân hận biết bao, có phải đã có lúc tôi dày vò cha về chuyện người tình.

Cố gắng lắm cho mới mấp máy được đôi môi.

- Thu Trang... con...

- Dạ...

- Con... có... hứa... với cha không?

- Dạ... có cha ạ!

- Từ giờ phút này... con phải sống... tự lập... vì không... có ai nuôi con... Dừng một lúc cha nấc lên -cha thật có lỗi vì để con côi...

Tôi òa lên khóc, thương cho số phận của cha và niềm tủi cực của mình. Cha đưa cho tôi một mảnh giấy nhỏ, ghi loằng ngoằng mấy chữ: "Maria Liên - Vĩnh biệt em". Người thều thào nói: " Con hãy giúp cho đưa thư này" rồi tắt thở.

Hàng xóm và bạn bè đạp xích lô đưa cha tôi đến nơi yên nghỉ cuối cùng. Tôi khóc thương cha nhưng thầm hứa trước linh hồn người sẽ đưa thư đến tận tay người tình của cha.

*

Tôi lên tàu theo địa chỉ Maria Liên. Mong mỏi gặp bà, tôi sẽ nói cùng bà rằng cha tôi đã mất. Rằng trên đời này, chỉ có bà và tôi là người gần gũi nhau.

Tôi thất vọng hoàn toàn khi người chỉ đường cho tôi nói, đây là một làng toàn người hủi sống. Người tôi gặp mặc toàn đồ trắng, có dấu chữ thập đỏ ở mũ, có lẽ bà ta là thầy thuốc. Bà nhìn tôi ái ngại. - Cô đến thăm ai?

- Dạ, cháu đến thăm bà Maria Liên.

- Cô là gì với bà Liên?

- Cháu... à không ạ!

- Không sao... con đi vào ngôi nhà ở quả đồi thứ ba có những cây nhãn xanh tốt, nhớ rẽ bên phải...

Tôi đi theo lời chỉ dẫn của bà. Tâm trạng như bị rơi vào khoảng hư vô, sợ hãi. Những hàng cây xanh tốt um tùm đầy quả ngọt, vi vút tiếng chim kêu. Đó đây, tiếng thổi sáo của trẻ mục đồng làm xao động trời xanh. Đàn trâu phô bầy những chiếc lưng béo mộng. Tiếng suối chảy róc rách như tiếng đàn của thiên nhiên vỗ vào lòng đất. Xa kia, những ngôi nhà đầy ngoạn mục như chiếc lá đính vào núi đồi màu xanh lam. Chim muông, trái thơm quả ngọt đầy thân thiện. Nhưng chỉ con người xa lạ, như không có họ ở trần gian.

- Này cô kia... đi dây đấy? -Tôi nghe một giọng nói như dội lên từ âm phủ.

Một người, hai người và rất đông từ lùm cây hiện ra cùng tiếng nói. Mặt họ đỏ rực như thể được nung từ mặt trời. Tia mắt nhìn ánh lên nẩy lửa, chắc ở trong mỗi con người kia đang bị cắn rứt bởi tật nguyền. Mũi sứt sẹo, chân bước tưởng có thể rơi ra từng đốt. Tôi rụng rời không nói được nên lời.

- Dạ... con đến thăm... bà Maria Liên!

- Nhà thứ ba, đi... đi... ííí ...

Họ biến mất vào lùm xanh. Họ không muốn cho ai nhìn thấy mình, nhìn thấy sự bêu riếu của tạo hóa.

Trời ơi! Thế hóa ra cha tôi lại yêu một người bị hủi ở chốn này ư? Tôi muốn bỏ chạy, chạy cho thoát khỏi nỗi ghê rợn. Nhưng một tiếng nói lắng sâu, thiêng liêng như là lời nguyền trong tôi. Hãy vì cha, vì người cha tội nghiệp mà cố lên, Thu Trang.

Tôi leo lên sườn đồi, quên phéng đi mọi lời chỉ dẫn. Tôi vào một ngôi nhà lợp lá gồi xinh xinh. Một người ăn mặc bộ đồ dài, đầu trọc lóc, đang gõ mõ đánh nhịp cho tiếng tụng kinh.

- Nam... mô... A... di... đà... Phật... cứu... khổ... cứu nạn... những lời sau đó dính vào nhau thành một chuỗi dài.

Tôi lễ phép hỏi:

- Thưa cụ... cho con hỏi ạ!

- Mô Phật! - Một cô gái còn rất trẻ quay lại nhìn tôi.

- Bà Maria Liên ạ! - tôi nói.

- Bên quả đồi thứ ba, đi... đi! - Nhưng lời nói rời rạc, ánh mắt lạnh lẽo muốn xua đuổi. Tôi hấp tấp chạy để tránh ánh mắt lạnh lẽo của cô gái. Mong sao đưa được mảnh giấy đến bà Liên -người tình của cha tôi.

Leo lên quả đồi có ngôi nhà gỗ. Một người mặc đồ đen đang gục vào cây thánh giá có hình đức chúa chịu nạn, giọng nức nở.

- Lạy đức chúa trời... cứu vớt lấy chúng con là kẻ có tội...

Chờ cho lời cầu kinh dứt, tôi lên tiếng:

- Thưa bà, bà có phải là Maria Liên không ạ?

Bà ta giật mình quay lại nhìn tôi. Mặt mũi méo xệch đi như vừa bị một bàn tay vô hình bóp méo. Bàn tay phẩy phẩy không che nổi những đốt đã rụng.

- Không... tôi không biết người là ai... đi... đi... Nén nỗi uất hận vì thương cha, tôi lễ phép hỏi:

- Thưa bà... cha tôi đã chết... Nếu bà không phải là người nhẫn tâm thì nhận lấy thứ này.

Bà Maria Liên vụt chạy đến bên tôi, cầm lấy tờ giấy tay run rẩy. Tôi kịp nhận ra rất rõ, người tình của cha. Bà mặc dù bị bệnh tật tàn phá nhưng vẫn đẹp... không nén được, tôi khóc lên thành lời:"Khổ lắm cha ơi, là cha ơi!"

Bà nhìn tôi trừng trừng, tôi không chịu nổi cái nhìn dữ dằn ấy, quay đi chực bỏ chạy.

- Khoan!!

Bà đến cạnh tôi, đôi mắt mở to.

- Thu Trang... bà phải nén sự nghẹn ngào mới thốt được ra lời.

- Bà... ơi... cha tôi mất rồi!

- Trời ơi! Con... con hãy tha thứ cho mẹ... mẹ Thu của con đây... Vì tương lai của đời con... mẹ không muốn cho mọi người biết con có người mẹ bị hủi nên ra đi từ lúc con lên hai... Trời ơi... Thu Trang... cha của con đâu rồi?

Tôi gục đầu vào ngực mẹ, gọi: "Mẹ ơi!"

Phải, trên đời này tôi rất cần có mẹ.

TỪ NGUYÊN TĨNH





NGUYỄN HÒA TRƯỚC
Đường chiều, mưa sẽ xuống

— Cuối đường, thay vì rẽ phải, quẹo trái, chúng mình sẽ tới đâu?

— A... Em chưa từng rẽ trái bao giờ. Bao nhiêu năm, cứ theo đường cũ mà đi. Chẳng lần nào nghĩ đến việc tìm thêm lối lạ. (hơi ngạc-nhiên) Chị muốn biết thực ư? Chị không định về nghỉ, về... cho anh ấy khỏi mong? Còn cơn nhức đầu của chị nữa. Nó thế nào rồi?

(nhăn mặt): (Mũi chị ấy cao quá! Mình cứ vấp ngã hoài trên đó. Nó như mỏm núi ngăn cản đường xuôi nam của tia mắt mình.)

— Cậu có lối nói chuyện mà dù muốn, vẫn khó thể ưa. Người ta mong câu hỏi của mình được giải-đáp, dầu tích hay tiêu-cực. Chẳng ai mong nhận lại câu hỏi của mình kèm theo câu hỏi khác của người mình hỏi. Nó là gánh nặng nhân đôi. Chứng nhức đầu chưa kịp mở, bắt đầu bưng trở lại.

(ú-ớ):

— Em không định tâm thế. Nhưng, chị... cũng có cách hỏi thật...

lạ. Giống như đang thong dong giữa đồng bằng, bất chợt va phải ngọn núi mọc lên từ dưới chân. Thiếu điều... vỡ trán! Nhiều khi em không nghĩ mình vừa nói chuyện với cùng một người. Chị biến-hóa kinh-khủng. Trước em có cả bao nhiêu là... chị. Song cũng nhờ đó mà...

(nóng ruột):

— Lại nữa!

(cười xòa, song nghiêm-trang, hơi ngậm-ngùi):

—... em luôn được cảnh-giác với chính mình. Đó là đặc-tính em bỏ lơ từ lâu, (có lẽ) từ lúc chị cười nhạo em, "Cái gì cậu cũng để vào mắt, độn vào tai. Cứ như người rừng được về thành-phố. Ngần ấy sự-kiện ghi-nhận, liệu bao nhiêu mắt, bao nhiêu tai cho đủ, với cậu?" (mơ-màng) Chẳng nhớ ai đó (hay em cứ ngỡ thế thôi) đã nói, phòng-vệ kẻ khác dễ dàng hơn nhiều so với việc phòng-vệ chính mình.

(chép miệng): (ôi, răng trắng tươi cắn ngập hồn mình!)

— Cậu không thể trách chị. Khi người ta không có (hoặc đỡ bi-đát hơn, không mấy) tự do , những việc họ làm thường vượt ra ngoài ý-định của họ.

— Tổng-quát, em hiểu chị. Em không muốn "truy-cứu" trách-nhiệm từ những hành-động kia. Song, nhiều lần, tự do sờ-sờ ra đấy, hiện hình ra đấy chẳng khác quyển sổ, cây bút, thế mà chị vẫn chẳng chịu cầm, nắm, giữ lấy cho! Những lần đó, em không hiểu được chị. Em bực lắm, chỉ muốn kéo tay chị mà đặt lên nó, rà quanh để nhận cảm-giác, khép ngón cho chị vào nó, thứ tự do -cụ-thể kia.

(đau-đớn):

— Chị, rốt lại, chẳng nhìn thấy gì, chẳng cảm thấy gì. Chỉ có em, vì nhìn thấy nó, cảm thấy bực-tức, rồi đau-khổ vì sự bực-tức kia. Ôi chao, chị hạnh-phúc hơn em nhiều! Em, lẽ ra phải hạnh-phúc với hạnh-phúc của chị chứ, thế mà...?

(xót-xa):

— Làm gì đến nỗi thế, cậu út của tôi ơi! Cậu làm tôi khóc lên bây giờ! Tôi không sẵn khăn tay đâu nhé.

(dường không nghe, tiếp-tục dòng cảm-nghĩ):

— Lạ quá! Những gì chị nói với em, dầu người chẳng biết gì về luận-lý, vẫn thấy... vô-lý thế nào, thế mà em vẫn cúc-cung vâng dạ, ngoan-ngoãn tuân hành. Tại sao, tại sao?

(hốt-hoảng):

— Kìa, cậu. Giảm tốc-độ lại nào! Đường ngoằn-ngoèo dốc đứng thế kia. Có gì không đúng thì cho chị xin. Có gì thì thong-thả phân-trần. Chẳng nhẽ chị phạm nhiều lỗi với cậu đến vậy sao?

(xe giật-già, chậm hẳn, rồi trở lại độ nhanh bình-thường. Cười

xòa):

— Xin lỗi chị. Ồ không, chị không có lỗi gì với em hết cả. Chỉ có em là có lỗi, với chị, với người khác, với riêng em.

—... May đường này vắng cảnh-sát, chứ nếu không em đã được tặng cho cái ticket lưu-niệm.

(mở ví, lấy son, thoa; đóng lại; nhìn ra cửa kiếng, giọng xạc-xào):

- Chị em mình chắc không định mang những ý-niệm tự do, đúng, sai ra bàn-luận. Các hình-thái... thính-đường đại-loại xét ra không còn hợp thời nữa rồi, nhất là trong vòm xe đang rì-rào hơi sưởi dễ rủ-rê mình ngả vào nệm xe lặn lấy một giấc, trong cuộc sống ngốn-ngấu nơi phần đất nước này. Chúng mình không biến được hai băng ghế đây thành hai hàng ghế trong giảng-đường; không thể xoay tấm bản đồ về hướng bên kia của đại dương... Bên ngoài gió quá. Hàng phong non kia, nom lạnh đến tội! Sao người ta lại hạ thổ chúng vào cuối hạ? 3 tháng thu không cấp đủ nồng-độ để chúng tiếp trữ cho mùa sau. Chúng chưa thể tự vươn lên. Chúng như đứa bé vừa tập đi. Cứ nhìn 3 thanh gỗ tròn dìu địu chung quanh chúng mà xem! Dễ chừng cũng không đủ chống chỏi với gió.

— Chỉ tại chị nằng-nặc chọn mua nhà vùng... gió hú này. Chỉ tại chị đã chán cảnh phồn-hoa đô-hội. Lên cao để mở hồn ra với gió. Thì gió đấy. Để chị thỏa-thuê. Mà cũng chỉ tại chị quá giàu lòng trắc-ẩn. Tình-cảm che cả tầm nhìn. Chị an tâm. Thảo-mộc, sức chịu-đựng và sức vươn lên của chúng còn mạnh hơn của con người nhiều. Cứ theo những tấm biển quảng-cáo gắn dọc đường thì hạt này được thành-lập cách đây hơn năm mươi năm. Trong bốn mươi bảy năm qua, lúc chị chưa về đây, có ai động lòng thương xót cho đàn phong mảnh-mai kia? Có cây nào trong nhóm bị gió đánh gãy?

(thở dài):

— Khéo dư nước mắt... Biết vậy mà không chừa được.

(vài giọt trắng bám vào kính xe. Không hiểu chúng được phun từ đâu. Chúng như những hạt bông gòn, ướt):

— Trước kiếng lái của cậu vẫn có; và cả bên hông kiếng của chị. Kìa. Mưa, hay sương, hả cậu?

— Mình đang lên cao, chị à. Gió mạnh thêm. Trời thưa mây. Không phải là nước của mây trời. Cũng chưa tối. Không thể là nước của đêm. Có lẽ chúng rớt từ trong gió. Gió quá lạnh vẫn có thể tạo nên hơi ướt. Gió vừa đi vừa đánh vãi sinh-lực của chính nó. Thế mà nó vẫn khỏe. Gió vừa là cây, vừa thổi hoa nước từ cây của nó đi.

(trầm-trồ):

— Muốn hiểu câu này thì phải quên đi phần luận-lý. Không thể dùng trí thông-minh làm kính hiển-vi mà soi. Cậu nói hay lắm. Không cần nghĩa, chỉ nhạc-điệu thôi nghe đã đủ mê rồi. Tương-cận loại poème en prose. Chị thích thế. Đàn bà như chị thích cái gì đứng sau chữ, số. Cảm ơn cậu. Hình-ảnh trong câu nói, và bên ngoài kia nữa làm chị nhớ quá chuỗi ngày sinh-viên. Ôi, Sài-gòn! Văn-Khoa Cường-Để ! Những buổi chiều tối tan học, cậu đèo chị sau chiếc honda quân-đội cũ mèm, trước khi về nhà, tạt qua Bưu-Điện, đứng nghênh-ngang giữa lòng phố, nhỡn -nhơ mấy cuốn bò bía tí teo, mùi rau quế thơm như mùi chiều chưa hết, nghẹn-ngào vì chất tương quyến-luyến, xuýt-xoa vì vị ớt cà cay xé, thấy cả mấy Nhà Thờ Đức Bà trong ràn-rụa mắt. Những lúc ấy, mình thấy mình quá giàu sang, Sài-gòn quá giàu sang; và cuộc sống học-trò chưa làm ra tiền mà hào-phóng, và hạnh-phúc tuyệt đời!

.... Rồi đoạn đường còn lại về nhà, vừa i-ỉ hát vang, vừa nài chị choàng tay qua lưng, cậu... Chị nghĩ, chắc cậu ta... say...ớt! (cười sặc lên).

(xe ngừng; tấp vào lề); (thắc-mắc):

— Ô kìa, sao? Xe hư à?

— Em đang say. Chị mang cơn say cũ về với em. Chất "say" như bụi sương, dễ dính vào người... Mà chị. Cảnh đẹp thế, không nên ngồi hoài trong chiếc hộp cơ-khí. Em muốn ra ngoài ngắm trời, ngắm đất, núi non, thung-lũng. Chị cho em vài phút, chỉ vài phút thôi. Có về muộn vài phút, anh ấy chắc cũng chẳng ăn thịt ăn cá gì chị đâu.

(lại thở dài):

- Đã nói là chị không hoàn-toàn tự do nữa mà. (xúc-động) Ước gì được vài phút sống thực về quá-khứ, cậu hả? Hồi ấy, chị... nghèo quá! Đi học, chỉ được mẹ cho đâu 5 đồng, đủ trả xe buýt hai lượt, và nhín-nhút ly đậu-đỏ-bánh-lọt. Ăn thật chậm, thế mà hết lúc nào lúc nào không hay! Còn cậu, bình-thường thì nghèo, song thỉnh-thoảng... giàu sụ lên với tiền nhuận-bút một vài truyện đăng trên báo (T. C. là trả... sộp nhất cậu hỉ, những 300 đồng!) Tha-hồ ăn quà, tháng trời không hết. Cũng vì mấy cái truyện đó, mấy bài thơ... vớ-vẩn của cậu mà chị... xiêu lòng... liều nhắm mắt đưa chân ghi danh V.K., hy-vọng vào đó sẽ dễ dàng trở nên văn-sĩ, thi-sĩ. Đâu ngờ...!

— Chị hối-tiếc?

(xua tay, hối-hả):

— Ấy, cậu đừng vu oan cho chị. Suốt cuộc đời học-sinh, quãng đời tươi đẹp nhất đời người, sao lại hối-tiếc? Thành-công, vui-vẻ, đã đành. Ngay cả dăm lần thất-bại, điểm kém, chị vẫn nhờ nguồn vui chữ-nghĩa dẫn lướt qua được. Bọn chị là con gái, hay mơ-mộng. V.K. là chỗ trú lý-tưởng duy-nhất cho những thả rong đầu óc.

(gió, hay hơi buồn của chị):

- Cậu nhớ cuốn phim "Libre comme le vent " xem đâu ở Lê-Lợi những năm 60? Hồi xưa, gió tự-tại, thong dong như chàng clôchard trong phim hoạt-họa của Disney. Những năm cuối 90, gió bị cột rồi! Trong tay, bây giờ, không phải 1 hay 2, nhưng là nhiều những sợi rong dây mà trên đường bay, gió bị quàng vào!

(lúng-túng):

— Em xin lỗi chị. Có lẽ một hai lời nào em vừa nói với chị đã khiến chị không hài lòng. Ơ, trời đột-nhiên trở lạnh. Không cần bước ra, trong này, em đã nhìn thấy. Mỗi cành thông, mỗi bụi cỏ, đó là những vật ở gần. Còn xa kia thì là màu núi, màu chỏm xanh dưới lòng chảo, màu mặt nhựa... Mỗi thứ là mỗi hàn-thử-biểu cực cùng chính-xác. Em rút lại ý-định. Mình cứ ngồi trong xe thôi, chị à. Em không muốn chị ra ngoài. Ngắm cảnh từ đây tuy không được hoàn-hảo, song lại an-toàn.

(tháo seat -belt , sửa-soạn):

— Lạnh vùng này đã hề-hấn gì. Chị còn kham được gió tuyết cơ mà. Chị chỉ muốn nhớ câu nói trên của cậu. Chị xuống đây. Vài phút thôi.

(tần-ngần, xuống theo)

(gió từ dưới lũng, gió trong không, gió dưới mặt nhựa. Gió đu-đưa trên những cành thấp, cành cao. Gió lầy trong khí. Mỗi bước tiến, mỗi bước ngừng, mỗi hơi thở đều ướp gió. Một số gió đang chuyển thì đã đành; ngay số gió đang ngủ cũng thức mà động theo. Chị nhẹ tênh. Cái cơ-thể 115 pounds đã bị gió tháo hết sức nặng. Chị bay lên. Tóc xoải hai bên tựa như giữa chúng là luồng nước vô-hình. Sau lưng chị, lũng sâu vừa được lấp đầy. Nhà trắng, ngói đỏ, đồi xanh... các trụ điện và các dây thõng-thượt trông như những sợi đàn đã lâu không ai so của chúng, cả mấy thửa vườn gần tầm mắt nhất, trông thật và vững-vàng nhất, với lồ-lộ hồng, thược dược và các loài huệ lá nhọn, tất cả nhũn dần ra, thun lại, cô-đọng tức thời, dệt vừa khuôn chiếc chiếu lớn màu bạc. Những đường dọc của chiếu gấp ngược lên, võng cầu xuống, úp chụp về trước, nhanh lắm, như gió loang, nhưng vẫn không thể chạm tới chị. Nó là chiếc nền vừa ảo, vừa tỏ mà trong sững mắt của mình, chẳng khác chi luồng thác rộng với lưới nước đổ lên, cao quá, chóng-chánh, ngã sóng-soài tức-tưởi rồi bị hút vào trũng đáy vô tâm. Không âm. Không vọng. Chị mặc pardessus. Chiếc áo lụng-thụng trống dưới hụt trên chẳng những không bó lại được, còn làm tràn cả ra ngoài một lượng gió đáng kể. Phải chi chị khoác manteau thì hay quá. Manteau có chiếc dây vòng quanh thân dưới áo. Nó ve bụng chị nhỏ gọn. Nó nhốt gió vào đó; gió gặp hơi người, nở phồng tựa quả bóng, giúp người thăng thiên. Phiền nỗi, ở Mỹ này,

khó tìm mua được manteau. Người ta chỉ khoác loại áo thuộm dài, nom từa-tựa áo bành-tô. Đà-Lạt có nhiều cửa hàng bày bán khối kiểu manteau, mặc vào trông rất "đầm," đẹp); (chị hót):

— Mây bay thấp, ngỡ vói tay lên là nắm được. Ồ, có lẽ chị đang đứng trên thóp đất. Khu này có khác gì vùng Julian hay Mount Laguna mà đầu năm cậu vừa đưa chị đi nhặt "thông già đầu non"?

— Chị không đùa em được. Nói thế là em dựa trên... thực-tế hẳn-hoi. Sau Giáng-Sinh, thông trở mình, cứng chắc, và "già" nhất. Còn khu trên này không bì được với dưới đó. Không bì đây có cả nghĩa tốt lẫn không tốt. Tốt là tuy lạnh, song mình vẫn sống, vẫn ở được. Cái lạnh không thái-quá khiến mình còn đủ cảm-giác để cảm nỗi đê-mê điêng-điếng của thời-tiết. Là khu dân-cư biệt-lập, song vẫn không xa lắm miền thị-tứ. Chỉ năm bảy phút xe là mình gặp được cây xăng, chợ, tiệm nails, hớt-uốn tóc, quầy fast food , thậm chí có cả một công-viên, tuy nhỏ, song đầy-đủ trò chơi cho trẻ con, đủ băng đá cho người lớn. Còn không tốt là không tốt đối với những tâm-hồn muốn "tự-do-như-gió" kia. Mình không có không-gian rộng thoáng hơn để thả lỏng bước chân, không được ngắm tuyết vào những tháng cuối và đầu năm, không được "miễn" nghe tiếng xe chạy, hít khói than...

(thở ra):

— Chân không chạm đất, người không vững được. Em hay bị, và đâm ra sợ những khoảng-khắc lâng-lâng, mất trọng-lượng. Có lẽ tim em nhiều... bối-rối. Chẳng thơ-mộng tí nào, xét về mặt y-học. Mà lại vô cùng nguy-hiểm. Chị biết không, không ít lần em phải cặp xe ngay vào lề, nhận không ít hồi còi "xì-nẹt" của những chiếc chạy sau, ngả lưng nhắm mắt cả năm phút cho cơn choáng qua đi mới tiếp-tục lái. Cũng may, so far , mọi sự an lành.

....

— Chị đừng đến gần mỏm đất kia. Đứng đấy được rồi. Vành nhôm an-toàn nơi đó sẽ bảo-vệ cho chị. (cánh tay em không đủ dài!)

— Chị cũng không liều thế đâu. Cậu cho chị xin vài phút nữa. Giờ thì đến phiên chị xin cậu. Chị không diễn-tả hết thành lời những gì lướt qua trong óc. Nhưng, trời ơi, sao hôm nay chị lãng-mạn thế này? Cậu... không nghe rợn trên da vì sự ve-vuốt của mây bị gió đứng sau chúm môi thổi tới, không nếm được vị ngọt của nước đã đông thành đá dầu bị dập-vùi vì những gót giày boots , bứng lên bằng xuổng bằng xích kim-khí? Ôi tiếc ghê! Các cô bán chè Sài-gòn mình thông-minh và dễ thương biết bao khi sử dụng các nhúm đá tơi bông kia vào việc làm căng các tế-bào lưỡi của nhóm học-trò những buổi trưa hè nồng-nực! Đá nuôi

sống con người. Nó không thuần là trò vui chốc lát.

— Chị phẫn-kích chi? Đó là sự chối-bỏ? Lên án? Thiên-nhiên luôn cho đi mà không đòi nhận về. Thiên-nhiên bao dung mà không hờn oán. Chị lên tiếng thay thiên-nhiên? Thế thì hiểu thế nào cho đúng lời chị vẫn nhắc, trước một sự việc mình không đồng lòng, việc ban-phát một nụ cười có tácđụng tốt hơn cho ra một lời chỉ-trích. Chị che khăn trước mắt em. Em không được cả ngay là chú ngựa, bởi bước nện đang vang lên đầy âm thắc-mắc.

(hy-vọng chị không khóc trong khi nói, hoặc khi nói xong):

— Cậu xem nhẹ chị quá. Có thể chị không đủ tự do khi hành-động; song trong tư-tưởng và lời nói, nhất là khi lời nói đó gửi cho cậu, người vẫn chủ-trương là "không đánh đàn bà, dù là với một cành hoa... hồng," là triệt-để tôn-trọng, đề-cao phụ-nữ và các quyền của họ, thì không ai tước-đoạt được của chị cái chị đáng có.... Chị không kết án ai. Lại càng không quay lưng trước nguồn vui của họ. (giọng cao lên, vui, trẻ con) Ồ, cậu xem này, ai cũng bảo, "nhẹ như mây," song nắm mây trong tay chị đây thì đang thở. Nó như con cá vừa thoát khỏi trứng. Phải có một trọng-lượng tối-thiểu nào đó thì nó mới khiến mình run lên vì tiếng thở của nó chứ?

(lắc đầu; khó hiểu! Mình không là phái nữ, không sở-hữu được khả-năng "nhìn" được hình dạng của các thứ trừu-tượng. Cái "đằng sau" sự vật, tạo-hóa không cho mình đôi mắt để chiêm-ngưỡng!).

(mây thở, cứ cho là thế đi. Và lời chị bỗng dưng có sức nặng):

— Trái lại nữa là khác. Sau lần hồi xứ, ngược từ Nam ra Bắc, mắt nhìn, tai nghe, tim cảm, tình-yêu quê-hương càng tha-thiết hơn. Cứ tưởng mỗi bước mình đi, mỗi cây-số xe mình qua là mình được tiêm thêm một giọt máu. Để khi trở lại đây, cuộc sống mình giá-trị gấp hai. Cái gấp hai của quê nhà làm nẩy sinh theo nó trái tim thứ hai. Trái tim này, trước kia, mình không có. Nó không là trái tim bình-thường, có tính-cách... quốc-gia. Nó là trái tim "nhị-quốc:" gốc là Việt-Nam, mà lá cành hoa nụ là Hoa-Kỳ. Cậu biết không, giây phút thứ nhất sau khi trở về (ôi, vui thay được thỏa-thuê dùng hai chữ "trở về:" nó có nghĩa đôi: trở về Việt-Nam hay trở về Mỹ đều đúng cả), được ngồi trong xe (không nhớ lần đó chị đi với ai), lướt trên xa-lộ êm như Aladin ngồi trên tấm thảm thần, chị đau-đớn và sung-sướng muốn ngất! Rồi tự trách từ lâu mình đã quá vô ơn, quá hững-hờ trước vòng tay đã đón chào, ấp-ôm, nuôi-nấng mình. Hỏi cậu nhé, bao nhiêu người đã có cảm nghĩ đó? Không chuyến về thăm quê, ắt hẳn cũng không hé ra tia "phản-tỉnh" như vậy. Rồi hỏi thêm cậu nhé. Bao nhiêu người mình chịu tìm mua lấy một lá cờ Hoa để vào một vài dịp lễ trong năm, trân-trọng, thực lòng treo lên nơi thoáng-

đãng nhất của căn nhà mình ở và tìm thấy trong việc treo đó nỗi rưng-rưng, niềm vui sướng? Mình hưởng của người thì được, mà hưởng nhiều nữa chứ. Có lần nào trả được cho người bằng hành-động phải lẽ đơn-giản thế kia?

(chị khóc ư? đó là hạnh-phúc. Hạnh-phúc ở bên này đến từ một xót-xa cho quê-hương bất-hạnh bên kia):

— Ngót năm ngàn người. Nhân lên mấy lần con số đó là những thân-nhân, bè bạn. Nhân lên bao lần con số đó là con số của những tình-cảm quê-hương? Ngần ấy cộng lại, còn không là con số nhỏ nhoi? Ngay cả một cá-nhân, từ lúc sinh ra cho đến khi trưởng-thành, bao nhiêu là gom-góp, kết-tinh, tích-tụ, hy-vọng, đợi-chờ? Lửa địa-ngục nào đã thiêu sống họ? Nhân danh cái gì mà người ta dám nhúng tay vào tội ác khủng-khiếp như vậy? Anh-hùng ư? Dầu quan-niệm về thuộc-tính này có đối-chọi đến đâu giữa hai tập-thể thì cũng không thể đẩy tính-cách đối-chọi đó lên đến mức thủ-tiêu cả bản-chất người. Không còn nhân-tính thì cũng không thể nói đến đối-nghịch về tư-tưởng, về cái gọi là "giáo" được. Chị khóc trước những mất-mát của dân-tộc mình. Chị cũng khóc trước những mất-mát của dân-tộc "không-mình." Nói cho cùng, từ ngày về thăm quê trở qua, ý-nghĩa của chữ "không-mình," "khác" đã dần dần nhòa-nhạt. Biên-giới bị lấp dần. "Chủ-nghĩa dân-tộc" bước đầu đã bị thay thế bởi chừng mực của "chủ-nghĩa toàn cầu." Bây giờ, sau biến-cố khó tưởng kia, thứ tình-cảm theo chủ-nghĩa hạn hẹp đã bị thiêu chết trong vũng hỏa-ngục 100 tầng.

(tiếp; hôm nay chị nói nhiều quá; chưa bao giờ chị nói nhiều thế. Chị nói cho chính chị nghe. Chị có cần đâu sự hiện diện của mình? Mình chỉ là đối-tượng tình-cờ):

- Bài báo Việt nào viết, sau cơn choáng đó, người dân Nữu -Ước đã đối-xử với nhau nice hơn. Con người lúc nào cũng dễ thương, lịch-sự. Khi an-bình, chưa cần đi nhiều, nét dễ thương-lịch-sự quy nhiều vào chính họ. Lúc hoạn-nạn, đặc-tính trên quay ra hoàn-toàn với người chung quanh. Nó là cánh tay đỡ, nâng. Ý-niệm "khác" mà xưa kia mình vẫn nghĩ, lúc này đã thành sự xấu-hổ!

(mây lại sa-đà, thấp thêm. Mây theo chiều mà xuống. Chị mải suy-tư, không dơ tay đón lấy mõm khói hình chú cún với chiếc đuôi phập-phễu thật xinh. Đã bảo mà, cũng như tự do , nạm khói sờ-sờ trước mắt. Nó đang nép vào vai, trèo lên vạt áo, sửa-soạn xoa má, vuốt mũi (không khéo gió cũng bị lăn-lóc như mình!), vén lại vài lọn tóc xõa tung. Nó là thực-thể gần-gụi nhất, mời-mọc nhất trong khung chiều huyền-hoặc. Cội phong già đang bị đẩy lùi xa, và đến giây nào đó, nhập hẳn vào bóng xanh mờ tít của rặng xám chập-chùng dưới chân freeway 52. Chị

tiếp tay với bóng chiều, nhuộm lên nó màu của đêm mới nửa.) (Rụt-rè):

— Tối dần rồi, chị ạ. Chị trông xuống lũng kia xem. Dãy nhà tiền-chế mới cất hồi nãy trắng như thủy-ngân là thế, lúc này đã xỉn bụi tro. Bóng xe qua lại đã vật-vờ trên nệm khí. Chị vào xe đi, kẻo cảm lạnh. Ôi chao, lỡ chị ngã bệnh thì em sẽ nói thế nào cho xuôi với anh ấy?

— Ừ, đúng đấy. Chị phải vào thôi. Dạo này cứ chiều hơi chớm là chị đã ơn-ớn lạnh. Vì mấy phút chạnh lòng, vì một chút cảm-hứng thỏa-mãn cho riêng mình mà để lụy phiền đến người khác là việc chẳng nên tí nào. (chép miệng) Anh ấy đã quá mệt-mỏi với cuộc sống. Tình quê-hương nơi anh dầy quá, chặt quá, khó cho phép một thứ tình-cảm nào chen vào. Chớ bắt anh mệt-mỏi thêm vì lo-toan cho mình. Gia-đình, nguồn hạnh-phúc vướng-vít. Cậu cũng nên thử nếm thứ ngọt-ngào đa-đoan kia đi!

(bực mình):

- Chị tưởng em thong dong lắm à? Chị không biết em muôn lần bận-bịu vì thứ thong dong , tự-tại kia?

—?!

— Không giúp chị được (ai cho giúp cơ chứ? Rõ buồn cười!), em lăng-xăng cuống-cuồng với việc vào ra thở dài than vắn của mình. Không ai cho mình bận-bịu, mình đâm ra bận-bịu hơn vì ý muốn bận-bịu, bận-bịu hơn cả sự bận-bịu thực-sự. Em bận-bịu với sự khổ-sở của mình. Em không muốn. Nó phí-phạm quá. Em muốn dành nó, tất cả, cho chị.

(nhắm hờ mắt):

— Chị chưa hiểu hết ý của cậu. Nhưng không phải lúc đặt câu hỏi. Cậu cho chị quá nhiều thai đố. Chị chưa xài hết nên không dại gì xin thêm từ cậu.

(băn-khoăn):

— Chị lạnh lắm không? Chị có vẻ mệt.

(tay hươi lên, bất-định. Rồi òa tỉnh như người sắp mộng du):

— Cậu này, chớ bao giờ nói, nhớ quê-hương quá, về thăm một lần cho đỡ nhớ. Không "đỡ" được đâu, nhớ-nhung hơn lên, dằn-vặt hơn lên thì có. Trong một cái giàu của một người càng lộ rõ hơn vạn cái nghèo của vạn người khác. Cái nghèo "quá Việt-Nam!" Thuộc-từ "định-mệnh" của chúng mình? Ai tin vào điều đó? Nhớ lắm, thì cũng nhờ ông nhà thơ "châm điếu thuốc" giúp cho thôi. Trong tình-yêu cũng thế (mà trong tất cả những gì liên-quan đến "tình"), nếu muốn "đỡ" thì chỉ có cách là đứng xa, nhìn về. Xa mặt, cách lòng. Chị hoàn-toàn đồng-ý.

(vén áo, thở ra, kéo xuống nửa chừng dây an-toàn):

— Cái khổ dễ kéo người ta nhích lại gần nó hơn, gần nhau hơn.

Nếu vậy quả là điều đáng lạc-quan cho cái gọi là nhân-tính. Mình sẽ được dịp xét lại chính mình. Hơn người một chút, thay vì là niềm kiêu-hãnh, thì nên là điều bất nhẫn.

(chị nói với chị hay nói với mình?), (cửa xe đóng. Người mình nẩy lên. Tiếng máy sưởi rì-rì. Ồn, mà chả ấm là bao. Hôm nào rảnh phải nhờ Bác Ron xem lại cho hệ-thống sưởi):

- Chị cứ tiếc một hai năm V.K., cho đó là sự chọn lầm đất đứng, và vẫn đổ thừa là mấy bài thơ tình lẩm-cẩm của em đã... ru ngủ chị. Tỉnh dậy, đã thấy mọi việc bộn-bàng. Nhưng nếu không có mấy năm kia thì chắc em không được nghe những lời bóng-bẩy, tình, lý gọn-gàng như chiều nay. Các cô chuyên... học gạo không có được lối nói văn-vẻ như chị. Cái "mác" văn-khoa ngẫm không đến nỗi vô ích.

— Tôi không đổ lỗi cho cậu. Tôi chỉ muốn đùa cậu thôi. Và tôi nghĩ cậu không hiểu lầm ý tôi. Cậu vẫn trách là tôi quá nghiêm. Đùa tí cho đời đỡ nhạt. Nghiêm-nghị quá, mau già. Lời cậu đấy. Cái gì của César ... Trái lại, tôi còn phải cảm ơn cậu, bởi nhờ hai năm Cường-Để kia mà tôi nghiệm ra điều này: cái ảo-ảnh văn-chương phủ lên những người bị... mê-hoặc (vì cậu, vì chính cái tên gọi của nó) như tôi đây ít khi nhuộm họ thành những thi-sĩ, văn-sĩ trọn-vẹn, mà thường chỉ cho ra lò những... bán-thi, văn-sĩ thôi. Đó là cả một "thiên-tai" cậu hỉ? Triết-lý không mang mặt nạ nhăn-nhó. Văn-chương không là phấn-sáp. Chỉ có người mang nó ra dọa người. Chỉ có người dùng nó trang-điểm. Bỏ hai năm để vỡ được một chân-lý, giá trả không đắt chút nào.

(nhắm mắt):

— Hồi xưa, cậu đến hay. Nhút-nhát... hơn con gái, động tí là đỏ mặt, mà lời-lẽ đôi lúc táo-tợn... một cây xanh dờn. Chuyện tiếu-lâm nào qua lời cậu kể là... bọn con gái khôn hồn tìm đường tránh xa!

— Chỉ để cười vui chút thôi mà chị. Hay nếu chị muốn hiểu đó là cách-thức muốn vượt thắng điểm yếu của mình? Như chàng Ichabod Crane huýt sáo vang lừng khi ngang qua khu nghĩa-trang đêm?

(chị lại không nghe mình nói):

— Khổ nỗi, bọn đàn bà chúng tôi cũng lạ. Càng kỳ-cục, càng nghịch nhĩ, càng tò-mò. Như chuyện ma ấy. Sợ đến cấm móng tay nhọn vào nhau rỉ máu mà vẫn... làm ơn cho nghe nốt đi!

— Lắm lần em mong chị đổi lốt con trai như bọn em. Khỏi cần khép-nép, khẽ-khàng. Mặc tình... ăn tục nói phét, vào piscine là cứ cởi tót, phóng ào xuống nước; dăm thứ bảy, xúc-xẻng tí tiền, đêm màu hồng màu tím tự do ; ăn cùng mâm, tắm, ngủ...

(cú đấm sau vai nổ đóm mắt; may mà mình chỉ mới khởi động xe. Giọng tru-tréo sau lưng càng khủng-khiếp trăm chiều):

- Stop lại, ông tướng! Tưởng là lớn lên, tính-tình, lời-lẽ đằm lại chứ. Ai ngờ! Chết người, không chết nết! Ông tướng muốn tôi xuống xe lội bộ về thì cứ cù nhây đi!

(xoa, xuýt. Đau chảy nước mắt. Vẫn phải cười):

— Đùa chị tí cho đời đỡ tẻ. Chị vẫn còn đạo-mạo như... bà Phật kia đấy. Nếu chị muốn ngự trên tòa sen thì cứ thẳng-thắn. Em sẽ lựa ngày lành tháng tốt cạo tóc quy y.

(lẩm-bẩm):

— Mà, quái! Nghiêm gì thì nghiêm, trẻ thì cứ trẻ! Hai cái này hầu như chẳng ăn nhập gì nhau.

— Cậu lải-nhải gì thế. Đưa chị về đi.

— Chờ em bớt đau đã chứ. Thế này làm sao bẻ lái cho được?

(quả bóng thoát một phần hơi):

- Cho cậu năm phút tự làm massage. Có cần thì dầu khuynh diệp viện-trợ cho đây.

(mặc cơn đau, năm phút gia ân là năm kiếp sinh-tồn. Sau năm phút này, rồi mình sẽ đớn-đau. Thời-gian thản-nhiên bóc dần những mảng chiều vất xuống. Dưới mảng chiều sau cùng là đêm. Ngày của trời đất khác chi quyển lịch của người đời. Chiều nay, sao chị ngồi đây? Buổi họp diễn ra hồi 3 giờ, khá đông. Nhiều người cư-trú quanh đây. Một trong họ có thể đưa chị về. Sao chị lại chọn mình, nhà mãi tít đầu nam đánh xe đưa chị về mãi tít đầu bắc? Mùa thu sắp dứt. Nét thu bày-biện chiều nay có thể là lần cuối. Đường ranh mà hai chị em tự cho phép mon-men đến đã mỏng quá rồi. Bên kia ranh là mùa đông. Chị phổi yếu, sang mùa, chưa chắc anh ấy cho phép chị thường-xuyên ra ngoài trời nữa. Cơn sốt nửa đêm năm nào sau cuộc promenade ban chiều (với một số bạn, trong đó có mình) lôi chị vào thẳng phòng cấp-cứu là tiền-án rõ nét mà chồng chị không bao giờ cho phép lập lại. Thị-trấn này không có tuyết. Chị không sống được nơi những tiểu-bang lạnh, nhưng lại thích nhìn tuyết. (không có, đâm ra thèm. Lại còn bị ảnh-hưởng của sách vở, phim ảnh...) Muốn thế, phải chờ đến cao-điểm của mùa, chịu khó theo dõi tin khí-tượng xem nơi gần thành-phố nhất đã có tuyết chưa, rồi trang-bị đồ ấm "tận răng," xích kéo, lái xe khoảng 45 phút theo hướng 8 East . Năm rồi, sức khỏe chị còn khá. Thế mà cũng mòn lưỡi mới xin được cho chị theo mình đi ngắm tuyết. Năm nay? Có lẽ mình một thân một bóng đánh bạn với con đường đồi quạnh-quẽ, đến nơi, chụp vài bức Polaroid mang về cho chị xem đỡ nhớ. Thì đấy, chị đã bảo, muốn quên, chỉ có cách là đứng xa, nhìn về.)

(giọng người vì-vèo bọt sưởi):

- Lối quẹo phải mở tiếp theo hai ba con đường ngắn đưa về nhà,

hình như tên Invierno , Infierno ... gì đó. Nó mang âm, và dạng giống như chữ "Infernale " trong tiếng Pháp. Chị vẫn thích tiếng Pháp. Đầu óc chị cũng thích. Tự dưng nó bắt vào cái gốc kia. Nên dễ nhớ. Cái chữ này, nghĩa của nó chẳng hay-ho gì. Nhưng dấu ấn mà nó in trong ký-ức chị mạnh hơn cả ý-nghĩa dễ sợ của ngôn-ngữ.

(cua quẹo thật gắt. Tốc-độ giảm dưới 20 mà xe vẫn muốn vọt lên. Chị tròng-trành, tay phải bám chặt vòng cao-su trên nóc. Tội quá! Lần sau, phải giảm xuống còn 10).

—... Văn-Khoa. Cái chữ, cái dấu ấn kia được nung từ năm thứ nhất khi vở kịch "La machine infernale " của J. Cocteau mở trong chị nấc thang vô-hình để bước lên sân-khấu đen phân-tâm đầy mê-hoặc. Hoang-mang, đắc ý, ngượng-ngùng. Chị vừa là diễn-viên, vừa là khán-giả của sân-khấu là cái "tôi" của mình. Chị lóp-ngóp lạc, hụt hơi trên đó. Nhưng, bây giờ, chính cái chữ hầu như đồng dạng, đồng âm với tên đường dắt vào nhà kia giúp chị biết mình đang ở đâu. Cả vở kịch khiến mình lạc lối; một chữ gần-gũi từ nhan-đề của nó lại mở hướng giúp mình. Dầu sao, vẫn thực có sự bù-trừ trong cuộc sống.

....

— Cậu chớ vội cười mỉa. Mỗi người có cách riêng để nhớ. Nó có thể khá ngộ-nghĩnh, buồn cười, đến... vô-lý. Nó thoát-thai từ kinh-nghiệm bản-thân. Mà đã là kinh-nghiệm thì không ai có thể phê-phán. Nó là tấm gương, tuy không sáng lắm rọi vào một số ước-vọng thâm-sâu của mình. (vuốt tóc) Ngay chính cậu, dân deliver pizza chính hiệu, bản đồ in sẵn trong lòng bàn tay mà những ngày đầu tiên đến đây vẫn bở vía trong mớ trận đồ này đấy.

(chị nói đúng, song chưa triệt-để. Không cứ gì mấy năm trước khi chị mới dời về đây mình đã đi lạc, mà bây giờ, cứ hễ có chị bên mình là mình vui-vẻ lạc lối như chơi. Chị là khối nam-châm, hút dính và làm lệch chiếc kim la-bàn của mình.)

(Phải nhín chút thời-giờ mang xe ra cho bác Ron xem lại mới được. Máy mở đến số 3 mà trong này vẫn chẳng ấm bao nhiêu! Cứ có chị ngồi cùng xe là mình lại tìm thấy bao nhiêu là vấn-đề của cỗ máy đã khá già nua này.)

- Rồi cái gì là "phản-xạ-có-điều-kiện" của ông P. nữa. Tâm, hay sinh-lý đây? (giọng nói, phải, giọng nói, chứ không phải bộ máy sưởi, thả ấm khắp xe) Cứ đến chỗ cậu sắp quẹo là thân hình chị tự dưng ngả về hướng ngược lại. Phương-thức tự-vệ tuyệt-hảo đấy chứ?

- Chị không qua trọn cửa ải V.K. mà còn nhớ nhiều hơn em. Nơi em, hầu hết trang-bị đều tuốt-tuột. Có tấm, cũng khó sạch hơn là được lau rửa bằng thời-gian ngót ba mươi năm. Không thể đổ lỗi cho cuộc

sống. Chỉ vì mình thiếu quyết tâm cập-nhật-hóa, bảo-tồn những cổ vật.

....

— Lát về, nhỡ anh có la, chị cứ đổ thừa cho em. Chị cứ bảo cái cậu thẩn-thơ-thơ-thẩn lái xe như nhát gừng; được vài dặm lại ngừng, ngắm cảnh tìm thi-hứng, sốt cả ruột. Anh biết tính em, sẽ tin lời chị ngay.

(châm-biếm):

— Nói thế cũng không ngoa đâu. Tôi cũng chẳng cần biện-hộ cho cậu. Cái tính vẩn-vẩn-vơ-vơ kia, cậu liệu chừng nếu không bỏ thì cũng cần tiết giảm lại.

— Chết người, không chết nết. Chị đã trót đóng mộc lên em rồi. Cởi, phải tay người trói mới cam.

(nhìn bên kiếng xe. Chiều dứt-khoát đã đi. Đêm về, dễ mang mưa theo. Hay ít ra mưa vẫn bị đồng-hóa với đêm. Mưa đêm vẫn thơ-mộng hơn, dầu thực ra trong đa phần thời-gian của mưa, mình chìm trong giấc ngủ. Cái gì không trông thấy vẫn vừa đe dọa , vừa quyến-rũ. Chị không đuổi theo chiếc đuôi nhọn như chiếc đuôi sóng của nó. Chị dứt-khoát trả thời-gian lại cho đêm. Chị sửa-soạn cho tư-thế giã-từ: seat -belt nới lỏng; dáng ngồi của dù sắp bọc mây. Không ai mở lời khi đêm xuống. Đêm không như chiều. Đêm đủ nặng để tự bão-hòa, tự cách-biệt với mọi âm-thanh khác. Chị là người thức tỉnh, biết thức tỉnh khi hiểu rằng mộng không về khi tinh-thần đang cần tiêu-hóa cái vừa qua, trạng-thái chưa sẵn lòng đón-tiếp cái sẽ đến. Còn mình, lúc nào cũng đánh đu giữa chiều và đêm. Chị sẽ về với cuộc sống khác, chính-thức, chen-chúc bổn-phận và niềm vui. Còn mình, sau khúc quanh kia, sẽ chết, sẽ buông xuôi, không chờ nhưng vẫn bị tái-sinh. Điểm ngừng của người này là điểm khởi của người khác. Hãy đừng bao giờ đến để còn biết chờ mong. Cái chết và sống trộn lộn. Lời khác đã nói. Những cái chỉ là thuộc-từ, đã nói. Chỉ đã sống phần lộn lại của đời sống. Cái bản-từ, yếu-từ, vỏn-vẹn ba chữ, ba âm, trong ngôn-ngữ mẹ cũng như trong khá nhiều ngôn-ngữ khác, vẫn còn đong-đưa theo sợi dây nửa xám nửa đen của ranh một chiều và chín đêm).

NGUYỄN HÒA TRƯỚC

11/01

ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU NGƯỜI ĐỌC MỚI ĐẾN VỚI HL

MIÊN ĐÁNG
Chân Dung!

Tôi biết rồi nụ hoa sẽ nở?
Có thể là màu hồng thiếu nữ
Hoặc màu con lạc đà
Hay màu con sâu róm
Ngấu nghiến khoét vạn lá cây
Ăn cắp cho mình một màu xanh

Làm sao biết có ai thèm nhìn một đóa hoa màu xanh ?!

Có thể rồi đóa hoa nở ra không trọn vẹn
Gẫy mất một cánh thiên thần
Đóa hoa cũng chẳng có mùi thơm
Nhưng tôi mong chờ điều gì đó khác hẳn

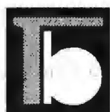
Và chàng không có dương vật
Vặn vẹo lại bên tôi trên một chân RẤT NGƯỜI
Tôi cũng chẳng có âm hộ
Chúng tôi làm tình bằng miệng
Với những cái mút lưỡi
Để tạo thêm cảm khoái
Chúng tôi cạ răng vào nhau
Thượng đế ban tặng con người nhiều cảm xúc tuyệt vời!
Nếu thật sự có bộ thần kinh hiện hữu
Chúng tôi cũng sẽ đè ra làm tình
Những ảo giác khốn nạn!

Tôi biết rồi nụ hoa nở ra loang lổ
Mang đôi cánh giả thiên thần
Nhưng tôi trịnh trọng chờ điều gì đó khác hẳn

Và chàng không có dương vật
Quẩn quanh lại bên tôi bằng một chân RẤT NGƯỜI

MIÊN ĐÁNG *(DEC 5, 2001)*





MAI NINH
Đoản khúc vùng sậy khô

Trạm xe ở sát bìa làng, tiếp giáp với vùng sậy vàng khô có ngọn đong đưa trong gió, ngọn rạp xuống mấy gò đất còn chồi gốc cây đen đủi. Xa và cao hơn nữa, cắt vằn trên nền trời đang ửng một sắc xanh xám những thân cây nghiêng vẹo, lòng khòng, chưa chịu đổ sau trận cháy rừng một năm nào đó. Trong mắt người đàn ông bên kia con đường, cảnh tượng tựa bức tranh vẽ đám hình nhân khẳng khiu cong lưng nhún nhẩy một vũ điệu Phi Châu. Đã mấy hôm rồi ông ta đến ngồi đây từng chiều, trên băng ghế gỗ ngoài sân cỏ, sau cái bàn sắt tròn cũng khập khiễng như bà chủ quán thì thọt ra vào. Mớ tóc xoăn xoăn, sợi dây cột cái váy quanh vòng bụng xoắn tít vài vòng rồi thả một đường dài theo vết cà phê hay có thể là một lần xốt cà chua xót lại. Cổ áo rộng, lệch quá bầu vai bày màu da nâu đỏ như thách đố tất cả cơn gió rừng thô bạo. Gương mặt bà ta cũng nở nang cùng tỉ lệ và khác hẳn lưỡng quyền hẹp thó của gã đàn ông, không biết là chồng hay người giúp việc của bà ta, suốt buổi lum khum lau chùi ly tách sau quầy, ít nói. Cũng chẳng hiểu ở đâu ra lắm cốc đĩa vào cái giờ chiều rơi

lưng lửng vắng khách này. Tài xế các chuyến xe hàng chạy qua thường chỉ dừng ăn uống lúc rạng ngày, đứng trưa hay khi đêm xuống. Những chiếc xe đò chở hành khách liên thị trấn hiếm khi có nhu cầu đỗ lại. Ngoài ra, mỗi mình ông ta với cốc cà phê dưới gốc cây và hai ba người trong quán, lắm lúc tất cả im lặng cơ hồ sự tẻ vắng ngột ngạt đã lất qua từ không gian rừng trụi bên kia. Nhưng có khi vẳng ra tiếng đối đáp ồm ồm, tiếp theo là giọng cười to rồi bỗng nhiên hất lên, tắc nghẽn của người đàn bà. Một vài lần ông ta nghĩ, đáng lẽ nên vào góp dăm câu cho phải lệ nhưng lại thôi. Thật ra ông chẳng có việc gì khác hơn là ngồi chờ chuyến xe buýt đổ từ con đốc. Chiều nào lúc khoảnh này, nó cũng dừng đúng ngay trạm ấy, cây cột gỗ lém vết lửa, đầu xệch xạo tấm bảng nền xanh lợt lạt với tên làng kẻ chữ vàng cam, mọc nghiêng trên mô đất.

*

Mấy ngày nay, con bé ấy hiện ra trong tấm áo len đỏ sau khi chiếc xe đậu lại giây phút rồi tiếp tục trườn đi. Cũng nhờ thứ màu rực rỡ đó ông mới có thể xác định bên cột trạm xe có một người đã đứng. Con bé không nhỏ lắm, sợi tóc dài thường vắt qua trước ngực, cổ lại quấn một chiếc khăn trắng như người lớn, nhưng chẳng biết sao ngay lần đầu tiên người đàn ông đã thấy hình ảnh này mơ hồ, không thực. Phải chăng vì nhân dáng mong manh thanh mảnh ấy hiển lộ quá bất ngờ sau cái thân xe cồng kềnh thô lỗ. Cô gái nhỏ đứng dừng một chốc, mắt thoáng bay qua khỏi con đường, nhưng chắc chỉ là cái nhìn vu vơ. Cử chỉ vu vơ này sao ông thấy quen thuộc lạ. Chân mang đôi giầy cổ cao, cô bé lững thững bước vào vùng sậy khô. Cỏ lau vàng ngỏng lên lất phất, màu áo đỏ lúc ẩn lúc hiện, trồi lên trụt xuống theo từng gò đất giẫm qua. Có lúc cô nhỏ leo lên đầu một thân cây cháy cụt ngó về phía rừng xanh ở mút xa, rồi lại bước xuống, quanh quẩn tiến sâu hơn vào khu vực những thân đen Phi Châu khiu gầy cong quíu. Buổi đầu nhìn thấy, ông ta hốt nhiên sợ hãi, đứng vụt dậy định chạy sang ngăn cản, nhưng con bé đi đến một biên giới đó thôi rồi dừng lại, ngồi xuống trên mô đất cao. Khoảng cách giờ đã quá xa, ông chỉ còn bắt gặp một chấm đỏ nổi trên màu xám mờ của nền trời lẫn ngoằn những đường vẽ bởi cây rừng đen cháy.

*

Thời những chấm đỏ của đèn xe thành phố rào rạt đi về, có

đêm ôm tay ông đi giữa lòng đường nàng nói, Nếu không có tình yêu em sẽ mất phương hướng, sẽ chạy theo những chấm đèn loạn mù kia. Người đàn ông thuở ấy vô tình, Em đi đâu được khỏi thành phố, ngoài kia là vô định. Nàng buông lơi cánh tay ông, rút cổ sâu trong tấm lụa quàng vai đáp nhỏ vu vơ, Tới một làng ven biển, một mảnh rừng. Kéo nàng vào trên hè phố tối ông chỉ lên cao, Đêm ở biển và rừng chỉ có đom đóm, em hãy nhìn kia, sau những ô cửa tầng lầu ấm áp ánh đèn, con người đang yêu nhau đằm thắm. Có phải lúc nào cũng là tình yêu không anh, nàng hỏi, hay họ đang hành hạ nhau dưới tia sáng trần trụi của đêm. Đừng nghĩ thế em, đêm là dịu dàng cùng say đắm. Ngây ngất như mỗi khi ông cúi xuống trên trũng ngực trắng trần và hai cánh chân duỗi dài, nàng xoải bung những bờ cát đón chờ triền biển sóng. Ông cố cầm giữ hơi sức căng dưới bụng, nghẹn trong ngực, nứt trên môi để thì thào bên tai nàng, Ngắm họ đi em, tình yêu hai kẻ ấy lịm sâu vào da thịt sau ô cửa một bóng đèn. Nàng nấc lên níu cứng những ngón tay vào đùi ông, Hãy vỡ trong em và mình trôi ra biển, biển tối mênh mông tràn tận đời, đâu cần hải đăng, anh tắt đèn đi. Thành phố có tiếng xe rạt vũng mưa, có kẻng tàu điện từng chặp cùng lũ chim không ngủ nên oang oác rủ nhau đập cánh xạt xào. Cuộn mình, co cả hai chân sát gần tới ngực, nàng sờ tay trên mi mắt ông, Anh vẫn thức. Ừ, nhìn em ngủ. Không, em đang suy nghĩ. Có được bao giờ phút bên nhau, hãy biết an tịnh, mình còn cả đời để đặt muôn ngàn câu hỏi. Nhưng anh đi rồi, ai trả lời cho em về sự linh diệu của cuộc đời. Chính bí ẩn là nguồn gốc của linh diệu, em biết không. Bao lần anh cứ hỏi em biết không, nhưng anh nói đi, hạt cát khi lọt vào tận cùng đáy thẳm sẽ ra sao. Con sò sẽ ủ lấy hạt cát và quết bồi tinh mật để thành viên ngọc. Anh nhầm, không phải ngọc mà là sự sống, hãy gieo trong em sự sống. Nhưng rồi anh phải đi. Thì em sẽ đem nó về biển hay rừng. Chẳng được đâu, hai vai em gầy guộc quá.

*

Chiều lúc ấy bồng lên cơn nắng hoang rưng rức. Trên mái tóc nghiêng thêm chiếc mũ mây, dưới tấm áo len một màu váy xanh nhạt. Trông xa, cô gái nhỏ có vẻ vui hơn thường lệ, nhảy chân sáo trên các mô đất, thỉnh thoảng dừng ngắt vài ngọn bông lau hình thếp lúa. Rồi lại tung tăng đi tiếp, cánh tay đong đưa, người đàn ông tin rằng cô bé đang hát. Nàng hay cất tiếng hát vào những buổi sáng vừa thức dậy, thong thả chuồi dưới vòi sen, chơi cùng những bọt xà phòng. Nhưng cũng lắm khi nàng nấc nao giọt lệ, hốt hoảng quay sang tìm cánh tay

ông vì một nỗi xúc động thương cảm nào đã đập xuống từ cơn mộng bàng hoàng. Đàn chim vượt ngang khu rừng xanh rồi chấp chíu sà xuống xúm quanh cô bé giữa đám sậy, chẳng vẻ gì sợ hãi. Cô nhỏ chạy đùa với chúng một chốc rồi thoát đi nhanh, sâu vào bãi cây cháy. Lần này thì người đàn ông đứng bật dậy, tách cà phê đổ loang trên mặt bàn chênh nghiêng. Vội vã chạy sang bên kia bờ đường, đất nhiều ngày thiếu mưa khô khốc. Chẳng thể để con bé vào nơi hiểm nguy ấy, ông thốt lo âu không ngờ. Đừng quá muộn, ông đã đi tìm nàng quá muộn. Có lần nàng nói về tình yêu tinh khôi như thiên nhiên nẩy sinh trong trời đất, không chọn lựa chỉ cho đi thật tận cùng và ước ao nhận lại một sự sống nhỏ nhoi để dưỡng nuôi thân phận. Bây giờ ông trở về sau những hành trình hệ lụy của mình để nhận chân mầm sống ấy thì thành phố không còn nàng. Ai đó nói rằng có thể nàng đã đi đến một ngôi làng tiếp giáp với cánh rừng. Lũ chim nghe tiếng chân tức tốc cất cánh rào rào bay vụt, hướng theo dãi nắng đang hút về và đọng lại trên tấm tranh cong queo dáng người nhảy múa. Phải chi lao được theo cánh chim, đến ngay bên con bé và giữ nó lại gọn vòng tay. Trong mất biệt dấu tích nàng và giữa không gian thiêu rụi này thì tấm áo đỏ và bóng dáng nó bỗng đâu xuất hiện, ấm áp một thân thuộc lạ lùng. Nhưng cỏ sậy quấn quíu nào dễ đi như ông tưởng khi ngắm nhìn cô nhỏ nhảy chân chim. Đứa bé ấy có thực hay chăng, sự hiện diện đơn độc trên bãi đất hoang khô này đã là điều không tưởng. Hẳn nó chẳng đến đây mỗi chiều chỉ để dạo chơi, ông từng thấy con bé đứng lặng gần bờ rừng, đầu cúi xuống trầm tư một lúc lâu. Nó làm gì, kiếm gì, nghĩ gì, ông nào biết. Nhưng sao thoắt chốc nó đã biến mất trong mắt ông tìm suốt vùng không gian rộng. Ngực người đàn ông chợt nhói lên, chân vấp vào rễ cây chằng bện những cành lau ngã rạp. Bỗng có tiếng hát nhỏ lẫn trong ngọn gió vừa thổi dạt về mấy bóng mây, cô bé từ cây cối cháy nám đang trở lại đây. Tay một nắm cúc dại trắng lấm tấm nhụy vàng, hai túi áo len cũng cắm đầy hoa ấy. Hóa ra vùng mô bãi này vẫn còn mọc lên sự sống. Con bé trố mắt nhìn người đàn ông trước mặt, môi mấp máy định nói nhưng chỉ nở nụ cười kéo theo ánh mắt long lanh. Cặp mắt nàng vẫn có đuôi diễu cợt và nụ cười thoáng nét tinh nghịch mỗi sáng chợt trở mình, leo chập người lên ông khúc khích. Chẳng còn biết mình là ai, ông muốn ngả xuống giữa đám sậy vàng hay quì ngang tầm mắt con bé để nói một câu, nhẹ nhàng thôi. Hay chỉ để bắt lại một núm gì tươi trẻ từ sự hồn nhiên sáng rỡ của nó, mới đi nửa chặng mà niềm yêu đời một sớm một chiều lặn đi với ánh sáng rút nhanh vào chân rừng mù mịt. Nhưng chuyến buýt cuối cùng ngược về làng vừa réo còi ngay dưới dốc, cô nhỏ vội vàng tay chặn

mũ tay cầm gấu váy chạy băng băng. Dường như không phải chạy mà lướt bay trên các mô đất, nên nhanh đến nỗi khi ông đuổi theo tới bờ đường thì chỉ kịp nhìn thấy những ngón tay cụp cụp vẫy chào. Thò đầu ra khỏi cửa kính xe, con bé buông xuống cho người đàn ông nắm hoa cúc trắng.

*

Hôm sau mưa bất ngờ cuốn theo cơn gió nam lồng lộng. Chạy được tới căn quán thì chuyến xe buýt đã đi qua, ông đứng lại bên trạm đỗ, đưa tay vuốt mãi làn nước tuôn xối xả trên mặt, tấm bảng giờ chỉ còn dính vào cột bằng một đầu đinh lắc loạn cuồng. Mắt cố tìm bóng con bé trong vùng đất mà gió hất tung mưa, tưởng chừng như sóng đánh. Đám cây cháy sém khô cằn vẫn cố chống chọi với đất trời giờ đã đầu hàng, buông xuôi đổ sập trên nhau. Chắc con bé chẳng dại gì ra đây giữa bão tố này, ông lẩm bẩm nhủ lòng đi vào trong quán, thả tấm thân ướt mèm trên nệm ghế. Có vài tiếng lao xao, có mùi rượu nồng và chất gì tuôn vào họng không ngừng. Ông muốn hỏi bà chủ quán một câu về cô gái nhỏ khi bà ta đem tới một tấm khăn rồi chẳng nói chẳng rằng trùm lên đầu ông, kín mít. Cố giằng ra mà không thoát khỏi, mạng lưới càng lúc càng quấn chặt, xoay xiết quanh đầu. Ông ngất ngư gắng mở mắt nhưng chỉ thấy tung tóe tia lửa, trước sáng rực mầu sắc như pháo bông sau bất chợt tàn đi, trở thành những đốm nhấp nháy nhỏ nhoi của đàn đom đóm ở đâu túa về đập vào mấy khung cửa sổ căn phòng ông giữa thành phố cao. Ông nằm chông chênh trên chiếc giường năm cũ, chăn gối rũ tung lệch lạc trên người. Tìm nút bật ngọn đèn nhưng bàn tay chỉ quơ vào khoảng không trong bóng tối. Cái lạnh se sắt khắp châu thân, ông vội kéo chăn đắp làn da trống trải. Tấm chăn càng lạnh lẽo, không hơi người, không mùi hương quen thuộc của nàng, thứ hương dâu ngát thơm vào độ chín. Thảng thốt ông gọi tên, chẳng tiếng nàng đáp lại. Chợt cửa mở đâu đó, bên kia đầu giường dáng áo mềm ai bước vào phòng và ánh sáng đèn nhóa lên ngũ sắc. Chưa kịp ngửng cổ trông ra, người ông đã bị phủ ập bởi cả một thân thể mềm đầy, rạo rực. Những tưởng nàng đã về, ông cuống vội dang cánh tay, mở vùng chân nhưng đầu óc thoắt chao đi vì mùi hương quá sắc, quá nồng. Biết mình sắp lịm, ông cố mở mắt nhìn, loáng thoáng những sợi tóc xoăn xoăn và môi son đỏ vạch hai đường ngay trên bờ vai nở nang rượm nắng. Hốt hoảng ông vung tay xô tấm thân đè ngợp trên mình, mái tóc cuốn lọn bị hất tung, trong khoảnh khắc lộ ra một mảng da đầu cháy nám sần sùi từ màng tang chạy vẹt sau tai. Cặp mắt

người đàn bà nhìn ông sắc xanh niềm đau đớn.

*

Nắng mênh mang đã trở về sau trận mưa cuồng bạo, nhưng không gian trước mặt trống lặng, cả lũ chim cũng bỏ đi như thể chẳng còn gì để chúng đùa vui khi cô gái nhỏ bỗng biệt tăm. Ông ta ngồi lặng ở đấy, muốn nói với người đàn bà một câu gì, ngay cả chia sẻ nỗi nặng lòng, dù có thể chỉ nhận được cái nhún vai thờ ơ, ai hơi đâu để ý đến trẻ nít, có điên mới thẩn thơ trong bãi rừng cháy rụi. Thế mà nào ngờ khách đông, bà ta tíu tít bận rộn. Không dưng hai chiều nay người ta ngừng xe vào quán, mùi chim trĩ treo cho thịt sống ôi ương rồi mới nấu, mùi bò hầm nhũn trong rượu vang chen với mỡ nai thui lèo xèo trên hai thanh củi đỏ làm ông lợm giọng. Gã đàn ông mặt hẹp chạy như thoi giữa những bàn ăn, quầy rượu và trục quay nai ngoài sân cỏ. Người đàn bà thỉnh thoảng đi ra, cái nhìn ái ngại lạ lùng bám trên những chiếc ly cạn rượu ông chẳng ngừng cầm lên đặt xuống tựa đang chơi một bàn cờ. Nhưng có tiếng khách gọi, cốc đĩa xôn xao, bà ta vội chạy vào trong quán sau một thoáng nhíu mày. Những sợi tóc càng xoắn hơn trong cơn gió tây bắt đầu thổi mạnh. Không đừng được, tia mắt người đàn ông bất chợt như vuốt sắc, chỉ muốn cào ngược chúng lên để kiểm chứng hình ảnh buổi chiều giông bão hôm trước là thực hay từ cơn mê sảng.

Trên tấm tranh ông từng đối diện, từ hôm cuộc đi tìm nàng đưa đẩy đến đây, những hình nhân đen đúa phần lớn đã đổ sụp trong cơn mưa thác loạn. Màu nền tái đi rồi lan ra, tan loãng ra vô tận. Người đàn ông tưởng mình sắp bị hớp vào một khoảng trống kinh hoàng thì chợt tiếng còi xe gọi rất gần. Không chần chờ nữa, ông hấp tấp chạy ngay sang trạm đỗ mà chiều nay chỉ còn cây cột gẫy trụi trên mặt đất, tấm bảng có lẽ đã phiêu du vào khu rừng ấy. Người tài xế thấy ông vẫy tay mới dừng lại, ít ai xuống nơi này ngoài con bé và đôi lần có người đến quán. Thoáng ba bốn hành khách cùng ngó ông, kẻ lạ. Bác lái xe gật gù, Vâng, con bé hết đón xe đến đây ngay từ hôm trời bão. Chỉ về phía những ngôi nhà thấp thoáng ông hỏi, Nó ở làng ấy. Không, cái làng cuối tuốt trên xa. Người đàn ông thẫn thờ, nói như một mình, Tại sao nó bỏ đi. Bác tài xế vội vàng, Ấy, mỗi năm con bé chỉ tới đây độ vài hôm, cứ vào mùa khô này, hình như bố nó đưa về, mà cũng la2 Bác ta chưa dứt lời, một người đàn bà ngồi hàng ghế giữa bỗng lên tiếng, Không phải cha nó đâu, ông ấy nhận nuôi con bé sau tai nạn đó thôi,

vậy mà chịu khó thế đấy, nó là đứa nhỏ sống sót trong trận cháy rừng này đây. Bấy giờ, ông già gầy guộc ngồi gọn lõm bên cạnh hơi nhỏm người lên, nói góp, Năm đó hạn hán chưa từng thấy, chuyến xe đò liên tỉnh bị nổ máy lật lăn vào bờ rừng, bốc cháy, trên xe không mấy người, có hai mẹ con nó nghe nói tính đến ở vùng mình, đem theo nhiều hành lý, ai cũng cứu được chỉ cô ta không thoát, cơn gió khô phừng lửa cháy loáng một phần rừng. Rồi tự dưng ông già đứng bật dậy trong xe, chỉ sang bên kia đường, Chính bà chủ quán này lúc đó chạy lao qua, cố lôi hai mẹ con ra khỏi xe, thế là bị lửa xém một bên đầu, suýt chết.

*

Chiếc xe mất dạng đã lâu sau mảnh rừng xanh dưới con dốc, người đàn ông vẫn đứng lặng ở mô đất còn trơ gốc cột trạm xe giờ đã gẫy đôi nơi vệt lửa. Trong sân cỏ, người đàn bà từ quán đi ra với chiếc khay trên tay, hướng mắt tìm kiếm, ngó sang. Bắt gặp ông đứng đó, bà ta cũng sững người bên cái bàn chênh chao. Tấm váy và mớ tóc lất theo ngọn gió đang bốc lên, quẩn xoay những tán dẻ tây giương xòe thật rộng như tận tình che chở cái quán nhỏ đơn độc. Bước chân mộng du, ông băng qua đường, kịp nghĩ mình phải ôm giữ lấy mái tóc ấy để nó đừng bay đi, dù biết chẳng nói được lời gì với bà ta. Vết nám người đàn bà và linh hồn bỗng chốc cháy trụi như cây rừng của ông thì không thể nào bay đi được nữa. Sang đến bờ sân, quay đầu lại, ông ngỡ ngàng, hình như con bé đang bước tung tăng, màu áo rực lên trong tia nắng cuối ngày giữa những nhành cỏ sậy đung đưa. Nó cười, nụ cười của nàng một đêm nào khi nói về tình yêu và sự sống.

MAI NINH

(từ một lần đi, 2001)



HOÀI ZIANG DUY
Đã lỡ cơn đau ngày cũng xế

Ta đi bỏ lại quê nhà cũ
Nước đổ bạt ngàn trăn trở nhau
Chẳng hay em nhớ cơn cuồng nộ
Đổ xuống âm thầm gương vỡ đau

Đầu ngỏ- phố xa- trời phiêu bạt-
Ở đâu cũng có trái tim người
Đuổi bắt hồng trần nhăn mấy nếp
Có buồn thôi cũng chỉ biết cười

Đã lỡ cơn đau ngày cũng xế
Tình cờ như phúc Chúa an thân
Giả bộ hôm nay lòng nắng ấm
Ai biết tim đau bóp mấy lần

Em bước qua đời chân thu ẩm
Năm xưa tay cũng nói dịu dàng
Đã yêu em tập làm chinh phụ
Mỗi mùa em hái nỗi đau mang

Đường hẹp quê nhà ta bắt nhớ
Cuộc đời ai hát nhịp cầu tre
Hôm nay đường rộng quan san bước
Then cài ai khép đứng ngoài khe

Chiều nay chiều ngủ hẩm hiu quá
Khói lam nấp lại vướng sau hè
Lau lách con đò khua vỗ nước
Phần đời ta còn rộng bóng che

Rồi kiếp người thôi cũng biệt tăm
Có nhớ dăm câu chỉ nhắc thầm
Sớm mai sương đọng dăm ba lá
Cơm buổi qua ngày gió lạnh căm

Thăm ai hỏi lại tuồng xưa cũ
Dốc đứng- cõi đời ẩn trú chân
Về đâu- có biết cơn mưa lũ
Đâu về- liệu có nhớ tình thân.





NGUYỄN KIM YẾN

Chuyện kể lúc giao mùa

Thưa bạn rất quý mến! Đầu tiên, có lẽ cần phải kể qua cho bạn biết sơ sơ tôi là ai đã. Tôi tên là Peter, hai mươi bảy tuổi. Tôi cao một trăm tám chín centimet và nặng chín lăm kilogam. Là cử nhân luật nhưng tôi lại rất thích thể thao. Ở nhà, tôi có một phòng tập riêng với đầy đủ dụng cụ. Ngoài ra, tôi còn sinh hoạt tại câu lạc bộ Ju-do của thành phố tuần ba buổi. Tôi mới được lên đai cách đây vài tuần. Các thứ bảy tôi thường đi bơi ở một bể bơi ngoài trời và các chủ nhật thì đạp xe trên quãng đường không dưới một trăm kilomet.

Bạn gái của tôi người Việt Nam. Nàng vừa tròn hai mươi hai tuổi và đẹp như một thiên thần. Tôi làm quen với em trong một buổi khiêu vũ. Tối hôm đó, tôi đi cùng mấy thằng bạn cùng sinh hoạt ở câu lạc bộ Ju-đo. Cả bọn đang ngồi uống bia và tán tỉnh cô gái ở quầy Bar thì tôi thấy em cùng một cô bạn nữa xuất hiện ở cửa. Lập tức, tôi như bị em hút hết hồn vía. Tôi như không còn nhìn thấy ai khác, ngoài em.

Và tôi quyết tâm, nếu tối nay mà không nói được với em một lời thì sẽ không bao giờ đặt chân đến bất kỳ một cái sàn nhảy nào nữa. Tôi thấy em và cô bạn đi về phía một chiếc bàn chỗ góc khuất, và mặc dù khi ấy cả sàn nhảy đang sôi động nhưng hình như hai người chỉ muốn ngồi để nói chuyện với nhau. Quanh bàn có đúng bốn chiếc ghế, bọn em ngồi hai thì còn dư ra hai. Phải tận dụng ngay thời cơ, tôi quyết định thật nhanh rồi kéo thằng bạn thân nhất của mình tiến đến.

- Xin lỗi! Chúng tôi có thể ngồi cùng được chứ ạ? - Làm như vừa ở ngoài bước vào, tôi nói thật tự nhiên.

- Sao lại không? Xin mời. - Em tươi cười như một bông hoa rồi nói với tôi bằng một thứ tiếng Đức rất chuẩn. Giọng nàng thật du dương, thoang thoảng từ tóc, từ má nàng có một thứ hương gì đó man mác tỏa ra thật dễ chịu. Tôi vừa ngây ngất cảm nhận được như thế thì một gã hầu bàn bước tới.

- Thưa... Các ngài dùng những gì ạ? - Bằng một giọng rất điệu, gã lần lượt nhìn từ phía hai em, qua thằng bạn rồi dừng lại ở mắt tôi. Nhưng tôi chỉ nhìn gã đúng một giây. Và trong khoảnh khắc ấy, tôi biết mình phải làm gì. Như đã quen nhau từ bao giờ, thật tự nhiên tôi nói với hai em:

- Chúng tôi có thể mời hai bạn một chút gì chăng?

Khi thấy em cười, do dự, định nói một câu gì đó thì tôi chặn ngay:

- Đừng ngại. Một chút thôi.

Có lẽ sự thiết tha của tôi làm em mủi lòng. Và tôi như mở cờ trong bụng khi em nhận lời:

- Dạ... Cho bọn em xin mỗi đứa một cốc cô-la.

Như tôi vừa kể, em có một giọng nói rất hay. Nghĩa là, như một cô gái Đức chính cống, từng câu, từng câu, du dương, ngọt lịm cứ như thấm vào từng tế bào của tôi. Có thể có ai đó sẽ cho là dung tục, nhưng đúng là được chiêm ngưỡng em, được hít thở không khí thoang thảng mùi hương nhẹ nhàng từ cơ thể em, được thấy em cười, và đặc biệt là được nghe em nói, nước miếng trong miệng tôi cứ tứa ra.

Sau này, khi đã hơi thân nhau, có lần tôi hỏi em:

- Hải ơi! Em sinh ra ở đâu vậy? Ở Đức hay là ở Việt Nam?

- Ôi! Peter... Đố anh đấy?

- Ở Đức?

- Không đúng.

- Thế thì ở Việt Nam?

- Cũng không đúng...

- Vậy thì chịu. Anh không thể đoán nổi.

- Thế mà cũng đòi là luật sư. Anh có biết trong tiếng Việt, tên em có nghĩa là gì không?

- Anh chịu. Hải ơi! Nói cho anh biết đi, trong tiếng Việt tên em có nghĩa là gì vậy?

- Là biển. Em sinh ra giữa đại dương anh ạ, trên boong của một con tầu đang trên đường vượt biên.

Ba Hải không còn trẻ nhưng cũng chưa phải là loại già lắm. Em bảo, ba mới chỉ khoảng năm lăm, năm sáu mùa khoai sọ gì đó thôi. Nói cho thật thì tôi không có cảm tình với ông lắm. Ngoại hình ông rất xấu. Ông to bè và thấp như một cây nấm. Hải bảo, ba đo được có một mét rưỡi. Tôi nghĩ có lẽ là em đã chiếu cố lắm. Vì tôi trông ông lùn có một mẩu. Ông lại rất béo, Hải bảo, ba béo quay béo quắt, nên trông lại càng lùn hơn. Chân tay ông ngắn ngủn. Vậy nên, ông di chuyển thật khó khăn, cứ lạch bà lạch bạch trông giống hệt một con chim cánh cụt. Bụng ông to càng, cổ mập ú. Còn cái mặt ông thì vừa to vừa nung núc những thịt là thịt. Da ông lại đen nữa. Đen đến nỗi Hải bảo, mặt ba phèn phẹt như cái đít chảo. Tôi thấy em ví von thật là hay. Nhìn kỹ tôi thấy cái mặt lúc nào cũng đầy mỡ và mồ hôi của ông cũng bóng loáng như cái đít chảo nhà tôi lúc chưa rửa vậy.

Vì trước Ba Mươi Tháng Tư Bảy Lăm, tức là lúc miền Bắc và miền Nam Việt Nam còn đánh nhau có thời kỳ ba Hải đi lính nên sang đây ông sinh hoạt trong một câu lạc bộ cựu quân nhân. Từ ngày quen Hải, hay đi đó đi đây với em tôi mới biết là ở cái thành phố chẳng lấy gì làm to lớn này của mình có không dưới năm chục tổ chức hội đoàn của người Việt. Cũng là câu lạc bộ cựu quân nhân nhưng phải có đến ba, bốn cái. Câu lạc bộ cựu quân nhân dù. Câu lạc bộ cựu quân nhân biệt động. Câu lạc bộ cựu quân nhân thủy quân lục chiến... Ngoài ra còn có các hội. Cũng là tỵ nạn cộng sản nhưng phải có đến ba, bốn loại hội. Hội người Việt tỵ nạn cộng sản toàn liên bang. Hội người Việt tỵ nạn cộng sản tiểu bang. Hội người Việt tỵ nạn cộng sản thành phố. Rồi Hội Đức-Việt. Hội Việt-Đức. Hội Ái Hữu. Hội Đoàn Kết. Hội Hữu Nghị. Hội Đồng Hương. Rất nhiều các Hội Đồng Hương. Các Tổ Chức Dân chủ. Tổ Chức Phục Hưng. Tổ Chức Cứu Quốc. Các Trung tâm tư vấn. Trung tâm giúp đỡ. Trung tâm bảo trợ. Trung tâm hướng dẫn. Trung tâm hòa giải... Các Liên minh Tự Do. Liên minh Đồng Khởi. Các Mặt Trận Thống Nhất. Mặt Trận Dân Tộc. Mặt Trận Kháng Chiến. Mặt Trận Giải Phóng. Mặt Trận Quốc Gia. Các Diễn Đàn Đa nguyên. Diễn Đàn Tiến Tới. Các phong trào nổi dậy. Phong trào đứng lên... Mà

tổ chức, hội đoàn nào cũng phải có ít nhất là một bản hoặc tuyên ngôn hoặc cương lĩnh hoặc nội quy, hoặc một cái gì đó tương tự như vậy. Tôi nhìn thấy trên bàn làm việc của ba Hải có một chồng dầy ít nhất là năm mươi bản. Toàn những tuyên ngôn với cương lĩnh. Ông nói là để nghiên cứu. Hải bảo với tôi rằng ba nghiên cứu chăm lắm. Ngày nào cũng vậy, nếu không có việc gì khác thì từ sáng dậy cho đến lúc lên giường đi ngủ, ngoài mấy bữa cơm ra ba chỉ đọc đi đọc lại, nghiền ngẫm có mấy cuốn sách ấy.

Ngoài câu lạc bộ cựu quân nhân ra, ba Hải còn tham gia sinh hoạt với nhiều tổ chức hội đoàn khác. Phải nói rằng ông là một người sống có kỷ luật rất nghiêm. Chưa có một buổi sinh hoạt nào của cộng đồng mà ông đến muộn. Còn vắng mặt thì lại càng không. Hải nói, đến những chỗ đó bao giờ ba cũng ăn mặc hết sức nghiêm chỉnh. Nếu là dân sự thì ba đi giày đen, complet, cà vạt. Còn nếu là quân sự thì ba đánh một bộ đồ lính từ đầu đến chân. Nghĩa là giầy cao cổ, quần áo rằn ri, mũ nồi đội lệch với đầy đủ quân hàm quân hiệu. Tuy nhiên, vẫn theo Hải bảo, về quân hiệu, có thể là ba đeo đúng, còn quân hàm thì dứt khoát là không. Ba chưa bao giờ đeo lon thiếu úy chứ đừng nói là thiếu tá một bông mai với hai vạch.

Khi đã khá thân nhau, thỉnh thoảng Hải lại rủ tôi về nhà ăn cơm. Mâm cơm nhà em bao giờ cũng đầy ắp. Má Hải nấu nướng rất khéo, món nào cũng rất ngon, nhưng cái mà tôi khoái nhất có lẽ vẫn là món thịt lợn bỏ lò giòn tan, món giò thủ với rất nhiều hạt tiêu, mộc nhĩ và nước mắm thơm lừng. Tất nhiên, tôi cũng không thể chê được món chân giò hầm với măng hoặc món gà luộc rắc lá chanh thái nhỏ. Bữa nào cũng thế, tôi thấy ba Hải ăn rất khỏe. Một bát cơm, ông chỉ lùa hai, ba lùa là hết bay. Ăn nhanh như gió, vậy mà bao giờ ông cũng phải ngồi đến tận cuối bữa để tổng kết những thứ thừa thãi. Nhìn ông xì xụp húp canh, húp măng, Hải nói với tôi: - Ba táp oàm oạp, oàm oạp như lợn. Rồi em lắc đầu ra chiều ngán ngẩm: - Ba cứ hốc cho lắm vào rồi có ngày người nứt ra như con trâu trương.

Tôi thấy Hải nhận xét rất tinh. Đúng là càng ngày ba em lại càng mập ra thật. Mắt ông híp tịt lại và thịt ở mặt thì gồ ra thành những cái múi bóng loáng. Người ta bảo, càng béo lại càng ăn càng uống khỏe. Ba Hải cũng thế, cứ ngồi vào mâm là ông gắp lấy gắp để, và và, xúc xúc, say sưa bất tận. Em tâm sự riêng vói tôi:

- Ba ăn khỏe như trâu thế vì ổng đang có chuyện vui.

Tôi đùa:

- Có phải là vì má em đang hồi xuân không?

Hải lại cười rất tươi, nhưng vẫn lắc đầu:

- Vậy thì anh nhầm to. Má đã qua thời kỳ ấy từ lâu rồi. Ba vui vì mới được thăng chức thứ trưởng.

Tôi tròn xoe mắt:

- Thứ trưởng? Ba em tham gia chính phủ bao giờ mà được thăng chức thứ trưởng?

Trong khi em vẫn cười:

- Anh ngạc nhiên là phải thôi. Nhưng đúng là ba mới được thăng chức thật. Ông tham gia một chính phủ của người Việt Nam ở mãi tận bên Mỹ và được giữ chức thứ trưởng đặc trách việc phát triển phong trào toàn châu Âu.

Tốt nghiệp trường luật thật nhưng tôi lại không hành nghề luật sư. Tôi có một thằng bạn thân. Ông già nó nguyên là vệ sỹ chuyên tháp tùng các nguyên thủ quốc gia. Về hưu, nhớ nghề cũ, ông bèn mở một công ty cho thuê vệ sỹ. Từ ngày hãy còn là sinh viên, tôi đã lọt vào tầm ngắm của ông để đến khi vừa ra trường đã bị ông kéo ngay về. Không phải tự kiêu, nhưng đúng là tôi không phụ lòng tin tưởng của ông. Đã nhiều lần tôi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ mấy siêu sao ca nhạc, mấy siêu người mẫu về biểu diễn ở thành phố. Tôi cũng đã nhiều lần tháp tùng các VIP đi công cán ở những địa bàn hết sức phức tạp. Cách đây ít lâu, đang nằm gọn trong lòng tôi, chợt Hải nói:

- Anh thích em chỉ cho một *Job* làm ăn rất ngon lành không?

Nghĩ là em đùa như mọi khi nên tôi cười:

- Biết rồi, ở vùng Vịnh chứ gì?

Nhưng Hải gạt phắt đi:

- Anh thì lúc nào cũng chỉ có vùng Vịnh. Em nói nghiêm túc đấy. Mấy ông trong ban lãnh đạo tối cao của chính phủ mà ba em tham gia đang có chương trình công du mấy nước châu Âu. Sẽ có mấy cuộc tiếp xúc với quần chúng, mà như vậy thì thế nào cũng cần phải thuê vệ sỹ để bảo vệ. Nếu anh thích thì vẫn có thể làm cả *Job* ở vùng Vịnh lẫn *Job* ở chỗ mấy vị lãnh tụ quốc gia.

Nơi gặp gỡ đồng bào thành phố H. và vùng phụ cận của mấy vị lãnh đạo chính phủ Việt Nam Hoàn Toàn Tự Do được diễn ra tại một rạp hát ở ngoại ô. Cái rạp hát đã cũ kỹ lắm này thuộc loại nhỏ và có lẽ sắp phải đóng cửa vì lâu nay ít người lai vãng tới. Tuy bàn ghế ọp ẹp, phông màn xộc xệch, âm thanh, ánh sáng rệu rã và khắp nơi chỗ nào

cũng ngửi thấy mùi mốc, mùi toilet rò rỉ, thối hoăng, vậy mà ban tổ chức vẫn phải méo mặt thuê đến bảy nghìn đô la. Mà đâu có thuê được cả một ngày. Tuy đóng cửa suốt, nhưng với cái giá ấy, người ta chỉ cho các vị sử dụng có năm tiếng, tức là từ sáu giờ tối đến mười một giờ đêm.

Không chỉ mình tôi mà chín thằng vệ sỹ trong công ty được huy động vào vụ này. Theo hợp đồng, chúng tôi phải có mặt tại khu vực nhà hát từ lúc bốn giờ chiều. Công việc quen thuộc của chúng tôi là mang máy móc dò xét từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, soi mói đến từng ngóc ngách, xó xỉnh của ngôi nhà xem có kẻ nào dám đặt bom, mìn, lựu đạn hoặc một loại chất nổ nào đó để phá hoại không. Ông giám đốc công ty, người có rất nhiều kinh nghiệm trong những công vụ như thế này giao nhiệm vụ cho chúng tôi thật kỹ.

- Ngoài việc phải kiểm tra mái, cửa sổ của những ngôi nhà lân cận, các cậu còn phải nhớ chia người ra đứng tại các điểm đỗ xe cũng như các bến xe buýt, bến tầu điện gần nhà hát. Bọn chuyên ám sát có thể lợi dụng, ẩn nấp sau những chỗ nhấp nhô trên các mái nhà để bắn tỉa hoặc trà trộn vào quần chúng nhân dân bốn phương kéo đến để chiêm ngưỡng mặt mũi của những vị lãnh tụ lỗi lạc từ tận bên kia đại dương. Phải thật cảnh giác và phải có những biện pháp thật hữu hiệu khả dĩ ngăn chặn bọn chúng từ xa.

Tuy rất hăng hái, sục sạo rất nhiệt tình nhưng đến tận lúc bế mạc cuộc gặp gỡ chúng tôi cũng vẫn chẳng phát hiện ra âm mưu phá hoại nào. Chúng tôi được thông báo trước là thành phần nào thuộc chính phủ thì có đeo phù hiệu ở ngực. Nhưng thực ra chẳng cần nhìn thì ai cũng biết. Vì những người này rất dễ nhận. Họ có cái gì đó rất tự tin, đi đi lại lại lăng xăng, cười cười nói nói rất vui vẻ. Một phần trong số họ đến từ các tiểu bang của nước Đức, còn một phần thì từ các nước khác như Pháp, Ý, Áo, Thụy Sỹ, Thụy Điển... Họ có vẻ rất vui sướng khi được đến đây. Và thường là vừa tới được một lúc thì họ đã tìm ngay được một việc gì đó để làm. Nếu không kê lại bàn ghế thì họ treo cờ, treo khẩu hiệu. Có rất nhiều khẩu hiệu, bằng cả tiếng Việt lẫn tiếng Đức. Tôi nhớ mang máng là hình như có một cái có dán dòng chữ rất bay bướm, nhiệt liệt chào mừng các quan khách, còn một số cái khác thì đòi tự do, dân chủ, nhân quyền... cho Việt Nam. Một số khác thì làm một quầy thông tin, phân phát tài liệu. Mà tài liệu thì khá nhiều, ngoài mấy thùng các-tông to đùng đựng đầy băng video, hàng chồng dầy báo chí, thì các bản hiệu triệu, các bản tố cáo, tuyên cáo, thông cáo... cũng tương đối. Một số khác nữa thì đi dán những tấm ảnh đã được

phóng lên thật to ghi lại những hoạt động của chính phủ, đại để như các ảnh chụp lễ rước quốc kỳ, lễ thượng kỳ, lễ dâng hương, lễ mặc niệm, lễ ra mắt chính phủ, lễ tuyên thệ, lễ ra quân... Rồi ảnh trước giờ ra trận, trước giờ nổ súng, ảnh bà má hậu phương, em gái hậu phương, ảnh các chiến hữu hiên ngang đứng trước vành móng ngựa của tòa án quân thù.

Tôi có cảm giác là ai có mặt tại cuộc gặp gỡ này cũng theo đuổi mục đích của mình. Ngoài những người có đeo phù hiệu, tức những thành viên của chính phủ, đến đây như để trút bỏ, như để giải tỏa những căm giận, những uất ức lâu ngày dồn nén... còn một số khá đông khác đến như để chụp ảnh. Nói cho thật thì tôi không hề có cảm tình với loại thứ hai. So với những thành viên chính phủ, ai cũng béo tốt, mặt mũi phương phi, đầu tóc láng bóng, complet, cà-vạt ngay ngắn, nghĩa là rất lịch sự thì bọn người này có cái gì đấy hèn hèn. Tôi thấy phần lớn bọn họ đều quần áo xốc xếch, da dẻ đen đúa, đầu tóc phờ phạc đứng tùm năm túm ba thành từng toán, mặt cúi gầm gầm, hai mắt thì lấm la lấm lét nhìn dọc nhìn ngang, gian giảo như mắt chuột. Trong cách ăn nói họ cũng không được rõ ràng rành mạch, không được đàng hoàng như loại người thứ nhất. Họ nho nhỏ thì thà thì thào với nhau những điều gì đó có vẻ rất mờ ám. Nếu như không có phương tiện để nghe từ xa thì có lẽ chúng tôi đã buộc phải nghi ngờ họ rồi. Vì, tuy thầm thì bí mật như thế nhưng thực ra những điều mà họ trao đổi với nhau đều rất đơn giản và vô hại. Đại để, họ chỉ hỏi nhau xem bàn ghi danh đặt ở chỗ nào. Xem ra thì họ rất quan tâm đến chuyện này. Có vẻ như là họ đến đây chỉ để được ghi danh mà thôi. Rồi họ lại hỏi nhau về giấy chứng nhận là đã có mặt trong buổi nói chuyện của các lãnh tụ. Họ phân vân không biết là giấy chứng nhận có được phát ngay trong sau buổi nói chuyện hay sẽ gửi về nhà sau. Họ đoán già đoán non, không biết là giấy chứng nhận làm bằng tiếng Việt hay tiếng Đức. Nếu được bằng tiếng Đức thì tốt quá. Vì đỡ phải dịch. Nói thật, có nhiều cái băn khoăn của họ làm tôi cũng băn khoăn theo. Thí dụ tôi không biết tại sao lại phải lấy, lại phải dịch giấy chứng nhận, dịch rồi thì đưa cho ai, ai cần những loại giấy chứng nhận ấy, cần để làm gì... Rất nhiều người trong loại thứ hai này có cầm hoặc đeo máy ảnh. Và tôi thấy họ hỏi nhau xem máy có còn tốt, còn đủ pin, đủ phim hay không. Họ lại giao hẹn người này chụp cho người kia, nhóm này chụp cho nhóm khác để sao cho người nào, nhóm nào cũng có ảnh. Về điểm này tôi cũng rất khó hiểu. Đúng là tôi mù tịt không biết họ cần chụp nhiều ảnh như thế để làm gì.

So với chương trình của ban tổ chức thì các lãnh tụ của chính phủ đến chậm mất khoảng một giờ. Nhưng không phải vì thế mà sự đón tiếp kém phần trọng thể. Khi ông thủ tướng chính phủ cùng hầu hết nội các đi vào, người ta đứng hết cả lên và vỗ tay không ngớt. Đến tận khi các vị đã nhận xong hoa từ các thiếu nữ rất xinh đẹp, đã yên vị ngồi trên ghế của chủ tịch đoàn hàng lúc lâu rồi tiếng vỗ tay mới chấm dứt... Thưa bạn rất thân mến! Sau lễ chào quốc cờ, lễ tưởng niệm tiền nhân, tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ đã xả thân vì sự nghiệp đấu tranh đòi tự do, dân chủ cho đất nước là phần phát biểu của các quan chức trong chính phủ với đồng bào. Tôi đếm được đến gần hai chục bài phát biểu của gần hai chục vị, gồm của cả các cụ tổng trưởng, thứ trưởng, tư lệnh, đô đốc lẫn các cụ giáo sư, luật sư, viện sĩ cùng các cụ lãnh đạo tinh thần. Phải nói là bài phát biểu của cụ nào cũng hết sức hùng hồn, hết sức tâm huyết, hết sức long trọng, hết sức hùng hồn. Và nó càng hùng hồn hơn khi những bài phát biểu ấy được các cụ đọc trong ánh chớp nhay nháy của hàng trăm chiếc máy ảnh từ đủ mọi hướng. Ba của Hải cũng đọc một bài diễn văn thật dài. Hải nói với tôi rằng ba phải thức hàng tháng trời, viết ngày viết đêm, sửa đi sửa lại mãi mới xong được mấy chục trang của bài diễn văn ấy. Em bảo rằng, sau này những bài diễn văn của ba và của các chú, các bác khác sẽ được phát lại trên đài phát thanh của chính phủ, sẽ lần lượt được in lại trên tờ Tiếng Nói và cuối cùng thì sẽ được gom lại để in thành sách phát hành khắp thế giới.

Mãi rồi cuộc gặp gỡ của các lãnh tụ chính phủ với đồng bào thành phố H. và vùng phụ cận cũng phải kết thúc vào lúc mười một giờ đêm. Các vị lãnh đạo vui vẻ leo lên xe về khách sạn năm sao lớn nhất thành phố. Có rất nhiều trò hấp dẫn đến lâm ly đang chờ đón các cụ ở đãy. Về phần mình, sau một tối căng thẳng tôi cũng muốn đi tìm niềm vui của tôi. Thật may là Hải đến đúng lúc. Đi ăn với nhau xong, trên đường về tôi hỏi em:

- Tình hình vùng Vịnh dạo này có gay gắt lắm không?

Hải cười:

- Gay vô cùng.

Câu trả lời của em đầy vẻ bí hiểm làm tôi phải hỏi sâu hơn:

- Vậy liệu tầu của ta ra vào có an toàn không?

Đến lúc ấy Hải mới giơ một vỉ thuốc tránh thai còn đầy nguyên ra:

- Anh yên tâm đi. Kể từ nay, với tầu của ta bao giờ vùng Vịnh cũng an toàn tuyệt đối.

Thưa bạn rất thân mến! Trước lúc viết những dòng cuối cùng này tôi đã mấy lần đọc cho Hải nghe bản thảo đang dần dần hoàn thiện của mình. Thú thật là có một số chi tiết còn làm tôi phân vân. Vì muốn tham khảo ý kiến của em nên có lần tôi hỏi:

- Anh đã chép lại hầu như nguyên văn những câu ví von coi ông già như súc vật của em. Chẳng biết như thế có khỏi nặng nề lắm không?

Vì cứ nghĩ rằng Hải sẽ nói: Nếu anh thấy nặng nề thật thì sửa đi một tí. Nên tôi thực sự ngạc nhiên khi nghe em trả lời:

- Mới có thế mà anh bảo đã nặng nề à? Em chỉ tiếc là chưa tìm được câu nào đích đáng hơn.

Rồi em nói với tôi một điều bí mật:

- Anh không biết chứ, ông ấy có phải là ba thật của em đâu.

- Sao cơ? - Tôi sững sờ vì không thể tưởng tượng nổi. Nhưng Hải thì cứ như là không có gì xảy ra:

- Anh làm gì mà trố mắt lên thế. Ông ấy chỉ là lính hầu của ba em. Vì cấp bậc nhỏ lắm nên khi giải phóng vào ổng chỉ phải đi học tập có mấy tháng. Còn ba em thì khác. Lúc ba em còn đang ngồi bóc lịch trong các trại cải tạo thì ông đã nhởn nhơ ở ngoài rồi. Xong ổng tìm mọi cách dụ dỗ kéo má em đi. Thực sự thì em mang trong người giọt máu của ba em chứ đâu có phải con của ổng. Em nói cho anh biết điều này nhé: Ổng bị bất lực từ lâu lắm rồi anh ạ.

- Lại thế nữa.

- Nhưng mà đấy vẫn chưa phải điều mà em muốn nói. Sở dĩ em coi ổng như súc vật là vì những hành động đồi bại gần đây của ổng. Anh biết không, đã nhiều lần em bắt gặp ổng nhìn trộm qua lỗ khóa lúc em đang tắm hoặc đang thay quần áo đấy./.

NGUYỄN KIM YẾN

TRẦN TIẾN DŨNG
Cánh tay không việc

Hắn cúi nhìn, nhìn lại một lúc thân thể hắn nơi cánh tay thứ ba mọc ra
từ sự thoái hóa sau mỗi hành động

Mặc kệ nỗi cô đơn của hai cánh tay ngày thường đang gầm thét trong
hắn đòi nối kết với công việc:
trộn hồ và chuyền gạch
dọn chỗ trú bóng tối, vạch rào vách ánh sáng

Bầu trời lượn lờ kéo dài những vệt sáng, kéo dài chuỗi số đếm để
hình thành nghĩa địa cử chỉ
Hắn ngồi đó, ngẩng nhìn về phía tháp chuông con đường dốc chờ
guồng chân đạp xe của hắn
Khu vườn cây treo đủ thứ biển quảng cáo hắn muốn mua
Không! Cánh tay mọc ra không cần chạm phía đó
Hắn ngồi yên mân mê cánh tay thứ ba và không muốn về nhà
Hắn muốn phủi tay đi tìm quán nhậu, không muốn nghe lời người
đàn bà luôn sỉ vả tin vui, không muốn nhìn thằng
con mải mê chơi với sỏi đá
Hắn chỉ cần khoát tay chào nơi đó
Nhưng tình trạng thật của cách tay mới mọc là gì? Cánh tay
buông thõng trọn vẹn vào trong hắn.
Trong vũng im lặng, cánh tay được cho ăn bằng sự câm,
cho nói bằng sự câm, từ chối được gọi tên.
Nó mọc ra thực sự không việc gì và chờ sự chổng ngược
của cái nhìn đen, hơi thở đen, cái lưỡi đen.
Cánh tay biết cách vắt ngang qua trán lồi lõm đen của hắn

Nó thật sự không việc. Không có ý đập bàn tay
vào bất kỳ đâu, chỉ trơ trơ vậy thôi.

Trong bàn tay không có tặng vật để mở, không nắm chặt để đoạt.
Nó chỉ lặng lẽ dung chứa hai cách tay thường ngày.
Hai cánh tay bây giờ bất động, làm ra vẽ đã chết.
Ở đấy – lúc này

TRẦN TIẾN DŨNG





HỒ ĐÌNH NGHIÊM

Cố đô

Như mọi lần, khi chiều tắt nắng, Gia vẫn ra ngồi ở chỗ ấy, bên sông. Như mọi lúc, tôi đi băng qua khoảng sân đất cất giấu nhiều bóng tối, để cuối cùng hình ảnh quen thuộc kia lại hiện ra. Chiếc ghế thấp như bất di bất dịch, sự dời đổi không hề xẩy tới. Ngay cả dáng vẻ của Gia cũng thế, tựa hình khối một bức tượng. Cứng ngắc , vô hồn và cũ kỹ. Một sự chung thủy đến nao lòng. Dòng sông không bao giờ là một tấm gương óng ả. Nếu có, đó là một bề mặt luôn vỡ vụn. Nó không ngừng xao động và nó bẻ gãy cái thoi thóp của ráng chiều đang rải đều xuống thân nó. Một hai con đò lặng lẽ trôi ngang, bếp lửa đỏ nhóm sau mui như con mắt vừa mở trừng, giây lát, rồi vội đóng kín, khuất lấp. Khói vướng víu trôi lui, một vệt xám cắt ngang tầm mắt, nơi mà đằng sau, phố thị bên sông đang lần lượt thắp sáng đèn. Nước mấp mé bờ, chỗ Gia ngồi, nó thì thầm mãi hoài một đơn điệu. Tẻ nhạt nhưng không nhàm chán. Như vỗ về, như nhắn nhủ. Gia từng kể, có khi thức giấc, sáng mai nhìn ra thấy nó hao mòn xuống thấp. Cũng có đôi khi nó âm thầm leo lên tới tuốt bậc thềm và nếu ta ngồi đây, ta phải chịu ngâm chân tới đầu gối. Gia có vẻ yêu dòng sông

này. Cái dòng sông tuôn ra cửa biển và mang đi hết những người thân thuộc trong gia đình rong ruổi tới một bến bờ khác. Sao Gia còn ở lại? Đó là câu hỏi tôi từng nêu và chưa khi nào Gia đưa ra một câu trả lời hợp lý. Tôi thắc mắc bởi lẽ tôi nuôi hy vọng: Tôi chính là nguyên nhân khiến Gia khó giũ áo ra đi.

Chính quyền thì luôn có một bản án dành cho những kẻ trốn chạy kiểu ấy: "Phản bội tổ quốc". Họ không hay biết đôi khi người ta ở lại chỉ vì những kẻ không may ấy lỡ bị cột trói bởi một thứ tình tầm thường nhỏ bé hơn. Tình yêu giữa tôi với Gia chẳng hạn. Và trong nhãn quang của hai kẻ yêu nhau, tổ quốc là thứ gì xa vời, trừu tượng; nằm ngoài những thao thức của hai kẻ đang bận lòng chia ngọt xẻ bùi. Tẩn mẩn, vụn vặt, nhưng khó có gì so sánh được.

Bữa ni có chi lạ không?

Gia hỏi. Mỗi khi tôi tới Gia đều mở đầu bằng lời nói đó. Tựa tiếng sóng vỗ, nghe quen tai. Gia như luôn hoài nghi về cuộc sống này, về cái cách biến đổi không ngừng của nó. Dĩ nhiên quá trình của biến đổi sẽ sản sinh ra sau đó những chuyện lạ. Tôi thì không. Tôi thấy thời gian trôi chậm, trì trệ và mọi thứ tuồng như đứng yên. Hiểu ở một nghĩa nào đó thì tất cả đều đã tụt hậu, đã lùi về phía sau. Nhưng mà cổ tích thì luôn ẩn chứa chuyện lạ. Thêu dệt, đặt điều cho nhiều vào, để lấp đầy khoảng trống.

- Thầy Huy đau nặng. Trong lớp phải sáng tạo ra một buổi lao động ngoài trời để điền thế tiết học.

Tôi nói, đồng thời ngó lên cái trang thờ bắt trên một thân cây. Cây nhiều lá và lá lan tràn như muốn bôi đen cái hộp gỗ vuông vắn kỳ dị ấy, vì thế trông nó tựa một cái chuồng bồ câu mà chim đã bỏ đi hoang. Cả Gia cũng không hay biết gia đình dựng nó lên để thờ phượng ai? Nhưng bao giờ, khi tôi tới, tôi cũng muốn thắp vào đó một vài cây hương. Một trang thờ không lạnh lẽo, điều đó cũng có nghĩa là kẻ ngồi bên dưới nó sẽ cảm nhận ít nhiều nỗi bình an trong tâm hồn. Tôi luôn bất an, tôi linh cảm một điều gì đó xấu xa đang chờ chực. Mơ hồ, không tượng hình, nhưng luôn ám ảnh. Tôi nghĩ tới khuôn mặt của thầy Huy, nét khắc khổ, sự cam chịu tỏa đầy trên con người thầy. Thầy ốm nặng và trong trường, mọi người thầm hiểu, đó là dấu hiệu khởi đầu về một cái chết. Thầy sẽ thực sự vắng mặt, sẽ bỏ đi. Không hôm nay thì hôm sau. Hương không thơm, khói tỏa ra chẳng xua đuổi được đàn muỗi khát máu.

- Gia thì sao?

- Gia đan gần xong chiếc áo ấm. Chỉ có năm búp len, chắc phải chịu chật một tí.

Mùa hè vẫn còn dùng dằng nán lại. Chưa khi nào tôi mong là thời tiết sẽ chóng lạnh như bây giờ. Hãy bỏ băng qua mùa thu để đông trở về với gió mưa, với rét buốt. Tôi sẽ mặc chiếc áo Gia đan và giã từ nỗi cơ hàn luôn quấy phá hằng năm. Ôi, ấm áp biết chừng nào nếu người ta được mặc chiếc áo do tình nhân đan cho!

Tôi nắm đôi bàn tay Gia với ý nghĩ mười ngón mát lạnh ấy chẳng khác mấy đôi tay của những người nghệ sĩ tạo hình. Lá trong vườn giao động, như những giác quan trong người tôi đồng loạt tỉnh thức. Bồi hồi, xao xuyến. Chúng tôi hôn nhau và môi rời ra khi những con dơi đập cánh ngang qua làm rạn vỡ cái thời khắc cô đọng niềm hạnh phúc. Ba cây hương đã tắt. Trời không có trăng. Chiếc áo trắng Gia mặc cơ hồ như có tráng lân tinh, như cả triệu con đom đóm vừa quây quần tụ lại. Một thứ sắc màu rất hoang đường.

Răng không thử đề nghị chở Gia đi chơi?

Gia nói. Nhỏ nhẹ, gió thoảng. Khuôn mặt nửa khuất lấp sau tóc phủ rối, nửa bày ra nét đẹp trắng xanh của một nhan sắc mà suốt ngày tôi vọng tưởng không nguôi.

- Đi những đâu?

Chỗ mô cũng được, bị cấm cung cả ngày rồi!

Tôi tới lấy xe đạp dựng bên cây sầu đông, ý thức rõ rệt về nỗi buồn của một kẻ không tiền. Chưa bao giờ tôi mời Gia ăn một ly chè, uống được một cốc cà phê như bao cặp tình nhân khác thường bày tỏ cho nhau. Thầy Huy có lần mượn câu ngạn ngữ của Tây-ban-nha để nói với tôi: "Ngay cả khi trong túi hết tiền, cái mũ trên đầu anh cũng phải đội cho ngay ngắn". Câu nói đơn sơ, chẳng rắc rối nhưng lắm lúc tôi không hiểu được. Nó nói tới nhân cách, có phải không? Và nhân cách, đó là điều mà tôi chưa từng thấy một ai có được ở thời điểm này. Người cha đi theo Cách mạng, ngày hòa bình trở về nhà hiếp dâm đứa con gái mười sáu tuổi của mình. Người mẹ vị thành niên chưa điên loạn ấy mang đứa con vừa lọt lòng đặt trước cổng chùa và cô không hề biết chùa chiền đã bị giải tỏa, lạnh vắng tiếng chuông...

Có tiếng chó sủa vu vơ trong bóng đêm. Tôi chở Gia thoát khỏi con đường kiệt hai bên trồng chè tàu như trường thành thẳng tắp. Gia nhẹ tựa một kẻ thiếu ăn, và đứa ăn không mấy no như tôi bao giờ cũng lấy gạo cơm để làm đơn vị so sánh. Thật thấp hèn, khốn khó và đáng nguyền rủa. Mối tình của chúng tôi sẽ thơ mộng biết chừng nào nếu được trưởng thành ở một nơi chốn khác. Tôi chia xẻ cùng Gia cái ý nghĩ ấy.

- Một nơi khác? Nơi đó biết có còn đủ đầy hai đứa không?

- Là sao?

- Là khi mình đạt được điều này cũng có nghĩa là mình sẽ chịu mất đi một điều khác.

- Anh sẽ đánh đổi hết mọi thứ để xin chỉ được có mỗi mình Gia.

- Anh nói như một kẻ tư bản chính hiệu. Anh hiện đang có những gì?

- Ừ, anh vô sản, anh trắng tay, anh tham sân si. Một tấm lòng vàng thì chẳng làm nên cơm cháo gì!

Tôi thở gấp khi đạp xe lên triền dốc. Mệt mỏi, già nua, cực lòng. Tuy vậy tôi muốn chở Gia đi tới một nơi xa xôi, quạnh quẽ. Tôi sẽ rã rời đôi chân, sẽ kiệt quệ sức lực tuổi xanh và rồi tôi sẽ ngã người xuống một bãi cỏ hoang liêu, ngửa mặt nhìn lên trời cao hấp hối ánh sao. Ba tôi kể, đêm Trường sơn bầu trời đẹp lạ lùng. Sao lấp lánh, sáng không đồng đều như số phận của mỗi một con người. "Bố mừng vì con còn đeo đuổi việc học mà không đi lính cầm súng cho Ngụy..." Và sau đó, sau đó là tiếng khóc tức tưởi không nguôi của em tôi. Tôi chẳng rõ bây giờ nó ở đâu? Hôm chia tay nó đóng bộ tịch cứng rắn: Em đi giang hồ, em xuôi Nam. Đừng lo cho em, con gái thời nào cũng lợi thế hơn bọn đàn ông con trai. Em bán bia ôm, em làm thợ mát-xa đấm bóp, em làm vũ nữ thoát y, em làm đĩ, em đi khách cho bọn Việt kiều hồi hộp...

Mặt nó lạnh căm, trâng tráo; trong khi tôi không cầm được nước mắt. Chưa bao giờ trong tôi nổi cộm sự hận thù bằng lúc đó. Tôi muốn có được lòng can đảm, tôi muốn hóa thân thành một đứa vô học, nắm con dao trong tay run và chém vung vãi lên người bố tôi. Chiếc xe đò rời bến An cựu, mang em tôi đi trong thinh lặng nhạt nhòa. Tôi đứng chết sững với một niềm tủi hổ dâng lên, vô bờ. Tôi chửi tôi: Địt mẹ mày, thằng khốn nạn! Bố mẹ mày! Thằng không đủ tư cách làm anh...

Người ta gọi đây là đồi Từ hiếu, hay đồi Vọng cảnh? Tôi cũng không nhớ rõ. Hay là đồi Thiên an? Núi Ngự bình? Phương hướng, địa hình địa vật, tôi mù mờ khuấy quên. Sương muối ở đâu tới, dồn tụ trên hàng thông luôn đứng dáng mặc niệm, để phả xuống người chút gai lạnh, ẩm ướt. Chiếc áo Gia mặc lẫn vào dòng sữa đang trôi ấy và nó cho tôi cái ảo giác chúng tôi không hề là của nhau. Hoặc nó ngụy tạo ra, đây là một trò chơi trốn tìm, cố đào xới sự thật đang ẩn khuất. Tôi buông chiếc xe đạp và ngã cùng nó xuống bãi cỏ rậm. Những bụi mắc cỡ rùng mình đồng loạt khép lại tất cả mọi cánh lá. Nếu em tôi chết đi, kiếp sau em không thể hóa thân thành loài hoa trinh nữ bé dại này. Tội nghiệp em, mà cũng tội nghiệp cho cái ý tưởng của tôi. Tôi mở trừng mắt cố tìm kiếm một vì sao. Đất trời giao thoa liền lạc trong

vũng mờ không biên giới, đậm đặc. Một bóng trắng hiện ra, án che, để sau cùng võng mô tôi đóng kín lại. Tôi ngửi mùi tóc Gia, hôn hít. Tôi ôm siết cơ thể Gia đang phủ lấp người tôi. Tôi lặng chìm trong thứ cảm xúc mình được chiều chuộng, được săn sóc, được vuốt ve, được thương yêu. Một dòng nước ấm, trơn nhờn vụt bắn ra khỏi cơ thể. Tôi rên lên, mường tượng tới tấm lưng trần của ba tôi, tới bàn tay thô bạo bịt kín miệng mồm em tôi và sau đó tinh dịch cũng như nước mắt đồng loạt chảy. Cả hai dòng cùng một cội nguồn tuôn lai láng...

Đám tang thầy Huy đơn sơ, lặng lẽ. Trước ngày thầy chết ít hôm, tôi có đến thăm, nhìn mặt lần cuối người đàn ông luôn đặt nặng vấn đề sĩ diện, nhân cách lên trên hết mọi thứ. Thầy hỏi: Bạn coi mình là con người hay thú vật? Tôi cúi đầu, nhìn cái bô mạ kền móp méo trốn dưới chân giường xiêu vẹo. Tôi là chiếc giường tre hay cái bô dơ bẩn kia? Tôi tự hỏi. Nếu tôi thú vật và thầy yếu lòng đánh mất sĩ diện, có thể tôi đã dìu thầy qua được cửa ải của thần chết. Chỉ cần tôi năn nỉ bố tôi, lạy lục cả tơi lẫn nón ông đảng viên thâm niên ấy, họa may ông sẽ khoan hồng giúp thầy Huy nhập viện, diện cán bộ. Mà cũng không chắc, đôi khi cái chết nó giúp người ta nhiều điều, nếu người ta quan niệm sự vắng mặt ở đời sống này là chuyện cần thiết chẳng hạn.

Thầy ngó lên tôi, vầng trán nhăn nhàu, giọng yếu đuối: - Bạn cũng đang nhuốm bệnh đó, có biết không?

- Khám ở phường họ bảo suy dinh dưỡng, chẳng có gì phải bận tâm.

- Bạn như người trút hết sinh lực vào một chuyện bí ẩn nào đó. Hoặc không thì bạn là kẻ vướng tật thủ dâm... Trầm kha, nhợt nhạt...

Tôi cười:

- Được dạo chơi cùng lần với thầy thì thú biết mấy!

- Đừng đùa. Bạn tin tới thế giới siêu hình không? Bạn có bao giờ biết thắp hương cúi đầu khấn nguyện người khuất mặt? Hay bạn là đứa duy vật?

Buổi nói chuyện cuối cùng đó không diễn ra lâu. Gia đình thầy muốn tái lập sự lặng yên trong gian nhà nhỏ bé ngột ngạt ấy. Tôi đi về, suy nghĩ những điều thầy nói và nghiệm ra đôi khi người ta chẳng nên tạo cho mình cái sĩ diện hảo. Chẳng ích gì. Vì thế tôi làm mặt dày mày dạn, đội mũ không ngay trên đầu, mạnh bạo nện gót đến tìm ba tôi. Tôi đói khổ triền miên và tôi muốn có chút tiền lận lưng, bồi dưỡng cái thân thể nhợt nhạt túng thiếu trầm kha.

Bố không mấy vui khi thấy tôi. Ghẻ lạnh là đằng khác. Bên bờ sông, những đứa con riêng của ông đang câu cá, bọn nó tuồng như có

một ngôn ngữ dị biệt để mang ra cợt đùa, những lời nghe lạ tai. Hai ba đứa thảy đều chửi thề không ngượng mồm và những mái đầu xanh ấy chẳng thể hình dung ra đứa ăn mặc rách rưới đứng ngó láo liên kia là anh cùng cha khác mẹ với chúng. Đây là lần đầu tôi đến tìm ông, nhưng sao cảnh vật ở nơi nầy trông quen thuộc quá. Lý ra chỗ kia có đặt để chiếc ghế thấp, lý ra nơi nọ phải có một lùm cây bao phủ cái trang thờ màu đỏ. Sao lại đốn chặt, khai quang tới độ trống trải lạ lùng?

- Mày không nên đến đây với một điệu bộ khẩn trương kiểu quái gở như vậy. Cầm chút tiền này và lần sau gặp chuyện hệ trọng nào thì hẳn tìm tao ở cơ quan.

Bố tôi nói. Ông bước sát vào người tôi như ngầm xua đuổi. Có thể ông đã thay tên đổi họ và thú thật tôi không tài nào nhớ nổi cái bí danh của ông ta. Chức tước ông khá lớn, ở ủy ban quân quản thành phố hay bí thư quái quỉ gì đấy tôi chẳng bận tâm. Cầm nắm tiền trong những ngón rịn đổ mồ hôi, tôi hiểu rõ buổi nhờ vả hôm nay là lần duy nhất và sau cùng.

Tôi cúi đầu bước vội khỏi vuông sân như đang mất dần sức hút, trọng lực. Vẫn là hàng rào hai dãy thẳng thớm chạy dài ra đường nhựa. Vẫn là quán bán chè nằm đầu ngõ với đám hoa râm bụt đang đỏ thắm một cách riêng tư.

Anh ăn chè hay uống nước chanh?

Đứa con gái chào đón. Nó khoảng tuổi mười hai. Nhỏ nhắn, dễ nhìn, nhanh miệng lẹ mồm. Nó biết phụ giúp gia đình để lao động kiếm ra đồng tiền. Nó hơn đứa lớn sầm đầu này mọi mặt. Tôi ngơ ngáo, bó tay quẫn trí không biết cách kiếm bạc và luôn dật dờ như một kẻ mộng du.

Cho anh ly nước chanh.

Bóng nắng ghim xuống thân tôi lỗ chỗ những đốm tròn. Mái tôn che chắn phía trên như từng mang thân ra hứng đạn. Tôi ngồi đếm những tờ giấy nhàu nát, chẳng mấy thơm tho. Có phải là đồng tiền nào cũng đều dơ bẩn? Tôi chẳng biết. Tôi đưa hết cho đứa con gái. Nó kẹp tóc đuôi ngựa, mặt có vẻ già so với vóc vạc nhỏ nhít.

- Mô có nhiều như ri. Chỉ là ly chanh đá thôi mà.

Em hãy cầm hết đi, để rồi nói cho anh nghe một chuyện.

Đứa con gái ngập ngừng. Nó nhìn tôi như nhìn một cải tạo viên ngày đầu được phóng thích khỏi trại tù vĩ đại. Nửa thương hại, nửa nghi ngờ. Tọc mạch, khó hiểu.

- Anh muốn biết chuyện chi? Chị Hoa của em thì đi lấy chồng đã hơn ba tháng rồi.

Ly nước chanh hà tiện đường làm tôi nhăn mặt. Nó chua chát tới độ đáng ngờ vực vị giác mình.

- Em biết căn nhà mang số 33 ở trong xóm không?

- Có phải là cái nhà đã bị cách mạng chiếm đoạt tịch thu không?

- Đúng là em có biết. Em thử nhớ trước đây, trong căn nhà ấy có một người con gái tên là Công tằng Tôn nữ Hoàng Gia...

- Lạ lùng chi. Họ lần lượt kẻ trước người sau vượt biển hết rồi. Nghe đồn...

- Đồn đãi chuyện chi?

- Chuyến cuối, chiếc ghe chở họ bị đắm chìm...

- Em tin lời đồn nhảm ấy không?

- Tin. Có nhiều đêm mắc đái mà không dám ngồi dậy. Nghe có tiếng ai khóc thút thít thật gần, nghe bụi chè tàu ngoài nớ run lẩy bẩy như có ai lướt chạy ở trên.

Tôi nhìn những ngón tay đè lên tim của đứa con gái. Ngó nét mặt vừa biến đổi của nó để rồi cảm nhận rõ ràng ly chanh đá đã đông cứng trong buồng ngực tôi, như thanh đao lạnh lẽo vừa đâm thốc vào.

- Anh cũng sợ ma phải không?

Đời nào. Tại vì em kể chuyện có duyên, hơi bất ngờ. Cám ơn em.

Tôi đi bơ vơ giữa trưa, trơ trụi dưới nắng. Không còn ai thân, tôi tìm tới ngôi mộ mới tinh màu sỏi đá ôm choàng lên thân xác thầy Huy. Tôi gục đầu trước tấm bia xi-măng đang rịn ứa mồ hôi. Tôi nhớ hai câu cổ thi Gia từng đọc lên để đố tôi, mà sau đó tôi đã phải cầu cứu tới thầy Huy, nhờ giảng giải:

"Các trung đế tử kim hà tại? Hạm ngoại trường giang không tự lưu"

Hai câu này của Vương Bột, dịch thoáng ra: "Đế vương giờ ở nơi đâu? Ngoài hiên sông lớn vẫn sầu lặng trôi".

Tôi chảy nước mắt. Tôi đau buồn cho Gia đã không có được một nấm mồ. Hoàng Gia ơi, Em đang ở đâu? Đời sống này vẫn sầu lặng cuốn chìm lấy anh.

HỒ ĐÌNH NGHIÊM
Cuối năm 01.

Đọc trong số tới:

LÊ MINH HÀ

BẢO NINH, NỖI BUỒN CHIẾN TRANH, ĐỌC LẠI

ĐINH TRƯỜNG CHINH
Chữ

Tan biến vào nhau
Lẫn khuất giữa những linh hồn
Mỗi ngày tôi đi qua rất nhiều nghĩa địa .

Những nhà thơ khử trùng thơ
nhờn nhợt giống chữ hoang
Mỗi ngày
tôi cắm chạy hốt hoảng
những con sông đã cháy
những hớp rượu cuối uống cạn
di cốt tôi được tái tạo trong bộ óc kẻ lạ
thông thống giữa đêm .

Ngưỡng cửa bước vào bí ẩn
tôi làm nghề giải mã cho phần mộ chính mình
yếu tính và sức mạnh linh hồn không làm tôi nhỏ bé hay vĩ đại
nhà thơ sống và chết trong giấc mơ kiêu bạc của hắn
tôi cũng cưu mang giấc mơ của tôi.

Mỗi ngày
Tôi bước qua hình hài mình như một con gián
gặm giấc mơ và làm cách mạng dưới những gầm tối
cuộc phiêu lưu dị dạng
tích lũy những điều ngụy tín từ cuộc đời xám ngắt
thế giới xoáy vào bên trong
chiếc rốn ảo của thơ.

Và tôi luôn ngẫu nhiên như một giọt nước
rơi xuống
loãng
...

nhoà nhạt trên màng hình di động cuối đêm.

ĐINH TRƯỜNG CHINH (*12/11/2001*)





HOÀNG TỐ MAI
Này áo xanh cổ trắng

Bây giờ tôi mới nghĩ đến chuyện thăm lại nhà bảo tàng. Thời gian trôi đi, mọi thứ đều thay đổi. Ngày xưa công viên giống như một khu rừng, đảo xanh um tùm, rậm rạp, lớp hàng rào đổ gãy và gió thổi hù hù suốt đêm ngày. Giờ thì nó khác hẳn, khang trang và ồn ĩ hơn nhiều. Nhà bảo tàng thì vẫn như xưa, tranh nối tiếp tranh, những bức tượng, phù điêu gốm sứ... Tất cả hợp lại thành một cái gì chẳng mịn màng. Tôi bước vào phòng cuối với tâm trạng không thỏa mãn. Phòng này mới vừa bày tranh của nhà sưu tầm vừa mất, nó như một căn nhà ở. Những bức tranh chạy dài xung quanh tường theo số thứ tự. Bức tranh đầu chẳng có gì đặc biệt. Tiếp theo cũng thế và khi tôi định buông lời bình phẩm bức thứ ba thì nghe thấy giọng đàn ông chầm chậm: "Người đàn bà áo xanh cổ trắng". Cảm giác đầu tiên là ai đó gọi, nhưng hình như không phải. Tôi chậm chạp xoay đầu lại và nhận ra mình trong tranh chân dung, làm sao nhầm được khi chiếc áo ngày nào tơi giờ vẫn tỏa màu xanh huyền thoại. Đã bao năm rồi...

Hồi ấy tối sống cùng gia đình ở khu tập thể xa heo hút... Dân

nơi đây lam lũ, vất vả, cả khu không có nổi căn nhà hai tầng. Tôi thấy nơi này chẳng có gì đáng nhìn trừ mảnh vườn xinh xắn của gia đình. Ao ở đây bẩn thỉu và chật hẹp, rau, bèo mọc chồng chất. Đi đâu cũng gặp rác rưởi, đổ từng đống to nhỏ bên đường. Muốn tới phố xá nhộn nhịp phải đạp xe vài cây số. Chính vì thế khi lớn lên, tôi trở thành đứa con gái ít đòi hỏi. Mà cũng chẳng biết đòi cái gì khi tôi đâu hiểu những ham muốn đương thời của đồng loai. Nhưng có thể sinh ra tôi đã thế, không thích những yêu cầu lớn lao. So vơi bạn bè, tôi non nớt hơn nhiều vì vậy mẹ lo cho tất cả. Ngạy cả đi may áo, người ra hiệu lại là mẹ tôi. Nếu ngườ ta có hỏi: "Số đo của cháu đâu?" Mẹ sẽ trả lời: "Nó gầy và thấp hơn tôi một chút". Những chiếc áo ấy đều vừa vặn, nhưng không đẹp lắm. Tôi luôn có cảm giác nếu áo dài ra một tí, rộng thêm một chút thì tuyệt vời. Nhưng điều ấy chẳng quan trọng vì tôi vốn không thích bị ai chú ý. Tôi còn thích thú khi thay mình chẳng chìm nghỉm, nhưng cũng không nổi bật ở bất kỳ đám đông nào. Nhưng có một lần mẹ phải đi xa. Được vài hôm thì gửi về miếng vải xanh thật đẹp, chẳng còn cách nào, tôi phải tự mình đi may áo. Cả khu tập thể chỉ có một hiệu may duy nhất, thợ là cô gái còn trẻ có đôi mắt dài nhưng luôn luôn nhìn xuống. Tôi nghe nói chồng chị ấy bỏ đi trong cơn say, chẳng mang quần áo gì cả. Đã một năm rồi anh ta không về, người mất tích ấy là chàng trai yêu vợ. Thảo nào, trông chị ấy thật buồn. Còn tôi sau vài giây bỡ ngỡ bèn lẳng lặng đặt mảnh vải lên bàn, chị ngẩng lên nhìn một lát rồi bảo:

- Em sẽ có chiếc áo xanh cổ trắng. Thôi, chẳng cần đo nữa đâu.

Tiếng máy lại lẹt xẹt, không biết nó kêu đến bao lâu. Tôi đành nhìn vơ vẩn những chiếc áo hoàn chỉnh phủ trên vài tượng gỗ. Tất cả đều rất đẹp, hài hòa rực rỡ hay nền nả vô cùng. Tôi chú ý những chiếc cổ áo vì thấy là lạ, chúng giống như khóe môi trễ nải bật ra lời năn nỉ: Về đi anh! Em đã chờ lâu quá.

Tối chủ nhật, tôi lấy áo và sáng hôm sau mặc luôn đi học. Hôm ấy muộn giờ nên tôi phóng xe gấp và đâm luôn vào một gã mặt mày hung tợn. Hắn hầm hầm định văng tục nhưng khi ngẩng lên bỗng mỉm cười nhã nhặn: "Em đẹp quá! Đả chán đời sao". Lúc ấy tôi đã mơ hồ nghĩ tới sự can thiệp của chiếc áo xanh cổ trắng. Tới trường cũng vậy, mọi người nhìn tôi đầy thiện cảm. Chưa bao giờ tôi nghĩ mình xinh đẹp, có chăng chỉ là "tương đối dễ coi" như lời nhận xét của bạn bè. Vậy mà hôm nay tôi đã đón nhận những điều kỳ diệu, những ánh mắt và nụ cười không dứt của những người bạn. Hơi ngượng ngùng một chút, nhưng dù sao cũng thật tuyệt vời. Có người gọi tôi: đấy là anh sinh viên cùng lớp, hơn tôi vài tuổi. Hắn ta thông

minh, nhưng kênh kiệu. Tôi thường hay khó chịu, nhưng cũng gờm.

- Cho anh mượn "ngôi nhà của mắt nâu".

- Sợ anh không hiểu nổi.

- Em kiêu ngạo quá.

- Nó khó hiểu thật mà.

- Thôi, chiều anh qua nhà lấy.

Qùả là tởm, cả năm giáp mặt không chào bây giờ đòi "qua nhà". Thấy tôi im lặng, hắn mời vào quán nươc sau một lát nghĩ ngẫm. Chỉ một buổi chiều, tôi đã thấy ở hắn những lỗ hổng thật lớn. Hắn cũng ngờ nghệch khi nói chuyện với phụ nữ, đôi lúc lưỡi ríu lại. Đơn gỉan là về chiều, tấm áo càng rực lên thắp sáng bừng khuôn mặt. Thứ hai tôi thấy thẩm âm của hắn cũng chẳng được cao lắm, không thể chấp nhận được khi hắn ta khen bản nhạc i eo bên tai là tuyệt vời. Không thể chấp nhận được.

Buổi tối, tôi cởi áo và lại thấy mình trong gương. Sáng mai trong bộ quần áo khác, chắc chắn hắn sẽ không nhìn tôi thờ ơ và ngượng ngịu với những gì xảy ra hôm qua. Dù sao lòng kiêu hãnh đã nở tung như cụm hoa gặp tiết nồm ẩm ươt. Còn chiếc áo đã trở thành biểu tượng, nhiều người không biết tên tôi mà chỉ gọi: Này, áo xanh cổ trắng. Hai năm rồi, nó vẫn xanh óng ả, thanh khiết lạ thường.

Một hôm, tôi phải qua đường mua chuối. Có một ngươi đàn ông chặn lại hỏi nhỏ:

- Cô gái! Biết vì sao mình đẹp không?

- À, áo xanh cổ trắng.

- Dũng cảm đấy nhưng không hẳn là vậy. Cô làm người mẫu nhé?

- Ồ! Tôi không quen cởi áo.

- Không. Cứ nguyên thế này. Đi nhanh lên.

Cuối cùng, cũng tới nơi cần đến. Tôi bi ấn vào chiếc ghế bành. Căn phòng nhỏ tường sơn màu thật đẹp. Đậm, đậm dần, nhạt, rồi nhạt mãi để hóa thành không màu sắc ở đường ngoằn ngoèo nào đó. Lại có tiếng nói:

- Chiếc áo này sẽ là duy nhất và cô cũng thế. Thôi nghe nhạc nhé...

Thế là máy hát chuyển động.

Giờ tôi ngủ mở mắt. Những dải màu chầm chậm trôi đi theo luồng nhạc đổ dồn, buông từng chùm đổ ập. Giá cứ mãi thế này mẹ nhỉ! Giá mà cứ thế mãi. Phải rất lâu sau tôi mới thấy mọi việc ngược lại, họa sĩ hài lòng nói:

- Cô đã ngồi bốn tiếng.

Liền đấy là một tập tiền được đẩy đến, tất nhiên là tôi gạt đi.

- Chẳng có ý nghĩa gì khi mẹ còn sống. Chắc sau này tôi sẽ nhận nhưng lúc ấy cuộc sống hẳn là khốn cùng.

- Cô phát triển bình thường đấy. Bao giờ gặp lại nhỉ? Năm nhân hai cộng mười nhé!

- Trừ bốn được không.

- Không. Phải như vậy. Giờ tôi ngủ đây.

Trở về nhà lúc chiều gần tắt nghỉ, tôi trút bỏ bộ cánh, vất hờ hững lên dây không để ý là trời trở gió. Chỉ chờ khi tôi buông tiếng thở dài là gió tốc tung lên tấm áo, gió nó giống chiếc dù rơi ngược vào bầu trời. Chiếc áo ngậm ngùi khép mở: "Em ở đây, em ở đây". Gió lạ lùng xa hút.

Vài năm sau tôi lấy chồng. Anh chẳng có gì đặc biệt, nhưng là người tử tế. Tôi mặc gì anh cũng khen đẹp, cùng lắm thì bảo: " Trông cũng được." Cuộc sống yên ả trôi cho tới hôm nay. Có một người thảng thốt đứng tựa vào tường nhà bảo tàng mỹ thuật. Trước mặt, người đàn bà áo xanh cổ trắng ngồi trên ghế bành, vai chùng xuống và nghiêng đầu sang trái. Đôi mắt hướng về nơi xa xăm làm gương mặt như tan ra lặng lẽ. Còn chiếc áo hắt những quầng kỳ ảo đẹp lạ thường, chẳng nhẻ, kia là mình hồi ấy. Ai chẳng biết, một bức chân dung đẹp thể hiện tình cảm vô hạn của tác gỉa với người làm mẫu. Nhưng ở đây là chiếc áo xanh phù phép, cũng có thể cả tôi và nó nâng nhau lên rất xa, bay ngút ngàn vạn dặm rồi thanh thản rơi vào bức tranh này.

Hai mươi năm rồi. Đúng, năm nhân hai cộng mười chẳng trừ gì cả. Ai đó lại gọi mình: Này: Áo xanh cổ trắng.

HOÀNG TỐ MAI



TRẦN MỘNG TÚ
Biển

Mặt trời rót
mặt trời rót xuống
Anh ơi!
hết mặt trời rồi
biển uống đầy bụng lửa

Một tay níu vào anh
một tay cầm đôi dép
hai bàn chân trần
dẫm sâu trong cát
em há miệng uống từng ngụm gió
úp mặt vào ngực anh
biển tràn hơi thở

Gió
gió thổi
anh ôm em chặt quá
tiếng sóng vỡ oà
giữa hai lồng ngực

Mình đi
mình đi bên nhau

thong thả đi bên nhau
Đúng không anh

Biển hình như mới có sáng nay
nước trong như mắt
Cát hình như mới có trưa nay
hạt mềm như da thịt
Sóng hình như mới có chiều nay
ngọn cong như cồn ngực

Cả vũ trụ
hình như vừa được dựng
và anh
và em
vừa mới được làm người

Mình đi
mình đi bên nhau
thong thả đi bên nhau

Gọi mặt trời
trở lại

TRẦN MỘNG TÚ
8/01





HÀ KHÁNH LINH
Chin hạc đen

Thuở còn tiệm đế, đức Thái Tổ Cao Hoàng đế đã bôn ba tao dựng cơ nghiệp - vào sinh ra tử nằm gai nếm mật đã nhiều phen. Có lúc ở cùng những người nông dân, cùng đi chân đất, ăn rau rừng, nhường nhau từng củ khoai luộc, củ sắn lùi. Có lúc phải ở hải ngoại để lánh nạn, để cầu thân, để chiêu mộ nghĩa sĩ, mọi việc nhà giao hết cho các bà vợ -là những bậc mẫu ghi trọn tài trọn đức- thay chồng nuôi dạy các con, thờ phụng mẹ chồng, kính trên nhường dưới, đối xử với quân sĩ hết sức khiêm tốn.

Công chúa Nguyên Nhung vốn được phụ hoàng yêu quý hơn hết ngay từ hồi còn hỏ, giờ nghiễm nhiên trở thành cô công chúa được cả triều thần ngưỡng vọng. Vừa thông minh xinh đẹp và đoan trang, công chúa còn có tài thơ văn và tâm hồn hết sức đa cảm. Công chúa thường không chịu nổi khi phải phục kích cái ác, cái xấu, đồng thời có lòng thương yêu hết thảy muôn loài. Bất kỳ một động thái nào có thể làm phương hại đến sự sống của các loài động vật đều gây cho công chúa cảm giác đau đớn, bởi vật, ngay từ nhỏ công chúa đã không chịu ăn thịt các loài cầm thú. Kịp đến khi ý thức đầy đủ về sự sống chết và nỗi đau máu chảy của muôn loài, công chúa đã xin phép phụ vương và

hoàng hậu cho công chúa chỉ dùng thức ăn bằng các sản phẩm chế từ thực vật -như một cư sĩ Bắc tông, mặc dầu Hoàng thượng có khuynh hướng chơi thân với các giáo sĩ Kitô hơn là với hàng tăng lữ phật giáo, bằng chứng là Hoàng tử trưởng đã được Hoàng thượng cho theo đòi Tây học. Để làm đẹp lòng Hoàng thượng và Hoàng hậu, các mệnh phụ, phu nhân đã thi nhau sáng chế ra những món ăn tinh xảo, đẹp đẽ và thanh khiết để dâng lên công chúa. Nàng nhận, tỏ lòng biết ơn và hờ hững. Ở tuổi dậy thì mà lạ thay nàng không thích ăn ngon mặc đẹp, không ham muốn châu ngọc gấm vóc lụa là. Công chúa phục sức giản dị và tinh tế. Tuy vậy, sắc đẹp và sự duyên dáng ở công chúa luôn bừng tỏa, làm cho bao giai nhân mỹ nữ bị lu mờ khi có sự xuất hiện của công chứa. Nhiều công tử con của các vị đại thần, cũng như Hoàng thái tử của các lân bang đều ngấp nghé muốn được thành thân cùng công chúa, đã cậy nhờ mai mối đánh tiếng gần xa, hoặc mang đồ sính lễ vượt biên cương đến xin cầu hôn, nhưng tất cả điều bị công chúa khiêm nhường chối từ. Hoàng hậu buồn phiền, Hoàng thượng vốn yêu chiều công chúa nên không ép, dẫu rằng trong mắt Hoàng thượng, vị tướng trẻ tài ba lẫm liệt họ Hoàng dưới trướng của Hoàng thượng là người xứng đáng nhất trong số -để có thể sánh duyên cùng công chúa. Ngoài tài năng kiếm thuật ra, vị tướng trẻ còn biết làm thơ hay, nên đã có lúc được mời đến dự xướng họa và bình thơ với các Hoàng tử và công chúa ở Khuê Văn. Hoàng thượng ngắm các con trai con gái yêu quý, rồi ngắm Nguyên Nhung trong vóc dáng thanh tân yêu kiều, đôi mắt phương trong như ngọc, đôi mày liễu cong, mảnh và xanh mướt, giọng nói trong trẻo, nhỏ nhẹ, rõ ràng diễn đạt rành mạch các ý tứ ngôn từ trong các pho sách... Hoàng thượng nói với Hoàng hậu:

- Này ái khanh, con gái chúng ta - Công chúa Nguyên Nhung là một dư huệ của Hoàng gia, một bảo vật vô giá mà trời đất đã ban tặng cho trẫm và hậu, nên Nguyên Nhung đã không dễ dàng trở thành bà chủ của một vương triều hay vương phủ, lại càng không thể trở thành một bà công chúa bình thường sánh duyên cùng phò mã đô úy suốt đời sống ung dung nhàn nhã hưởng bổng lộc của triều đình đâu...

Hoàng hậu nghe nói sụt sùi nhỏ giọt lệ và gặng hỏi, nhưng Hoàng thượng đã không nói gì thêm. Hoàng hậu bèn mời các thầy dạy công chúa để thăm hỏi việc học hành của công chúa và thuật lại lời của Hoàng tượng cho quý thầy nghe. Một thái sư đã quỳ tâu:

- Muôn tâu Hoàng hậu, tuy bận nhiều việc nước nhưng Hoàng thượng đã không hề bỏ qua việc chăm sóc các Hoàng tử Công chúa, Hoàng thượng quả là không hề nhầm lẫn khi nhận xét về công chúa Nguyên Nhung. Với đức hạnh và sắc đẹp ấy, với tài năng học vấn và trí

thông minh tuyệt vời ấy, công chúa sẽ dễ dàng thừa hưởng được hạnh phúc mà người đời hằng mơ ước, nhưng hoàng hậu không thấy sao, trong đôi mắt ngọc kia luôn ngời lên một niềm khao khát bất tận về một cuộc sống cao đẹp thuần khiết đâu đang ở phía trước...

- Thái sư ạ những ngày gần đây nhất ta thấy công chúa có vẻ bận rộn với một niềm vui nào đó?

- Tâu Hoàng Hậu, đúng thế, từ nhỏ công chúa vốn yêu thích nghi lễ, và giờ dây công chúa đã vào tuổi thành niên, niềm hứng khởi mới nhất bắt nguồn từ hôm công chúa đi dự lễ tế trời long trọng của triều đình do Hoàng thượng chủ xướng. Công chúa bảo ấy là thời điểm thiêng liêng nhất, là khi có sự giao lưu giữa trời đất và con người.

- Mỗi năm chỉ một lần hành lễ tế trời cha đất mẹ. Có cách gì để duy trì niềm vui ấy cho trọn vẹn chu niên? Thái Sư có hề đọc thấy một niềm tâm sự nào của công chúa giấu trong những áng thơ văn?

Câu hỏi bất ngờ của Hoàng hậu làm cho Thái Sư thực sự bối rối, như sự bối rối lần đầu khi đọc được những nỗi sầu muộn thấp thoáng trong thơ văn của công chúa. Nàng yêu quý phụ hoàng và hiểu được nỗi khó khăn cực nhọc của cha già trong buổi đầu dựng nghiệp. Đối nội và đối ngoại. Trị quốc và trị nhà. Tuy đã ở ngôi cao nhất trong thiên hạ đấy, nhưng đời sống riêng tư của Hoàng thượng cũng hết sức đáng thương! Ngoài hai Hoàng hậu ra, chỉ trong thời gian ngắn tại vị, Hoàng thượng đã phải tiếp nhận quá đông phi tần mỹ nữ hầu hết là con cháu của quan đại thần. Thêm một người là thêm cung điện vàng son, thêm người hầu kẻ hạ, thêm xiêm áo nữ trang, thêm màn loan trướng gấm, và thêm... rối việc của phụ vương (!), dẫu rằng phụ vương đã sáng suốt kiên quyết sớm định ra luật không cho phép những người đàn bà của mình lạm bàn vào việc nước. Nhưng sau những giờ cặm cụi làm việc nước, phụ vương đã mấy lúc thật sự nghỉ ngơi thanh thản giữa tình yêu ích kỷ của những người đàn bà kia? Mẫu hậu vốn hiền thục nhưng cũng chẳng giúp được gì cho phụ vương trong việc giải quyết những mâu thuẫn ở hậu cung, vì chính mẫu hậu cũng thừa biết rằng mỗi một người đàn bà đến với phụ vương là nấp phía sau lưng họ dằng dặc một lớp người với nhiều mưu đồ to lớn. Đó là những con người hằng ngày vẫn gặp nhau trong sân đại triều, trong cân đại áo mạo chỉnh tề, họ cùng túc trực dưới long sàng sẵn sàng lĩnh ý của Hoàng thượng. Muôn lời họ nói ra như một -tưởng là ăn ý nhau lắm, nhưng trong lòng họ chất chứa nhiều âm mưu sâu hiểm độc không thể lường hết. Ai cũng muốn chỉ riêng mình dành được sự ưu ái của Hoàng thượng và loại bỏ đối phương, ai cũng xu nịnh bề trên lừa phỉnh người dưới, ai cũng sẵn sàng hạ sát nhau để một mình họ với vây cánh của

họ, dòng họ của họ được hưởng vinh hoa phú quý, ngay cả việc xin cầu hôn với công chúa được vua cha yêu quý nhất cũng không ngoài mưu đồ tham vọng được gần kề hơn bên chiếc ngai vàng, chứ chưa hẳn là nặng một lòng yêu công chúa. Tuy nhiên cũng có thể không phải tất cả đều là như vậy, nhưng giữa cõi đời hỗn mang biết lấy gì để phân biệt?...

- Muôn tâu Hoàng hậu, công chúa Nguyên Nhung là một con người con thông minh và hiếu thảo. Niềm vui nỗi buồn của công chúa luôn gắn liền với những vui buồn của phụ vương và mẫu hậu. Xin hãy cứ để cho công chúa tự nuôi dưỡng lấy những niềm vui hiếm hoi mà công chúa có được...

Xuân qua, thu lại, đông về, sen trong hồ đã mấy lần đơm bông tụ hạt, những cây sứ trong hoàng cung đã bao lần thay lá mới, một vài hoàng tử công chúa anh chi em nàng đã lần lượt lập phủ, chỉ riêng nàng chưa chịu gá nghĩa cùng ai. Nàng chỉ vui với đèn sách, thi phú, những cuộc dạo chơi ngắm phong cảnh, và những lần cải trang đi dã ngoại để lắng nghe thần dân nói về vị Hoàng đế của mình, để thấy tận mắt cảnh sống của muôn dân.

Một lần, công chúa cải trang ra khỏi hoàng cung cùng với một thị nữ. Cuộc hành trình ngược lên dòng chảy của con sông trong ngần và xanh biếc. Cách xa kinh thành chừng vài dặm, công chúa bất ngờ được gặp một vị Sa Môn. Nàng cung kính dâng lễ và xin cúng dường. Trong lúc cúng dường nàng ngắm vị Sa Môn và bất thần nói:

- Bạch thầy, vì đâu trong mắt thầy luôn giữ được trạng thái an nhiên?

- Lành thay! Công chúa! Phải chăng công chúa vì quá bận tâm đi tìm sự an nhiên trong tâm hồn mà phải cất công cải trang để làm cuộc hành trình trong thiên hạ?

- Bạch thầy, đúng thế ạ. Thầy là bậc đại trí tuệ nên sự cải trang vụng về của con đã không qua được mắt thầy. Chẳng hay con có thể thỉnh cầu ở thầy một lời chỉ giáo?

- Bần tăng sẵn sàng, xin công chúa cứ dạy bảo!

- Bạch thầy, con vẫn nhớ lời của đức phật dạy rằng: Con người hãy tự mình, tự làm chỗ nương tựa cho chính mình, nhưng cơ duyên may mắn hôn nay con gặp được thầy, con muốn thầy chỉ cho con biết ai là bạn, ai là thù của phụ vương con? Ai là người con có thể kết thành thân?

- Bần tăng tài hèn sức mọn, sợ rằng không thể giúp được gì cho công chúa, nhưng bần tăng sẽ chỉ đường cho công chúa tìm đến chỗ cần thiết, đường thì xa và lắm cực nhọc gian nguy...

- Bạch thầy, con sẵn sàng vâng lĩnh và làm theo sự chỉ giáo của thầy.

- Đi ngược lên mãi thượng nguồn con sông này, xuyên rừng đại ngàn, lên đỉnh non cao, lại vào trong rừng thẳm công chúa sẽ được gặp một con hạc đen giúp mình trong việc xác định những khuôn mặt đời đích thực.

- Chim hạc đen, bạch thầy con đã được nghe nói. Đó là loài chim luôn ẩn mình bên sườn một ngọn núi cao, không bao giờ chim hạc đen chịu bay đi kiếm ăn ở những vùng trời vùng đất có loài chim hồng chim hộc bay đến.

- Đúng thế! Vị Sa môn nói - Con chim hạc đen cô đơn và không hề có chút tham vọng nào kia sẽ giúp ích cho công chúa. Kính chúc công chúa vô lượng an lạc để phụng sự.

Công chúa thầm nhủ như nối tiếp lời của vị Sa môn:

" - Và ngược lại với Chim hạc đen là chim hồng chim hộc luôn bay tít tận trời xanh, là loại chim biết chỗ nào kiếm được miếng ăn ngon nhất và thường ăn uống hả hê no đủ..."

Khi cáo biệt vị Sa môn để tiếp tục cuộc hành trình, công chúa bỗng cảm thấy một nỗi buồn trống trải quạnh hiu xâm chiếm tâm hồn của mình, một nỗi cô đơn to lớn khủng khiếp bất thần ập xuống cuộc đời nàng - như thể nàng vừa mất hết cha mẹ anh chị em, đánh mất hết người thân cùng những cung vàng điện ngọc, lầu son gác tía - nơi đã từng ấp iu chôn giấu những khát vọng cháy bỏng của tâm hồn nàng - về những miền đất thánh thiện cho cái lành cái đẹp được ươm mầm kết quả. Công chúa cảm thấy mình bơ vơ lạc lõng giữa cõi đời rộng lớn vô biên. Mỗi bước chân đi của nàng mang theo nỗi buồn nhớ khắc khoải da diết với cuộc hội kiến vừa rồi, và đối với vị Sa môn.

*

Lại nói về vị tướng trẻ họ Hoàng, vốn từ lâu ao ước được sánh duyên cùng công chúa. Tuy đã bị từ hôn, nhưng lòng của Hoàng tướng quân không thể nào dập tắt được ngọn lửa yêu đương đang âm ỉ cháy. Mặc dầu công chúa Nguyên Nhung rất tự tin vào khả năng kiếm thuật của mình, nên không bao giờ muốn đem theo vệ sĩ, nhưng mỗi lần nàng rời Hoàng cung để đi dã ngoại là một lần Hoàng thượng và Hoàng hậu đều bí mật phái người theo để hộ giá nàng. Người được giao trọng trách đầy vinh dự này không ai khác hơn là vị tướng trẻ tài ba lẫm liệt họ Hoàng. Càng theo hộ vệ công chúa trong những chuyến đi của nàng, Hoàng tướng quân càng cảm thấy tình yêu của mình đối

với nàng ngày một sâu đậm hơn, to lớn hơn! Nàng đã nghe được những người dân thường mộc mạc lam lũ cũng như những nho sinh ở các vùng xa xôi hẻo lánh nhất nói về thân phụ nàng. Bao lời ngợi khen Hoàng đế và Hoàng triều, cùng bao lời oán trách những luật lệ hà khắc của triều đình, cùng những việc làm thất đức của tham quân ô lại! Sự trình tâu của nàng cũng đã có những tác động nhất định đối với phụ vương. Nhưng Hoàng thượng vốn là người có trái tim rắn như thép. Có lẽ những việc làm của Hoàng thượng lúc công chúa hãy còn nhỏ nàng chưa kịp có ý thức đầy đủ, nên khi lớn lên nàng muốn tìm hiểu cho cạn kiệt đến ngọn nguồn? Phải chăng sự sợ hãi về nỗi đau máu chảy của muôn loài dẫn đến việc nàng ăn chay trường như hiện nay - lại không xuất phát từ những ký ức thuở ấu thơ nàng đã nhìn thấy máu tuôn như suối trong một trận phục thù lịch sử của Hoàng thượng?

Như bao lần khác, lần này Võ tướng họ Hoàng cũng cải trang đi bảo vệ nàng từ xa. Mỗi một cử động nhỏ của công chúa và thị nữ đều không lọt khỏi mắt của vị tướng trẻ tài hoa và đang cưu mang mối sầu tình ái.

Hoàng tướng quân nhận thấy từ sau lúc cáo từ vị Sa môn và quyết tâm đi theo hướng mà vị Sa môn đã chỉ, sắc diện của công chúa bao đổi khác. Cái nhìn của công chúa luôn xa vắng như đang chìm vào một ký ức sâu thẳng, hoặc đang độc thoại, hoặc đang trò chuyện trong im lặng cùng ai. Đôi mắt ngọc của nàng thoáng chốc như bị bao phủ bởi một lớp mù sương của nhớ nhung và đau đớn, cả trên từng thớ lụa của xiêm y nàng đang phấp phới kia, cả trên từng ngón tay nàng đưa lên vén tóc... như cũng rung lên niềm đau xé của tâm tư. Hoàng tướng quân đau lây nỗi đau của người mình yêu, nhưng không biết làm cách nào. Bỗng một nỗi giận hờn như phi lý như dội lửa lên bầu máu nóng đang dục sôi trong lồng ngực của vị tướng trẻ!

Ngày đi, đêm nghỉ lại trong quán trọ ven đường. Sáng sớm hôm sau Hoàng tướng quân tìm cách gặp riêng cô hầu gái của công chúa và gặng hỏi, liền được biết: Suốt cả đêm hôm qua công chúa không ngủ. Công chúa chong đèn làm thơ đọc sách đến quá khuya, lại chong đèn nằm thao thức. Hoàng tướng quân nghe nói thì trong lòng vô cùng lo lắng cho sức khỏe của công chúa. Nhưng lạ lùng thay suốt cả chặng đường dài công chúa không hề đau ốm. Càng đi bước chân của công chúa như càng cứng cáp hơn, sức vóc của nàng như ngày một dẻo dai hơn. Đã nhiều ngày trôi qua. Cuộc viễn du xuyên son đã đến hồi kết thúc. Đó là một buổi sáng đẹp trời, công chúa kiên nhẫn men theo những triền đồi dốc đứng cố leo lên đỉnh một ngọn núi cao, ở đó có một con hạc đen đang đứng bất động. Từ đằng xa đã nhìn thấy đôi mắt

hạc sáng long lanh như đôi vị tinh đẩu. Thị lực phát ra như có một sức hút diệu kỳ không những đối với công chúa Nguyên Nhung, với cô hầu gái, mà cả đối với vị tướng trẻ tài hoa.

Vừa lên đến đỉnh, Hoàng tướng quân tìm ngay chỗ ẩn nấp để tiện quan sát.

Công chúa đã trò chuyện với hạc đen như với một người bạn chí thiết đã gặp đã hiểu nhau dâu từ lâu lắm trong quá khứ. Lúc sắp từ biệt, công chúa xin hạc đen cho mình một sợi mi mắt của hạc. Nói rồi, công chúa đứng lên tự tay ngón lấy một sợi mi mắt trái của hạc đen. Họ chia tay nhau bịn rịn như không thể rời nhau...

Một mối hoài nghi to lớn choáng ngợp cả tâm hồn của vị tướng trẻ. Cái gì thế kia? Một sợi mi mắt của hạc đen để làm gì? Bàn tay nàng, những ngón tay ngọc ngà của nàng đã chạm vào đôi mắt rực sáng như đôi vì sao ấy! Vị tướng trẻ cảm thấy như mình bị xúc phạm!

Gắn sợi lông mi hạc lên mắt mình và ngước nhìn người hầu gái tín cẩn nhất của mình, công chúa đã kịp kìm nén cho tiếng kêu kinh ngạc khỏi bật ra khỏi cổ họng - Khi thị nữ hiện nguyên hình một con rắn nhỏ, mảnh mai, non nớt, với màu da xanh mướt dịu dàng óng ả như màu lá cây vừa đâm chồi thay mới. Công chúa ngoảnh sang bên, bắt gặp Hoàng tướng quân trong hình hài một con mãnh hổ nấp bên tảng đá lớn đang ở tư thế rình rập, chực nhảy sổ vồ lấy con mồi. Giấu nỗi kinh hoàng vì những điều kỳ lạ vừa khám phá, công chúa lặng lẽ cất bước. Ở lưng đồi công chúa dừng lại, quay mặt về tìm kiếm bóng dáng của hạc đen. Kia là mỏm núi đã trở nên quen thuộc và đầy tôn kính mà nàng vừa rời bước. Nhưng thật kỳ lạ! Bộ lông đen tuyền của hạc đã chuyển dần sang màu đất cát vàng pha đỏ mà ta vẫn thường bắt gặp trên các đồi nước, kìa, hạc không còn là hạc nữa, mà hiển hiện trong thần tướng của một vị Sa môn! Nhưng lạ lùng chưa, y ấy, vóc thân ấy, thân tướng ấy... Đúng là vị Sa môn mà công chúa đã gặp hôm nào - khi vừa ra khỏi kinh thành chừng vài dặm. Nỗi vui mừng không lấy gì sánh được khi bất ngờ lại được nhìn thấy vị Sa môn mà nàng đã nặng một lòng yêu quý. Nàng không che giấu sự xúc động. Nàng run rẩy trong một hạnh phúc bất ngờ mà nàng cảm thấy là vô cùng to lớn! Thị nữ luống cuống đỡ lấy nàng trong một trạng thái đột ngột xây xẩm. Nàng tự hỏi:

- Phải chăng con hạc đen tu lâu năm đã trở thành người, thành một vị Sa môn? Hay bản chất của con hạc đen đã ngang tầm một con người thanh cao tuyệt đối và nhờ tu luyện đã vươn đến hàng một bậc Minh triết? Còn nàng, nàng đã yêu bậc Minh triết này bằng một tình yêu thế tục...

Công chúa những muốn quay về bên đỉnh núi để được gặp lại vị Sa môn, nhưng nàng đã kịp ghìm chân. Nàng nói với thị nữ:

- Đức Phật đã từng nói: Khói, bụi, sương mù làm cho ánh sáng của mặt trăng mặt trời bị lu mờ như thế nào, thì phẩm hạnh của các vị sa môn cũng bị lu mờ như thế ấy như gần gũi với hàng phụ nữ...

Thị nữ nhìn nàng bằng cái nhìn ngơ ngác.

Nàng trở về kinh thành với sợi mi mắt của hạc đen cất vào túi gấm. Hoàng thượng và Hoàng hậu vui mừng gặp lại công chúa xinh đẹp và có phần khỏe mạnh hơn trước. Hoàng thượng và Hoàng hậu hỏi thăm nàng chuyến đi có điều gì thú vị không? Nàng tâu trình rằng "Có" và không nói gì thêm. Nhưng cũng từ đó Hoàng thượng và Hoàng hậu để ý thấy công chúa sắc mặt ngày một kém tươi, suốt ngày ở mãi trong phòng đọc sách, ít khi đi dạo chơi ngắm phong cảnh. Những cây quý, hoa lạ, cảnh đẹp trong vườn thượng uyển như cũng vì nhớ mong công chúa mà buồn héo hao gầy đi. Hoàng thượng lấy làm băn khoăn và cho đòi Hoàng tướng quân đến để dò hỏi, may ra có thể đoán biết được nguyên nhân làm cho công chúa trở nên ưu tư sau cuộc hành trình xuyên sơn ấy.

Cùng thời gian này, công chúa cảm thấy kinh sợ ghê khiếp vì những khuôn mặt đời đích thực đang bao quanh nàng, bao quanh ngai vàng của cha nàng. Với sợi mi hạc gắn lên mắt nàng thấy lớp người hàng ngày xúng xính đi lại trong kinh thành kia hiện ra trong hình hài của beo, gấu, khỉ, lợn, rắn hổ mang... Cũng có vị dưới cái nhìn của mi hạc đen vẫn mang hình hài thân xác con người, cũng vẫn cân đai áo mão, cũng hài thêu, áo gấm, võng lọng kia nhưng khuôn mặt đích thực của họ không giống khuôn mặt hàng ngày mà bằng mắt thường con người đã nhìn thấy... Còn phụ vương nàng thì hiện ra trong hình hài một con sư tử hung hãn. Nàng cay đắng khi chợt liên tưởng rằng đã là loài thú thì điều quan tâm lớn nhất của chúng ta những bãi cỏ xanh tốt và những bữa thịt béo bở. Con ăn cỏ thì tranh giành nhau từng búi cỏ, con ăn thịt thì cắn xé nhau, tị hiềm nhau từng miếng thịt nhỏ to. Sự giành giật này có lúc làm cho những bãi cỏ bị dày xéo bầm giập nát, những con thịt bị phanh thây nhầy nhục văng mỗi nơi một miếng ứa máu đỏ lòm, hoặc bị vùi trong đất cát, ruồi nhặng bu quanh... Bất chợt nàng nhìn lên những nệm gấm, những hàng ghế bọc nhung đỏ của các quan đại thần tựa như màu những vựa máu thịt đỏ tươi ấy, và tấm thảm trải trên lối vào chánh điện cũng xanh cái màu xanh của những vạt cỏ bị loài thú ăn cỏ tranh giành xéo nát ấy... Công chúa nhìn lại mình thử coi bản chất của mình là gì? Mình là ai? Công chúa Nguyên Nhung là một con hạc trắng. Một con hạc bỏ đàn không phải để bay lên đậu

đỉnh non vao, mà đậu vào điểm cao nhất của cành vàng là ngọc, nên đã cô đơn lại càng cô đơn hơn!

Bây giờ là mùa đông, kinh thành chìm trong sương giá từ buổi hoàng hôn, và sáng sớm mai thức dậy trong tiếng chuông chùa ngân nga sâu thẳm, tiếng trống cầm canh giục giã và tiếng chèo bì bõm của những người dân chài quanh năm lênh đênh trên sông nước. Công chúa thường thức dậy với những âm thanh quen thuộc quanh mình, và ý nghĩ đầu tiên trong ngày đế với công chúa là nghĩ về một đỉnh non cao chắc giờ này đầy mưa bay sương phủ. Những bông hoa chịu lạnh giỏi như trà mi, thược dược, cúc đại đóa... buổi bình minh vừa thức dậy đã đua chen nhau phô hết sắc thắm tươi lộng lẫy dưới khung trời tái ngắt của Hoàng cung. Như hẹn cùng với hoa, các cung tần mỹ nữ cũng vừa thay xiêm y mới, và các mệnh phụ phu nhân cũng phục tranh những len nhung gấm vọc sặc sỡ, học dập dìu nối đuôi nhau vào chầu Hoàng hậu như thường lệ, vừa đem theo những bành trài tinh khiết nhất dâng lên công chúa. Và, đặc biệt hơn, hôm nay, một lần nữa vị tướng trẻ họ Hoàng lại cậy nhờ mai mối mang đồ sính lễ đế để xin cầu hôn công chúa.

Thấy công chúa vẫn một mực chối từ, Hoàng thượng và Hoàng hậu như không thể kiên nhẫn hơn được nữa, Hoàng thượng nói:

- Lẽ nào cho để nay bao trang anh hùng lừng lẫy đã mệt mỏi vì con mà con không hề trông thấy và bậc thân sinh ra Hoàng tướng quân đã dày công với Trẫm trong buổi đầu dựng nghiệp. Đại phu đã ngã xuống trong một trận chiến đấu không cân sức với quân ngụy, bây giờ đây, đến lượt Hoàng tướng quân đã theo phò trẫm hết sức trung thành...

Công chúa Nguyên Nhung cảm thấy không thể kín Hoàng hậu và Hoàng thượng mãi được, nàng đã phủ phục dưới chân phụ hoàng kể lại hết ngọn nguồn vì sao nàng phải làm cuộc hành trình vào trong núi thẳm, do đâu nàng có được cái nhìn tinh tường để thẩm định bản chất đích thực của những con người chung quanh và vì thế nàng không thể dễ dàng nhận lời cầu hôn.

Tưởng rằng nghe xong phụ hoàng sẽ hết sức vui mừng vì từ nay trong tay mình đã có một báu vật thiêng liêng và vô giá để dẫn đường, để khỏi nhầm lẫn khi xét đoán con người, để giúp ai muốn tu thân, muốn hoàn thiện mình cho đúng với vai trò của mình trong xã hội, cũng từ đó phụ hoàng chắc chắn sẽ thông cảm với công chúa, sẽ nói lời an ủi mau ra có thể chia sẻ và xoa dịu được bớt niềm đau nhức đang trĩu nặng trong trái tim công chúa. Nào ngờ nghe xong Hoàng thượng đùng đùng nổi giận. Suốt một đời chưa bao giờ công chúa thấy phụ hoàng giận các con trai con gái yêu quý đến thế! Phải chăng con người

ta khó có thể chấp nhận những nhận xế đánh giá của đối tượng khác thể -nhất là khi sự đánh giá đó gọi đúng tên của sự việc, chỉ đúng cái bản chất đích thực mà phía chủ thể hằng muốn che giấu?! Mắt long sòng sọc, da mặt xám ngắt, đôi môi run run tái mét, Hoàng thượng nói:

- Hoàng tướng quân. Công chúa quả đã bị mê hoặc bởi một vị Sa môn! Bây giờ Khanh hãy chứng tỏ tình yêu của Khanh đối với công chúa Nguyên Nhung, và lòng trung thành của Khanh đối với Trẫm đi! Khanh hãy đi lùng bắt vị Sa môn kia về đây cho Trẫm hỏi tội!

Vị tướng trẻ cúi rạp mình vâng lệnh và vút đi ngay với tất cả niềm tự tin.

Công chúa Nguyên Nhung trở lại phòng đọc sách của mình, lắng nghe tiếng vó ngựa của Hoàng tướng quân, rồi ngửa mặt nhìn mái vòm vong với những đầu móng vi và đuôi rồng lượn chập chùng giữa vòm mây trắng xốp, nàng than thầm:

- Ai đi chinh phục tình yêu bằng bạo lực bao giờ? Ai đi tìm cái thánh thiện bằng một trái tim độc ác thì bao giờ cho gặp được hở phụ vương?! Không thể gặp, không bao giờ, không thể...

Phụ Vương đã phản ứng dữ dội như thể chiếc áo giáp ngụy trang bị một mũi tên đột ngột xuyên thủng!

Nàng quay mắt hướng nhìn về phía đỉnh non xa. Vị Sa môn đã chúc nàng vô lượng an lạc. Sao mà nhiều quá thế thưa thầy? Con chỉ cần được một chút an lạc thôi cũng đã đủ cho con sống qua hết cuộc đời đầy những phiền trược đau đớn...

HÀ KHÁNH LINH



VI THÙY LINH
Lời

Những thanh âm um tùm
Tiếp tục dìu anh và em ở một nơi xa lắm
Đôi ta nhìn thấy nhau bằng ảo giác...
Con đường quá tải và ô nhiễm
Có phải hạt bụi sắc làm mắt đỏ nhức (?)
Khi đôi ta cùng nghẹn ngào,
Thất hết thảy những chiều đường dây nổ.
Thôi miên nhau miên mang nặng trĩu
Hè ửng chín, mùa Linh sắp đến;
Thôi miên em, ý tưởng liên miên
Choàng tỉnh lung lay mộng.

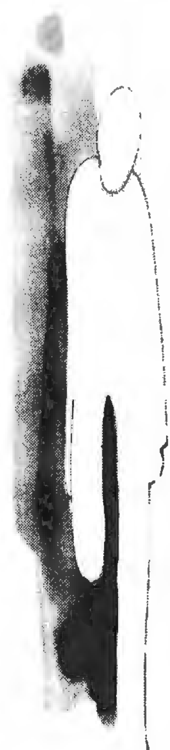
Nhào ra rồi lại lao vào xã hội xô bồ, thích nghi với đồng loại số nhiều
Không quen sống thật
Nhiễu loạn biến tấu những bộ óc sơ sài
Mỗi người tự xoay mình
Và đều bị xoay bởi Số phận Nhân loại.
Chuyện rủi-may nằm ngoài mọi phép tính
Chúng ta, tự giam hãm và tự giải phóng từ những chiếc tổ
Khi giương vây, khi như loài nhuyễn thể

Kẻ tròn bí đao, kẻ như thanh củi
Người người đều thèm được cười
(Vé xem hài rùng rùng bứt ra bởi những ngón tay hớn hở)
Lòng thương cần viện trợ!
Người ta đang quên đi chính mình, khi giấu giếm bản năng
Liêm sỉ và xấu hổ thành cơ hội hiếm, sự giật mình cũng là hãn hữu
- Rùng mình!
Tôi tích điện trước gương, trong phòng tắm –
Thời gian trĩu hạt nước đọng
Âm thanh um tùm trên vầng trán nhăn nheo Nữ Oa(*)
Um tùm dưới chúng ta, từ chính chúng ta.

Um tùm âm thanh
Đôi mắt là tấm gương soi
Anh và em
Cùng vờ im lặng.

VI THÙY LINH

(*) Nữ Oa đội đá vá trời, thần thoại Trung Quốc.





HỒ ANH THÁI
Người đứng một chân

Tên anh ta là Ananđa , Ananđa là niềm vui, là hy vọng.

Một buổi sáng Ananđa đến gặp viên giám đốc của cái nhà máy ở đầu làng anh, xin ông ta cấp cho một triệu rupi . Một triệu rupi là số tiền đủ để xây một ngôi đền lớn kiến trúc độc đáo, đủ khiến cho khách du lịch đàn đàn lũ lũ phải dừng chân viếng thăm, chứ không như từ ngày trước tới nay họ hờ hững phóng xe qua như một cái vùng đất hoang. Viên giám đốc trẻ, cũng trẻ cỡ tuổi Ananđa , từ chối thẳng thừng. Triệu triệu cái đền trên cái đất Ấn Độ thừa thần thánh mà thiếu người sung túc này vẫn chưa đủ hay sao? Anh ta sẽ đóng góp một phần nhỏ bé (nhỏ bé thực sự chứ không phải theo kiểu nói khiêm tốn) vào quỹ từ thiện nhằm mục đích làm cho dân làng khả giả hơn lên, còn chuyện đền điếc thì dứt khoát là không.

Ananđa bị lấy lá lót tay dắt ngay ra cửa. Anh không thể về làng vì đã trót quả quyết với các già làng, thậm chí đã hăng lên mà thề có thần lửa Agni rằng nếu không xin được cho làng một triệu rupi thì xem như anh đã gửi mình cho thần lửa ở bãi hỏa táng ngoài bờ sông.

Buổi tối, xe đưa viên giám đốc trở về nhà ở trong thị trấn. Con

đường từ cổng nhà máy ra đến đường quốc lộ chỉ dài chừng tám trăm mét. Trên con đường đó, cách cổng nhà máy một quãng ngắn, họ thấy một người đàn ông đứng giữa đường, chân trái co lên, trọng lượng toàn thân dồn vào chân phải, tư thế của thần Siva trong điệu múa làm rung chuyển vũ trụ. Viên giám đốc cùng người bảo vệ mở cửa xe bước ra.

- Vẫn là anh đấy ư? Anh làm gì ở đây?

- Tôi cần một triệu rupi .

Gương mặt Ananđa đầy vẻ thánh thiện và ma giáo. Viên giám đốc muốn nhổ toẹt vào cái thánh thiện và kính nể cái vẻ ma giáo. Anh ta phẩy tay ra hiệu cho người bảo vệ và lái xe. Hai người này bê bổng Ananđa lên đặt sang bên vệ đường. Ở chỗ đó Ananđa vẫn đứng một chân, lặng lẽ như một pho tượng thực sự. Chỉ đến khi xe của viên giám đốc phóng qua rồi khuất dạng, Ananđa mới thả nốt chân kia xuống, lặng lẽ đi về nhà.

Từ đó, sáng sáng Ananađa lại ra đúng chỗ ấy, đứng bằng một chân, khi chân phải lúc chân trái, trước khi xe đưa viên giám đốc đến nhà máy; và tối tối khi xe viên giám đốc đã đi khuất trên con đường quốc lộ, anh mới trở về nhà, ăn bữa đạm bạc duy nhất trong ngày rồi nghỉ qua đêm. Gia tài cha mẹ để lại cho anh là căn nhà này: Và một cửa hiệu đồ khô nho nhỏ nay đã được giao cho một người bạn trông nom hộ. Dân làng không mấy tin tưởng rằng Ananđa có thể xin được tiền, nhưng họ coi việc anh đứng một chân trước cổng nhà máy như một bài thực hành yoga mà Ananđa vẫn luyện bấy lâu nay.

Thực ra chẳng phải dân làng không tin. Mọi việc đều có thể và đều không thể. Giám đốc nhà máy cũng không phải là người xấu. Anh ta là con người Bà La Môn ở chính làng này, đẳng cấp cao và sự giàu sang đã đưa họ sang tận xứ Ăng-lê, học hành đỗ đạt ở tận xứ Ăng-lê. Trở lại cố hương, họ đã xây dựng cái nhà máy sản xuất các sản phẩm chất dẻo này. Để chứng minh cho thiện ý của mình đối với người làng, viên giám đốc đã tổ chức một chiến dịch rầm rộ, phát không cho mỗi gia đình một hộp sản phẩm mới của nhà máy, mỗi hộp gồm mười cái bao cao su tránh thai. Anh ta đứng trên lễ đài, ngón tay trỏ thọc một cách không thương tiếc vào cái vật quái quỷ nọ, miệng liến thoắng cách hướng dẫn sử dụng. Cứ như lời anh ta thì cái khổ của dân mình là ở chỗ người đàn ông mỗi tháng trung bình chỉ dùng có một cái bao, mà lẽ ra phải dùng tám bao cơ. Con cháu đầy đàn không phải là phúc lộc, mà là tai họa, là nghèo đói. Để kết thúc buổi lễ quảng cáo mặt hàng, anh ta hô to một khẩu hiệu: *Nếu bạn muốn may mắn - Mỗi tuần một phát bắn.* "Bắn". Lũ trẻ ranh gào theo. Chúng hiểu câu khẩu hiệu chỉ

đơn thuần theo nghĩa quân sự và súng đạn. Giám đốc vừa đi khuất thì người ta cũng quên tiệt những lời anh ta nói. Còn những chiếc bao cao su? Người ta không tọng vào đó cái của nợ như đã được hướng dẫn, mà tọng vào một luồng hơi. Bóng bay bay trắng xóa khắp làng, nổ đùng đùng như pháo.

Làng nghèo vẫn hoàn nghèo. Vô danh vẫn hoàn vô danh. Những chiếc xe du lịch sang trọng vẫn ngày ngày nối đuôi nhau chạy trên đường quốc lộ, thẳng đường sang những vùng bên. Ở đó có một khu thành cổ chạy dài mấy chục dặm trên đỉnh núi, xa hơn một chút nữa là tòa lâu đài của một bà hoàng nức tiếng suốt mười mấy thế kỷ qua. Ananđa cứ đứng một chân trước cổng nhà máy mà nhìn theo từng đoàn xe du lịch lao qua bên đường quốc lộ phía xa. Chúng không một chút đoái hoài đến làng anh. Dưới bãi sông dân làng độc có một nghề thợ giặt, họ ra sức quật những bộ đồ sũng nước của khách hàng vào những tảng đá, như thể mục đích của họ không phải là giặt giũ, mà là đập cho kỳ nát đá mới thôi.

Ananđa thấy hết những chuyện xảy ra ở dưới bãi sông. Ban ngày đám thợ giặt than vãn và chí chóe với nhau. Các gã đàn ông chỉ thừa dịp lúi húi sau mông mấy mụ đàn bà, váy áo tốc ngược cả lên, đang chổng mông quật những tấm vải trải giường vào phiến đá. Ban đêm, bờ sông thành nơi vụng trộm của lũ trai gái. Chính mắt Ananđa đã thấy Asa , cái cô bé cùng làng mà sinh thời bố mẹ đã giấm cho anh, cái cô Asa ấy đã dắt díu nhau đi với một gã trai mới lớn. Chúng chui vào một bụi cây cách chỗ anh đứng không xa, rồi cứ buông tuồng thả cho những âm thanh vô sỉ lọt đến tai Ananđa . Ananđa bây giờ cũng coi như một vật vô tri, như một cái cây cụt ngọn bên bờ sông mà thôi.

Có một kẻ không coi Ananđa như một vật vô tri. Đó là con kên kên đậu trên một ngọn cây asok bên bờ sông. Loài chim xấu vía này có tấm thân đen đủi và thô lậu như một con gà tây, dáng vẻ đăm chiêu như một triết gia và cái đầu trụi lông trọc lốc chay tịnh. Thực ra ban đầu con kên kên tưởng Ananđa sắp chết và nó cứ đợi mãi, tạm lót dạ bằng những xác chuột xác rắn, chờ đến ngày ngả một bữa đại tiệc trên thi thể Ananđa . Chắc là nó đã đếm từng ngày. Chắc là chỉ nó mới nhớ được đã mấy mùa trôi qua trong chờ đợi trong đói khát như thế.

Một buổi trưa không gian bỗng rực lên. Một cái màng nâu đỏ bao phủ lên nhà cửa, cây cối, lên mọi vật. Rồi bão bụi. Những trận gió cát mù mịt từ sa mạc thổi về. Gió cát phóng rào rào trên bãi sông. Cát ập vào mắt vào mũi những người thợ giặt chưa kịp tìm chỗ trú làm họ ho sặc sụa. Viên thư ký vừa đóng tất cả các cửa sổ cửa chính thì được lệnh của giám đốc là phải gọi xe cho ông đi ngay.

- Thưa ông bão đang mạnh, ít nhất nửa giờ nữa mới tan.

- Gọi xe cho tôi. -Giám đốc nhắc lại mệnh lệnh.

Chiếc xe trườn ra khỏi cổng chính, chính nó cũng hoang mang về chuyến đi bất thường này. Người lái xe hầu như cho xe đi theo quán tính. Nhoáng nhoàng một cái, một cú phanh gấp làm cho tất cả chúi về đằng trước. Hú hồn, xe dừng lại cách bức tượng sống chỉ gang tấc. Lỗi tại người lái xe không nhìn thấy đường và yên tâm rằng Ananđa không còn đứng đó mà đã chạy đi trú bão. Theo thói quen, bảo vệ và lái xe định mở cửa chạy ra bê bổng con người kia lên, đặt sang bên đường. Nhưng giám đốc ra hiệu ngăn lại:

- Thế là đủ.

Chiếc xe quay trở lại nhà máy. Viên giám đốc biết được điều cần biết.

Trận chạm trán trong mù mịt bão lốc đã gợi ý cho người lái xe một trò đùa, và trò đùa ấy đã gây ra một tai nạn vào ngày hôm sau. Một mình một xe, người lái xe đã mở hết tốc lực, lao thẳng vào cái pho tượng sống đứng giữa đường kia, tin rằng trước một cỗ xe điên cuồng lao vùn vụt như thế thì thần Siva chính hiệu cũng phải hạ nốt chân kia xuống mà ôm đầu chạy dạt. Đám thợ giặt dưới bãi sông rú lên trước một tai nạn nhỡn tiền không có cách gì tránh được. Chỉ còn một chớp mắt nữa thì tay lái xe cảm thấy rằng con người kia sẽ không bỏ chạy. Anh ta lúc này mới hoàn toàn mất tự tin vội đánh mạnh tay lái sang vệ đường. Chiếc xe nhảy chồm lên trên những gò đống, rùng mình dữ dội, rồi bật ngửa, bánh xe quay tít trên một cái khung xe bẹp dúm.

Người ta lôi ra được tay lái xe như một mớ giẻ rách. Anh ta được chạy chữa, nhưng thân tàn ma dại. Từ đó đều đặn vào những ngày lễ, nhiều người làng thấy một kẻ lưng còng, chột mắt, đi đứng tập tễnh đến đặt dưới chân Ananđa một đĩa hoa do anh ta tự trồng và mấy đồng rupi . Theo chân kẻ tàn tật nọ dần dà -> đà đến cả những người hiếu kỳ vây quanh Ananđa .

Giám đốc cho làm một đoạn đường trước cổng nhà máy. Con đường này không chạy thẳng vào chỗ Annanđa đứng, mà lượn sang bên một chút. Tiền chi cho việc làm đường mới chỉ bằng một phần ngàn của một triệu rupi . Thế là chấm dứt cái cảnh ngày mấy lần phải ra khỏi xe để bê cái chướng ngại kia đặt sang bên đường.

Ananđa hiểu rằng bây giờ mới bắt đầu cuộc thi với thời, gian, giám đốc và anh đều là hai kẻ chạy đua không biết mệt mỏi.

Đêm ấy Ananđa đứng lại trên đường rất muộn vì chưa thấy xe giám đốc ra khỏi nhà máy. Bóng một người con gái đến sát bên anh. Gương mặt rất quen, nhưng dường như của một thời xa xưa nào.

- Asa đấy ư? - Cuối cùng Ananđa đã nhớ ra.

- Không, em không phải là Asa . Em là Gita , con gái của mẹ Asa .

Trước Ananđa lúc này là kết quả của những đêm vụng trộm của nàng Asa mà anh đã từng chứng kiến. Gita kể rằng khi ấy mẹ nàng không có đủ hồi môn để lấy chồng đành ở vậy nuôi con trong tủi nhục. Nay đến lượt Gita , bạn bè nàng đều đã lần lượt quệt lên đường ngôi giữa đỉnh đầu một vệt son đỏ, nhưng nàng cũng không có hồi môn, lại thêm cả nỗi nhục của mẹ. Nàng ôm choàng lấy Ananđa , kéo tay anh, hối hả giục anh đi về nhà, thề nguyện sống chết với anh cho đến khi thần chết Yama tới bắt họ đi.

- Nàng bao nhiêu tuổi rồi -Ananđa hỏi và thả nốt chân kia xuống, tạo một thế đứng vững chãi mà ôm nàng.

- Em mười sáu.

Thế kia ư? Nhưng Ananđa đã lạc bước vào một thế giới khác, không còn biết đến thời gian và chuyện vật đổi sao dời.

- Về đi anh, hãy quẳng vào xó cái lão giám đốc cùng với nhà máy của lão. Đền đài làm cái gì. Làng ta vô danh thì cứ mãi mãi vô danh, có sao đâu.

Lời giục giã của Gita nhắc Ananđa nhớ đến việc đang làm. Anh lại co một chân lên và đẩy nhẹ nàng ra:

- Không, anh phải chờ giám đốc.

- Lão về từ lâu rồi. Em thấy lão ngồi trong xe của một ông chuyên gia ngoại quốc.

Sự việc này rõ ràng Ananđa đã bỏ sót.

- Thế thì anh sẽ chờ ở đây cho đến sáng mai, khi lão quay trở lại.

- Anh chờ đến hết đời hay sao?

- Không đến hết đời, chỉ đến khi nhận được một triệu rupi .

Nhưng đêm sau đó, Gita thường đến nhà khi Ananđa từ bãi sông trở về. Nhưng cuộc sống chung êm ấm với một người đàn bà cũng không giữ được Ananđa khỏi việc sáng sáng ra đứng trước cổng nhà máy và tối tối trở về. Gita vẫn hy vọng. Dù có thế nào đi nữa, nàng sẽ cho anh một đứa con, và cùng với đứa trẻ đó, một gia đình sẽ được tạo dựng.

Việc tính toán của Gita tỏ ra là quá sớm. Một buổi, Ananađa thấy nàng trong đám thợ giặt rầm rập kéo qua chỗ anh đứng, tới trước cổng nhà máy. Họ sụp xuống đất, hất cát bụi lên đầu, vò tai bứt tóc mà kêu khóc hoảng loạn. Rồi điên cuồng gào thét. Rồi ném tất cả những gì vớ được vào nhà máy. Rồi hô lên tất cả những lời lẽ vừa mới đẩy lên đầu lưỡi. Chất thải do gặp sự cố trong khâu xử lý đã đổ ra sông, làm cho

những ai uống phải hoàn toàn bị triệt sản. Lần trước sản phẩm tránh thai của nhà máy chưa được Ủy ban Kế hoạch hóa gia đình cấp bằng khen, thì lần này chất phế thải của nó được cấp hai bằng khen mới xứng. Vụ kiện tụng ồn ào và dây dưa mãi. Cuối cùng đám thợ giặt cũng nhận được một số tiền còm cõi bồi thường. Khoản tiền bồi thường cho Gita không đủ thành một món hồi môn cho nàng đi lấy chồng.

Sau vụ hầu kiện lê thê và mệt mỏi, một buổi sáng ông giám đốc tha thẩn tản bộ bên bờ sông, và bất chợt nảy ra ý đồ giải quyết nốt vụ việc vẫn đứng một chân sờ sờ ra kia cho trọn gói. Ông ta bước đến trước mặt Ananđa , nhã nhặn đưa ra một đề nghị nhượng bộ:

- Ông hãy nhận lấy 10.000 rupi . Số tiền ấy bằng tiền bồi thường cho năm người thợ giặt bị triệt sản.

- Nhưng để xây đền tôi cần gấp một trăn lần số tiền đó.

Đàn kiến di chuyển trước trận mưa, chạy thành một dòng đen lấm tấm từ chân lên tới cổ Ananđa . Anh vẫn đứng yên. Mắt đăm đăm nhìn về phía trước. Viên giám đốc quay nhìn theo và thấy một đống trắng hếu trên những cái gò đống phía xa.

- Cái gì vậy?

- Bộ xương con kên kên. Nó đã đợi để nhìn thấy cái chết của tôi. Giờ thì nó đã phải bỏ cuộc.

Tên anh là Ananđa . Ananđa là niềm vui, là hy vọng.

*

Đầu năm 1990, tôi có dịp đi qua làng Khusi . Lúc người hướng dẫn du lịch bảo cho xe dừng lại, tôi tưởng sắp được dẫn đi xem thắng cảnh quan trọng nào đó. Nhưng tôi được đưa đến bên một đám đông mà thoạt đầu tưởng như người ta đang vây quanh một người thổi kèn dụ rắn. Thì ra đám khách du lịch đang xúm quanh một người đàn ông đứng bằng một chân, nghe nói đã đứng như thế từ lâu lắm, nhưng chỉ mãi gần đây mới trở thành kỳ quan duy nhất của làng Khusi , mới hấp dẫn được cặp mắt hiếu kỳ của khách du lịch. Tôi tìm được một chỗ đứng trước mặt ông ta và lập tức được ông ta bắt chuyện bằng câu hỏi tôi là người nước nào.

- Việt Nam ư? -Ông ta lặp đi lặp lại, kéo dài từng âm tiết như để lục lại trong trí nhớ. Lát sau, ông mới hỏi tiếp -Việt Nam nào? Bắc hay Nam Việt Nam?

- Việt Nam thống nhất đã được mười lăm năm rồi.

Tôi đáp và nhìn vào mắt ông. Đấy là cặp mắt của một người

không định giá được khoảng cách thời gian, không bị tác động bởi những được mất ở cuộc đời này.

- Chúc mừng anh -Cuối cùng ông ta cũng nói được một câu như thế.

- Chúc ông thành công -Tôi nói và giã từ.

Gần hai năm sau tôi mới lại đi qua vùng ấy. Trong giấc ngủ lơ mơ, tôi mang máng biết xe dừng lại, và giọng nói của người lái xe cất lên:

- Đã đến Khusi .

- Có gì đáng xem đâu mà dừng lại -Tôi uể oải nói mà vẫn không mở mắt.

- Sao lại không? -Người bạn đường bên cạnh tôi như reo lên- Hãy nhìn kia.

Tôi mở choàng mắt. Ở lối rẽ từ đường cái vào cổng nhà máy đã mọc lên một ngôi đền đồ sộ, ngọn tháp hình chóp cao dễ đến ba chục mét.

Trong đền có tới bốn trăm bốn mươi tư cái cột bằng đá cẩm thạch được chạm khắc tinh xảo mà không có lấy hai cột đá với hình trang trí trùng lặp. Đã biết câu chuyện về Ananđa , tôi nghĩ rằng rốt cuộc ông ta đã thành công trong việc lấy tiền từ túi viên giám đốc nọ.

- Vậy ông ta có ở trong ban quản lý ngôi đền này không? tôi hỏi -Cái ông Ananđa ấy?

- Ananđa nào cơ? -Anh chàng hướng dẫn viên mới vào nghề hỏi lại. Rồi bất chợt anh ta nhận ra sai sót nghiêm trọng của mình do thiếu kinh nghiệm. Chỉ chút nữa là không biết cách làm quà cho khách du lịch bằng một giai thoại về Ananđa .

Hóa ra là một buổi chiều sau cơn bão ghê người, viên giám đốc cho xe ra khỏi nhà máy và thấy Ananđa nằm co quắp ở nơi ông ta vẫn đứng lâu nay. Mới đầu giám đốc không tin rằng cái xác lạnh cứng dúm -> rúm dó -> ró ấy là của Ananđa. Bao nhiêu năm nay chỉ thấy ông ta trong tư thế đứng, mà là đứng một chân.

Kể từ đó, thỉnh thoảng người ta thấy viên giám đốc tha thẩn quanh chỗ Ananđa vẫn đứng ngày xưa. Có lúc ông khom người loay hoay như tìm kiếm dấu một bàn chân ở nơi chính xác là chỗ Ananđa đã đứng. Có lúc hình như ông đã co thử một chân lên theo kiểu đứng của Ananđa . Có lúc chỉ đơn giản là ông đứng yên, mắt nhìn xuống đôi bàn chân mình. Và rất đột ngột, ông tuyên bố dốc tiền ra xây một ngôi đền ở ngay chỗ ấy.

Ở lối vào, thay cho bức phù điêu thần khỉ Hanuman tay cầm chùy đứng bảo vệ ngôi đền, ông giám đốc cho đắp nổi hình thần Siva , một chân co chân chống, đang quay tít trong vũ điệu làm rung chuyển

QUỲNH THI
Dạ khúc

Có một cây bên đường
Lá chớm vàng sớm quá
Để một người bâng khuâng
Nghe gió lướt gọi thầm

Có một cây trong vườn rụng lá
Lá rơi chao chạm tiếng hư không
Cây xạc xào một mình đêm vắng
Cây chắc buồn như đời vậy thôi

Có chiều em hồn gần anh quá
Sao mắt xa nhìn thấu chân trời
Có nhiều khi dựa vai tình quá
Thu hát ru hạnh phúc nhường nào

Có đám mây chập chùng rất lạ
Mây trắng xanh nhuộm lá trăng thanh
Em níu vội nhanh thôi kẻo mất
Chuyện mai sau ai biết phương nào .

QUỲNH THI

vũ trụ. Khách du lịch có chỗ dừng chân mà chụp ảnh. Làng Khusi nhờ kỳ quan đó mà nổi tiếng. Dân làng nhờ đó mà có nơi lui tới để cầu nguyện. Đám đàn bà bị chất thải của nhà máy làm cho vô sinh có nơi để mà đặt bàn tay lên tượng *linga* , tượng dương vật của thần Siva , mà cầu tự. Và trong đám người ấy đều đặn tới một kẻ chột mắt, lưng còng, đi đứng lẩy bẩy với một đĩa hoa cúc vạn thọ vàng rờ rỡ, mùi hương tê tái lạ lùng.

HỒ ANH THÁI

TRẦN SA
Thơ tình cho chúng ta

Này tình yêu, có đêm nào mà chẳng nhớ nhau?
Tôi biết tình hay khóc, nhớ lại khi mắt ngó môi cười,
Nhớ lại lần tôi héo người tươi,
Nhớ những hôm tôi đuà người giận,
Những lúc tim nhói lên, tình như quá ngọt bùi, tình như quá đậm rồi,
Như lỡ lầm, như mở ra cửa cấm, như biển đêm bí mật.
Triệu con mắt trong không gian ghen tương rình rập,
Những mắt bội tình, những mắt chẳng hề yêu,
Những mắt lờ đờ, sắc cạnh, láo liên,
Những con mắt cuối cùng cũng bật ra lòng độc ác.
Tôi biết tình đang khóc!

Nhưng giữa ban ngày thì vẫn cứ nhớ nhau,
Nhớ cái nhìn đắm say cứ quấn vào tôi lúc ngồi, lúc đi, lúc đứng.
Từng mặt trời lên, từng khi chiều xuống,
Tôi tìm trong bàn tay hơi ấm chỗ người nằm,
Tôi tìm trong chéo áo mấy nghìn năm
Những giọt lệ xưa nay tình vẫn khóc.

Có đêm nào mà lại chẳng nhớ nhau?
Có ngày nào mà lại chẳng nhớ đâu!
Nên tôi chép hoài những trang thơ ướt.
Ở nơi nào người ta đang đốt trời phá đất,
Ở nơi nào ai giữ lá cho xanh?
Tình yêu, tôi biết tình hay khóc cho cỏ tôi còn mượt,
Sao khói đời mà hai mắt tôi cay.
Có thể ngày mai lửa cháy đến nơi này,
Ai chép tiếp giùm tôi những trang thơ ướt?

Này tình yêu, có đêm nào mà lại chẳng nhớ nhau,
Như những vì sao trên trời vẫn thầm thì về muà trăng mật.
Những mạch máu trong tôi vẫn nhắc đến những ngày có thật
Khi môi tôi kề lên ngực trái cuả tình
Và lắng nghe tiếng đập tim mình
Cứ thình thịch quyến rũ lòng như điệu trống,
Rủ tôi vào nhảy muá quá mê man
Giữa những triệu con người vây quanh quanh như ảo giác.

Có ngày nào mà lại chẳng nhớ đâu,

Tôi cứ nhớ và tình yêu cứ sống,
Mặc những con mắt bội tình những mắt chẳng hề yêu
Kệ những mắt khô khan dữ dằn chăm bẳm ngó,
Tôi vẫn nhớ rõ ràng người đứng đó,
Lồ lộ tình yêu rạng rỡ mặt mày,
Cương quyết buộc ràng nhau bằng điều chi, lạ lùng gì, không rõ.
Ôi thơ dại, tình yêu là muà hè,
Tôi bắt gặp tình, sau những cơn mưa xối xả nặng nề
Khi không gian đang rất nhẹ và trong.
Ôi lá cây, những đồi núi và cánh rừng,
Tôi đã về rồi đấy!

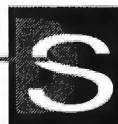
Để nhìn thấy tình từ đâu mà mọc lên xanh ngắt,
Những bông hoa trắng tinh thoạt nở ra xa lạ rồi nồng nàn.
Gió thổi qua thì êm ái và dịu dàng,
Và mùi hương ngày đêm bắt đầu thơm thoảng.
Khi tình ôm quàng tôi trong tay
Tôi đã chẳng ngăn được mình sờ chạm,
Mềm mại làm sao những cánh hoa ban sớm còn rịn sương
đang cong mình hổ thẹn,
Mà trong một giây tôi ngỡ mình là con ốc sên giận dỗi tủi hờn.
Đã bị hay là được? Ôi làm sao!
Làm sao không sinh ra để khát thèm
Những cọng lá đừng tươi nõn!

Tôi đã lạnh chừng nào những ngày trước đó, những tháng không mặt trời,
Nhưng muà tình ngụ cư lại đốt nóng tôi xây xẩm.
Nơi hình thành những những cọng rong ngọt và mát kia tôi trầm mình.
Biển xanh ơi, chỉ có em là vỗ về tôi lên thịt da,
Trong nắng trưa và dưới ánh trăng,
Những chiếc hôn muối mặn.

Tình yêu, có lúc nào mà chẳng nhớ đâu?
Tôi biết tình hay cho, tôi biết tình hay khóc!
Để tôi cũng nhớ rằng, là
Có những ngày đã qua – Hạnh phúc là điều không thể mất.
Những cảm giác nằm ẩn mãi trong máu,
Người ta vẫn luôn luôn có thể gợi lên,
Và cho sống lại, một cách chậm rãi, điên dại, đắm say, cùng một lúc.

Này tình yêu, có giây phút nào mà lại chẳng nhớ nhau!
Giữa cuộc đời tôi, chúng ta, và những trang thơ ấm ướt.

TRẦN SA



VŨ HUY QUANG
Những cuộc Cách Mạng Thành thị Tại Trung quốc

China's Urban Revolutionaries
(Explorations in the History of Chinese Trotskism, 1921-1952)
-Gregor Benton
Humanities Press, New Jersey, 1996. (270 tr.)

Cuốn sách này ra đời với 2 phụ lục giá trị của 2 người Trotskit Tàu kỳ cựu (Trịnh Kiều Lâm, Vương Phàn Tư), là cuốn sách phong phú hiếm hoi về cách mạng thành thị Trung quốc. Người đọc sẽ giật mình khi thấy những khám phá lịch sử của cả cách mạng Việt nam, Trung quốc và Nga sôviết với đường lối cách mạng của Lênin, Trotsky, Stalin, Bukharin ...ảnh hưởng tương phản với nhau thế nào.

Đảng Cộng sản Trung quốc do Trần Độc Tú thành

lập từ 1921, khởi từ Ngũ Tứ Vận Động 1919 tại Bắc Kinh do Trần Độc Tú (1) lãnh đạo cùng Lý Đại Chiêu (2). Phong trào cách mạng này lan ra các thành phố lớn, rồi cùng các biến động nội địa cộng với ảnh hưởng từ bên ngoài, mà thành các đối kháng về quan điểm cách mạng, đưa đến những tàn sát, tù đầy của những người chủ trương cách mạng từ thành thị - những người Trốtskit Tàu về sau này.

Những người Trotskit Tàu – làm cách mạng xã hội, mẫu mực như cách mạng Nga 1917, không chấp nhận đường lối Stalin - có tính tự phát nội địa, cùng tiếp cận với Tả Đối Lập Nga về sau, cộng với kinh nghiệm cay đắng của hợp tác Quốc Dân đảng (tàn sát Thượng Hải 1927) mà thành. Từ 1927, cho đến suốt thập niên '30, tại các thành thị, họ bị tầm nã, tận diệt bởi Khủng bố Trắng (Quốc Dân đảng), Khủng bố Đỏ (Cộng sản tổ chức - Organized communist, tức cộng sản do Stalin cầm đầu, những người Staliniêng), và người Nhật. Sau khi đuổi được Tưởng Giới Thạch, ngày 22 tháng Chạp năm 1952, trên toàn lục địa, chính quyền Mao lùng bắt những người Trotskit cho vào tù không cần xét xử. (Từ ngữ "*Tờ-rốt-kít*" đã đồng nghĩa với "*phát-xít*", "*chó săn*", "*phản động*", "*phản cách mạng*", "*gián điệp đế quốc*"...đã xấu xa, còn tai hại hơn bệnh dịch.)

Cuốn sách của Gregor Benton tuy xuất bản muộn (1996), nhưng cũng vẫn hợp thời, vì cung cấp được những dữ kiện bị che dấu quá lâu. Người đọc sẽ hiểu thế nào là xuyên tạc, vu cáo chính trị cùng những đường lối sai lầm làm tổn hại hàng triệu sinh mạng. Những phát giác về những điều lâu nay bị coi là cấm kỵ để bàn cãi công khai.

Khi xét lại quá khứ, lịch sử cách mạng Trung quốc có một chỗ trống lớn mà chế độ chuyên chính Mao-it phải chịu trách nhiệm. Chế độ đó đã xóa sạch dấu vết lịch sử về những người lập đảng Cộng sản khởi thủy, những người chủ trương cách mạng thành thị - những người

Trốtkít Tàu. Ba năm sau khi kiểm soát lục địa, năm 1952, hàng ngàn người Trotskit - kể cả cảm tình viên - bị công an, mật vụ lùng bắt trên toàn quốc. Họ bị xử kín – hoặc bị giam mà không xét xử, tống ngục (rất nhiều người bị chết trong tù) vì tội "phản cách mạng". Những Trotskit Tàu không chỉ bị tù, bị chết trên nước Tàu, họ bị Mật vụ Nga GPU thủ tiêu ngay trên đất Nga, hoặc bị tù trong Tây Bá Lợi Á – khi họ tham gia Tả Đối Lập tại Moscow (1929-1930). Bị coi là đối thủ nguy hiểm cho Tưởng, họ bị tàn sát trên đất Tàu (thập niên '30).

Những người Trotskit bị vùi dập bi thảm nhất trong lịch sử cách mạng. Điều bi thảm cho Auguste Blanqui, nhà lãnh tụ cách mạng Pháp, là ông ta bị giam lâu nhất (33 năm), trong lịch sử cầm tù của những người hoạt động chính trị - đến nỗi có biệt danh là *L'enfermé,* kẻ bị nhốt. Nhưng kỷ lục này bị Trịnh Kiều Lâm (1901-) một người Trotskit Tàu phá, khi ở tuổi 79, cộng với số 7 năm tù do Tưởng tặng cho, chế độ Mao-ít cho ông thêm 27 năm tù nữa (1952-1979). Trịnh bị nhốt 34 năm, hơn Blanqui 01 năm.

Những người Trotskit Tàu không chỉ bị thủ tiêu ở Nga, ở Tàu, mà cả ở Việt Nam nữa:

Lưu Gia Lương (người dịch "*The Tragedy of the Chinese Revolution*" của Harold Issacs) đến Sàigòn năm 1950, tiếp xúc với anh em nhóm Liên Minh cộng sản quốc tế chủ nghĩa. Hai đồng chí cùng Lưu Gia Lương vào bưng biền (ở Biên Hòa), nghe lời Việt Minh thương lượng cùng kháng chiến với Việt Minh. Lưu đã bị chết tại Việt nam. (-Ngô Văn, "*Au Pays de la Cloche Felee*"). Những chết chóc mờ ám kiểu này, bấy lâu đã bị giấu giếm hoặc xuyên tạc. Dù còn ít nhiều tài liệu về những người Trotskit tàng trữ trong các thư khố các Nhà nước Cộng sản Staliniêng, chỉ một số chuyên gia hiếm hoi mới được mó vào.

Trên diễn đàn công cộng, sau cái chết của Mao, nhiều sử gia đòi làm sáng tỏ chỗ đứng của Trần Độc Tú, người sáng lập đảng. Từ đó, cùng lúc đã có nhiều rửa tiếng cho những người Tả Đối lập. Rất nhiều bài viết của các lãnh tụ Trotskit được công bố trên báo chương, kể cả Hồi Ký của Vương Phàn Tư (Wang Fanxi) (3) nay đã được dịch qua Anh, Pháp, Nhật, Đức ngữ (bản tiếng Tây Ban Nha đang trong vòng thương thảo), và sách của Trịnh Kiều Lâm (Zheng Chaolin) (4) đã dịch sang Nhật, Đức ngữ, đang dịch sang Anh và Pháp ngữ. Bành Thư Chí (Peng Shuzhi) đã có bản Pháp văn; ở Hồng Kông, Tôn Lương Đức (Sun Liangsi) đã xuất bản hồi ức toàn tập. Cuốn "Trần Độc Tú Đại tập" đã xuất hiện tại các nhà sách Hán văn tại Hoa kỳ (2001).

Dư luận báo chí tại Hồng Kông tương đối thoáng, nên từ '50 đã

có các sách báo của Tả Đối lập, nhưng chính thức thì từ 1974, *"Tạp Chí Tháng Mười"*, *"Tân Tư Trào"*, *"Mầm Mới"* ...tiếng nói của Tả Đối Lập mới ra đời.

Tháng Ba 1995, nhà báo Trung quốc nổi tiếng thế giới vì lòng can đảm và sự trung thực Đới Thanh (Dai Qing) đã tung ra những sưu tập văn bản của những người Trotskit cùng những bình luận của bà về chủ đề nghiên cứu những người Trotskit. Sách được trân trọng đề tặng đến Trịnh Kiều Lâm, Vương Phàn Tư và Lâu Quốc Hoa (Lou Guohua) – những người mà bà coi là các quán quân cho việc tranh đấu cho tự do công bằng, những tiên tri đi trước thời đại.

Theo Gregor Benton, nạn nhũng lạm, cửa quyền, bất công phát triển trong chế độ cộng sản Mao-ít (kinh nghiệm Tứ Nhân Bang – 1976) làm người ta phải xét lại nguồn gốc cách mạng và lịch sử Đảng. Sự mất ảo tưởng về phát triển tại các thành phố kỹ nghệ ngay từ thời Đặng Tiểu Bình cùng tác động từ chiến tranh Việt Nam làm những người ý thức về tiến trình phát triển thành thị càng thêm thôi thúc đòi hỏi sự thật về căn nguyên của dân chủ. **Trotskit đang là bóng ma ám ảnh Trung quốc.** (tr.119)

Ngay trong đảng cũng có những đảng viên bị kỷ luật, hoặc khai trừ khi họ lên tiếng trong trào lưu *Giaỉ phóng tư tưởng:* Từ đầu thập niên 70, cho đến những năm '80, các đảng viên ly khai như Vương Tích Chân (Wang Xizhe), Trần Phú (Chen Fu) và Sử Hoa Thần (Shi Huasheng) đã bị các luận đề về dân chủ xã hội của Trotskit Tàu hấp dẫn. Những người này đã phát biểu những ý kiến đòi dân chủ – tuy không dùng luận điểm hoặc từ ngữ theo kiểu Trotskit – nhưng đã bị bắt. Khi bị thẩm vấn viên tra cung rằng, *"Cuốn sách nào tác động đến đồng chí nhất?"* Vương Tích Chân trả lời là *"Tư Bản luận"*. Và theo một người đồng tù (Lau Sanching) kể lại, Vương bị chìa vào mặt chứng từ là cuốn ảnh hưởng anh ta nhất, lại là cuốn *"Tư tưởng Mao Trạch Đông và Cách Mạng Văn Hóa"*, tác giả là một Trotskit, Vương Phàn Tư. Có chứng cớ rằng anh ta còn truyền sách này cho người khác đọc nữa (tr.119).

Sử gia Lý Phú Công (Lee Feigon) nhận định phân tích về tàn sát Thiên An Môn,*"Cuốn sách của tôi về tiểu sử Trần Độc Tú, người sáng lập đảng cộng sản Trung quốc, đã không phải không có những liên hệ tới cuộc nổi dậy của sinh viên trong biến cố Thiên An Môn."* Biến cố này khởi từ Bắc Kinh 5/ 1989 sinh viên đã đứng dậy theo truyền thống Ngũ Tứ Vận Động của Trần Độc Tú. Trong cuộc nổi dậy từ thành thị của sinh viên, họ đã hô hào những khẩu hiệu đòi hỏi cải cách của Trần

Độc Tú lúc trước, như "*Khoa học và dân chủ phải đi đôi*".

Ngôi mộ của Trần ở Tứ Xuyên đã được chính quyền cải táng về quê nhà, chôn cạnh hai người con ông ở An Huy. Các nhóm nghiên cứu, các hội Ái Hữu đã thành lập ở An Huy, Thượng Hải, Hà Nhĩ, Bắc Kinh, Vũ Hán, Quảng Châu, Hợp Phì, Trùng Khánh, và Trường Xuân.

Khởi thủy Đảng Cộng sản Trung quốc

Có ba sắc thái hợp thành đảng Cộng sản Trung quốc: Từ Ngũ Tứ Vận động, từ Nga, từ Âu châu.

1/ Ngũ Tứ Vận Động: Phong trào này (5/4/1919) đòi dân chủ xã hội, cải cách văn học, giải phóng đất nước, do những người thành thị cầm đầu. Mầm mống là chống lại Hòa Ước Versailles, mà Pháp nhường cho Nhật đặc quyền trên đất Tàu. Trần Độc Tú đã tham gia Cách Mạng Tân hợi (1911), nhưng nhìn ra ảo tưởng của chủ nghĩa Tam dân trong việc cộng tác với cường quốc kỹ nghệ đòi dân chủ, nên lập đảng Cộng sản (1921). Trong Tuyên Ngôn Tháng Mười của đảng,"*Đảng Cộng sản sẽ hướng dẫn cuộc cách mạng vô sản đấu tranh chống lại tư bản, đoạt quyền chính trị từ tay tư bản; đảng sẽ trao quyền cho công nhân và nông dân, như cách mạng Nga đã làm năm 1917.*"

2/ Sinh viên từ Nga: Sinh viên, thanh niên từ các thành phố lớn tham gia cách mạng đã nhìn Nga xô viết như một kiểu mẫu, nên đã đi du học Nga. Những lãnh tụ như Trần Độc Tú, Lý Đại Chiêu hoạt động trong nước. Theo Trịnh Kiều Lâm (Phụ lục i), năm 1924 là năm có mốc quan trọng trong lịch sử đảng Cộng sản: Năm khởi đầu cho sự hợp tác Quốc Dân đảng. Cũng là năm trường Võ bị Hoàng phố thành lập. Cố vấn chính trị và quân sự đến từ Nga, sinh viên du học Moscow trở về nước. Cách mạng thành thị hồi sinh, nhất là sau khi đã bị tê liệt trong cuộc đình công thất bại của Nghiệp đoàn, tháng Hai, 1923.

(Lý Lập Tam, Lưu Thiếu Kỳ, Hướng Đức Long (Xiang Delong) lúc ấy hoạt động trong phong trào công nhân lao động – tuy không thuộc Nghiệp đoàn Liên công của Trương Quốc Đào – nhưng sẵn sàng hợp tác với "nhóm Moscow" du học từ Nga về.)

Trịnh Kiều Lâm đã nhận thấy có những mờ ám không rõ ràng trong thời gian này, khi xét nguyên tắc của thuyết cách mạng quốc gia, phong thanh là từ Voitinski (đại diện Quốc tế Cộng sản) và Bành Thư

Chí. Thuyết này chủ trương làm cách mạng Tư sản quốc gia trước, trái với tuyên ngôn của cách mạng Nga (tr.126).

Điều này đưa đến những phân ly về sau.

3/ Cán bộ với tinh thần cộng sản từ Âu châu: Những sinh viên đã sống và hấp thụ tinh thần Âu châu, sống trong không khí xã hội *buốc-gioa*, thường có suy nghĩ độc lập, phi tín điều, chống tinh thần suy tôn lãnh tụ, như Đặng Tiểu Bình, Lưu Thiếu Kỳ, Lưu Kính Chân, Trịnh Kiều Lâm, Chu Ân Lai.

Do thời thế: Chiến tranh Trung-Nhật, Quốc Dân Đảng tảo thanh, lý thuyết của Leon Trotsky, sách lược hợp tác từ Moscow (qua Borodin - đại diện đường lối của Stalin và Bukharin chỉ đạo) mà ba nhóm này lúc hòa nhau, lúc tách nhau từng thời điểm.

Trần Độc Tú vẫn là Tổng Bí thư cho đến 11/1929. Tả Đối Lập Trung quốc thành lập năm 1931.

Những thú vị bất ngờ

Ít ai ngờ được, là lý thuyết Cộng sản không chỉ du nhập từ Nga, mà về sau, thuyết Tả Đối lập của Trotsky du nhập vào Trung quốc từ Thổ và Hoa kỳ!

Đệ Tứ Quốc Tế rất ít biết về hoạt động cùng những khó khăn của những người cộng sản phi-Stalin Trung quốc. Hầu như Cộng sản quốc tế chỉ có quan hệ hiếm hoi với những người Cộng sản Trung quốc - qua các cửa khẩu. Cộng sản Trung quốc bị cô lập, lâu lâu, khi có Trotskit nước ngoài (thường là thủy thủ người Mỹ) đến thành phố tiếp xúc, lúc ấy người cộng sản Trung quốc mới có dịp trao đổi tư tưởng, tìm hiểu thế giới bên ngoài. Frank Glass người Anh, và nhất là Harold Issacs ký giả người Mỹ ở Thượng Hải có những hoàn cảnh đặc biệt đảm nhiệm việc liên lạc thông tin giữa Trotsky cùng Tả Đối Lập Trung quốc - trong những năm của thập niên '30 tại Thượng Hải. (Tr.85, 88). Tài liệu của văn bản Trotsky thì ngay cả khi Radek làm giám đốc Trường Tôn Trung Sơn, các sinh viên Tàu du học ở Moscow cũng chưa được phổ biến để hiểu nhiều về lý thuyết này.

Về vụ "*Mũ ông Trương trên đầu ông Lý*" (tr.55), một giai thoại hiếm có trong lịch sử cận đại: Chân dung Trần Độc Tú phổ biến trên khắp thế giới sau khi ông ta qua đời (5/1942) lại là hình ảnh một người khác, Bành Thư Chí. (Sách của Rius, "*Mao for Beginners*", xuất bản

1980 cũng vẫn đăng hình này). Phải chờ đến Trịnh Kiều Lâm - người cùng hoạt động với Trần lâu năm - sau khi được tạm thích, truy tầm nguyên do bằng cách vào tìm chồng báo cũ trong thư viện An Thanh (Anqing) mới rõ: Năm 1932, nhờ điềm chỉ, QDĐảng bắt được Trần Độc Tú. Có ba lý do để Tưởng không sát hại Trần: Trần lúc ấy không có thực lực gì làm trở ngại cho QDĐ; Trần có uy tín quá lớn trong dân chúng; các đảng viên cùng sĩ quan QDĐảng cũng ngưỡng mộ ông. QDĐ phải áp giải Trần, đưa ra tòa Thượng thẩm Giang tô xét xử. Một ký giả tờ "*Xã hội Tin báo*" săn chụp được lúc giải giao Trần Độc Tú và Bành Thư Chí (5) lúc ra tòa, bèn đăng hình lên báo. Chỉ do một lỗi lầm nhỏ, tên ảnh người phía trái (Trần Độc Tú) chú thích đảo thành phía phải (là Bành Thư Chí, người có hình chụp đầu đội nón Trung sơn). Tấm hình được coi là tài liệu quốc tế về chân dung Trần Độc Tú. Từ đó trở đi, mỗi khi muốn đăng ảnh lãnh tụ Cộng sản Trung quốc, các nhà báo cứ xé đôi tấm hình, in lên tấm ảnh đã chú thích sai. Trịnh Kiều Lâm còn chỉ rõ rằng, ngay trong tấm hình chụp chung đã tỏ cá tính khác hẳn nhau: Trần thần thái ung dung, Bành nét mặt ảm đạm.

Nhưng tại sao sự lầm lẫn này duy trì lâu như thế? Chế độ Cộng sản Mao-ít dĩ nhiên không muốn nhắc đến Trần; còn ngược lại thời gian của các thập niên '20, '30, thì lúc ấy, hình ảnh lãnh tụ Cộng sản, - nếu có được phổ biến công khai trên báo chí quốc gia chủ nghĩa hay Staliniêng, đều là hình ảnh các lãnh tụ có chủ trương hợp tác QDĐảng. Cùng là cộng sản, nhưng những ai đi ngược lại đường lối của Stalin-Borodin-Tưởng-Uông Tinh Vệ đều phải mai danh ẩn tích. (Chống Tưởng là làm tay sai ngoại bang; chống Stalin tức là nhận tiền, làm gián điệp cho Nhật - Cũng như Trotsky bị cáo là làm gián điệp cho Mật vụ Đức Gestapo; giết Kirov (!)") (Tr. 201).

Lý thuyết Cách Mạng Thường trực

Chống lại quan niệm "Xã hội chủ nghĩa trong một xứ" - phải làm cách mạng lần lượt là qua cách mạng quốc gia (giải phóng thuộc địa, để giai cấp tư sản trong nước cầm đầu) mới tới giai đoạn cách mạng vô sản, là lý thuyết cách mạng thường trực. Những câu này xem như nhạt nhẽo, nhưng là chủ cốt của thuyết cách mạng thường trực để bác bỏ quan niệm "Xã hội chủ nghĩa trong một xứ", có nghĩa : Quốc tế Tư bản phải do Quốc tế Vô sản lật đổ. Cách mạng toàn cầu của vô sản, phải do quốc tế vô sản cùng làm. Không thể làm "cách mạng hai giai đoạn", đó là chủ trương chống đối của Trotsky bằng thuyết Cách mạng

Thường trực. Nhưng, "cách mạng thường trực" chủ trương thế nào?

Theo Trịnh Kiều Lâm, (tr.191), phải đi ngược lịch sử để nhìn thấy Lênin và Trotsky từng chống nhau về lý thuyết cách mạng. Lênin khám phá lý thuyết "Phát triển bất đồng", và điều này có thể giải thích những hiện trạng lịch sử trên đường làm cách mạng. Trotsky khám phá thuyết "Phát triển hiệp đồng", còn giải thích các điều kiện đấu tranh nhiều hơn, ứng dụng nhiều hơn trong thực tế. Luật của Trotsky chứng tỏ rằng trong nhiều giai đoạn lịch sử của những giai đoạn gọi là thời kỳ "chuyển tiếp", không hẳn là chuyển tiếp (*transitional*), nhưng chỉ là một thể hiện của hiện tượng xã hội đáp ứng thời kỳ của xã hội đó. *Quá Khứ* và *Tương Lai* hình thành một hình thái phát triển "hợp đồng" trong xã hội với tính đặc thù của lúc đó, triển khai thành một hệ thống xã hội. Thí dụ, bản sắc của tính "chuyên quyền" (autocratism) trong xã hội tân thời lúc này của Âu châu lại tạo ra một hiệp đồng phát triển gồm ít nhiều đặc tính của chủ nghĩa tư bản cộng vơí tính phong kiến đã tương đối kéo dài, cùng nhau kìm hãm chính chế độ chính trị, văn hoá và tư tưởng của tự thân xã hội ấy. "Sarít" (*Tsarism*, chế độ Sa Hoàng), là một hệ thống cai trị nước Nga cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, không chỉ là thời kỳ "*chuyển tiếp*" (6) mà còn đã thành một hệ thống hợp nhất phục vụ cho chế độ đó, với những đặc tính riêng trong chế độ đó, đặc tính chế độ ấy là chủ nghĩa tư bản khống chế chính quyền phong kiến, cùng lúc sử dụng chế độ phong kiến, sử dụng đường lối của phong kiến làm phương tiện khai thác bóc lột cho nó.

Đấy là điều hiển nhiên, vì rằng phong kiến và tư bản đã có "phát triển hiệp đồng", cho nên cách mạng Nga không thể đầu tiên chỉ lo đánh đổ hệ thống phong kiến mà thôi, mà phải cùng lúc lật đổ chế độ sở hữu cuả Tư bản chủ nghĩa nữa. Rất nhiều nan giải trong thực tế của lịch sử có thể dùng hiểu biết này làm đáp án, bằng cách dùng nguyên tắc "phát triển hiệp đồng" của Trotsky. Để trả lơì cho sự xuyên tạc của Đường Bảo Lâm (Tang Baolin), tác giả "Lịch sử Trotskit Tàu" (*History of Chinese Trotskism*), Vương Phàn Tư trả lơì trong Phụ Lục ii, vơí Gregor Benton về thuyết Cách Mạng Thường Trực, (tr. 204) như sau," Thuyết CMTT của Leon Trotsky có thể hiểu theo hai nghĩa: "dọc", tức là trong những nước kinh tế hậu tiến, giai cấp buốcgioa không thể làm cách mạng tư sản nổi, cho nên cách mạng tư sản và cách mạng vô sản phải lồng vào nhau, thực hiện dươí sự lãnh đạo của vô sản; và "ngang", tức là "sự hoàn tất cuộc cách mạng xã hội trong giới hạn biên giới quốc gia là điều không thể nghĩ tơí...Cách mạng xã hội chủ nghĩa khởi đi từ đấu trường quốc gia, trở rộng ra trên lãnh vực

quốc tế, và hoàn thành trên toàn thế giới."

Làm sao những người như Bành Thư Chí mãi về sau vẫn chưa nắm vững lý thuyết này? Không nên trách ông ta, vì khi mà "*Karl Liebknecht còn không hiểu phép Duy vật biện chứng, Plekhanov còn mù mờ về Điều kiện khách quan.*" (tr. 187)

Về thuyết "Cách mạng Thường trực" trong cách mạng Nga, Lênin nhấn mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ bắt đầu được sau khi cuộc cách mạng tư sản đã hoàn tất, nhưng sau khi trở về Petrograd tháng Tư, quan niệm ông thay đổi, và chấp nhận lý thuyết cách mạng của Trotsky là đúng. (Luận Đề Tháng Tư)

Sự khác biệt giữa đảng Cộng sản Trung quốc và đảng Cộng sản Nga

Cùng giống nhau trong mục đích, như Trần Độc Tú nhận định về cuộc chiến Trung Nhật là cuộc chiến tranh chống đế quốc, không phải để thực hiện quốc gia chủ nghĩa, "*Mục đích tối hậu của cuộc chiến đấu này là để lật đổ những chướng ngại của đế quốc đặt lên cản đường Trung quốc trên đường phát triển kỹ nghệ.*"(tr. 80)

Nhưng, một trong những khác biệt lớn nhất của hai cuộc cách mạng Nga - Tàu, là người Nga chỉ lập đảng sau khi đã luận chiến, tranh biện kỹ lưỡng về đường lối cùng lý thuyết đấu tranh đủ mặt, sự tranh biện trong Đảng vẫn cứ tiếp tục - kể cả về sau. Cho nên cách mạng Nga sau khi đã minh họa đường lối xong, mơí cùng bắt tay vào việc thực hiện; *đảng viên có quyền giữ quan điểm riêng của mình.* Cách mạng Trung quốc khơỉ thủy đã không được như vậy. Không được minh định đồng thuận, không có luận chiến đường lối cũng như lý thuyết cách mạng trước khi lập đảng, - về sau cũng không có chuyện như thế; khi tranh đấu cứ như lao đầu vào lửả. Vì trên lý thuyết thì chúng tôi (Trịnh Kiều Lâm) không nắm vững, cứ tuỳ vào đồng chí nước ngoài cùng Quốc tế Cộng sản: Chúng tôi tin họ lúc nào cũng có giải pháp cho những khó khăn. **Đó là lý do chúng tôi thất bại liên tiếp.** (tr. 149).

Thiếu minh định lý thuyết cách mạng là lý do chính làm phân hoá nội bộ đảng Cộng sản do Trần Độc Tú sáng lập. Người con của ông, Trần Yên Niệm (7), đã ủng hộ đường lối Stalin – qua Borodin (8),

chống lại Trần Độc Tú. Thiếu minh định lý thuyết cách mạng cũng đưa đến chế độ Mao-ít, hậu quả là thiếu dân chủ, chênh lệch phát triển nông thôn – thành thị, và nông dân vẫn chịu thiệt thòi vì không thể là chủ cốt trong thời phát triển kỹ nghệ được.

Những ngoắt ngoéo của lịch sử còn nhiều. Mỗi khi nói tới cách mạng thành thị, người ta nhìn lại vai trò của Tả Đối lập. Nhìn lại chuyên chính đảng là người ta nhìn vai trò dân chủ từ Ngũ Tứ Vận Động: Liên hệ xã hội chủ nghĩa và dân chủ là mối quan tâm chủ yếu, nóng bỏng của thế hệ trẻ trong nước hiện nay, đặc biệt tại các Đại học. Nền kỹ nghệ vô sản nay với lực lượng trên 50 triệu công nhân, khác với thời 1949 chưa tới 1 triệu. Đã là một bước tiến dài từ Cách mạng văn hóa 1966 - đóng cửa 4 năm toàn thể các Đại học - nay công nhân không còn mù chữ như thời Trần Độc Tú, nông dân cũng đã giữ vai trò tích cực trong lập trường, sinh hoạt chính trị.

Cuốn này đã mổ xẻ được phần nào những sai lầm của những người làm Cách mạng khởi thủy Trung quốc. Thất bại của họ sẽ là những đóng góp tích cực cho các thế hệ sau, cho những ai muốn phân tách diễn biến của các thế lực đương đại ... một khi rút được kinh nghiệm của người trước. Những chằng chịt của lịch sử, tuy mù mịt, nhưng không phải không có lối ra - cho những người muốn tìm hiểu.

VŨ HUY QUANG
12/01.
(*Thương TiếcAnh Đặng Văn Long (1919-2001),*
tác giả "Người Việt ở Pháp 1940-1954")

Cước Chú:

(1) **Trần Độc Tú** (Chen Duxiu, 1879-1942): Chủ biên "Tân Thanh Niên", lãnh tụ Tân Văn Hoá, sáng lập đảng Cộng sản Trung quốc, là Tổng bí thư cho đến 1927. Năm 1931, thành Trotskit, lập Tả Đối lập. Vào tù 1932, được thả sau biến cố Lư Cầu Kiều bùng nổ, 1937.

(2) **Lý Đại Chiêu** (Li Dazhao, 1889-1927): Một trong những lãnh tụ đầu tiên của Đảng Cộng sản Trung quốc, đứng thứ hai sau Trần Độc Tú. Bị hành quyết ở Bắc Kinh. Đã từng nâng đỡ, kiếm cho Mao Trạch Đông (1893-1976) chân chạy việc ở Thư viện Bắc Kinh. (*Found Mao a menial job in the library at Peking Univsity. It's was 1918.* (p. 51) –" Mao for Beginners" -Rius, 1980).

(3) **Vương Phàn Tư** (Wang Fanxi, 1907-): Gia nhập đảng từ hồi là sinh viên ở Bắc Kinh. Thành Trotskit ở Moscow. Về nước làm phụ tá Chu Ân Lai, 1929. Hoạt động cạnh Trần Độc Tú 1930-31, sau khi bị đảng khai trừ. Bị bắt 1931, và 1937. Sống trong tù những năm biến động. Lưu vong từ 1949.

(4) **Trịnh Kiều Lâm** (Zhang Chaolin (1901-): Văn gia và dịch giả, gia nhập đảng Cộng sản ở Paris 1922. Thành viên của Uỷ ban Hồ Bắc, 1925-27, thành Trotskit 1929, thành viên sáng lập Trotskit Trung quốc. Bị tù lâu nhất lịch sử. Hồi ký đã được ấn hành 1986 tại Trung quốc.

(5) **Bành Thư Chí** (Peng Shuzhi, 1896-1983): Du học Moscow, Ủy viên trung ương 1925. Bị Quốc tế Cộng sản khai trừ khỏi Đảng CSTQ cùng Trần Độc Tú 11/1929 vì tội ủng hộ Trotskit. Sống lưu vong ở Los Angeles vài năm trước khi chết.

(6) "**Chuyển tiếp**": Transitional. Thường dịch là "quá độ", mỗi khi nói về lý thuyết, lịch sử cách mạng vô sản. Thực ra chuyển tiếp có thể là chuyển tiếp trong bất cứ chế độ với tương quan sản xuất nào của lịch sử.

(7) **Trần Yên Niệm**, (Chen Yannian, 1899-1927): Bí thư Nam khu-bộ, được điều động làm việc ở Quảng châu. Trong cuộc tranh chấp đường lối của Borodin-Trần Độc Tú là nên hợp tác với QDĐ, Yên Niệm ngả theo phe Borodin, cho Borodin là đại diện đích thực của cách mạng Nga. Sau bị Tưởng giết tại Thượng Hải. (Một con trai khác của Trần Độc Tú, Trần Quán Niệm (Chen Quaonian, 1902-1928) gia nhập đảng ở Pháp, bị Tưởng giết tại Giang tô).

(8) **Borodin**, đại diện Quốc tế Cộng sản từ Moscow cạnh QDĐ. Ủng hộ hợp tác Quốc Cộng đưa đến tàn sát Thượng Hải 1927. Theo *Workers Vanguard*, "Mặc dù có những yêu cầu lập đi lập lại từ những nhà lãnh đạo Cộng sản Trung quốc đòi tách khỏi QDĐảng, Stalin – Bukharin vẫn kềm lại. Được chỉ định từ Moscow, Borodin làm cố vấn cho Tưởng Giới Thạch, tuyên bố rằng Cộng sản Tàu nên "làm *cu-li*" cho QDĐ. Tưởng còn được bầu là thành viên danh dự của Comintern (Quốc Tế Cộng sản), chỉ có một phiếu chống – là của Trotsky."*(Despise renewed request from the CCP leadership to quit the KMT, Stalin and Bukharin held fast. Borodin, assigned by Moscow to act as Chiang's advisor, declared that Chinese Communist should do "coolie service" for the Goumingdang. Chiang was made an honorary member of the Comintern with only one opposing vote – Trotsky.*") – Spartacist, Summer, 1997. (tr. 26).



LÊ QUỲNH MAI *thực hiện*

Phỏng vấn nhà văn Mai Ninh

Phát thanh lúc 16 giờ 15 phút ngày 23/12/200, trong chương trình Văn Học Nghệ Thuật, Đài Tiếng Nói Việt Nam FM 103.3, Montreal



Nhà văn Mai Ninh du học tại Pháp quốc từ năm 18 tuổi, định cư và làm việc tại vùng Normandie từ hơn 30 năm qua.
Mai Ninh cộng tác với các tạp chí Văn Học *(Hải Ngoại),* Hợp Lưu, Văn *v.v.*
Tác phẩm: Hợp Âm Trong Vùng Sân Khuất. *Thời Mới Canada xuất bản năm 2000*

- Trong Hợp Lưu số 38 (tháng 12/97, trg 183), tác giả bài viết Nhớ Phùng Quán là Nguyễn Mai. Trong Hợp Lưu số 40 (tháng 5-6/98, trg 181) tác giả bài viết Bão Cát là Nguyễn Mai Ninh. Lý do nào đã

làm nhà văn nữ được độc giả và giới sáng tác yêu thích hiện nay thay đổi tên tuổi 3 lần như vậy?

- Nếu giở số Hợp Lưu 36 đã đi truyện ngắn đầu tiên của MN thì chị Quỳnh Mai sẽ thấy là MN đổi tên tuổi còn nhanh hơn nữa: chẳng phải hai bài mang hai tên tác giả khác nhau mà hai tên trên cùng một truyện, Nguyễn Mai trên đầu và Nguyễn Mai Ninh ở cuối.

Điều này phải hỏi chủ biên tờ HL mới biết được vì sao. Thật ra khi viết *Ẩm Ướt Những Cơn Mưa* MN không để ý đến vấn đề bút hiệu hay tên tuổi gì, đề tên Nguyễn Mai như khi thư từ với một số người quen. Nhưng chắc anh Khánh Trường, chủ biên HL, lúc lay-out quên nên để tên thật. Hình như anh ấy có nhắc MN là trong nước đã có một nhà văn cũng tên Nguyễn Mai rồi.

Sau đó bạn bè bảo NMN dài dòng quá, cứ MN như họ thường gọi cho xong.

- Theo thống kê mới nhất của La Presse Canada 15/11/01. Mười lý do thúc đẩy chúng ta đọc sách:

a) Bồi đắp sự thông minh

b) Tạo ra sự tưởng tượng phong phú

c) Tăng sự hiểu biết

d) Có thể đi du lịch qua đọc sách

e) Cho phép độc giả tự đánh lừa giữa khoảng cách của sự sống và cái chết. Giúp độc giả chấp nhận sự hiện hữu – những ước muốn không thể thực hiện được –

f) Mang lại những điều tốt đẹp nhất, cho độc giả hiểu rằng bản thân con người không phải là một cái máy, mà là một "être vivant".

g) Đời sống đầy những nghịch lý. Đọc và viết xóa bỏ những nghịch lý ấy.

h) Đọc có khuynh hướng dẫn đến viết, là một trong những "sở thích và thú vui" đẹp nhất của con người.

i) Đọc và viết là hành động tự do, không bị ép buộc, là hành động "cho không". Điều "cho không biếu không" này trong đời sống rất khó xảy ra!

j) Từ đọc -> viết -> có thể mang lại cho tác giả một quyền lực (puissance) khi chính mình tạo dựng cốt chuyện và nhân vật.

Trong lời tựa của tác phẩm đầu tay, nhà văn Mai Ninh tuyên bố "Còn viết, hãy cứ viết đi, nếu không người đọc thì giữ đấy, có biến đi đâu. Rồi sẽ một ngày hoặc có thể chỉ khoảnh khắc sau, chỉ cần mình đọc lại mình. . .". Chị có đồng ý với 10 điểm thống kê trên hay không?

- Nói chung, MN đồng ý với đa số lý do tại sao đọc sách theo thống kê của La Presse Canada nhưng cũng có điểm không.

Người ta đọc sách để bổ túc sự hiểu biết, tìm giải đáp cho những điều mình gặp khúc mắc. Trừ trường hợp giản dị là thú tiêu khiển thì đọc khiến con người ít nhiều phải tư duy, và một khi đã dùng đầu óc hẳn nhiên không là cái máy nữa. Đúng là ta có thể du lịch qua sách vở, nếu còn có thêm óc tưởng tượng phong phú sẽ, chỉ qua những giòng chữ, nắm bắt dễ dàng hơn những hình ảnh, âm thanh, con người, đời sống thuộc về bao nơi chốn, cảnh thổ xa xôi, khác biệt. Đọc sách không những tạo ra sự tưởng tượng mà còn ảnh hưởng đến cách suy ngẫm và phát triển khả năng lý luận, phân tích.

MN đồng ý với lý do là đọc có khuynh hướng dẫn đến viết. Trong lúc đọc thế nào chúng ta cũng bắt gặp những cảnh tượng, những quan điểm mà chúng ta chia sẻ hoặc không đồng y vói tác giả. Từ chia sẻ, con người có thể cảm thấy còn nhiều thứ khác cũng cần được bày tỏ, đưa tới hành động viết. Bất đồng trong cảm nhận cũng có thể thúc đẩy người đọc cầm bút. Ngoài ra như đã nói, một khi đọc tạo thêm tưởng tượng thì nó dễ bắt nguồn cho hứng thú viết. Những nhận xét này cũng đúng cho người viết vì người viết là người cần đọc hơn cả.

Những điểm MN không hoàn toàn đồng ý:

MN không cho là đọc sách bồi đắp thêm sự thông minh, thông minh là một thiên phú, của trời cho như mình nói nôm na, của bẩm sinh. Ngoài lợi ích để tăng sự hiểu biết, đọc sách giúp con người phát triển hay giữ gìn trí nhớ, như một cách tập thể thao vận động bộ não mình vậy.

Viết có thể khơi ra những nghịch lý, còn đọc cho mình cơ hội nhận chân ra điều đó nhưng cả hai hành động này không chắc gì xoá bỏ được nghịch lý. Hơn nữa, trong đời sống, xoá bỏ chỉ là một điều tương đối.

MN cũng dùng sự tương đối này để nói về quyền lực của tác giả khi tạo dựng cốt truyện và nhân vật. Trước khi bắt đầu dĩ nhiên người viết nghĩ đến điều mình muốn bày tỏ qua cốt truyện và các nhân vật tạo ra. Nhưng lúc thực sự viết sẽ có nhiều vấn đề từ đâu xuất hiện mà tác giả lắm khi chưa nghĩ tới hoặc không ngờ trước. Chúng nảy sinh do tương tác giữa cốt truyện và văn phong, giữa bối cảnh và tâm tính lẫn tâm tình nhân vật, hay từ sự ma sát giữa các nhân vật nữa. Một khi nhân vật đã định hình nghĩa là có bản chất, tiếng nói riêng thì người viết không phải muốn điều khiển thế nào tùy ý. Văn chương cũng có cái lô-gích của nó.

.- Âm nhạc là một nghệ thuật tồn tại theo thời gian, nên thời gian là yếu tố căn bản của âm nhạc. Yếu tố này được phân biệt làm 3 thành tố: nhạc điệu (tempo), nhịp vận (meter) và tiết tấu (rhythm). Trong âm nhạc, hợp âm là một nhóm ba hay nhiều nốt nhạc đồng phát ra. Nhà văn Mai Ninh đã diễn tả được trọn vẹn một hợp âm của chính mình hay chưa? khi chị viết trong lời bạt "âm thanh lẫn hình ảnh, ý tưởng từ trí tâm cùng trổi dậy, so chạm lựa chọn để tìm ra một nhập trùng kết thành – hợp âm – trên mặt chữ)

- Hợp âm là một kết hợp của một nhóm nhiều nốt, nhiều âm được phát ra cùng một lúc. Sự thành công của một hợp âm trước nhất là sự hài hoà của những âm ấy. Nhưng trong nghệ thuật, hài hòa này phải tạo ra sức quyến rũ, sự mới lạ mới tồn tại. Chính tồn tại ấy là yếu tố thời gian. Một hợp âm trọn vẹn thì dư âm còn ở lại thật lâu với người nghe ngay cả khi nhạc khí đã ngừng.

Theo MN, viết là một đi tìm hợp âm giữa con chữ và những điều mình muốn viết ra (ý tưởng, âm thanh, hình ảnh, tâm tư...). Niềm vui, thích thú của người viết là lúc đang trên con đường ấy. Khi còn viết là còn trên một con lộ, bởi thế không thể nói đã tìm ra được một hợp âm hoàn tất của chính mình.

- Somerset Maugham đã từng tuyên bố "tiểu thuyết gia nào mà cứ nghĩ rằng mỗi chữ của mình viết ra đều có tính cách thiêng liêng rằng hễ bỏ đi một dấu phết, đổi chỗ một dấu chấm phết thì tác phẩm sẽ hỏng, là nhà ấy điên khùng" [1] *. Chị có đồng ý với lời tuyên bố của nhà văn đã từng ghé thăm Saigon hay không?*

- Trước hết MN nói thẳng, nếu đọc một tác phẩm nhiều lỗi chính tả, câu văn rườm rà, chấm phết ẩu thì MN bị mất nhiều hứng thú. Người viết không thể xem thường điều ấy, đó cũng là thể hiện sự không xem thường người đọc.

Còn người nào xem mỗi một chữ mình viết ra là thiêng liêng thì theo MN nếu không điên cũng quá cực đoan. Đành rằng trong một áng văn từ ngữ và những chỗ chấm phẩy rất quan trọng, để làm nổi bật, nhấn mạnh một ý tưởng, để làm cho câu văn mạch lạc rõ nghĩa hay đẹp, sắc sảo, trọn vẹn hơn. Tuy quan trọng là vậy, nhưng không phải suốt bài viết bất cứ chữ nào được sử dụng, trong bất cứ câu nào cũng là một cân nhắc, chọn lựa suy nghĩ nát đầu đến nỗi nếu dời đi một dấu phẩy sẽ làm hỏng cả tác phẩm. Chẳng lẽ giá trị của tác phẩm chỉ gom vào ở một chỗ có dấu chấm phết ấy thôi sao? Câu của Somerset Maugham từng khiến MN liên tưởng tới âm nhạc. Khi người nhạc sĩ đàn một bản nhạc nếu tuân theo chính xác từng đơn vị thời gian của

mỗi nốt, mỗi dấu lặng như tác giả đã ghi thì những âm thanh ấy sẽ ít nhiều bị đơn điệu, mất đi một phần độ rung cảm, còn đâu cảm nhận và tài năng riêng biệt của người nhạc sĩ. Để diễn tả những dòng nhạc của Lizt, Debussy, Chopin...có lúc người nhạc sĩ cần đánh nhanh hơn để biểu lộ sự dồn dập, thôi thúc, quên đi tempo trong khoảnh khắc, rồi sau đó thư dãn ra, trả lại hơi thở. Điều ấy được nghệ thuật âm nhạc cho phép, dĩ nhiên với điều kiện là phải bắt lại cho đúng nhịp ở cuối câu. Thí dụ này hẳn không liên quan gì đến lời tuyên bố của Maugham, nhưng để thấy là chính xác lẫn uyển chuyển, cả hai đều cần thiết trong mọi nghệ thuật.

- Tình Sầu của Kawabata Yasunari (tác giả Ngàn Cánh Hạc), kể lại chuyện tình của một văn sĩ nổi tiếng với nữ họa sĩ của trường phái tranh thủy mạc Nhật Bản. Vì sự phản bội "kiss and tell" của người yêu, nữ họa sĩ này đã chuyển hướng tình yêu sống với người học trò trẻ đẹp cùng phái tính. Trong tiểu truyện Mây Một Ngày [2], Mai Ninh cũng tả chân về sự liên hệ xác thịt của nhân vật Vân và Mây, hoặc trong Ẩm Ướt Những Cơn Mưa [3] với những mẫu tình ngắn ngủi của người đồng phái tính. Chị nghĩ sao về tình yêu này? Khi tả đoạn Mây và Vân, chỉ là do tưởng tượng hay từ kinh nghiệm có thật?! (đoạn văn tả rất "điệu nghệ")

- Trong tập truyện *Hợp Âm Trong Vùng Sân Khuất*, nhiều độc giả cho rằng Mây Một Ngày là một truyện ngắn viết về mối tình đồng tính như trong Ẩm Ướt Những Cơn Mưa. MN tôn trọng cảm nhận ấy của người đọc. Nhưng, với MN, chỉ Ẩm Ướt Những Cơn Mưa mới là truyện chủ tâm viết về đề tài này. Mây Một Ngày thì khác, rất khác. Suốt truyện không có một chữ "yêu" trong liên hệ giữa Mây và Vân. Nếu ở trên bề mặt của câu chuyện, cái gọi là tình trong MMN chính là chia sẻ, cho đi, dâng hiến và bù đắp nỗi đau khổ, trống vắng và thất lạc của một cô gái/ thiếu phụ có số phần may mắn dành cho người bạn thời thơ trẻ thân thiết của mình đang quẩn trí, bất lực trước định mệnh cay nghiệt. Còn đi vào trong phần ẩn, người ta đụng chạm cùng một lúc hiện tại và quá khứ, thời thơ thiếu lãng mạn xa xưa và bây giờ thiếu phụ với bức xúc trần lụy đa đoan, cuộc đời trong chiến tranh và sau khi nó chấm dứt, ra đi rồi trở về, người ta cũng thấy một vóc dáng đàn bà son phấn chợt ẩn chợt hiện bên cạnh một ni cô nâu sòng ra vào sân chùa u uẩn, tất cả đều trong cùng một không gian ấy. Thứ không gian hoàn toàn nhập nhoạng của buổi sáng năm giờ, của thành phố cúp điện cuối chiều trời đổ mưa giông, một đứng trưa loang nắng trên ruộng cỏ, một đêm lóng lánh vại nước, nhập nhòe đốm thuốc, hay một

khuôn mặt là mảnh vuông thẫm tối mang đốm nâu ở giữa nhòa nhòa. Vậy, Vân là ai và Mây là ai trong vùng không gian ấy? Khi không phân chia, tách biệt được Mây và Vân thì có thể nói đến chuyện đồng phái tính nữa chăng? Cũng từ đó, câu hỏi: những cảnh tả trong truyện là kinh nghiệm thật hay không? đã được trả lời. Vả chăng, MN thiết nghĩ, khi đã cảm cái đẹp của văn chương người ta không quan tâm đến nó phát xuất từ chuyện thực hay là do tưởng tượng nữa.

- Marguerite Duras đoạt giải thưởng Goncourt với tác phẩm L'Amant (Người Tình). Cho đến nay chưa một nhà văn nữ ngoại quốc nào đã thành công qua cách dùng bối cảnh Đông Dương lồng trong chuyện tình của mình để viết thành tác phẩm được xem là best seller của một thời. Cũng trong lời bạt chị viết "Nếu phần lớn các hành động của con người đều do tình yêu dẫn dắt và chi phối, thì viết, với tôi cũng vì lẽ ấy". Mai Ninh có ý định kể lại chuyện tình đẹp nhất của mình hay không?

- Nhìn quanh đời, MN vẫn thấy đa số hành động con người do tình yêu chi phối, nên hiểu tình yêu theo cái nghĩa rộng của nó. Mỗi lần MN ngồi xuống khởi sự một câu chuyện là lúc muốn viết ra những điều mình đang cảm xúc. Xúc động này có thể đến từ thương cảm của chính mình, hay từ tình yêu bắt gặp giữa con người, đời sống, cảnh vật chung quanh. Còn chuyện tình của mình, trong nghĩa tuyệt đối thì người ta chỉ biết được chuyện tình nào đẹp nhất ở giây phút cuối cùng, trước khi khép lại đời sống. Đối với MN, một chuyện tình khi đã gọi là đẹp thì nó đáng quí vô cùng và mình muốn giữ gìn, trân trọng, cho nó một chỗ ẩn náu rất riêng tư. Tuy nhiên, với người viết, một khi viết bằng cảm xúc thì không dễ gì tránh khỏi ảnh hưởng của một số xúc động đến từ tình yêu và cuộc đời của mình. Chúng sẽ lãng đãng trong những gì ta viết ra vì vốn có mặt thường xuyên trong ta rồi. Không nhất thiết phải đúc kết đem ra kể lại, viết thành một truyện. Còn như M. Duras đã thành công với chuyện tình đầu đời của bà, làm được một best-seller thì hay thôi.

- "Nghe từng mẩu chuyện, nhìn từng người bạn một, diện mạo thay đổi đã đành, tôi còn ngạc nhiên biết bao trước những thay đổi về cung cách, về con người. Hình như chẳng phải do thời gian, mà chính là đời sống và cách sống đã làm con người ta thay đổi đến như vậy" [4] *. Nếu không có thời gian, làm sao có sự tiếp nối về đời sống và cách sống. Mai Ninh có mâu thuẫn với chính mình khi viết như vậy không?*

- hông có sự mâu thuẫn trong đoạn văn này. Trong đời người thời gian như một dòng sông đưa thuyền, đưa người trôi đi. Nếu không có những ghềnh đá thì con thuyền sẽ bình lặng trôi từ thượng tới hạ nguồn cũng như con người sẽ bình thản đi qua ngày tháng, từ lúc sinh ra, lớn lên cho tới lúc già cả với cùng bản chất. Thời gian có tác dụng trên thể chất nhưng những thay đổi về tâm tính, cách suy nghĩ là do sự đụng chạm với môi trường, đời sống chung quanh. Những thứ này càng nhiều, càng dầy đặc hỗn độn bao nhiêu con người phải thay đổi để thích ứng bấy nhiêu. Cứ xem một người sống ở thôn quê giản dị, họ ít thay đổi hơn người thành thị.

- Nhà văn Mai Ninh hình như là rất tin định mệnh và nghiệp báo? Vì chị đã viết "Mày không biết con nít đến tao chữa, toàn là con của họ. Ấy! bọn chính khách chuyên dối gian thánh tướng nên lũ con thường ngọng cả!" [5]

- MN tin vào số mệnh nhưng thấy nghiệp báo thì huyễn hoặc, không kiểm chứng được. Câu viết trong truyện Bão Cát này chỉ là một cách nói của người đời, nói cho có chuyện,vậy thôi.

- Chị đã đến sa mạc Sahara và đã thực sự hưởng trận bão cát nào chưa? [6]

- MN đã chới với ngất ngư trong trận bão cát ở Sahara thời sinh viên, năm 23 tuổi. Thấy mình may mắn có được kinh nghiệm ấy.

- Người ta nói văn là người. Tác phẩm HATVSK là một hòa điệu giữa tình yêu đam mê và sự đau đớn vì tình yêu giữa người và người.

Hermann Hess (Nobel 1946) đã viết "Dù bị đau đớn quằn quại, tôi vẫn thiết tha yêu thương trần gian điên dại này" [7]*. Mai Ninh đã có lần nào cảm thấy thù ghét trần gian điên dại này trong lúc viết về sự đau đớn vì tình yêu giữa người và người không?*

- MN không thù ghét trần gian mà chỉ là thương cảm và nỗi buồn. Vẫn thường ngắm nghía trần gian như một quả bóng trong đó chứa đựng đau khổ nhiều hơn hạnh phúc và nó có thể vỡ tung ra bất cứ lúc nào. Nghĩ cho cùng, nếu không thương yêu trần gian thì nỗi đau sẽ bàng bạc chứ không quằn quại. Trong đoạn cuối "Câu chuyện của dòng sông", Siddhartha của Hesse thiền hơn, không phải "thiết tha yêu thương trần gian điện dại" mà " chỉ mỗi điều quan trọng là yêu lấy đời này".

.- Nhà văn Mai Ninh thật sự là ai?

Khi độc giả đọc được những dòng chữ "Tôi muốn được một lần trả lại cho anh sức nóng đốt cháy của tình cảm, chứ không phải, như anh nghĩ, tự bao giờ, trong tôi chỉ là thuần trí tuệ, một thứ trí tuệ giá băng lạnh lẽo. Đã lỡ làng rồi. Trí tuệ là chỉ biết nhận lấy. Tình cảm là thanh thản cho đi" [8]

- Một người trần gian, mang hệ lụy. Càng đi sâu vào cuộc đời, phần trí tuệ càng nhường chỗ cho tình cảm. Ngay như đang làm việc khoa học bỗng nhảy vào viết cũng là tự vướng thêm ràng buộc mặc dù MN không thích hai chữ này chút nào cả.

- Concerto là một hình thức viết cho dàn nhạc và thường có một nhạc cụ độc tấu như piano hay violon. Chị có nhắc đến – Come back to Sorrento – Concerto 26 Mozart [9] *. Mai Ninh có sử dụng piano hay violon không?*

- MN học piano hồi còn nhỏ, trước khi học đánh vần. Nhưng một thời gian bệnh nặng lúc khoảng 12 tuổi và một phần do hoàn cảnh đã phải bỏ cả học chữ lẫn học đàn. Sau đó đi du học, không có thời giờ tập đàn cho đúng đắn nữa. Bây giờ chỉ thỉnh thoảng ấn vài nốt cho đỡ nhớ.

- "Sau lần tự tử hụt thứ nhứt. . . Đó là một chứng từ rõ rệt, là cáo trạng gắt gao về những sự băng hoại mà con người không được phép che đậy, không thể để đào thoát" [10] *Hiện nay theo thống kê mới nhất, thanh thiếu niên là thành phần có chỉ số tự tử cao nhất. Nhà văn Mai Ninh nghĩ gì về việc – tự hủy hoại đời sống – của giới trẻ?*

- Việc tự hủy đời sống của thanh thiếu niên luôn luôn làm MN rất đau lòng. Tuổi trẻ là một thân cây còn xanh mướt, đầy mầm non, đang chờ đợi để nẩy nở thành cành thành lá, thành sự sống, đẹp đẽ và sinh động biết bao. Không có sự sống vươn lên ấy, thế giới này sẽ tan biến trong u buồn và già cả. Khi một người còn trẻ bị bệnh hay tai nạn chết đi ta đã thấy định mệnh phi lý, nên đứng trước sự tự vẫn của một thanh thiếu niên ta càng đau đớn bàng hoàng. Từ lâu nay các nhà tâm lý, xã hội học rất chú trọng đến hiện tượng này, tìm hiểu những nguyên nhân ngỏ hầu ngăn giảm sự tự vẫn đó. MN nhiều lần trò chuyện với giới trẻ: con MN, bạn bè chúng, với sinh viên của mình thì chúng cùng xác định phần lớn hành động tự vẫn do thất vọng tình cảm, thêm vào đó là thiếu sự thông cảm của gia đình. Nhưng tại sao càng ngày càng tăng, cũng như thời nay tình trạng dépression "khủng hoảng tinh thần" nhiều hơn thời trước? Như vậy rõ ràng là vấn đề thời đại. Đời sống văn minh lôi con người nghiêng về phần vật chất, con

người phải chạy theo phương tiện nhiều hơn. Và sự mất thăng bằng trên phương diện nào cũng có thể làm cho chúng ta trở nên mong manh, dễ bị thương tổn.

- Tác phẩm đầu tay HATVSK của Mai Ninh tràn đầy những sóng biển, màu xanh của nước biển, cát biển . . . Mỗi tác giả đều có một phần đời liên hệ mật thiết với trăng, đá, tuyết . . . Tại sao chị nhắc đến biển nhiều lần trong hầu hết những truyện ngắn?

- MN sinh ở Saigòn và lớn lên trong thành phố ồn ào chật hẹp ấy. Bản tính thích du lịch, mơ tưởng tới những phương trời xa. Trong thời niên thiếu mỗi lần được đi xa là về đồng quê như Mỹ Tho, ra biển là Vũng Tàu, xa nhất là Đà Lạt. Miền quê khung cảnh yên bình nhưng cũng hạn hẹp dù có là ruộng thẳng cánh cò bay. Đồi núi cao nguyên đẹp, hùng vĩ trong mắt nhìn thuở ấy nhưng giữa rừng người ta cô độc. Còn biển, con người nhỏ nhoi trước biển thật nhưng biển vừa bao la vừa bao dung. Mình có cảm tưởng khi chìm vào trong nó bao nhiêu hệ lụy cuộc đời sẽ được tan đi, rừng thì giữ lại.

- Ngày 11-9-2001 xảy ra biến cố lịch sử về khủng bố tại Hoa Kỳ. Lúc ấy nhà văn Mai Ninh đang ở đâu? làm gì? phản ứng đầu tiên ra sao? Cảm giác như thế nào?

- MN nhớ rất rõ, lúc ấy khoảng 4 giờ chiều bên Pháp, đang ngồi trước máy tính và cho chạy một chương trình vẽ các nguyên tử trong một cấu trúc của chất siêu dẫn. Ngoài hành lang rộng, một số đồng nghiệp tụ họp sửa soạn ca cà phê buổi chiều. Một cô sinh viên làm luận án đi đâu về, chạy hộc tốc vào và hớt hải nói, cô nghe đài phát thanh trên xe mới hay có mấy phi cơ cảm tử khủng bố đã lao vào hai toà nhà World Trade Center Nữu Ước và Ngũ Giác Đài ở Hoa Thịnh Đốn. Cô ta bảo hình như còn mấy máy bay nữa đã bị nhóm khủng bố cướp nhưng chưa biết họ sẽ tấn công vào đâu .Vì chưa thấy hình ảnh trên truyền hình nên không tưởng tượng nổi sự kiện kinh hoàng đến tầm mức nào. Điều sợ hãi đầu tiên là nghĩ đến thế chiến có thể bùng nổ bởi những hành động điên loạn.

- Một phụ nữ Mỹ gốc Việt, bà Kathy Nguyễn, nạn nhân thứ tư qua đời vì bệnh than (Anthrax). Được mô tả là người hiền lành, ngoan đạo, sống độc thân tị nạn tại New York. Mai Ninh, một người làm trong ngành khoa học từ hơn 30 năm qua, có thể cho biết ý kiến về bệnh Anthrax. Và theo chị, cuộc sống của chúng ta nói chung có còn giống trước biến cố 11-9-01 nữa không?

- Đối với kẻ khủng bố thì người hiền lành ngoan đạo hay dữ dằn vô thần cũng như nhau. Trong hành động của họ, càng giết được nhiều người, càng gây được chấn động bao nhiêu càng tốt. Nhưng đối phó với hành động cực đoan, tàn ác là đừng rơi vào sự khiêu khích cố tình của họ. Về bệnh anthrax thì MN cũng như chị Quỳnh Mai, như các thính giả đều được những người nghiên cứu trong ngành vi khuẩn, sinh học cho biết những tác động và hậu quả của nó. Thật ra khi đã nói đến độc tố thì chất nào cũng ghê gớm. Có những thứ truyền nhiễm thật nhanh chóng và giết người trong chớp nhoáng như anthrax hay vi khuẩn đậu mùa, có những thứ nạn nhân chết dần vì các tế bào trong cơ thể bị biến hóa từ từ như trường hợp các độc tố hoá học, hay bị nhiễm phóng xạ. Đó là chưa kể trong hai trường hợp cuối, ảnh hưởng còn di truyền tới thế hệ sau. Những trái bom nguyên tử, những chất nổ hoá học cũng giết người độc hại như anthrax vậy thôi.

Nói chung tinh thần chúng ta, nhất là những người đang sống trong các nước yên bình đều bị tổn thương, lắm người vẫn không ngừng hỏi tại sao lại có thể xảy ra một điều khủng khiếp như thế trên đất Mỹ. Đã nhiều nhà chính trị, bình luận gia báo chí, những người nghiên cứu về tôn giáo, về vấn đề thế giới...đưa ra những trả lời. Chỉ có điều, dù với tất cả những trả lời đó, một người thường dân đường phố, không tham vọng quyền lực chính trị hay kinh tế, không tôn thờ một thần thánh chủ nghĩa nào, vẫn chưa hiểu được tại sao hận thù lại tới mức này. Chẳng biết sẽ có một lúc nào không, họ hiểu được điều gì đã xảy ra. Sau biến cố 11 tháng 9, người thường dân đặt bao câu hỏi. Trong đó có một thắc mắc như thế này: Những đàn áp man rợ, những đớn đau của dân tộc Afghanistan mà các nhà lãnh đạo cường quốc, báo chí, média trên thế giới đang tung ra hằng ngày để cho mọi người thấy là phải tức thời giải phóng xứ sở này ra khỏi những thống khổ ấy, là những điều không mới lạ gì. Người đường phố không biết đã đành, nhưng họ, ít nhất, họ đã biết từ 4, 5 năm nay khi tập đoàn Taliban lên cầm quyền, nhưng tại sao không có tiếng gọi khẩn thiết, cứu nguy cho dân tộc Afghanistan ngay từ lúc ấy? mà phải đợi đến bây giờ, với cái chết của mấy ngàn công dân cường quốc?

Chúng ta không thể còn như trước vì càng ngày chúng ta càng thao thức bởi bao nhiêu câu hỏi tại sao và làm thế nào.

- Là một người hoạt động trong lãnh vực khoa học, chị có tin vào sấm truyền Nostradamus không? (sau 11/9/01, sấm Nostradamus bàn về New City đã lan tràn trên internet!)

- Sấm truyền Nostradamus hay sấm Trạng Trình cũng chỉ là những điều người ta cố ý gán ép vào những biến cố, những sự kiện khi chúng đã xảy ra rồi. Vì thế MN không mấy quan tâm.

- Sự thành công ngoài sức tưởng tượng của tác phẩm Harry Potter trong giới sáng tác (40 triệu độc giả) cũng như điện ảnh đã đưa J.K.Rowling từ một bà mẹ độc thân nghèo nàn nuôi con trong căn phòng không sưởi tại Ái Nhĩ Lan, trở thành người giàu có nổi tiếng khắp thế giới. Điều này khẳng định-được chỗ đứng quan trọng của người phụ nữ trong mọi lãnh vực hoạt động, nhứt là trong lãnh vực sáng tác.

Mai Ninh có đồng ý không? Chị nghĩ gì nếu có một người phụ nữ VN đoạt giải Nobel đi vào văn đàn quốc tế?

- Một buổi chiều trên đường phố Việt Nam, MN mua một tập sách dịch Harry Potter. Trước đó đã dự định đọc cho biết nhưng chưa có thời giờ, nay cô bán báo mời nên mua. Nhưng đọc vài trang xong bỏ đó. Mới đây MN có xem phim, vui và được hơn hai giờ giải trí thích đáng. Rồi nghĩ lại thấy phục bà Rowling. Dùng điện ảnh để dựng một phim thần tiên đầy ảo thuật không khó, nhưng dùng chữ mà diễn tả đến độ lôi cuốn được bao triệu người đọc vào một thế giới huyễn hoặc thì đấy là tài năng. Nếu có thời giờ, MN sẽ tìm đọc nguyên tác hay bản dịch sang Pháp ngữ xem sao, vì đã không đọc bản tiếng Việt rồi.

MN không bao giờ nghi ngờ khả năng của phụ nữ, nên không nhất thiết phải chờ có sự thành công của Harry Potter để khẳng định chỗ đứng quan trọng của người đàn bà. Dĩ nhiên sẽ rất vui mừng và hãnh diện khi một người Việt Nam, bất kể phái nam hay nữ, đoạt giải Nobel, hoặc một giải thưởng đáng kể khác.

- 18 năm sống tại quê hương và hơn 30 năm sống trên đất Pháp. Mai Ninh yêu quê hương nào hơn? VN hay Pháp quốc?

- "Yêu quê hương" là sao?

Là sống và chết tại nơi đó? Thời gian MN sống trên đất Pháp gần gấp đôi ở VN. Và vẫn tiếp tục đây, đến khi nào? Chẳng biết. Còn chết ở đâu? Không chắc chi có thể chọn lựa. Nhưng mỗi lần nhớ tới mẹ mình đau đáu một ước muốn yên nghỉ trong lòng quê hương thì MN không khỏi rơi nước mắt.

Hay "Yêu quê hương" là nhớ thương khôn nguôi về nơi đó, thấy mình là một giọt nước của dòng sông ấy ? Dù muốn dù không, đời sống lôi con người theo dòng chảy của nó, cuốn mình vào trong không

gian thực tại của xứ sở mình đang có mặt. Nhưng thực là MN không thấy mình hoàn toàn rơi chìm, hoà tan vào một nơi nào cả. Khi ở nơi này MN nhớ nơi kia. Có lẽ đó là tâm trạng chung, thật sự chênh vênh, của những người ở thế hệ MN chăng? Những người luôn luôn xao xuyến bùi ngùi trước một lời hát gì của Trịnh Công Sơn: chẳng biết nơi nao là chốn quê nhà.

Nhưng có một điều rõ rệt, VN là nơi ám ảnh và làm MN nặng lòng nhất, như với một người thân yêu mà mình vương mắc một món nợ tinh thần.

LÊ QUỲNH MAI *thực hiện*

Chú thích:

(1) – Kiếp người – Of Human Bondage – bản dịch Nguyễn Hiến Lê, trg 10, Văn Nghệ xb 1988
(2) - HATVSK, trg 15, Thời Mới xb 2000
(3) - HATVSK, trg 94
(4) - HATVSK, trg 24
(5) - HATVSK, trg 24-25
(6) - HATVSK, trg 23
(7) - Câu Chuyện Dòng Sông – Đường Về Nội Tâm
(8) - HATVSK, Bão Cát, trg 42
(9) - HATVSK, trg 44
(10) - HATVSK, Ngồi Mãi Bóng Đêm, trg 82



Ngày... Tháng...

TRIỂN LÃM TRANH KHÁNH TRƯỜNG & KỶ NIỆM 12 NĂM TẠP CHÍ HỢP LƯU

Thủy Tiên *ghi*

Ảnh **Etcetera / Lâm Quang / Ký Con**

Ngày 8 tháng 12 năm 2002, tại Mimi Studio (do họa sĩ Etcetera điều hành, thuộc thành phố Westminster , California , USA), 120 tranh sơn dầu của họa sĩ Khánh Trường được trưng bày, nhân tuần lễ kỷ niệm thập nhị chu niên tạp chí Hợp Lưu. Theo tin tức đăng trên các nhật báo và tuần báo uy tín tại Nam Cali (Người Việt, Việt Báo Kinh Tế, Viễn Đông, Sàigòn Nhỏ, Việt Tide ...) và tại San Jose , Bắc Cali (Việt Mercury) thì đây là cuộc triển lãm cá nhân lớn nhất của một họa sĩ Việt Nam, kể từ 26 năm qua tại hải ngoại. Lớn, vì số lượng tranh được trưng bày. Lớn, vì lượt khách thưởng ngoạn (theo nguyệt san MIMI New , chỉ trong ngày 8.12.2002, từ lúc mở cửa đến lúc bế mạc, đã có tổng cộng trên dưới 800 lượt người xem. Và lớn, vì số lượng tranh được bán (30 bức bán tại chỗ, 8 bức từ các tiểu bang khác, quốc gia khác).



Sở dĩ cuộc triển lãm gặt hái được thành quả này, là nhờ vào nỗ lực miệt mài nhiều tháng của họa sĩ/chủ biên KT, nhưng chắc chắn cũng nhờ vào lòng ưu ái của độc giả đối với tạp chí Hợp Lưu; từ sự vận động, quảng bá hết sức tận tình của các cơ sở truyền thanh, truyền hình và báo chí hải ngoại, nhất là Little Sagon Radio, VNCR Radio, Truyền hình & Radio Việt Nam hải ngoại, đài VOA, đài Á Châu Tự Do, đài RFI (Pháp), nhật báo Người Việt, nhật báo Viễn Đông, nhật báo Việt Báo Kinh Tế, tuần báo Việt Tide, tuần báo Việt Mercury, Thời Báo, Đông Phương... đã nhiều tuần, nhiều ngày không ngừng đưa tin, chạy quảng cáo, phỏng vấn, nhắc nhở thính giả đến với buổi sinh hoạt. Mimi studio thay mặt ban tổ chức gửi đến quí cơ sở lời cảm ơn chân thành. Chúng tôi cũng không quên cảm ơn quí độc giả, văn hữu của HL đã có mặt trong buổi sinh hoạt, đặc biệt những vị đến từ xa; các ca sĩ, nghệ sĩ thân hữu đã góp vui trong chương trình văn nghệ.

Trong buổi khai mạc, nhiều anh chị em nghệ sĩ các ngành đã lên diễn đàn phát biểu ý kiến cùng cảm tưởng của mình, với phòng tranh, với tạp chí HL, với KT, như họa sĩ/nhà văn lão thành Tạ Tỵ, nữ nghệ sĩ điện ảnh Kiều Chinh, ký mục gia Bùi Bảo Trúc, nhà lý luận Trương Vũ, nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, luật sư /nhà biên khảo Nguyễn Hữu Liêm, nhà báo Ngô Vương Toại (đài Á Châu Tự Do), nhà văn Hoàng Khởi Phong, nhà báo chủ nhiệm kiêm chủ bút hệ thống tuần báo Sàigòn Nhỏ Hoàng Dược Thảo. Điểm đáng ghi nhận, nội dung phát biểu của bà HDT đã gây sôi nổi và hứng khởi cho buổi sinh hoạt. Bà

nói: Trong quá khứ, dưới bút hiệu Đào Nương, tôi đã từng nhiều lần không đồng ý với lập trường của HL. Cho đến hôm nay, lập trường đó vẫn không thay đổi. Theo bà, đã nói đến giao lưu thì phải có sự đồng thuận hai chiều, không lý do gì ta đăng tải bài vở của các nhà văn trong nước, trong lúc họ lại tẩy chay bài vở của chúng ta... Tuy nhiên, vẫn theo bà, chúng ta đang sống trong một xã hội tự do, mọi người đều có quyền bày tỏ lập trường, quan điểm của mình, không vì lập trường, quan điểm ấy mà chúng ta xem nhau như những kẻ xa lạ. Bằng chứng, dù không bằng lòng với chủ trương của HL , tôi (Hoàng Dược Thảo) vẫn cho ông KT mượn nơi này để trưng bày tranh và tổ chức tuần lễ kỷ niệm 12 năm tồn tại của tạp chí Hợp Lưu (*Chú thích: Vì diện tích của MIMI studio quá nhỏ, không đủ chỗ trưng bày 120 bức tranh, có bức chiếm trọn một vách tường, nên nhà báo Hoàng Dược Thảo đã vui vẻ cho ban tổ chức mượn tạm phòng sinh hoạt của tuần báo Sàigòn Nhỏ ở tầng hai, và những bức tường trống dọc cầu thang, hai bên hành lang - Tòa soạn Sàigon Nhỏ nằm cùng buillding với MIMI Studio...*)

Để độc giả ở xa có được một cái nhìn tổng quát, chúng tôi xin trích đăng vài hình ảnh và vài bài phát biểu của các nhà báo, nhà văn, nhà lý luận... trong đêm sinh hoạt.

Phát biểu của ký mục gia Bùi Bảo Trúc:





Nhà văn Tạ Thái và nhà thơ Nguyễn Thị Minh Thủy
(cạnh bức "Ký ức" Tạ Thái đã chọn mua)

KHÁNH TRƯỜNG

Bùi Bảo Trúc

Mấy năm trước , khi được yêu cầu nói về Khánh Trường, chúng tội đã đứng lên nói về một con người đạo hạnh, xứng đáng làm gương cho tất cả mọi người trong chúng ta.

Nghe xì xào ở dưới, chúng tôi nhìn lại mới biết là đọc lầm tờ giấy giới thiệu Đức Đạt Lai Lạt Ma khi ngài ghé ngang thủ đô.

Lần này, để tránh những lầm lẫn đó, chúng tôi đã phải viết xuống cẩn thận hơn. Lại nữa, có nói lầm thì quí vị cũng biết ngay. Đức Đạt Lai Lạt Ma có mái tóc rất khác ông Khánh Trường .

Khánh Trường sinh năm 1948 ở một nơi nào đó tại Việt Nam, một chi tiết không quan trọng vì giọng nói , các dấu hỏi ngã của ông khiến ông khai sinh ra ở nơi nào cũng không thể coi là đúng được. Ông tên thật là Nguyễn Khánh Trườn — không có G. Ông chỉ đổi tên viết thêm chữ G ở cuối sau khi học đến năm thứ hai của bậc tiểu học.

Cách đánh vần tên của ông đã ở lại với ông từ đó. Và cũng ở luôn với ông là những lỗi chính tả trong các truyện ngắn của ông và tờ báo mà ông làm tất cả mọi công việc của một chủ bút, chủ nhiệm,

người đánh máy bài vở, trình bày tờ báo, liên lạc với các thân chủ quảng cáo, các độc giả dài hạn.

Mới đây, tờ Hợp Lưu của ông đã đỡ đi rất nhiều lỗi chính tả. Ông gọi đó là Nổi Buồng Chấn Tã. Ông tìm ra được một cách viết Việt ngữ chính xác hơn bằng một qui luật riêng ông đặt ra: Đó là định viết G thì bỏ đi. Nghĩ là không có G thì thêm vào. Cuối cùng nghĩ là C thì viết xuống bằng T. Âm mưu viết chứ T thì đổi sang C. Nghĩ là dấu ngã thì đánh dấu hỏi và ngược lại.

Tờ Hợp Lưu ông giữ đến nay đã 12 năm. Đã mấy lần ông định giao Hợp Lưu lại cho một nhóm bạn nhưng việc giao Hợp Lưu vẫn không thể làm được, vì không ai có thể là một người nhiều tài và ba đầu sáu tay như ông.

Người ta có thể thích tờ Hợp Lưu hay có thể không thích tờ báo này. Nhưng mọi người phải công nhận Khánh Trường là một người có công và có lòng. Không ai có thể tiếp tục làm công việc vừa khó vừa vô ơn bạc nghĩa như tờ Hợp Lưu. Ở hải ngoại thì nó bị coi là một tờ báo của Việt Cộng. Ở trong nước thì nó bị coi là một tờ báo của bọn phản động hải ngoại. Trong một chuyến về Việt Nam, Khánh Trường bị công an gọi lên năm lần bẩy lượt để làm việc, mở đóng ngoặc kép hết ở Sài Gòn lại ở Hà Nội chỉ vì ông làm tờ Hợp Lưu.

Nếu tờ báo của ông là một tờ báo của Việt Cộng thì ông đã không bị đối xử như thế.

Hôm nay chúng ta gặp nhau ở đây để kỷ niệm với Khánh Trường 12 năm tờ Hợp Lưu.

Tờ Nam Phong sống được 14 năm từ 1919 đến 1934. Tờ Phong Hóa được 5 năm từ 1932 đến 1937. Tờ Ngày Nay được 6 năm từ 1935 đến 1941. Đó là những tờ báo đã tạo những tiếng vang, những ảnh hưởng lâu dài trong làng báo Việt. Tờ Hợp Lưu, sau này, khi văn học không còn bàn tay lông lá của



Họa sĩ biếm họa Đinh Hiển (Hĩm)



Nhã Ca (nhật báo Việt Báo Kinh Tế) & Đỗ Ngọc Yến (nhật báo Người Việt)

chính trị và chủ nghĩa dính vào, sẽ nhất định có chỗ đứng đích đáng của nó.

Một mình Khánh Trường đã đẩy tờ Hợp Lưu được 12 năm từ năm 1990 đến nay. Một mình làm đủ tất cả các việc. Ông nên và xứng đáng được khuyến khích và giúp đỡ để đời sống tờ báo này dài hơn tờ Nam Phong, vì nó đã dài hơn đời sống của cả hai tờ Phong Hóa và Ngày Nay hợp lại.

Hãy giao Hợp Lưu cho Khánh Trường ít nhất thêm 12 năm nữa. Việc đó, chỉ độc giả của tờ báo này làm được. Chúng ta hãy giúp Khánh Trường làm công việc ông được trao phó.

Đó là Khánh Trường nhà báo.

Khánh Trường họa sĩ còn ghê khiếp hơn nữa. Một phòng tranh độc diễn one man show với 120 bức tranh cho thấy sức làm việc của ông. Đó là không kể những bức ông đã bán đi, không còn giữ lại được nữa.

Người đàn ông này làm thế nào vừa đi chơi với bạn bè, vừa làm tờ báo vừa vẽ được như vậy?

Ông là người có làm việc, thực sự làm việc. Ông vẽ tĩnh vật, ông vẽ chân dung, ông vẽ tranh siêu thực, ông vẽ rất hiện thực. Ông vẽ phụ nữ ra phụ nữ và giống phụ nữ hết sức. Ông vẽ tranh Thiền. Ông

vẽ triết lý. Ông vẽ những bức tranh không tiện treo trong phòng khách. Rồi ông lại vẽ những bức rất thích hợp để bầy trong phòng khách. Phụ nữ trong tranh của ông rạt rào sự sống. Có người quằn quại đau đớn trong hạnh phúc. Có người thách đố sức hút của trái đất. Có người ngơ ngẩn như đang đi tìm kiếm hốt hoảng vài ba thứ vừa mất. Có những bức treo ngoài hành lang cạnh những căn phòng nhỏ chỉ liếc qua là biết căn phòng ấy dành cho nam hay nữ.

Ông là một người đàn ông đa tài hiếm có, làm gì cũng hết mình. Ông là một người có sức sống khủng khiếp hơn cả anh chàng Zorba trong tiểu thuyết của Nikos Kazantzakis. Ông tài hoa và chịu chơi hơn nhiều.

Xin chào mừng Khánh Trường. Chúc ông tiếp tục sống và sáng tác sung mãn.

BÙI BẢO TRÚC

Phát biểu của nhà lý luận Trương Vũ:

SỰ THÀNH TỰU CỦA NHỮNG SUY NGHĨ BÌNH THƯỜNG

Trương Vũ

Cách đây hơn 25 năm, tôi rời bỏ quê hương trên một ghe đánh cá nhỏ, từ cửa biển một thành phố, nơi tôi đã sinh ra và lớn lên. Kể từ đó, tôi lần lượt chứng kiến những đổi thay kinh hoàng của thế giới, nói chung, Việt Nam, nói riêng. Cũng như cảm nhận được biết bao thay đổi ngay chính trong tôi. Sáu tháng trước, tôi trở lại quê hương sau hơn một phần tư thế kỷ xa cách. Thoạt tiên, tôi không nhận ra những con đường cũ, không nhận ra bất cứ một khuôn mặt quen thuộc nào trên những con đường đó. Tôi có cái cảm giác của một anh Rip Van Winkle, một buổi đẹp trời xách súng đi săn, khi mệt nằm lăn ra ngủ, lúc tỉnh dậy thấy râu dài tới rún, tóc bạc phơ, cỏ dại phủ kín nòng súng đã rỉ sét. Nhìn quanh, chẳng còn thấy làng mạc thân quen. Cuối cùng thì anh thợ săn cũng hiểu, thực ra làng mạc của anh vẫn còn đó, nó chỉ khác đi theo thời gian thôi.

Sau hai mươi lăm năm, thành phố của tôi đã thay đổi, thay đổi một cách kinh hoàng. Nhà cửa, phố xá, xe cộ, đời sống, con người, sao mà khác xưa đến vậy! Có rất nhiều cái đổi thay không tưởng tượng nổi. Tuy nhiên, khi sự bàng hoàng qua đi, định tâm lại, tôi dần dần



Nguyễn Xuân Hoàng cạnh bức "Tịch dương hồng"

nhận ra cũng có những cái không hề đổi thay, và không thay đổi một cách cũng khó tưởng tượng nổi.

Cuối cùng rồi thì tôi cũng gặp lại rất nhiều người thân yêu cũ. Tôi gặp lại dì tôi, các chị tôi, các cháu tôi, các thầy giáo, bạn bè, và những học trò cũ. Trong khung cảnh ấy, cái anh Rip Van Winkle là tôi dĩ nhiên vô vàn xúc động. Có rất nhiều điều để nói với nhau, có những phút cùng nhau im lặng, có vô số câu hỏi phải trả lời, cũng như, có không ít câu hỏi đã được đặt ra. Trong số không ít những câu hỏi đó, có một câu tôi đã nêu lên với một số bạn bè mới, hầu hết là những người tôi rất kính trọng. Đó là những người, do hoàn cảnh đặc biệt, đã phải tự nuôi dưỡng đời sống tinh thần của họ bằng những sáng tác văn học nghệ thuật của chính họ, cùng những sáng tác văn học nghệ thuật có giá trị của người khác. Câu hỏi tôi nêu lên thật ra rất tầm thường, vô duyên nữa là khác. Đó là, tại sao ở trong nước không có một tạp chí như Hợp Lưu ở hải ngoại? Ý tôi muốn nói đến một tạp chí văn học đăng tải những sáng tác, những tiểu luận bằng tiếng Việt thuần túy dựa trên giá trị văn chương và trí thức, mà không coi trọng cái địa chỉ hay nghề nghiệp trong quá khứ cũng như hiện tại của người viết. Tôi đã nhận được nhiều trả lời tế nhị, hầu hết là để giúp tôi tự tìm ra lời

giải. Cái lời giải mãi đến lúc ấy, qua nhiều lần tự vấn, tôi vẫn không mảy may hài lòng. Tôi từng nghĩ, một câu hỏi đơn giản như thế, nhưng để tìm được câu trả lời, sao mà gian nan và phức tạp đến vậy!

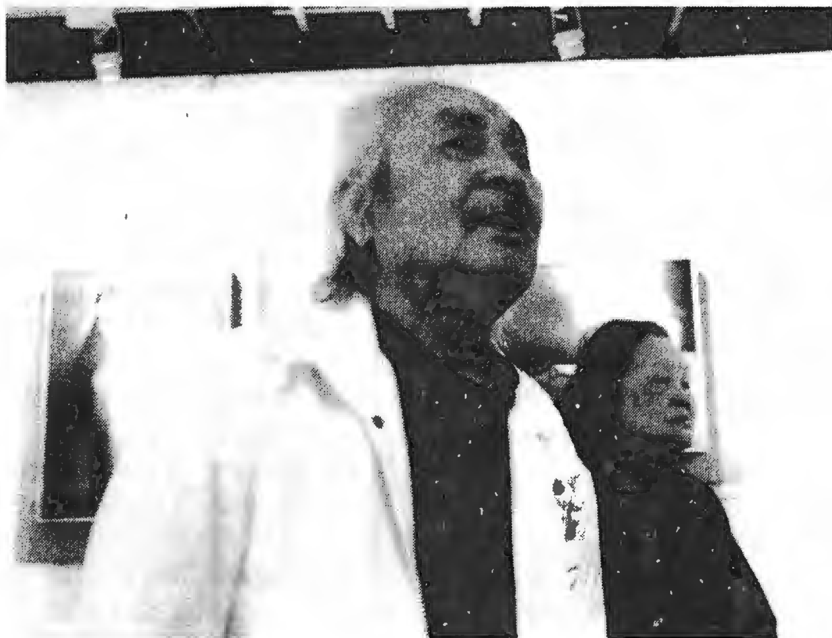
Tôi nhắc lại câu chuyện trên chỉ để nhân đó trình bày một số suy nghĩ tản mạn xung quanh sự ra đời, cùng bao nhiêu rắc rối, thăng trầm, và những thành tựu của tạp chí Hợp Lưu ở hải ngoại.

Hợp Lưu chào đời cách đây gần trọn mười hai năm, số ra mắt phát hàng đầu tháng 10, 1990. Từ 1989 đến 1991 là khoảng thời gian mà không một người Việt Nam nào có thể quên được, kể từ sau biến cố 1975. Cái dấu ấn của 1975 càng trở thành mờ nhạt so với 1989. Khoảng thời gian đó, thế giới rung chuyển. Rung chuyển đến độ có những quyền lực tưởng chừng như bất tận, vụt chốc tan biến. Có những đổi thay chính trị và xã hội tưởng chừng chỉ có trong mơ bỗng trở thành thực tại, cũng như, có những cái từ thực tại trở về lại trong mơ. Và, dĩ nhiên, cũng có những ước ao thay đổi, đặc biệt đối với người Việt, vẫn luôn luôn chỉ có được trong mơ mà thôi.

Văn học Việt Nam hải ngoại được hình thành và nuôi dưỡng bởi những nhà văn lưu vong và những người yêu văn học, ngay từ những năm đầu tiên người ty nạn Việt Nam định cư trên đất nước này. Nó đã trải qua rất nhiều khó khăn trong những năm đầu, và dần dà đã đạt



Người mẫu/ca sĩ/xướng ngôn viên truyền thanh truyền hình/nhà báo Thanh Thảo



Anh chị họa sĩ / nhà văn Tạ Tỵ

được nhiều thành tựu đáng kể. Những thành tựu ấy, phần lớn, do sự đam mê của người viết. Trước biến cố 1989, đã có nhiều nhà văn Việt Nam, trong nước hay hải ngoại, xây dựng các tác phẩm hay viết lên những suy nghĩ biểu lộ được sự nhạy cảm của nhà văn về những đổi thay chắc chắn phải có của nhân loại trong những ngày sắp tới. Năm 1989, một số nhà văn hải ngoại, trong đó có nhiều người sau này trở thành cộng tác viên chủ lực của Hợp Lưu, cộng hưởng được với những nhạy cảm của đồng nghiệp của mình ở trong nước, đã hình thành một tuyển tập phê bình và nhận định văn học mang tên là *Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương*. Buồn thay, bên cạnh sự đón nhận nồng nhiệt của số đông độc giả thầm lặng, tuyển tập này đã bị một thiểu số cực đoan khác tẩy chay. *Trăm Hoa Vẫn Nở Ttrên Quê Hương* bị "treo cổ", bị kéo lê vòng vòng giữa phố Bolsa, và những nhà văn hải ngoại góp mặt trong tuyển tập bị lên án là "bọn giao lưu văn hóa". Không đầy một năm sau, tạp chí Hợp Lưu ra đời.

Từ ấy đến nay, nhiều nỗ lực văn học và nghệ thuật xuất hiện trong cộng đồng VNHN, tích cực lẫn tiêu cực. Số lượng thì rất nhiều và thật khó để đánh giá tất cả, cũng như, thật khó để có một nhận định đơn giản. Chẳng hạn, tại vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, trước đây có ba nhà sách lớn, và những buổi ra mắt sách được tổ chức khá thường

xuyên. Sự tham dự của cộng đồng vào các nỗ lực ngăn chặn "bọn giao lưu văn hóa" cũng được xem là rất thành công. Thế nhưng, đến hôm nay, vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn không còn một nhà sách nào cả, đúng nghĩa một nhà sách, kể cả một nhà sách trước kia rất quyết liệt, không bày bán bất cứ sách vở nào của "bọn giao lưu văn hóa", nay cũng không còn nữa. Nếu phải đưa ra một nhận định đơn giản thì tôi chỉ có thể nói được như thế này: Từ 1975 đến nay, CĐVNHN đã có rất nhiều thay đổi không tưởng tượng nổi, nhưng đồng thời cũng có những cái không thay đổi, một cách cũng không tưởng tượng nổi. Trong bối cảnh ấy, chúng ta thử nhìn lại, suốt mười hai năm qua, tạp chí Hợp Lưu đã tồn tại thế nào:

1. TCHL phát hành mỗi tháng hai số, mỗi năm 6 số. Gần trọn 12 năm nó cho ra đời đúng 62 số.

2. Bài vở của HL được lựa chọn dựa trên tiêu chuẩn chất lượng, nghĩa là dựa trên giá trị văn học nghệ thuật. Địa chỉ cư trú hay nghề nghiệp của tác giả trong quá khứ cũng như hiện nay không chi phối vào chọn lựa đó. Cốt lõi tinh thần của HL chính là ở điểm này.

3. TCHL đã trải qua rất nhiều khó khăn, do thiếu hụt tài chánh,



Ngô Vương Toại & Quỳnh Hương

nhân sự cùng phương tiện, nhưng hình thức và nội dung của HL vẫn luôn luôn được chăm sóc tối đa. Nhìn trọn 62 số báo của 12 năm qua, rất khó ai biết được số nào đã thành hình vào những lúc khủng hoảng nhất của tạp chí.

4. TCHL đã chịu nhiều áp lực chính trị và dư luận từ nhiều thành phần khác nhau trong cộng đồng, họ không đồng ý với nội dung hay chủ trương của tạp chí này. Những áp lực đó không nhỏ. Nhưng cho tới nay, không có bài vở nào bị loại bỏ vì thế. Sự loại bỏ, nếu có, là do nội dung của bài viết không thích hợp với một tạp chí đặt nặng trên giá trị văn học nghệ thuật. Trong suốt 62 số HL , lượng và chất của bài vở dành cho mỗi số vẫn luôn dựa trên tiêu chuẩn ấy, cho dù được phát hành vào những lúc chịu nhiều áp lực nhất.

5. Bài vở đăng tải trên HL biểu lộ tinh thần đa nguyên của một sinh hoạt văn học có khuynh hướng tiếp thu những ý thức khác nhau về nghệ thuật. Càng không có những đối xử phân biệt dựa trên lập trường cá nhân về chính trị hay tôn giáo.

6. TCHL tập trung được nhiều nhất về bài vở của những tác giả được đánh giá cao của văn học VN hiện đại, kể cả trong lẫn ngoài nước.

7. TCHL đã tạo được một diễn đàn cho những tranh cãi nhiệt



Kiều Chinh cạnh bức "Tĩnh vật" chị chọn mua



Tranh trưng bày hai bên lối đi

tình và thẳng thắn về các vấn đề gay go nhất của văn hóa, văn học nghệ thuật VN. Những tranh cãi nhiều khi rất sôi nổi, tạo nên những nét sinh động cần thiết cho một nền văn học VN có chất lượng, trong một hoàn cảnh đặc biệt của một cộng đồng mà số người đọc tiếng Việt càng ngày càng vắng. Nét sinh động được duy trì mà vẫn không ảnh hưởng tiêu cực đến phong cách văn học của tạp chí.

8. TCHL chắc chắn có phạm nhiều khuyết điểm, nhưng điều đáng được ghi nhận ở đây là Ban chủ biên luôn luôn chứng tỏ nỗ lực làm tốt hơn, nỗ lực lắng nghe những phê phán. Kết quả quan trọng nhất là càng ngày TCHL được nhiều người cộng tác hơn, và được nhiều người tìm đọc hơn.

Cuối cùng, tôi muốn nhấn mạnh đến một điểm quan trọng, vẫn thường được xem là mấu chốt của nhiều nguồn dư luận ca ngợi hay công kích tạp chí HL. Đó là "Chủ trương giap lưu văn hóa". Trái với nhiều người, tôi không cho rằng TCHL đã làm gì để đáng được hay bị gọi là "giao lưu văn hóa". Bởi một lẽ rất đơn giản, tự bản chất, văn hóa, văn học phải có tinh thần giao lưu. Văn hóa, văn học không giao lưu là một thứ văn hóa, văn học ao tù. Chúng ta thừa hiểu, những sáng tạo quẩn quanh trong ao tù thì khó có thể làm nên văn hóa, văn học giá trị. Khen hay chê tạp chí này vì đã làm cái công việc giao lưu văn hóa,



Một góc hội trường trong buổi kỷ niệm thập nhị chi niên HL
(hàng đầu: Nhã ca, anh chị Tạ Tỵ, Kiều Chinh, Nguyễn Tà Cúc, Viên Linh)

văn học, chẳng khác nào khen hay chê một người nào đó đã đi bằng hai chân của mình mà không đi bằng hai tay.

Những thành tựu của HL kể trên, thật ra chỉ là thành tựu của những người yêu văn học nghệ thuật, muốn làm văn học nghệ thuật bằng sự đam mê, bằng tinh thần sáng tạo, nhưng đồng thời cũng bằng những suy nghĩ rất bình thường của con người, cho đời sống cá nhân, và đời sống cộng đồng. Yêu văn học nghệ thuật thì cố làm cho được những tác phẩm tốt, làm cho tới nơi, làm một cách bền bỉ. Yêu tác phẩm của mình thì cũng phải biết tôn trọng tác phẩm của người khác. Muốn dành cho mình cái tự do được suy nghĩ theo cách của mình, được làm văn học theo cách của mình, thì cũng phải biết tôn trọng tự do của người khác, được suy nghĩ theo cách của họ, và làm văn học nghệ thuật theo cách của họ. HL chỉ có nghĩa là hợp lại một cách bình đẳng những giá trị khác nhau và để người đọc, người thưởng ngoạn phê phán hay chọn lựa từng công trình riêng lẻ .

Sự thành tựu của HL 12 năm qua chỉ là sự thành tựu của những suy nghĩ bình thường, của rất nhiều người yêu thương văn học nghệ thuật một cách bình thường. Nhưng sự thành tựu đó chắc chắn sẽ không có được như ngày hôm nay, nếu nó thiếu vắng một người. Tôi

muốn nói đến người chủ biên của tạp chí suốt 12 năm qua.

Anh là một chủ biên tuyệt vời, một họa sĩ nhiều năng lực, một nhà văn có tài. Làm bất cứ công việc gì anh cũng hết lòng với công việc đó. Hết lòng với tạp chí của anh, hết lòng với hội họa, hết lòng với bạn bè. Rất nhiều cái để khen ngợi anh, cả cái hết lòng của anh với những chuyện không liên quan gì đến công việc anh đang làm... Người ta đã nghe nói rất nhiều về một KT viết, vẽ, làm báo, người ta cũng đã nghe nói không ít về một KT giang hồ, bạt mạng trong ăn nhậu, trong giao du, trong những quan hệ... - nói theo ngôn ngữ của anh - linh tinh... Nhưng ở đây, hôm nay tôi chỉ muốn ngợi khen anh một điều: nhờ nỗ lực của KT suốt 12 năm qua mà chúng ta không lúc nào cần phải đặt câu hỏi, như tôi đã từng đặt, với một số những cây bút trong nước trong lần về thăm quê hương sáu tháng trước: "Tại sao không có một tạp chí HL ở hải ngoại?"

Tôi cầu mong HL sống thật lâu. Nhưng trên hết, tôi cầu mong bài vở trên HL còn sống lâu hơn tuổi thọ của tạp chí này. Bởi vì cuối cùng, chúng ta đều hiểu, đó mới chính thật là mơ ước bình thường của tất cả những người đã và đang làm văn học nghệ thuật.

TRƯƠNG VŨ



Nhà văn Hoàng Khởi Phong

NÓI CHUYỆN VỚI HS KHÁNH TRƯỜNG NHÂN NGÀY HỢP LƯU TRÒN 12 TUỔI.

Nguyễn Ngân *(Việt Báo Kinh Tế)*

Ngày 8 tháng 12 năm 2001, tại MIMI Studio Họa sĩ Khánh Trường đã trưng bày 120 họa phẩm đủ kích cỡ, và cũng là ngày kỷ niệm Hợp Lưu tròn 12 tuổi.

Trong dịp này, ngoài độc giả của Hợp Lưu, rất đông anh chị em trong giới hội họa và văn chương đã có mặt, nhiều người đến từ xa.

Hai hôm sau, chúng tôi gặp lại anh để thực hiện cuộc nói chuyện này.

Tôi phân vân không biết phải gọi Khánh Trường là gì, và nên bắt đầu từ lĩnh vực nào: hội họa, văn chương hay báo chí? Vì lĩnh vực nào anh cũng có một chỗ đứng và cũng có nhiều điều để nói. Thôi thì, giữa căn phòng vây bọc nhiều màu sắc này, tôi nghĩ, nên bắt đầu với Khánh Trường qua lĩnh vực hội họa là hợp lý nhất.

*



Nhã Ca, Đỗ Ngọc Yến, Kiều Chinh, Bé Ký



Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng & nhà văn Lê Thị Thấm Vân

- *Tôi biết anh rất ngại nói về cái "tôi", tuy nhiên, dù sao thì anh cũng nên phác họa đôi nét về mình, để làm quen cùng những độc giả chưa quen.*

- Quả, tôi rất ngại nói đến cái "tôi". Lý do giản dị: chả có gì đặc biệt đáng nói cả! Bố mẹ tôi gốc Bắc, bố tôi là một họa sĩ, đồng môn với các họa sĩ nổi tiếng thời tiền chiến, như Nguyễn Đỗ Cung, Lương Xuân Nhị... Rất tiếc, ông không thành danh. Có lẽ vì vậy, buồn, ông đưa mẹ tôi giang hồ khắp nơi. Năm 1948, ông bà lưu lạc đến miền Trung Việt Nam, nhằm thời kỳ tiêu thổ kháng chiến, bố mẹ tôi theo chân đoàn người tản cư đến một thôn ấp nhỏ thuộc quận Tam Kỳ, và... sinh rơi ra tôi trong một trường tiểu học. Sau này, như một định mệnh đã an bài, tôi mang tên (Nguyễn) Khánh Trường. *Khánh*: chữ đầu của thôn ấp ấy, xã Khánh Thọ. *Trường*: ngôi trường tiểu học nơi mẹ tôi chuyển dạ sinh ra tôi.

Tôi học tiểu học rồi trung học tại Đà Nẵng, sau đó luân lạc nhiều nơi, cuối cùng định cư tại Sài Gòn.

Do ảnh hưởng của bố, tôi mê vẽ và vẽ từ nhỏ. Nhưng mãi đến năm 16 tuổi tôi mới thực sự "hành nghề". Đó cũng là năm tôi bán được bức tranh đầu tiên. Năm 21 tuổi, sau trận Lam Sơn 719, Hạ Lào, tôi bị



Họa sĩ Ann Phong

thương. Lúc nằm bệnh viện, tôi viết một tùy bút, kể lại một cảnh trạng thương tâm chính mắt tôi chứng kiến, tùy bút này được gửi đến tuần báo Khởi Hành, nhà thơ Viên Linh, chủ bút tuần báo này, đã chọn đăng. Từ đó, tôi tiếp tục sống với họa họa và văn chương.

Tôi đã xuất bản 4 tác phẩm viết riêng và 4 tác phẩm khác viết chung với các văn hữu, cũng như đã có khá nhiều cuộc triển lãm chung và riêng tại Việt Nam, Malaysia, Philippine và nhiều nhất là tại Mỹ.

- Từ nhỏ, anh đã làm quen với màu sắc, khung vải, anh có thể cho biết vài ý kiến về sinh hoạt hội họa của VN trước, sau 75. Cũng như quan điểm của anh về nghệ thuật tạo hình (có lẽ chúng ta nên tóm gọn trong giới nghệ sĩ Việt Nam).

- Trước 75, do hoàn cảnh qua phân của đất nước, tôi không được biết nhiều về nền hội họa miền Bắc. Riêng tại miền Nam, sau 1954, nhiều họa sĩ di cư từ miền Bắc, điển hình như Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Duy Thanh, đã khởi xướng và làm nên phong trào, đưa hội họa VN hội nhập vào nền nghệ thuật tạo hình hiện đại thế giới. Giai đoạn tiếp theo, hội Họa Sĩ Trẻ ra đời cùng với các tài năng mới như Mai Chững, Nguyên Khai, Nghiêu Đề, Hồ Hữu Thủ, Trịnh Cung, Nguyễn Đồng, Hồ Thành Đức, Lâm Triết... Lớp trẻ này đã đóng góp rất nhiều cho nền nghệ thuật VN, đi từ phôi thai đến chỗ định hình và trưởng thành, tạo nên một dấu mốc quan trọng trong lịch sử tạo hình VN. Sau biến cố 1975, nhiều người trong số những "họa sĩ trẻ" trên ra được hải ngoại, họ tiếp tục làm việc. Nhưng có lẽ do hoàn cảnh kinh tế, cùng những giới hạn khách quan lẫn chủ quan, những họa sĩ này không thể hội nhập vào sinh hoạt hội họa tại các quốc gia sở tại, phần lớn, chỉ

quẩn quanh trong cộng đồng của mình.

- *Nguyên nhân nào đã thúc đẩy anh từ cầm cọ sang cầm viết?*

- Như hội họa, tôi cầm viết khá sớm. Cũng có lẽ do ảnh hưởng gia đình. Bố tôi thích đọc, ông có một tủ sách lớn, tủ sách này tôi đã ngốn hầu hết ngay từ lúc còn học tiểu học và những năm đầu trung học, dù thực thà mà nói, rất nhiều thứ tôi chưa thể tiêu hóa nổi vào thuở ấy. Song song với chuyện đọc, từ những năm 12, 13, tôi đã tập tành viết văn, làm thơ. Những bài thơ nổi tiếng nhất của Xuân Diệu, Tế Hanh, Lưu Trọng Lư, Tố Hữu, Thâm Tâm, Nguyễn Bính... tôi từng thuộc nằm lòng. Năm 14 tuổi, một bài luận văn của tôi được giáo sư Nguyễn Văn Xuân chọn đăng trong đặc san của trường Phan Thanh Giản, mà hầu hết các cây bút cộng tác đều là học sinh đệ nhị cấp. Giáo sư Nguyễn Văn Xuân lúc đó đã là nhà văn, nếu tôi nhớ không lầm, đã có một tác phẩm được xuất bản, đó là cuốn tiểu thuyết *Bão Rừng*. Giáo sư Xuân có lẽ cũng là người dấy lên trong tôi ước muốn viết văn, qua một câu nói, mãi đến nay tôi vẫn còn nhớ: "Khá lắm, em có triển vọng trở thành... nhà văn!" Ngày nay, khi đã bước qua tuổi trung niên, tôi nghiệm ra câu nói ấy trở thành một dấu ấn đậm nét mang tên định



Họa sĩ Lương Văn Tỷ & Họa sĩ Ngô Bảo
(Trong phòng tranh tầng 1)



Họa sĩ Nguyễn Đình Thuần (góc phải - trong phòng tranh tầng 2)

mệnh. Tôi không biết nên cảm ơn hay nên... trách giáo sư Nguyễn Văn Xuân đã cấy vào người tôi con...vi trùng văn chương, khiến cho đến chết, tôi nghĩ, sẽ vẫn còn lao đao vất vả vì nó! Từ "tác phẩm" đầu tay ấy, mỗi lúc tôi mỗi lún sâu hơn vào thế giới chữ nghĩa.

Sau này ra hải ngoại, đọc sách báo, tôi nhận thấy có một số hiện tượng tôi không mấy thích, vì vậy tôi đã viết một truyện ngắn có tựa là "Có Yêu Em Không?". Truyện ngắn này gây ra nhiều phản ứng từ độc giả. Cũng từ những phản ứng này, tôi tiếp tục viết, dần dà, sau nhiều năm, những tác phẩm ra đời, và ngoài danh xưng họa sĩ, người ta còn gọi tôi là nhà văn. Thú thực với anh, cho đến lúc này, tôi vẫn không nghĩ mình là một nhà văn, bởi theo tôi, in được vài ba cuốn sách, viết được vài mươi bản văn, chưa hẳn đã là nhà văn. Chúng ta vẫn thường, hoặc vô tình hoặc hữu ý, lạm dụng hai chữ nhà văn. Làm nhà văn, nào dễ dàng đến thế.

- *Động lực nào đã thúc đẩy anh khai sinh tờ Hợp Lưu?*

- Đã nhiều lần, qua các cuộc phỏng vấn của báo chí, truyền thanh, truyền hình khắp nơi trên thế giới, tôi từng trình bày: Vào khoảng năm 1989, chị Nguyễn Mộng Giác từ Việt Nam sang, anh Giác muốn dành nhiều thì giờ để lo cho gia đình, nên đã giao lại tạp chí Văn

Học cho ba chúng tôi: tôi, nhà văn Cao Xuân Huy, nhà thơ Trịnh Y Thư (sau này được thay thế bởi nhà văn Hoàng Khởi Phong). Trong quá trình làm việc, tôi thường bày tỏ quan niệm văn chương phải vượt trên chính trị. Chính trị chỉ có tính cách giai đoạn, văn chương thì miên viễn và độc lập. Vì vậy, tôi đề nghị nên chọn và đăng cả các tác phẩm có giá trị của các nhà văn trong nước. Đề nghị này không được đồng thuận. Đó là lý do khiến tôi tách khỏi Văn Học, cùng với các anh chị em văn hữu khác, Nhật Tiến, Đặng Tiến, Trần Vũ, Phan Tấn Hải, Lê Bi, Nguyễn Hương, Đỗ Kh., Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Vũ Huy Quang, Vũ Quỳnh Nh., Đỗ Hữu Tài, Thân Trọng Mẫn, Trương Vũ, Thụy Khuê... khai sinh tờ Hợp Lưu. Hợp lưu, nơi đồng qui mọi dòng chảy, không cứ gì Việt Nam nội địa, mà của bất cứ trường phái nào, quốc gia nào, chủng tộc nào.

- *Anh có tiên đoán được HL sẽ gặp nhiều sóng gió vì đã đi trước quá xa? Anh có chuẩn bị để đối phó với cơn bão ấy hay không?*

- Dĩ nhiên trong thời điểm ấy, cái thời điểm mà hàng ngày, trước cửa các văn phòng bán vé máy bay về Việt Nam, người ta trưng cờ, biển ngữ hô hào tẩy chay; cái thời điểm mà những cuốn sách có khuynh hướng giống Hợp Lưu bị cột dây kéo lê và đốt cháy ra tro



Nhà lý luận Trương Vũ



Ký mục gia Bùi Bảo Trúc

trong các parking lot, thì việc làm của chúng tôi bị chống đối là lẽ tất nhiên. Thế nhưng, như tôi đã trả lời anh Phạm Long của đài Little Sài Gòn vài hôm trước đây: trước kia tôi là quân nhân của binh chủng Nhảy Dù, câu "châm ngôn" đầu môi mà bất cứ anh lính ND nào, từ sĩ quan cấp tướng, tá đến binh nhì đều phải thuộc nằm lòng. Đó là "Nhảy Dù cố gắng". Nhờ truyền thống ấy, cộng thêm tí máu lì, đã định làm cái gì thì quyết làm bằng được, nên tôi đã gồng mình chịu đựng và duy trì HL cho đến hôm nay.

- *Như đã nói, anh biết sẽ gặp chống đối, vậy anh có chuẩn bị để đương đầu hay không?*

- - Thực sự, tôi không chuẩn bị già cả. Do cảm quan nhạy bén của một nghệ sĩ, tôi thấy việc làm ấy đúng thì tiếp tục làm, đến đâu hay đến đó, đến đâu giải quyết đến đó.

- *Sau 12 năm (được xem là khá thọ trong bối cảnh hải ngoại), anh có dự phóng gì trong những năm sắp tới?*

- Tôi không dám xác quyết HL còn sống đến ngày nào, nhưng tôi có thể mạnh dạn nói với anh cùng độc giả của tôi, rằng: Ngày nào tôi còn sức lực, ngày nào tiếng Việt trên quê người còn được sử dụng, còn được viết và đọc, thì HL vẫn sẽ còn được duy trì.

- *Chúng tôi nhận thấy cuộc triển lãm của anh rất thành công. Nhưng có "chua xót" chăng khi anh phải thú nhận đã cật lực làm việc trong hơn tám tháng ròng rã, chỉ để mong bán được một số tranh hầu nuôi sống HL . Sao anh lại ưu ái với cái đã làm anh mất ngủ, lao đao nhiều năm, nhiều tháng?*

- Vẽ là nghiệp của tôi, tôi đã vẽ, đang vẽ và sẽ còn tiếp tục vẽ. Tuy nhiên, ý định thực hiện cuộc triển lãm này để tích vốn nuôi dưỡng HL nẩy sinh là vì, khoảng tám tháng trước, do nhiều nguyên nhân khách quan, tiền cước bưu điện tăng, tiền in ấn cũng tăng do giấy in lên giá... HL vốn đã lao đao càng lao đao hơn. Đã có lúc tôi không kham nổi, bày tỏ ý hướng "dẹp tiệm" với một vài văn hữu thân quen. Tất cả đều phản đối, họ âm thầm quyên góp, người năm bảy chục, kẻ một hai trăm, gửi về tòa soạn, buộc tôi phải duy trì diễn đàn này, nhất định đừng để mệnh chung (nhân đây, tôi xin gửi lời chân thành cảm ơn rất đông anh chị em văn hữu trên khắp thế giới, nhất thời tôi không nhớ tên hết, đã tận lòng lo cho HL bằng sự đóng góp của mình trong năm vừa qua). Cảm động trước tấm lòng của anh chị em, đồng thời cảm thấy không am tâm khi nghĩ chính mình bày cuộc chơi, giờ, bắt anh chị em đã đóng góp bài vở, lại còn phải đóng góp thêm



Họa sĩ Hồ Thành Đức & nhà văn Trúc Chi (xoay lưng)



Ông Võ Tháng Tiết (Nxb Văn Nghệ), KT, nhà văn Phùng Nguyễn
(Phòng tranh lầu 2 trước giờ khai mạc)

tiền bạc. Chơi thế thì chơi với ai?!. Từ băn khoăn ấy, tôi nảy ra ý định vẽ tranh, triển lãm, bán với giá thật rẻ, để tích vốn cho HL .

- *Một số khách tham dự triển lãm đã đùa là anh đã bất công với màu sắc so với chữ nghĩa, anh nghĩ sao?*

- Bất công? Tôi không hiểu. Tôi vẽ tranh để bán. Dùng tiền bán được cho mục đích gì, đó là việc của tôi. Vấn đề là tranh tôi có được thích, và giá cả có vừa phải không, để khách thưởng ngoạn có thể bỏ tiền ra mua. Khách vui vì mua được tác phẩm họ ưng ý, tôi vui, vì qua việc bán tranh, tôi đủ tiền nuôi Hợp Lưu trong tương lai. Nghĩa nào đó, đôi bên cùng có lợi. Thế thì có gì để phải gọi là bất công?

- *Sau triển lãm này, anh có dự tính gì khác? Tôi muốn giới hạn câu hỏi ở lĩnh vực hội họa.*

- Khoảng 3 tháng nữa, cũng tại nơi này, tôi sẽ trưng bày 40 tác phẩm mới, mang chủ đề Lesbien and Gay (Đồng Tính). Tôi muốn đề cập đến một hiện tượng xã hội đã có từ rất lâu. Hiện tượng này dù muốn dù không chúng ta cũng phải quan tâm, đó là một thực tế không thể phủ nhận. Ở dây không có vấn đề bênh hay chống, mà tôi chỉ cốt đưa ra một khía cạnh trong muôn nghìn khía cạnh cực kỳ đa dạng của

đời sống. Tôi quan niệm nghệ sĩ phải luôn luôn và mãi mãi là những kẻ khai phá. Giậm chân tại chỗ, hay quẩn quanh mãi trên những lối mòn, tôi cho là cái tối kỵ đối với người sáng tạo, trong bất cứ lĩnh vực nào.

- *Du Tử Lê, trong một bài viết, đã gọi anh là "con người bị một ám ảnh bất toàn trong văn chương và đời sống". Anh có gì để để trả lời Du Tử Lê và mọi người chung quanh?*

- Du Tử Lê muốn nói, tôi là người luôn luôn gây ra những ngộ nhận trong đời sống cũng như trong văn học, hội họa. Khi xem tranh tôi, người ta chỉ chú ý đến những bức tranh khỏa thân, và cho rằng tôi là một họa sĩ "chuyên trị" những hình tượng thiếu áo quần! Họ quên rằng vẽ khỏa thân chỉ là một khuynh hướng rất nhỏ trong quá trình sáng tác của tôi. Bằng chứng, trong số 120 tác phẩm được trưng bày ở triển lãm này, chỉ có ba bức khỏa thân. Trong văn chương cũng vậy, người ta chỉ khai thác phần nóng bỏng dục tình mà không lưu ý đến phần ngầm nằm dưới những con chữ! Ngộ nhận càng lớn hơn khi đề cập đến lĩnh vực báo chí tôi đang làm, người ta không quan tâm đến ý hướng kết hợp, xóa bỏ hận thù để đưa văn học đồng qui về một mối: cái Đẹp, mà chỉ chú tâm vào chuyện tranh chấp Quốc Cộng. Trong nước cho tôi là nhân viên CIA, nhạc sĩ Diệp Minh Tuyền thuở còn sống đã viết cả một bài dài để xác minh điều này với độc giả nội địa, sau này được ông in thành sách. Lần về nước năm 1995, tôi bị "làm việc", từ Sài Gòn đến Hà Nội tổng cộng 11 ngày, bởi những "chức sắc" cao cấp nhất trong ngành phản gián VN. Ngoài nước bảo tôi "nằm vùng", vào những năm đầu của HL, đi đến đâu tôi đều bị tẩy chay, biểu tình đến đó, và hàng đêm, tôi phải nghe đến ù tai những cú điện thoại hăm dọa, đòi "thanh toán". Nói cách khác, người ta đã bỏ rơi văn chương, đã mặc cho văn chương lớp áo thô nhám sần sùi của chính trị. Bước qua lĩnh vực đời thường, ngộ nhận cũng nổi cộm: Ra đường, gặp bạn bè, tôi nhậu nhẹt, ăn tục nói phét, cười cợt vui đùa không giữ ý. Vì vậy, đã không ít người phê phán: "Tên ấy mà viết văn, vẽ vời, làm báo được thì cũng lạ!" Người ta nào thấy được, khi về nhà, tôi làm việc cật lực hàng đêm đến một hai giờ sáng: vẽ bìa cho các nhà xuất bản (anh vào hiệu sách hẳn thấy, 80% bìa sách ký tên KT), đọc sách, báo, bản thảo, làm HL, vẽ tranh, đi chợ, vác gạo, mua hành tiêu muối ớt, luyện tập thể dục, khí công... Du Tử Lê cho rằng đó là những mâu thuẫn, bất toàn trong đời sống của tôi. Du Tử Lê yêu bạn mà nói thế, riêng tôi, chả quan tâm nhiều đến dư luận. Tôi làm cái tôi thích, tôi sống như tôi muốn sống. Làm và sống hết mình. Đó là cá tính của tôi.



Luận sư/nhà biên khảo Nguyễn Hữu Liêm (đeo kiếng, ngồi giữa)

- *Anh đã tỉnh táo bước qua những ngộ nhận đó, như Hoàng Khởi Phong đã nói: Rất bực Khánh Trường khi thấy hắn chả nể nang ai cả, nhưng không thể không yêu mến hắn. Anh có muốn nói gì với những người đã hiểu anh như thế?*

- Trong câu hỏi của anh đã có câu trả lời rồi. Người ta có thể rất bực tôi do tính bộc trực, nhưng người ta không thể không cảm thấy hình như tôi... vô hại. Tôi nói năng và hành động mạnh mẽ. Có lẽ vì thế mà tôi thường tạo ra những điều bất ưng cho một số người. Không thích ai, ghét điều gì, tôi nói thẳng. Nói không xong, chửi tục, thậm chí có lúc còn đòi thi triển võ công! Cũng may, nói xong, chửi xong, tôi quên ngay, không bao giờ để bụng. Nhờ vậy, sau đó, những anh em bị tôi "búa" nhận thấy tên này phổi bò, ruột để ngoài da không đáng ngại, nên dễ dàng bỏ qua. Bằng chứng, anh thấy, tôi có rất đông bằng hữu, ở khắp nơi trên trái đất. Danh môn chính phái, bàn môn tả đạo, hắc bạch nhập nhằng, già trẻ bất phân..., không thiếu "trường phái" nào, thế hệ nào (lại xin mở một dấu ngoặc: nhiều bạn trẻ tuổi đời chưa bằng tuổi con gái út tôi - con trai đầu của tôi đã 34 rồi đấy!- gặp tôi,

vẫn "anh anh em em" rất đỗi thân gần). Tôi rất sợ khi nhìn thấy nhiều ông bà văn nghệ sĩ lúc nào cũng cố sắm cho mình một khuôn mặt "vừa nghiêm vừa buồn cộng thêm tí xa vắng", làm như phải vậy thì mới tương xứng với sứ mệnh đang mang vác; làm như phải vậy thì mới "lớn", bằng không, sẽ bé tẻo teo! Hẳn anh đã từng gặp mỗi sáng trong quán cà phê không ít nhà văn, nhà thơ, nhà báo, họa sĩ... mặt mày lúc nào cũng trầm trọng, lúc nào cũng đang trăn trở thai nghén một đại tác phẩm nào đó mà "ở chốn nhân gian không thể hiểu". Một đại tác phẩm, tốt quá, nhưng việc gì phải khó đăm đăm thế kia cơ chứ?

- *Sau cùng, anh muốn nhắn gì với người biết anh qua tranh, người biết anh qua chữ?*

- Xin cảm ơn tất cả, không có quí vị, không có một người viết và vẽ mang tên KT .

NGUYỄN NGÂN

Thực hiện tại MIMI Studio ngày 10- 12 - 2001

Ngày... Tháng...

Cách đây trên dưới 7 năm, một bài thơ của Đỗ Kh đăng trên tạp chí này đã gây dị ứng mạnh từ một số độc giả và vài văn hữu. Bài thơ ấy sử dụng nhiều từ "không thanh nhã", "thô tục", "hoàn toàn vắng bóng chất thơ". Trường hợp trên lại vừa tái diễn, đó là bài thơ "Âm hộ địt" của tác giả Trần Minh Quân, nằm ở hai trang 192-193, Hợp Lưu Xuân Nhâm Ngọ (số 61), phát hành đầu tháng 12/2001. Lần này, tuy phản ứng không mạnh như lần trước, nhưng, với tư cách chủ biên, tôi nhận thấy có bổn phẩn phải lên tiếng, hầu tránh những ngộ nhận đáng tiếc cho tác giả Trần Minh Quân, cũng như cho tờ báo này nói chung, và người quyết định chọn đăng (KT) nói riêng.

Trước hết, xin tác giả bài thơ cho phép tôi giới thiệu vài dòng về cô (*cô*, không phải *anh* hay *ông* hay *thằng* như ngộ nhận của những vị đã dị dứng với "Âm hộ địt").

Trần Minh Quân năm nay 21 tuổi, đang theo học năm cuối phân khoa Giáo dục tại Mỹ. Cô là một trường hợp khá điển hình, xứng đáng tiêu biểu cho nỗ lực phấn đấu hướng thượng của một con người. Quân rời VN theo bố mẹ sang Mỹ năm 10 tuổi. Trước đó, vì hoàn cảnh quá đỗi cơ cực của gia đình, cô không được đến trường. Hàng ngày Quân phải phụ mẹ lựa, xếp, bó lá chuối (để gói bánh chưng, bánh tét...) đem ra chợ bán. Cô bé chỉ thực sự biết đến sách vở sau ngày định cư ở Mỹ.

11 năm trôi qua, cô bé ấy giờ đây đã trở nên một con người khác, hoàn toàn khác. Tuần trước, từ Chicago sang chơi California, Quân cùng hai người bạn trẻ, dưới sự hướng dẫn của nhà văn Phùng Nguyễn, đến thăm tôi tại tòa soạn. Nhìn người thiếu nữ có mái tóc cắt ngắn, khuôn mặt xinh xắn thông minh, cử chỉ có lúc dường như thiếu tự tin, có khi hơi bướng bỉnh, và nhất là nghe giọng cười giòn giã không điệu đàng, tôi có thiện cảm ngay, dù thứ tiếng Việt "giả cầy" cô dùng rất dễ gây cho người đối thoại cảm tưởng khó chịu. Bằng trực giác của một nghệ sĩ, và bằng kinh nghiệm của một người đã quá tuổi "ngũ thập tri thiên mệnh", tôi dễ dàng nhận ra ở thiếu nữ này một tâm hồn khá phức tạp. Cái "dường như thiếu tự tin" ở cô có lẽ bắt nguồn từ tuổi thơ kém may mắn. Nhưng xuyên qua tia mắt lấp lánh phía sau cặp kính cận, tôi lại nhìn thấy một nghị lực, một ý chí vượt thắng mạnh mẽ. "Em tự học tiếng Việt qua bạn bè, có chi không đúng anh đừng chấp" (cô xưng "em", gọi tôi bằng "anh". Có lẽ vì cô xưng như thế với Phùng, và vì thấy Phùng gọi tôi bằng "anh"). Cũng qua lần giao tiếp này, tôi biết cô đọc khá kỹ các tác giả VN trong nước, Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài... và nhất là các tác giả trẻ. Đặc biệt, Bùi Hoằng Vị là người cô thích nhất. Một cô bé "chỉ biết sơ sơ chữ Việt" (lời cô tâm sự), thế mà chỉ sau 11 năm, vừa theo kịp chương trình đại học tại Mỹ, vừa tự học ngôn ngữ mẹ đẻ, để có thể đọc và hiểu sâu sắc những tác giả VN có tầm cỡ, duy điều ấy thôi, cũng đủ cho chúng ta cúi đầu khâm phục. Tôi cũng còn biết thêm, sau khi tốt nghiệp tại Mỹ, cô sẽ về VN (dưới sự bảo trợ của nhà văn Trần Thị Ngh.) ghi danh học thêm một năm tại Đại học sư phạm, hầu "trau dồi thêm tiếng Việt".

Bài thơ "Âm hộ địt" tôi nhận qua email trước khi gặp Trần Minh Quân, và trước khi biết tác giả là thiếu nữ. Đọc bài thơ, tôi thích thú vì phong cách diễn đạt táo bạo, dù chữ nghĩa không được trau chuốt cho lắm. Thông thường, như hầu hết mọi lần gặp gỡ với các tác giả mới có bài đi trên HL, tôi luôn phải chịu đựng sự "tra tấn" rất dài hơi của họ, về tác phẩm họ đã khai sinh, về "mạch ngầm" nằm dưới bản văn họ đã thai nghén... Thế nhưng, ở Trần Minh Quân, điều ấy không xảy ra. Suốt cuộc gặp gỡ, tôi và cô chưa một lần đề cập đến bài thơ "Ân hộ địt". Nghĩa là, có thể cho đến bây giờ tôi nghĩ Trần Minh Quân vẫn còn thắc mắc không biết tôi đi bài thơ của cô vì chữ nghĩa táo bạo hay vì tôi đã hiểu phía sau những con chữ ấy ngầm chứa điều gì.

Để độc giả nắm vững vấn đề tôi sắp trình bày, tôi xin chép lại bài thơ:

Âm Hộ Địt
*(số màu đỏ hình số 8)**

Mẹ nó
chưa sinh
con bé chưa chào đời
nhưng đã có thai và cái thai là một con bé khác
đang mang thai

Mẹ nó
ghét quần lót màu đỏ nhưng ông chồng ngày hôm qua đã mua
từ chợ đồ cũ một tá quần lót màu đỏ đầy lỗ chuột cắn.

Có một ngày mặt trời không đỏ màu xanh
Mẹ nó
ló đầu ra ngoài
ai ngờ đứa nào mất dạy sơn cặp kính

Rốt cuộc con bé phụt ra từ háng Mẹ nó
a vaginal fart

Con bé phụt ra từ háng Mẹ nó
hai bắp đùi mở rộng rồi
tiếp tục địt từ âm hộ
Con bé địt một cái
ra một con bé
địt một cái
một con bé khác
rồi địt
một con bé
thay phiên nhau địt—

Mẹ ơi
đừng
địt
Mẹ ơi.

---

* Tình huống số 8 của Đinh Linh,
"Tám Tình Huống" do Nguyễn Quốc Chánh
dịch từ nguyên bản "Eight Plot."

Tôi nhận ra ngay đây là một bài thơ tranh đấu cho nữ quyền quyết liệt nhất. Không chỉ tranh đấu đòi bình đẳng với nam giới, tác giả còn đi xa hơn: khước từ thân phận đàn bà. Cái thân phận bị trói chặt bởi "tội lỗi tổ tông": hàng tháng, theo chu kỳ, phải "dơ" một lần!

Mẹ nó
ghét quần lót màu đỏ nhưng ông chồng ngày hôm qua đã mua
từ chợ đồ cũ một tá quần lót màu đỏ đầy lỗ chuột cắn.

Ghét quần lót màu đỏ, ghét cái hình số tám (cái vòng xoắn? Hay một loại khóa, còng?) mà người chồng - người đàn ông - đã mặc nhiên xem đó là thân phận tất yếu của đàn bà, thứ thân phận xưa cũ hàng triệu triệu năm (*mua từ chợ đồ cũ... đầy lỗ chuột cắn*), kể từ lúc thượng đế khai sinh ra người nữ từ chiếc xương sườn của người nam. Đôi khi người đàn bà muốn vùng thoát khỏi thân phận ấy, nhưng vô phương! Đạo đức, luân lý, lề thoái, tập tục xã hội, cùng cái phần kín mỗi tháng phải "dơ" một lần, cái "máy đẻ", hay văn hoa bóng bẩy hơn (cho đỡ.. tủi!): nơi sản sinh ra loài người!... Bao nhiêu định kiến, như những chiếc còng (*màu đỏ hình số 8*) đã trói chân khóa tay người đàn bà.

Có một ngày mặt trời không đỏ màu xanh
Mẹ nó
ló đầu ra ngoài
ai ngờ đứa nào mất dạy sơn cặp kính

Cái ngày *ấy, "ngày mặt trời không đỏ màu xanh",* tưởng như trút bỏ được vòng chu kỳ oan khiên, nhưng buồn thay, lại chính là ngày báo hiệu sẽ có lúc *"con bé phụt ra từ háng Mẹ nó"*. Để rồi, lớn lên, con bé cũng chả khác gì mẹ nó,

Con bé địt một cái
ra một con bé
địt một cái
một con bé khác
rồi địt
một con bé
thay phiên nhau địt

Rốt cục, mãi mãi người đàn bà vẫn là... đàn bà, vẫn là những cái

máy đẻ,

chưa sinh
con bé chưa chào đời
nhưng đã có thai và cái thai là một con bé khác
đang mang thai

Cứ thế, vòng tròn quay đều, hết thế hệ này sang thế hệ kia, bất tận. Nhìn ra thân phận buồn bã đó, Trần Minh Quân bàng hoàng gào to,

Mẹ ơi
đừng
địt
mẹ ơi.

Tôi đã đọc khá nhiều sách vở, thơ, truyện tranh đấu cho nữ quyền, đòi hỏi bình đẳng với nam giới, nhưng "Âm hộ địt", một bài thơ ngắn, dụng chữ vụng về, dàn lời, trải ý chưa thông tỏ, nhưng lạ thay, lại gây cho tôi nhiều suy nghĩ nhất. Đó là tiếng kêu, tiếng gào đầy bi phẫn và thống thiết. Nó chỉ cho ta thấy cái vòng tròn khép người đàn bà không cách nào thoát vượt ra ngoài. Nó biểu tỏ một thái độ phản kháng, nhưng đồng thời tự thân, những tiếng gào kêu bi thiết ấy, lại cũng mang đầy đủ trong nó sự bất lực, thua bại.

Bởi chưng, thế giới này sở dĩ còn tồn tại đến hôm nay và mãi mãi về sau, đều từ người đàn bà, từ phần sâu kín ấy của người đàn bà.

Tôi hiểu điều Trần Minh Quân muốn nói. Nhưng tôi cũng chia buồn với cô, vì, chả còn cách nào Quân ạ, khi mà "*con bé chưa chào đời / nhưng đã có thai và cái thai là một con bé khác / đang mang thai.*"

KIM THI





NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU
Giới thiệu sách mới

ANH BIẾT, EM YÊU DẤU, thơ Hà Nguyên Du, phụ bản Lê Thánh Thư, Tự Lực xuất bản và phát hành. Giá 17MK . Liên lạc tác giả: 10291 Arundel Ave ., Westminster , CA 92683. USA . Phone : (714) 531-057. Email : hanguyendu@hotmail .com.

Tập thơ thứ 2 sau Lối Khác (1998).

Ngót 300 trang, trình bày trang nhã, gồm nhiều phụ bản của họa sĩ Lê Thánh Thư. Phần thơ được phổ nhạc bởi các nhạc sĩ Phạm Duy, Nguyễn Hiền, Lê Dinh, Trầm Tử Thiêng, Trần Duy Đức, Trần Thiện Thanh, Trường Hải, Thu Hồ, Nguyễn Hữu Hùng, Trần Văn Toàn, Phạm Minh Hùng, Nguyễn Đức Đạt, Ngô Mạnh Thu, Cao Mặc Niệm. Phần viết về thơ Hà Nguyên Du bởi Trần Hồng Châu, Du Tử Lê, Hoàng Ngọc Tuấn, Phạm Xuân Đài, Huy Trâm, Ngô Mạnh Thu, Lê Mộng Nguyên, Nguyễn Vy Khanh.

Để có được tập hợp đông đảo này, có lẽ người thơ Hà Nguyên Du đã phải hao tổn rất nhiều công sức, trong nhiều năm. Đó là một lực, bên cạnh nỗ lực sáng tạo cũng như cho thơ mình xuất hiện cùng khắp các tạp chí văn học tại hải ngoại.

Để thưởng thức thơ Hà Nguyên Du và tìm hiểu thêm về dòng thơ của một người thơ *"luôn ném mình vào những cái mới"* (Du Tử Lê) qua những tên tuổi quen thuộc trên văn đàn hiện nay, chúng tôi nghĩ độc giả nên tìm mua *Anh Biết, Em Yêu Dấu* tại các nhà sách, hoặc liên lạc trực tiếp với tác giả.

IMPRESSIONS IN MY LIFE (Ấn tượng trong đời tôi), tập tranh của họa sĩ Hồ Thành Đức, chụp tranh Cung Hồ, trình bày Cung Hồ-Hùng Nguyễn, xuất bản bởi Beky & HoThanh Duc Studio . Giá 20MK. Liên lạc : 82000 Bolsa Ave ., Space 24, Midway City , CA 92655-1227. Tel : (714)893-037.

Khổ 8.50" X 11", full color trên giấy láng, dày.

Đây là công trình tâm huyết của họa sĩ Hồ Thành Đức, thể hiện một phần nhỏ trong quá trình dài gần 70 năm sống và cống gần trọn cuộc đời cho hội họa.

Tập tranh mở đầu bằng lời tựa của Jennifer A. Bauman (Register columnist). *"Tôi thấy sững sốt trước xúc cảm và những ẩn dụ chứa giữ bởi những mảnh giấy nhỏ đã được sử dụng để tạo ra tranh collage phức tạp"*.

Sự "phức tạp" của tranh collage đã được họa sĩ Hồ Thành Đức chọn, từ lúc khởi nghiệp đến hôm nay. Có thể nói, ông là họa sĩ duy nhất của Việt Nam thành công trong lĩnh vực này.

Ngoài hội họa, Hồ Thành Đức còn làm thơ. Qua lần tiếp xúc gần đây, ông cho biết sắp xuất bản một thi tập gồm trên dưới 25 bài thơ, với nhiều phụ bản của người bạn đời, cũng là bạn nghiệp: nữ họa sĩ Bé Ký. Thi tập cũng sẽ được in trên giấy láng, full color . Ông nói: "Đây là công trình thơ-họa của vợ chồng tôi." Tuy ông không nói ra, nhưng chúng tôi ngầm hiểu cặp vợ chồng nghệ sĩ tài danh này không mấy sung túc. In được một tập thơ như mong muốn hẳn không phải chuyện giản dị. Vì thế, nhân đây, chúng tôi xin trích đăng một trong số 25 bài thơ của họa sĩ Hồ Thành Đức. Độc giả nào đồng cảm, xin hãy liên lạc với tác gia (địa chỉ bên trên), đặt mua trước thi tập này, hầu giúp ông có thêm phương tiện ấn loát.

Việt Nam, tổ quốc của ta

Đôi điều đóng góp với Nguyễn Gia Kiểng,
tác giả Tổ Quốc Ăn Năn.

Thuở xa xưa trống đồng con chim Lạc
Chàng Long Quân trăm trứng gái Âu Cơ
Rừng thiêng biển rộng lăng miếu đình cờ
gấm vóc giang sơn trăm ngàn nỗi nhớ
Chiều quê hương bảng lảng điệu Nam Bình
Đèo quanh co trời bình nguyên trở gió
Thuyền ra khơi nghìn hải đảo trùng trùng

Đất bâng khuâng núi biển cũng tương phùng
Mây theo gió và trăng trôi theo nước
Tổ quốc ta ngàn năm sau nghìn năm trước
Ánh bình minh sáng rọi Lý Lê Trần
Có những đêm trừ tịch ánh sông Ngân
Có những buổi ngựa về gieo chiến thắng
đòi áo cơm! tự do bình đẳng!
Chống xâm lăng và giữ vững sơn hà!
Đất nước Việt Nam! Tổ quốc của ta!
Dãy Trường Sơn chạy dài reo huyền bí.

Có những nỗi buồn bên kia thế kỷ
Trời âm u trên chữ S hoang đường
Dãy Trường Sơn nổi sóng Thái Bình Dương
Từ đó lớp người đi không trở lại
áo giáp binh đao ngược đường quan ải
Hồn vọng phu sừng sững vạn nỗi sầu.

Âm vang xưa vọng lại tiếng vó câu:
Thành quách cũ rêu phong đình miếu đổ
Trang sử buồn gợi nhớ chuyện An Tiêm
Con dao đau chém lìa trái dưa đỏ
Bờ anh em khúc ruột bỗng phân chia
Và từ đó khởi đầu trang sử nhục
Của cha Rồng trăm trứng với mẹ Tiên
Của đớn đau tủi nhục ưu phiền
Trang sử chẻ những dòng sông máu chảy
Biển Rồng sôi trôi xác mẹ thây em.

Đêm nay đây trăng sáng tỏ bện thềm
Bao oan trái gửi về quê đất Việt
Trong yêu thương với những lời tha thiết
Mong một ngày vui cho tổ quốc Việt Nam
Mong yêu thương xóa bỏ những oán hờn!
Mong sum họp xua tan niềm chia cắt
Mong đường vui nối lại với đường Tim.

Xin Thượng Đế và hồn thiêng sông núi
Ban sun vầy cho dân tộc Việt Nam

HỒ THÀNH ĐỨC ((Trong *Những Bài Thơ Nhớ Nhà*)

GIẤC MƠ VÀ HUYỀN THOẠI, tuyển tập Vĩnh Hảo, Chiêu Hà xuất bản. Giá 10MK . Liên lạc: Chiêu Hà/ 4702 W. Fisrt St . # C, Santa Ana , CA 92703. USA .

Tác phẩm thứ 13 của Vĩnh Hảo.

Theo tác giả, thì "đây không phải là tuyển tập của những truyện dài viết ngắn mà là những truyện ngắn viết dài bằng cái hơn ngà ngà chuếnh choáng của một kẻ chưa hề say rượu bao giờ, nhưng say men đời qua những giấc mơ và huyền thoại." Cũng theo tác giả, "*Giấc mơ và huyền thoại* chẳng qua chỉ là kết quả thoát thai từ những chuỗi dài đớn đau cùng khổ của tâm thức con người. Một vài điều viết ra trong tuyển tập có thể làm buồn lòng một số người và đã nêu bật một cách phũ phàng những mặt trái của sự thật, của thần tượng và những lý tưởng thời thượng."

Vĩnh Hảo là một cư sĩ Phật giáo thuần thành. Mọi tác phẩm đã xuất bản của ông đều có chung ý hướng thăng hoa cái đẹp của con người, của đời sống tâm linh, cùng khát vọng mong được nhìn thấy một quê hương VN ấm no hạnh phúc. *Giấc mơ và huyền thoai* cũng không nằm ngoài chiều kích đó.

MÃ LỘ, tân truyện của Viên Linh, bìa Nguyễn Trung, Khởi Hành tái bản. Giá 12MK . Liên lạc: Khởi hành, P.O.Box 670, Midway City , CA 92655/USA .

Tác phẩm được in lần đầu trên nhật báo Tiền Tuyến (miền Nam) năm 1968. Văn Uyển in thành sách tại Sài Gòn tháng 5, 1969. Việt báo in lần thứ 3 tại Hoa Kỳ năm 1997. Khởi hành in lần thứ tư năm 2001.

Nhà phê bình Cao Huy Khanh trước đây cho rằng "Viên Linh đã cho in tới 5 cuốn truyện trong năm 1989, mà cuốn thành công nhất, có giá trị văn chương đáng kể, là cuốn Mã Lộ, đánh dấu một chặn đường quan trọng trong cuộc tìm kiếm một hình thức diễn tả mới mẻ cho việc viết truyện dài..."

Có lẽ đó là nguyên do Mã Lộ được tác giả cho tái bản thêm lần nữa tại hải ngoại.

DĂM BA ĐIỀU NGHĨ VỀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT, tiểu luận của Trần Hồng Châu. Bìa Nguyễn Đồng. Văn Nghệ xuất bản. Giá 16MK .

Tác phẩm gồm một số bài mang tính biên khảo và nhận định được viết rải rác trong nhiều thập niên, kể cả những diễn văn và bài tựa giới thiệu các tác phẩm văn nghệ mới xuất bản.

Chúng ta đều đã biết Trần Hồng Châu từng là Khoa trưởng Đại Học văn Khoa Sài Gòn trước 1975.

Ngày nay, tuy tuổi tác đã cao, nhưng ông vẫn còn nhiều hệ lụy và thiết tha với văn chương, chữ nghĩa. *Dăm Ba Điều Nghĩ Về Văn Học Nghệ Thuật* hẳn chưa phải là tác phẩm cới cùng của của ông.

HOẠT ĐỘNG TẠI HOA KỲ, Trần Văn Chi, Đông Á xuất bản. Giá 15MK .

Là một nhà chính trị, ông Trần Văn Chi từng hoạt động trong phong trào Sinh viên Sàigòn thập niên 70 và có dính líu khá mật thiết với cả hai phía trong cuộc chiến VN. Tuy thế, ông không hề tham gia chính quyền cả trước lẫn sau 1975, dù ông có nhiều cơ hội và điều kiện. Bởi lý do nào? Cuốn hồi ký phần nào trả lời cho chúng ta câu hỏi ấy.

Hoạt Động Tại Hoa Kỳ được viết với ý hướng muốn đóng lại những trang sử cũ để cùng nhau viết lại những trang sử mới cho một tương lai tươi sáng hơn.

ĐA GIÁC, thơ Thận Nhiên, bìa Đinh Trường Chinh, phụ bản Đinh Trường Chinh, Nguyễn Đại Giang.

Thận Nhiên là một trong những người làm thơ luôn có ý hướng làm mới ngôn ngữ, cấu trúc, tư tưởng... Hãy nghe Thận Nhiên giới thiệu tập thơ của mình:

"Thơ là tràng cười rộ, giễu cợt tận tình với chính hắn.

Là cuộc vật lộn với biện pháp tu từ, trò phù thủy ngôn ngữ.

Là nỗi khát khao chiếm hữu, làm một, với những ảo giác từ Bờ-bên-kia đời sống.

Là căn cước chứng thực cho sự hiện diện giữa lòng cuộc đời.

Nên đêm. Thơ mơn vuốt. Liếm-láp. Cọ xát. Trào ứa. Rách vỡ. Ra đời.

Như đa giác"

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU





DƯƠNG THU HƯƠNG

chốn vắng

Truyện dài

(Khởi đăng từ HL 48 - Kỳ 6)

Tiếng thét cuối cùng dội vút lên, thúc vào tim anh và lóe lên ánh chớp. Dưới ánh chớp lóa ấy, anh nhìn thấy những con đường vùn vụt chạy, cây số này tiếp cây số khác, dải đồi nọ tiếp dải đồi kia, cánh rừng sau lưng cận kề cánh rừng trước mặt, thảy thảy những vùng anh đã đi qua, thảy thảy những đêm dài mong nhớ, quằn quại trên võng vì cơn đói dục tình, quằn quại trong hang sâu vì sốt rét, người lả đi như tàu lá úa mà nhìn mấy cô giao liên đi qua con giống vẫn dựng ngược lên như mãnh hổ chực vồ mồi... Và sau tất thảy những đói khát, nhọc nhằn ấy vẫn chỉ nhớ duy nhất người anh yêu, gương mặt ấy, làn da ấy... Và giờ đây, hạnh phúc đã nằm giữa lòng bàn tay:

... Chúng ta sẽ yêu nhau cho lấp đầy những năm dài xa vắng. Chúng ta sẽ yêu nhau như ngày xưa, tôi mười bảy và em mười bảy. Sau mỗi cuộc ái ân tôi chỉ ngủ nửa giờ rồi lại dựng em thức dậy vào cuộc mới, nguồn suối sinh lực dâng lên không vơi cạn, ánh mắt ngái ngủ của em càng khiến em xinh đẹp hơn lên...

Chiếc quần lụa của Miên mỏng tang, mặt lụa mát lạnh, Bôn vo tròn chiếc quần lại vừa trong chét tay, và bằng cử chỉ ấy anh có cảm giác thâu tóm được người đàn bà anh yêu một cách dễ dàng. Sau khi

đã bóp chặt chiếc quần đó vài ba lần một cách khoan khoái anh ném nó sang một bên và đặt tay lên chiếc quần lót trắng:

... Trắng như bông và mềm hơn cả lông mèo. Sao mọi thứ ở nơi Miên đều đẹp đến thế?...

Có tiếng rên rỉ thầm thì kèm theo tiếng thở dài đâu đó... Trái tim đau của anh mơ hồ e ngại cái nhan sắc lộng lẫy của Miên sẽ là vực sâu vô đáy và anh sa chân xuống đó không có đường lên:... Ta còn trẻ. Ta còn trẻ và ta còn dư thừa sức mạnh...

Một giọng nói khác cất lên át tiếng thở dài lo âu của con tim, Bôn tự nhủ:

... Ta sẽ yêu Miên và sẽ sinh con. Ta sẽ có cả đàn cả đống con như câu chuyện về vị tướng già tiểu đội trưởng đã kể... Tình yêu sẽ hồi sinh và sẽ lớn dần theo năm tháng, trong sự gắn bó với những đứa con... Nhất định ta phải có con đàn con đống...

Cơn thúc hối làm Bôn mờ mắt. Anh chỉ còn thấy tấm thân trắng nhễ nhại của Miên, một động tác cánh tay chị vừa phác... Rồi anh chìm sâu vào chị.

Những con sóng khoái lạc nối nhau dồn lên bờ cát. Anh như muốn tan biến dưới ngọn triều. Biết ái ân sau mười bốn năm xa cách vừa như cuộn trở lại vừa như tới lần đầu. Hăm hở, ngỡ ngàng, mê man, cuồng dại... Một đại dương dào dạt cuộn lên, những con sóng phôi sinh không ngơi nghỉ, không mệt mỏi sẽ xô thuyền đắm say ra tít khơi xa, nơi muôn trùng sóng...

... Ta yêu Miên, yêu Miên... Người đàn bà ta yêu đang cùng ta, da thịt trong da thịt... Chúng ta sẽ ái ân như ngày xưa ân ái...

Trong khoảng ngắt giữa hai hơi thở, lời rên rỉ buột khỏi môi anh. Anh nhắm mắt lại để nhìn cho thấu đại dương say đắm trong mình, thấy mênh mông chân trời khoáng đãng thấy thuyền anh nô giỡn trên những con sóng dục tình, thấy lại diện mạo tuổi trẻ của anh... Nhưng bỗng nhiên một luồng khí bị dồn nén chạy dọc sống lưng, xuyên suốt thân xác anh như mũi tên, khoái lạc và mộng mơ cùng lúc vọt ra rồi tắt ngấm. Con thuyền đắm say rơi từ đỉnh sóng xuống bờ cát, nằm vật vờ như mảnh ván mục. Biển yêu đương rút cạn, chỉ còn trơ đáy bùn lồi lõm, ngập ngụa xác loài thủy quái và rải rác những tàu đắm cùng rong rêu...

Anh dốc một cơn thở dài không thể ghìm nén:

... Sao lại thế nhỉ?... Có lẽ vì ta hồi hộp quá... Hoặc có lẽ vì ta đã chờ đợi quá nhiều ngày...

Rồi bỗng dưng bộ phận truyền giống của anh đi vắng, nó chẳng còn là của anh, mà như một thứ đồ vật ngoài thân thể ngoài ý muốn và

sự điều khiển của anh. Nỗi sợ hãi cùng hổ thẹn cùng lúc khiến sống lưng anh lạnh toát trong khi hai thái dương và đầu anh nóng phừng phừng như lửa đốt. Anh lặng lẽ tụt xuống dưới chân Miên, không dám nhìn vào mặt chị, cười gượng gạo:

- Có lẽ ta chưa quen, có lẽ vì... Tôi xa Miên lâu quá...

Miên không nói gì. Chị chẳng nhìn anh. Chị dửng dưng như ở ngoài mọi sự.

Anh vơ chiếc quần đùi mặc vội để che đi cái phần héo rũ trên cơ thể:

- Lát nữa chúng ta sẽ... Miên ngủ một giấc đi cho khỏe. Đêm còn dài... Lát nữa chúng ta lại...

Chị vẫn không nói gì lẳng lặng mặc quần. Mái tóc đổ xuống che kín lưng khiến chị như nữ thần rừng.

- Miên.

Anh cất tiếng gọi rồi không biết nói gì thêm. Anh cũng biết anh chẳng nói được điều gì vào lúc này. Anh mặc áo rồi nằm xuống rụt rè đưa tay vuốt tóc chị.

... Tóc Miên đẹp quá. Người đàn bà tôi yêu có mái tóc đẹp nhất thế gian. Lát nữa, ta sẽ lật mái tóc ấy lên để hôn vào gáy em, trước khi ân ái. Và ta sẽ...

Ý nghĩa chưa dứt, anh đã ngủ thiếp đi.

Giấc ngủ của anh giống con tàu bị đánh đắm, từ từ chìm xuống đáy nước. Cho tới lúc gà gáy canh ba Bôn mới tỉnh dậy. Thoạt tiên anh lơ mơ tưởng mình ngủ võng nên đưa tay quơ gốc cây trên đầu. Tay anh đụng vào ngăn hộc đồ vặt và anh nhớ lại tất cả. Ngọn đèn dầu vẫn cháy trong hộp với chiếc chao làm bằng tờ báo quấn hình loa kèn. Tấm chăn ở cuối giường in những bông thược dược. Anh nhớ những kì vọng khi mua nó bằng số tiềm già lính rồi mang về, giặt sạch phơi trên cành ổi "... Những bông thược dược sẽ vãn hồi tuổi trẻ. Hơi ấm sẽ mang trả tình yêu, và mùa đông trong tưởng tượng nồng nàn hơi lửa ân ái..."

Tiếng gà gáy lan khắp các xóm, đồng vọng. Mùa đông chưa tới. Giờ vẫn đang hè và cuộc làm tình thất bại. Anh khép cặp đùi, len lén lùa bàn tay xuống dưới thám thính. Cửa hé mở, Miên đã ra sân và chắc chị không quay lại tức thì, nhưng anh vẫn sợ. Nỗi sợ không biết từ đâu tới, cũng không tường diện mạo. Nhưng anh vẫn sợ. Và anh len lén luồn tay xuống dưới háng như một thằng ăn cắp. Chẳng còn gì nữa để hồ nghi. Nó đã rũ xuống như tàu cải héo, một nhúm da vặt vẹo giữa hai bẹn. Anh biết ngay bây giờ, giá như Miên thay đổi thái độ, bỗng nhiên vuốt ve hôn hít anh bỗng nhiên tự lột bỏ quần áo và chủ động bế thốc

anh lên bụng chị... Giá như thế, anh cũng không thể nào đánh thức được cái nhúm da chẳng gân cốt kia.

... Sao lại thế nhỉ?... Khốn nạn thật... Ta chẳng ngờ đến nông nỗi này...

Anh muốn khóc nhưng cố nghiến hai hàm răng. Khóc thì hèn quá. Anh đâu phải đồ hèn?... Trước khi bị lạc nhiều trận đánh anh được khen ngợi hoặc nêu tên làm gương. Con đường binh nghiệp nếu chẳng gặp rủi ro hẳn sẽ đem cho anh vinh hạnh. Nhưng đây không phải trận mạc. Đây là cái giường đôi:

... Ta chẳng còn mười bảy tuổi. Không như xưa, chẳng thể như xưa...

Lời thú nhận câm nín ấy nảy ra từng mũi kim vô hình, mũi nọ nối tiếp mũi kia lần lượt cắm vào gan ruột anh. Bôn ngồi dậy, nhìn hình vẽ trên tấm chiếu trân trân. Anh không hiểu ý nghĩa cái vòng tròn ghép bằng những nét chữ Tàu mô phỏng. Nó tượng trưng cho cái gì trong kiếp nhân sinh mà họ in lên mặt chiếu thế kia?... Anh không hiểu. Đó là mê cung, và càng nhìn anh càng thấy đầu óc u mê, tâm hồn tan nát. Vào phút nỗi thất vọng sắp sửa dìm anh xuống vũng bùn oan nghiệt một cái tên bỗng bật lên:

- Cụ Phiều...

Lập tức, anh nhớ lại câu chuyện về ông lão bảy mươi sinh quý tử phương thuốc tinh hoàn dê chưng thuốc Bắc và rượu huyết dê. Mê cung tối tăm kia chợt lóe sáng:

... Ta sẽ đến cụ Phiều... Ta sẽ học hỏi những kiến thức trong chuyện dưỡng sinh và chuyện gối chăn... Một cõi khác, một mảnh đất khác phải cày xới...

Bôn sờ nắn lại lần nữa cặp bìu thõng thẹo rồi rút tay ra và đứng lên. Máu anh dần dần ấm lại. Anh đẩy cánh cửa, bước ra ngoài. Đêm mát lạnh. Mấy cành củi nhỏ đang cháy cạnh bờ giếng rọi sáng khoảng sân, mái nhà lẫn đám cành ổi. Mùi thạch trinh hương tỏa đầy không gian. Bôn dừng lại giữa sân, chết lặng: Miên đun nước tẩy trần để tắm sau lần chung đụng với anh. Từ nhỏ, Bôn cũng đã dăm lượt theo bạn lên núi cắt thạch trinh hương đem bán cho nhà chùa dưới huyện lỵ. Đó là thứ nước để rửa trôi những dơ bẩn trong kiếp người trần tục, trước khi họ muốn bước vào cửa tam quan:

... Cô ta đã dành cái nghi thức này để đối đãi với riêng ta. Với người đàn ông kia mọi sự sẽ khác... Với người kia chắc là...

Hình ảnh chiếc quần đùi thun sọc đỏ treo trong phòng tắm của Miên lại hiện lên rõ mồn một. Rõ mồn một hơn nữa, sắc xói hơn nữa là những gì anh tưởng tượng phía sau mảnh quần lót ấy, và anh bỗng

muốn giết Miên, muốn giết người đàn bà đang tắm sau tấm liếp kia, nơi ánh lửa rọi vào:

... Một lưỡi lê xọc từ phía trước ra sau lưng, trên vú trái nửa đốt tay. Hoặc một lưỡi dao rừng phang từ sau gáy...

Anh như nhìn thấy máu chị phun từng vòi dài đỏ thẫm, và cảnh chém giết ghê rợn đó khiến những hơi thở tức tối của anh như hổ đói vừa phút trước nhe nanh múa vuốt, phút này đã mỏi mệt quy hàng. Và một ý nghĩa khác từ từ chảy tới như nước trong con lạch cạn:

... Cô ấy có lý để làm thế... Ta chẳng làm ăn được gì. Chính ta là kẻ vô tích sự khiến người đàn bà chẳng nhận được mảy may hạnh phúc. Lỗi tại ta. Cần phải có những phương thuốc phục hồi sinh lực và tuổi trẻ. Phải Nhẫn Nhục, ấy là con đường duy nhất đưa hạnh phúc trở về...

Anh không dám đi mạnh chân e rằng Miên biết anh đã thức. Rón rén như một tên ăn trộm, anh vòng ra đầu hè đi tiểu rồi lại rón rén quay vào buồng.

*

Xá đang chuẩn bị đồ lề cùng đám thợ sơn tràng lên rú. Anh ta mặc mỗi chiếc quần đùi lại săn hai ống lên tận bẹn ngồi rửa cưa. Tấm lưng trần nhễ nhại mồ hôi vắt chiếc khăn mặt bông nhọ nhem. Lúc Bôn đứng trước ngõ Xá vẫn cắm cúi miết congiũa , tiếng thép cọ vào thép nghe ghê tai. Anh phải gọi bốn năm tiếng liền Xá mới dừng tay lại:

- Chờ tôi ra mở cổng.

Đặt chiếc giũa vào hộp dụng cụ, Xá rút khăn lau ngực lau lưng rồi mới ra mở cổng cho Bôn:

- Cô Soan này lạ thật... Đã bảo sáng nay người ta ở nhà, đừng khóa cổng, vậy mà nhót một cái đã bấm luôn ổ khóa vào... Rõ đúng là cái giống đàn bà đái không qua ngọn cỏ, nghĩ không dài hơn sợi tóc...

- Sinh ra cái khóa là để đi khóa về mở, anh nói gì lạ thế?

- Nhưng sáng nay đứng lên ngồi xuống cả thảy năm lần rồi, hết mẹ nó thời gian. Đầu tiên thằng cu lớn quay về lấy cuốn vở bỏ quên. Lần thứ hai ông tướng lại quay về xin tiền góp cho nhà trường tổ chức đi tham quan thành phố. Lần thứ ba thứ tư hai ông hàng xóm sang xin đinh với xin vịt dầu thắp. Lần thứ năm là Bình kều...

- Bình kều hả?... Đã mấy lần tôi định sang cậu ta chơi mà chưa đi nổi... Bình khỏe không?

- Vẫn nhì nhằng.

- Nghe đâu cậu ta làm ăn khấm khá lắm...

- Cũng khá hơn tôi đôi chút. Nhưng từ tết đến giờ toàn gặp rủi ro, tích được đồng nào cũng tẩu tán hết rồi. Trước hết ông bố vợ bỗng dưng lăn đùng ra chết. Cô Lãm là con một, Bình lại ở rể nên phải cõng toàn bộ chi phí đám tang. Họ nhà ấy to nhất làng, nên cậu ta phải làm trên một trăm hai mươi mâm mới đủ. Rồi bây giờ cô vợ lại sưng lách. Vừa sưng lách vừa mang thai tháng thứ năm. Bình lo méo mặt. Sáng nay nó mò đến đây, tôi cạn tiền phải bảo cô Soan cho nó mượn cái nhẫn cưới đem bán đưa cô Lãm xuống viện thành phố...

Bôn tái tê. Con tàu hy vọng của anh chìm xuống. Đêm qua anh dự tính vay một mớ tiền của Bình. Tuy lâu ngày không gặp nhau nhưng Bôn biết tình bạn của họ không lay chuyển. Hai người cùng học một lớp suốt sáu năm trung học, cùng là vần B, họ được xếp chung một bàn và hầu như ở bên nhau trong mọi công việc của nhà trường. Nếu đi cắm trại, họ cùng ở ban tổ chức. Có sinh hoạt ngoại khóa, hai người cùng ở tổ Vật lý và tổ hướng dẫn sinh trong phòng thí nghiệm. Những đêm liên hoan văn nghệ, cả hai cùng ở nhóm ngâm thơ, Bình có giọng ngâm ngọt ngào, còn anh đệm đàn bầu hoặc thổi sáo theo... Vào cái thời mộng mơ ấy, cả hai đều quyết chí thi cho được tấm bằng đại học và làm cuộc đổi đời dời chốn sơn dã về thành phố. Với họ, điều ấy cũng không quá xa vời, hai người cùng là học sinh loại giỏi. Bình chỉ kém riêng môn văn, thường nhờ anh chữa bài giúp. Biết bao kỉ niệm se sắt đã gắn bó tuổi thiếu niên của họ. Bình thường chia cho anh nắm xôi buổi sáng, hoặc những đùm khoai dẻo mà chị ruột gói ghém cho. Bôn không quên vị khoai ngọt bùi ấy, vào những năm niên thiếu khốn khó của anh, không có Bình chưa chắc anh đã theo nổi ngần ấy năm ăn học. Tiền của anh kiếm được chỉ đủ mua giấy bút và những món chi dùng tối thiểu. Anh không đủ gạo nấu ăn sáng, cũng không đủ sức mua cá mắm hoặc các thức ăn khác cho bữa cơm học trò nghèo... Tất thảy những thứ đó do Bình bù đắp. Cái gã cao kều ấy là kẻ hảo tâm bẩm sinh, cậu ta giúp tất cả những ai có thể giúp được với vẻ an nhiên không tính toán dường như đó là phận sự của kẻ làm người. Đám học trò giàu sang trong huyện do đó phải nể vì. Hai kẻ mơ mộng ấy đã bỏ giấc mơ dở dang cùng một ngày, cùng một ngày tòng quân nhưng lại phiên chế về hai đơn vị. Bình ở cùng đơn vị với Xá. Dạo anh về, Bình nhắn Xá nói với anh rằng cậu ta đang bấn bíu, ngày nào đó rảnh rỗi sẽ sang thăm và sắm bữa tiệc mừng... Anh những tưởng Bình mắc công việc dở dang, ai dè cậu ta đang lâm vào cơn khốn khó:... Ta vẫn ngỡ có thể níu lấy áo trang nghĩa hiệp thuở xưa. Ai ngờ cậu ta cũng sẩy chân vào cảnh đấm tầu... Đây mới chính là ngõ cụt...

Bôn thấy cơn gió lạnh chạy dọc sống lưng anh, dù trời đang nóng. Trên tấm ngực trần của Xá, những giọt mồ hôi lớn bằng hạt đỗ đen đầy quanh hai nuốm vú. Có một cái tên nảy lên: Già Đọt... Nhưng anh nhìn thấy trước cái quả hy vọng cuối cùng kia cũng thối. Người đàn bà xuân sắc từ hơn năm mươi năm trước chẳng thể nào có một kho vàng để cất giấu đến giờ. Bà cưu mang mẹ con Tá, những người có liên quan huyết mạch vì đám trẻ ấy chỉ cần miếng ăn cho qua ngày, hạt cơm cõng củ khoai, gắp rau kèm lát sắn. Vậy mà anh đã mơ tưởng gây dựng cơ đồ nhờ những đồng tiền của bà lão gần đất xa trời...

... Ta là kẻ mơ mộng hão huyền vô tích sự...

Xá chột ngẩng mặt lên, con mắt lành xoi mói:

- Ngồi xuống đi... Làm gì mà đứng đần thối ra như vậy?...

Bôn giật thót, nhưng tâm trí vẫn còn tê dại. Anh vơ chiếc ghế đẩu ở góc sân ngồi. Nhà Xá có đến hàng chục chiếc ghế đẩu các cỡ và các kiểu. Đúng như người ta bảo: Thợ may ăn giẻ, thợ vẽ ăn hồ. Kẻ làm nghề sơn tràng và nghề mộc chỉ lãi ở những mảnh gỗ thừa thẹo.

- Ngồi đấy...

Xá nói tiếp, giọng to như quát vào tai anh:

- Ngồi đấy... Tôi phải rửa nốt con cưa mẹ...

Bôn chưa kịp nói gì Xá bỗng dừng tay nhìn chòng chọc vào mặt anh. Lần này cái nhìn đó kéo dài, khoan xoáy vào một điểm nào đó trên mặt Bôn khiến anh bỗng dưng nóng bừng hai tai. Con mắt lành của Xá hấp háy, hấp háy rồi đột nhiên Xá hạ giọng thì thào:

- Sao?.. ấy rồi phải không?...

Bôn hiểu ý Xá, nhưng chưa biết trả lời ra sao. Hai thái dương anh cũng nóng rực lên. Xá lại hỏi tiếp:

- Có làm ăn được không?

- Cũng tàm tạm.

- Tàm tạm là thế nào. Tôi với cậu là chỗ mặn tình, tôi mới hỏi.

- Nó có lên được không?

- Được vừa phải.

- Kim trỏ số 3 à?...

- Không hẳn thế.

- Thì sao?

- Tôi cũng chẳng hiểu.

Xá trợn mắt, không còn thì thầm mà quát toang toác lên:

- Vớ vẩn... Đừng ú ớ con mẹ... Trông điệu bộ của cậu tôi biết là hỏng rồi.

Đôi mày anh ta cau lại. Rồi cũng chẳng rửa nốt con cưa mẹ, Xá quẳng chiếc giũa vào hòm dụng cụ, đứng lên:

- Này, chuyện nghiêm chỉnh đấy, không đùa được đâu... Tôi nói vậy cậu có hiểu không đấy?

Nói xong, không chờ Bôn trả lời, Xá đi tới góc nhà, móc túi áo lấy hộp thuốc lá sợi đem vấn. Anh tìm một chiếc ghế khác, ngồi đối diện với Bôn:

- Cậu có hút không?

- Có.

Xá đưa hộp thuố c cho Bôn rồi cúi xuống, lăn điếu thuốc của mình:

- Tôi đã nói với cậu rồi... Cái nghề đàn ông đàn bà, phải mê nhau mới ăn ở được với nhau.

- Tôi yêu Miên... Tôi không yêu ai ngoài người đàn bà ấy.

- Phải. Nhưng còn cô Miên... Vấn đề là ở chỗ ấy. Có tình yêu hai phía mới thành vợ thành chồng. Tôi nói thế này cậu đừng giận. Ngủ với con đàn bà chẳng yêu mình thì thà cứ tìm lỗ né cáy còn hơn.

- Chúng tôi đã từng là vợ chồng. Mối tình đầu của tôi cũng là tình đầu của Miên... Cần phải có thời gian để tìm lại...

Xá rít mấy hơi thuốc liền, rồi hỏi:

- Cậu đã gặp tay Hoan chưa?

- Chưa. Anh ta xuống thành phố. Chủ nhật mới lên nhà bà Huyên thăm con chốc lát rồi lại đi...

- Cậu không đến nhà bà dì Miên hay sao?

- Trừ phi Miên có việc bảo tôi phải đến.

- Thế thì cũng phải... Bà ta chẳng ưa cậu... Mà cậu cũng chẳng mến chuộng gì bà lão đỏng đảnh ấy... Nhưng theo tôi, ít nhất cũng một lần cậu nên gặp tay Hoan.

- Tại sao tôi phải gặp anh ta?... Chẳng để làm gì hết... Anh ta có phần anh ta và tôi có phần tôi.

Trán Xá nhăn lại. Anh ta ném đầu mẩu thuốc ra vườn rồi lại vớ hộp thuốc cuốn luôn điếu khác.

- Này Bôn, lời nói thẳng vốn khó nghe nhưng hôm nay cậu hãy gắng mà nghe cho đến đầu đến đũa. Tôi với cậu chẳng phải anh em họ mạc nhưng chúng ta có cái tình gắn bó còn mặn mà hơn thế. Bởi vậy tôi thấy có trách nhiệm phải nói cho cậu biết rõ mọi ngả nông sâu của cuộc đời. Ngày xưa đi học, cậu vẫn thường giải toán cho tôi, sao bây giờ cậu không biết cách giải bài toán chính của số phận?... Hiện tình, cậu đang cưỡi trên lưng cọp. Trèo lên lưng cọp không hẳn dễ, nhưng xuống đất còn khó gấp vạn lần... Thông minh như cậu hẳn biết vì lẽ gì cô Miên từ bỏ tòa ngang dãy dọc của cô ấy để về rúc trong gian buồng lợp gianh của cậu. Người đàn bà trọng danh dự lắm mới làm nổi cái sự

ép mình như vậy. Gặp kẻ khác tôi đoan chắc cậu chỉ có nước xách bị rời khỏi cửa nhà cô ta... Nhưng mọi sự trên đời đều có giới hạn. Cô ta không thể vì nghĩa cử mà sống với cậu cho đến lúc tóc bạc răng long. Tôi nói rồi, chuyện gối chăn phải yêu mê nhau mới nên hồn... Muốn đánh trận phải nhìn rõ mặt đối thủ... Tại sao cậu không thử tìm cách gặp Hoan, dù chỉ một lần?

Mặt Bôn nóng bừng bừng, và anh nghe trong tai mình có tiếng ù ù như ai xay lúa:

- Tôi chẳng hoài hơi làm cái điều ngu ngốc ấy... Tôi không định đấu gươm với anh ta và bây giờ không còn là thế kỉ mười lăm, mười sáu...

- Vậy, cậu cứ nhắm mắt nhảy ào xuống sông, không lường nông sâu, chẳng dò nước ấm hay lạnh?

Bôn không trả lời.

Xá cũng không gặng thêm nữa. Hai người ngồi phun khói trong im lặng. Những mẩu đầu thuốc tiếp nối nhau quẳng ra vườn. Trời mỗi lúc càng thêm nóng và thi thoảng Xá lại vớ tấm khăn bông lau bộ ngực vạm vỡ lẫn tấm lưng trần của anh ta. Bôn không nhìn nhưng anh biết anh thèm muốn những bắp thịt nổi vồng trên khuôn ngực gã sơn tràng, thèm muốn gương mặt cười cợt chung thân như mặt thằng hề nhưng lúc nào cũng ngời lên ánh sáng của thiện tâm và hạnh phúc. Tiếng chim vườn chốc lát lại rót vào không gian, khiến vòm trời như cao hơn và màu lơ kia trong veo trong vắt. Bao nhiêu giây phút trôi qua, Bôn không nhớ. Nhưng sau đó rất lâu Xá cất tiếng thở dài và hỏi:

- Này Bôn, cậu biết tỉnh ta vừa thành lập nông trường chứ?

- Không, tôi không đọc báo.

- Nông trường đó ở cách đây ngót một trăm cây, tên gọi Bình Minh. Nó được lập ra để hứng đám con gái phục vụ chiến tranh giờ đã quá lứa không còn tuổi lấy chồng, trở lại quê hương cũng bẽ bàng mà tìm công việc nơi thành phố càng khó khăn. Ở đó, họ trồng dứa và trồng tiêu như quê ta... Tay Liệu bạn hẩu của tôi chuyên ngành về làm trưởng phòng hành chính. Cậu có thể đến đó, sinh sống sẽ dễ dàng hơn tự kiếm vốn vỡ khu đồi xã chia cho cậu ở đây. Nông trường này vẫn còn được nhà nước bao cấp và đám cán bộ quản trị hưởng lương theo thang lương quy định... Đất ấy chắc hợp với cảnh neo đơn của cậu. Điều chủ yếu là ở Bình Minh cậu có thể chọn trong số hơn hai trăm cô thanh niên xung phong quá lứa một người vừa ý về làm vợ.

- Anh nói lạ lùng... Gia đình tôi ở đây... Quê hương tôi ở đây...

Xá cười khẩy, lắc đầu:

- Quê hương chỉ có ý nghĩa khi tìm được một mái ấm... Thế nên

ở nơi nào ta tìm được một mái ấm, nơi ấy là quê hương... Còn gia đình cậu là bà Tá hay cô Miên?...

Bôn không trả lời, Xá nói tiếp:

- Gia đình cậu nghĩa là cô Miên, tôi nói thế cậu không phản đối chứ?... Hãy nghĩ cho cạn lẽ, đã chắc gì cô Miên yêu cậu, cảm thông với cậu hơn một cô thanh niên xung phong quá lứa lỡ thì đang ngong ngóng chờ một thằng đàn ông nào rờ mó tới?... Chỉ những kẻ cùng cảnh ngộ mới có thể thương nhau đến đầu đến đũa. Chúng ta đã từng là lính. Tất thảy những thằng lính ra khỏi cuộc chiến tranh đều phải nộp thuế, đều phải để lại vật gì đó làm lễ tế thần... Như tôi chẳng hạn, mảnh bom nhỏ bằng mảy trấu cũng móc ra một con mắt. Như thế, tôi đã nộp xong xuất thuế của mình... Còn cậu...

- Tôi cũng ngần ấy năm lưu lạc, anh xem...

Xá lại lắc đầu:

- Chưa đủ đâu, người anh hùng ạ... Tôi thấy như là chưa đủ xuất...

- Dạo này anh ăn nói lạ lùng...

- Ờ... Cũng có thể tôi trở thành thằng gàn trước tuổi...

Lúc đó, Soan từ ngoài cổng đon đả bước vào. Chị cắp một thúng đầy những na lẫn ổi. Người đàn bà trẻ tuy không đẹp nhưng tươi tắn, mặn mà. Cũng như chồng gương mặt chị lúc nào cũng ngời lên ánh sáng của sự mãn nguyện lẫn thiện tâm:

- A, chào chú rể mới... Sao, anh đón nàng về dinh có vui không?

Bôn chưa kịp đáp Xá đã nạt nộ:

- Cái cô này đa sự... Đã bảo đừng khóa cổng mà cứ quen tay. Làm người ta đứng lên ngồi xuống gãy cả gối đây này...

- Đấy, anh Bôn xem... Ra trận là lính mà về với vợ con là tướng, hách chẳng ai bằng.

Nói xong chị cười. Chiếc răng khểnh làm nụ cười rạng rỡ hẳn lên. Chị ngước mắt nhìn chồng vừa thần phục vừa riễu cợt:

- Hung hăng thế mà hồi lên cái nhọt ở mông, em nặn cho kêu rống lên như con bò bị chọc tiết, quá đứa trẻ lên ba...

Xá bảo:

- Da thịt người chứ có phải sẹo gỗ đâu mà không đau?... Thử rơi vào cô xem... Cô không khóc hu hu tôi cứ bé bằng con kiến.

Soan chọn mấy quả na chín cây và vài quả ổi bỏ vào đĩa:

- Thôi thôi, em chẳng hơi sức đâu mà đấu khẩu với anh. Từ thuở lọt lòng đến giờ anh có chịu thua ai nhời nào đâu? Chẳng cứ bạn hữu, xóm giềng mà ngay cả cô dì chú bác, những bậc bề trên trong họ... Nào, anh Bôn ăn đi. Xem ổi vườn nhà em có ngọt bằng ổi bên vườn nhà anh không?...

Bôn cấn trái ổi lưỡi ngọt dạ chẳng ngọt. Ổi nhà anh còi cọc không được trái chín nào. Quả mới ương ương lũ con Tá đã hái ăn sạch. Những đứa trẻ thả rông như loài thú hoang, không tới lớp mẫu giáo, cũng chẳng học vỡ lòng tha lôi nhau hết vườn nọ tới đồi kia, lăn lê từ lối mòn này sang ngả đường khác... Bao năm khu vườn bỏ mặc cho kiến bọ, các loài sâu và các loài chim. Từ khi anh về, anh đã trồng ở đó một luống cây hương nhu và vài khóm hoa riềng dại. Vì chúng là thứ cây không ăn được nên lũ con Tá để yên. Nhưng đất cằn, ngay những hương nhu cũng không lớn được, mấy khóm riềng dại không trổ hoa còn người đàn bà anh yêu lạnh lùng như khí núi... Phải, Xá nói đúng, cái giống đàn ông đàn bà phải mê nhau mới ăn ở được. Cứ nhìn cảnh nhà Xá đủ biết, vợ anh ta mê anh ta đến thế nào. Mặc dù đã được nghe kể nhiều lần về cuộc tình giữa Xá chột với cô Soan, Bôn vẫn không hình dung nổi người đàn bà hiền lành đon đả vừa lựa những trái ổi chín mời anh lại có thể táo tợn đến nhường ấy...

Dạo Xá phục viên, chẳng có trong tay thứ gì ngoài vài bộ quân phục và món tiền còm đủ làm vài mâm cơm rau dưa mừng ngày đoàn tụ. Cha mẹ Xá đã chết từ lâu những năm anh còn ở chiến trường ngôi nhà hương hỏa ông anh chiếm, thêm bà chị dâu mặt lúc nào cũng nặng như chì nên Xá ở nhờ nhà ông chú ruột, và bữa cơm đoàn tụ được làm tại nơi đó. Vài ngày sau, gã trai đã vác đồ nghề sơn tràng lên rú, bắt đầu lại cuộc sống sơn dân. Bất đồ, Xá gặp Soan hái củi. Họ yêu nhau tức khắc, theo đúng kiểu người đời vẫn gọi: Ái tình sét đánh. Thời con gái, Soan cũng không đẹp nhưng duyên dáng, mặn mà, khối người để ý. Trong số đó, có gã anh trai họ đằng mẹ của cô. Anh ta không thật giàu nhưng cũng có ngôi nhà ba tầng dưới thành phố, dẫu một tầng chỉ rộng mười sáu thước vuông nhưng cũng đàng hoàng mở được cửa hàng đại lý ngũ cốc và nhờ đó lúc nào cũng rủng rỉnh tiền. Anh ta hơn Xá hai tuổi nhưng khôn ngoan từng trải, lại có cả một chiến thuật mua chuộc đám họ hàng, xóm giềng nên cầm chắc phần thắng trong tay. Cưỡi chiếc xe mới dán nguyên tem về làng, nhưng bất kì gặp ông già bà cả nào anh ta cũng xuống xe, cúi chào lễ độ. Sau đó anh ta tới hỏi thăm từng nhà, bắt đầu từ ông trưởng tộc xuống đến các ông trưởng chi, nội lẫn ngoại, không quên đem theo quà bánh để đặt lên bàn thờ, thắp nén hương khấn vái tổ tiên. Ông trưởng tộc được một gói trà ướp sen với hộp bánh nướng hảo hạng, ông trưởng chi được gói trà ướp nhài với phong bánh quy, rồi các bà láng giềng được khăn len quàng cổ, trẻ con được kẹo hồng và kẹo cam... Thứ nào cũng gói bọc tinh tươm bằng giấy bóng màu rực rỡ... Tiếng khen râm ran không ngớt từ trong nhà ra ngoài ngõ:

- Cô Soan vớ được tấm chồng, đáng công trang điểm má hồng răng đen... Sau này tha hồ nhờ cậy...

- Trai thời nay chẳng thấy ai thông thái như anh Khiền. Còn trẻ thế mà thuộc làu làu lịch sử... Bữa trước lại chơi, anh ta đọc vanh vách cụ tổ nhà tôi đỗ bảng nhỡn năm nào, tháng nào, cùng thời với ai... Mình bạc trắng đầu cũng không biết rõ tổ tiên mình đến thế...

- Anh ta có chữ, lại sẵn tiền, hào hiệp với xóm giềng làng nước, con cái Soan lấy được tấm chồng như thế ngang lên cõi tiên...

Bố mẹ cô Soan Xoan , khỏi phải nói, sướng lăn lóc. Họ hớn hở chờ ngày "đám cưới to nhất làng nhì xứ" được thực hiện:

- Con xem xem, trong làng ngoài nước không ai không ca ngợi anh Khiền... Người đức hạnh như thế, nhất nhất sau này sẽ thủy chung. Con lấy anh ta sẽ được đổi đời, sau này ăn trắng mặc trơn chẳng đầu tắt mặt tối như dân xóm Núi...

Soan lắc đầu nguây nguẩy:

- Con không lấy ai cả, con không lấy ai hết... Con ở nhà với bố mẹ...

Nhưng không ngày nào cô không gặp Xá. Hai người chết mê chết mệt với nhau. Bố Soan bắt được họ ngồi tự tình ven đồi liền tát cho cô hai cái nảy đom đóm mắt rồi dẫn về, trói ở cột chuồng trâu một đêm một ngày liền cho biết phép nhà... Đám bạn Xá chạy tới, vừa an ủi vừa khuyên:

- Đối phương mạnh quá Xá ơi, cậu lấm lưng mất. Tính trước đi là vừa...

- Nếu quả tình không cứu vãn được, hãy ra tay trước. Cậu phải tuyên bố bỏ cô ta để khỏi mang tiếng là kẻ bị đá đít... Khiền tuy giàu sang, lắm tiền của lại nguyên vẹn cả hai con mắt nhưng hắn sẽ bị đo ván một khi cậu tuyên bố bỏ cô Soan Xoan . Như thế, trước mắt thiên hạ, hắn là kẻ hứng của thừa...

Xá bối rối. Anh chưa biết tính cách nào. Anh yêu Soan Xoan , nhưng xem ra đó là mối tình vô vọng. Cuộc so đo không ngang sức. Anh, gã lính về vườn, không cắc bạc trong tay, cửa nhà không, nương vườn chưa có. Xã cũng đã chia cho anh khu đồi nhưng chưa có tiền mướn thợ vỡ đất trồng cọc và mua giống tiêu. Anh dự tính phải sau hai mùa sơn tràng mới lo nổi số tiền ấy...

Vào lúc anh bấn loạn Soan chạy đến, mặt mày sưng đỏ muỗi cắn, nước mắt lấm lem. Cô bảo anh rằng cô phải rống lên đến nỗi bố mẹ xấu hổ với láng giềng đành cởi trói. Rồi cô giục:

- Anh phải cưới em ngay... Phải cưới ngay tắp lự

Xá gặng hỏi:

- Vậy... ra Soan không yêu anh ta chút nào chứ?

- Không... không...

Soan -> Xoan gào thật to đến nỗi ông chú ở trong nhà phải ló đầu ra nhìn. Lúc ấy, hai người ngồi nói chuyện bên rặng dâm bụt trước ngõ. Soan gào lên rồi quắc mắt nhìn Xá:

- Em đối với anh mặn tình như thế mà anh dám hỏi câu ấy... Vậy anh coi em là kẻ ăn ở hai lòng?

Xá sợ, vội thanh minh:

- Không, tôi không dám... Chẳng qua là vì...

Anh không dám nói với Soan một cách thành thật những ý nghĩa của mình, càng không dám nói tới những lời khuyên của đám bạn. Soan bảo:

- Em không bao giờ yêu cái lão hói đầu ấy, không bao giờ em ngủ với lão hói đầu ấy, dù nó giàu vô thiên lủng.

Xá hỏi:

- Nhưng anh biết làm sao bây giờ? Anh yêu em nhưng anh không dám cãi lộn hoặc đánh nhau với bố em vì làm như thế chúng ta sẽ trở thành những đứa con bất hiếu.

Soan đáp, không chút chần chừ:

- Chúng mình phải ngủ với nhau ngay, ngay tức khắc... Em mà chửa ra, bố mẹ mới hết ép gả cho lão Khiền. Thằng cha ấy đã chuẩn bị mười tám mâm ăn hỏi vào tháng sau...

Lúc đó, anh đang ở nhờ nhà ông chú ruột. Nhà rộng nhưng không có buồng riêng. Hai đứa con trai ông chú tuy trẻ đều đã cưới vợ, chiếm giữ hai căn buồng đầu hồi. Ông chú với anh ở ba gian nhà giữa. Gian chính đặt bàn thờ, ông và Xá mỗi người ngủ mỗi gian bên. Ba gian đều rộng rênh nhưng nhìn thông thống sang nhau. Và họ chẳng thể làm ăn được trong cái không gian ấy:

- Khó quá...

Anh than thở:

- Anh định kiếm mớ tiền rồi mới dựng nhà... Đất xã đã chia nhưng phải có tiền mua gỗ mua gạch mới có thể tính chuyện...

Soan giãy nảy:

- Chờ đến lúc ấy thì hỏng hết chuyện... Mình phải ngủ với nhau ngay đêm nay, đêm mai, đêm ngày kia... Em nhất định phải có thai mới nên được duyên kiếp...

Hai người nghĩ ngợi một giây rồi Soan Xoan quyết định:

- Anh vào lấy vải nhựa ra đây.

Xá vào nhà và sau đó quay ra với chiếc ca-pốt của lính Mỹ, chiến lợi phẩm anh thường dùng những lúc lên rừng. Họ cùng nhau

qua thung lũng, qua mấy dải đồi trồng dứa lên tới những con dốc mọc đầy cây dâm dương hoắc. Ở đó, họ ngồi chờ mặt trời lặn, chờ khoảnh khắc thiêng liêng để bóng tối bao phủ rừng núi đồi nương làng xóm, thả thứ sương mù đen như mực cho ánh mắt tò mò tọc mạch của thế gian không thể rọi tới...

- Thế nào, ăn được chứ hả?

Xá cất tiếng.

Bôn giật mình vội đáp:

- Ngọt... Ngọt thật.

Xá bảo:

- Vườn của cậu phải cải tạo. Phải cải tạo hoàn toàn. Tôi nói vậy nghĩa là cậu phải đốn hết cây, đào hết gốc, đem làm củi tất tật. Rồi xới xáo lại, ủ phân trộn nhuyễn với đất và trong một thời gian dài cho đất nghỉ ngơi, bổ dưỡng mới được tính đến chuyện trồng cây khác.

- Tôi hiểu.

Bôn đáp. Trong lúc tim anh rên rỉ:

... Gã đàn ông kia sung sướng thật... Gã tính mọi chuyện dễ ợt như vẽ lên lòng tay. Bởi gã có được một người đàn bà yêu gã đến thế, tận tình đến thế, hy sinh vì gã đến thế... Có được tình yêu, người đàn ông sẽ có cả thế gian...

Bôn biết rằng khởi đầu Xá cũng là kẻ trắng tay. Ngay đám cưới Soan anh ta cũng không làm nổi. Chính là Soan, người đàn bà táo tợn kia lo toan chuyện đó. Soan có thai, cô ra ngay trạm xá khám và tuyên bố với gia đình. Cô bảo bố mẹ rằng chính cô ta nhẹ dạ nên bây giờ họ phải đứng ra gánh vá chuyện cưới xin nếu không muốn mất mặt với láng giềng. Nếu ông bà đứng ra tác tạo cho đôi lứa, sẽ được thêm một đứa con. Xá là gã trai siêng năng tốt bụng, ăn ở hậu hĩ với anh cũng chẳng sợ thiệt thòi. Bằng không, cô vác bụng theo anh ta, ông bà sẽ mất đi chính đứa con ruột thịt, mất cõng mang nặng đẻ đau... Sau rốt, lời lẽ của đứa con gái táo tợn đã đánh ngã hai bậc phụ mẫu. Chính bố mẹ Soan đứng lên dựng rạp, lo hơn một trăm mâm cỗ cưới cho hai người. Soan đẻ con trai. Xá làm ăn khấm khá hẳn lên, số anh ta như diều gặp gió và rồi đúng như Soan dự đoán, anh ta trở thành đứa con rể hiếu thuận nhất làng...

- Thế nào, cậu vẫn giữ ý định làm nương tiêu chứ?

Xá lại hỏi.

- Phải, tôi muốn trồng tiêu, vì chẳng có nghề sơn tràng như anh.

Bôn trả lời.

- Không ít vốn đâu.

Xá bảo. Bôn im lặng. Anh lại thấy con tầu đang chìm xuống biển

bùn và nỗi ê chề tràn ngập.

Xá gặng hỏi:

- Cậu nhất quyết ở lại Xóm Núi.

- Tôi ở lại.

Bôn đáp. Sau khi ngập ngừng vài giây, anh nói thêm:

- Tôi yêu Miên...

Anh biết rằng lẽ ra anh phải nói:

... Tôi yêu người đàn bà đó dẫu cô ta không còn yêu tôi nữa. Nhưng tôi đã đặt hết cuộc đời tôi vào mối duyên này giống con bạc khát nước cuộc toàn bộ gia sản vào ván bài sau chót... Tôi không thể ra đi. Tôi không còn hơi sức để ra đi. Người đàn bà đó hút hồn tôi. Chẳng ai thay thế được Miên. Chẳng da thịt nào trắng như da thịt ấy, chẳng đôi mắt nào long lanh hơn đôi mắt ấy, chẳng mái tóc nào óng ả hơn mái tóc ấy... Cô ta đã từng là của tôi... Rồi một ngày tôi sẽ tìm lại được hạnh phúc, miễn là tôi kiên nhẫn...

Nhưng anh không đủ can đảm nói thật, dù là đối với Xá, người bạn tận tụy, kẻ bảo trợ tự nguyện cho anh. Xá nín thinh. Anh ta vớ một quả na chín, bửa đôi, ăn hết sạch, đoạn buông tiếng thở dài:

- Thôi được... Nếu cậu đã quyết... Nhưng muốn thế, trước hết cậu phải đi chữa bệnh. Mồm cậu thối bỏ mẹ, tôi ngồi xa thế này còn không chịu được huống chi đàn bà?...

Soan lườm chồng:

- Cái lão dở hơi này, ăn nói lỗ mãng thế hả?

Đoạn chị quay sang nói với Bôn:

- Anh đừng chấp... Chồng em lắm lúc y hệt thằng khùng... Chẳng cứ với anh, ngay với bố mẹ em nhiều khi ăn nói cũng láo liên như thế...

Nói xong, chị liền vội vã đi vào bếp, bỏ lại thúng na lẫn ổi chọn dở dang. Chờ Soan vào hẳn trong bếp, Xá nói tiếp:

- Nếu cậu quyết sống lâu dài với cô Miên, phải chữa bằng được bệnh hôi mồm, còn những việc khác sẽ tính sau. Mai, tôi đưa cậu xuống viện thành phố. Dưới đó, tôi cũng có ông bác làm nghề bốc thuốc bắc. Ta sẽ đến cả hai nơi xem sao... Có bệnh phải vái tứ phương. Giờ cậu về xoay lấy ít tiền, tôi chỉ còn hai ngày nữa thôi. Sáng sớm ngày mốt, đám sơn tràng chúng tôi làm lễ và ngược rú.

*

Thành phố không có trăng, hoặc nói đúng hơn, trăng thành phố bẽ bàng nhợt nhạt. Chìm lấp dưới các loại đèn mầu trăng biến thành

xác ướp của chị Hằng treo lửng lơ giữa bầu trời đầy bụi và khói. Nhưng ở đây, trên bãi biển vắng tanh vắng ngắt này, trăng ngự trị với vẻ đẹp vẹn toàn, kiêu hãnh. Không vời gọi, không huyền bí như trăng miền sơn dã nhưng lộng lẫy hơn, uy nghi hơn, hùng mạnh hơn. Biển bờ, sóng nước, những vàng lưới giăng mắc trên bãi cát, đám thuyền nằm chờ đợi... tất thảy đều tôn vinh quyền uy vô song của nó. Không gợn mây vương. Gió chạy ù ù qua rừng phi lao, reo trên sóng nước. Mùi biển đẫm không gian như từng thớ gỗ thuyền, từng hạt cát, từng bông cỏ mặt trời, từng tế bào trên da thịt con người đều thấm đầy vị muối cùng mùi sóng, thứ mùi vị tẩm liệm tâm hồn bất cứ kẻ nào sinh ra và lớn lên ven biển.

Hoan rít liên tục hết điếu thuốc này tới điếu thuốc khác. Những đọt lọc thuốc ném rải rác trên mô cát trước mặt anh dưới ánh trăng vẫn nhìn rõ:

... Một bao rưỡi, từ lúc ra đây mình đã hút hết bao rưỡi...

Anh thoáng nghĩ rồi tiếp tục châm nữa, hút mà không còn nhận ra mùi thơm, không còn ngửi thấy vị khói, rít liên hồi như thợ muối đẩy bàn trang trên mặt ruộng. Từ nơi anh ngồi tới mép sóng chừng dăm thước, nhìn rõ đường lươn dập dờn của làn nước, đám bọt mờ nơi đỉnh sóng lẫn những gợn cát khi chúng rút ra xa. Anh nghe rõ tiếng đổ ập của con sóng vào, nặng nề hối hả như nỗi cồn cào của kẻ đói yêu và lặng lờ khi sóng lui xa, bồng bềnh như tiếng thở dài vừa mãn nguyện vừa nuối tiếc. Biển tuổi thơ của anh giờ đổi khác: Nó là biển của kẻ đã từng trải và thôi không còn sung sướng... Đã một tháng. Trăng đêm nay không tròn hẳn mà ngả sang hạ tuần, giống như đêm trăng Xóm Núi.

Từ đêm anh dắt Miên lên sân thượng tới nay đã tròn một tháng. Thời gian chẳng tiếc thương ai. Ngày lại đêm, trăng tròn rồi khuyết, Hoan không hiểu anh đã sống vật vờ qua ba mươi ngày ấy ra sao?... Một hình nộm hay một bóng ma câm lặng?... Không, có lẽ anh vẫn giữ được dáng vẻ đường hoàng chững chạc bên ngoài. Giữ tư thế của một người đàn ông đứng đắn, chừng mực, con nhà có cốt cách. Những quy chế đạo đức nghiêm nhặt của ông giáo Huy vẫn kiểm soát từng hành vi, từng lời ăn tiếng nói của anh. Anh vẫn làm việc một cách bình tĩnh sáng suốt, tính toán rạch ròi đâu ra đấy, thiết kế lại cửa hàng, thuê người thi công, chọn nhân viên mới, thay đổi mặt hàng tìm mối manh để kiếm thêm những mặt hàng ưu thế rồi thuê người áp tải từ Sàigòn và Đà Nẵng ra. Cửa hàng của anh giờ không còn bán tạp hóa mà chuyển sang các vật liệu nội thất, đồ điện đồ gỗ và một ít đồ trang trí loại đắt tiền. Công việc tiến triển như có phép tiên. Mới một tháng

tròn mà sự thay đổi khiến cả thành phố trầm trồ.

Chị Châu bảo:

- Hóa ra chính cậu mới có tay buôn. Cậu làm một tháng bằng chị cầy cục mấy năm ròng. Lẽ ra cậu phải về thành phố từ ngày hòa bình mới phải.

Hoan không đáp.

Chị anh chợt nhận ra sự im lặng của đứa em trai, chị lúng túng nói:

- Ấy, là chị nói thế... Chị xin lỗi...

Và chị lẫn ngay đi nơi khác.

Giữa những quãng thời gian tính toán hoặc kiểm soát hàng hóa, Hoan thường ngồi nhìn đường phố. Dòng đời diễu qua như con nước chảy. Trước đây vài năm có ai ngờ phố xá sầm uất đến thế này. Cũng chẳng ai tưởng tượng nổi ngôi nhà của ông bà nội anh bị trưng thu được trả lại đột ngột không kèn không trống. Lúc đó, Hoan còn ở Xóm Núi. Chị Châu, chị Nền cùng gia đình về thành phố. Sau khi mẹ anh chết, chị Châu thế chân bà bán hàng trong cửa hành bách hóa tổng hợp thành phố, vẫn dưới quyền lãnh đạo của bà Kim Lan. Chị anh đã phải chịu mọi sự trả thù hèn hạ của người đàn bà đỏng đảnh lăng loàn sau khi cuộc hôn nhân giữa anh và cô Kim Liên tan vỡ. Bất ngờ một buổi, có chiếc xe hơi xịch đỗ trước cửa. Trên xe bước xuống hai người đàn ông. Một trong hai người ngó nghiêng cửa hàng bách hóa và hỏi:

- Đây có phải nhà anh giáo Huy không nhỉ?

Chị Châu bước ra đáp:

- Dạ thưa ông ba tôi đã mất. Nhà này trước đây của ông bà tôi.

Người khách đứng ngẩn ra nhìn chị hồi lâu rồi nói như quát:

- Con cái Châu hả?... Mày lại dám xưng tôi với chú mày a?... Mày biết tao là ai không?

Chị Châu hoảng hồn không biết ăn nói ra sao, ông khách lạ lùng kia đã kéo người bạn vào nhà:

- Vào trong này, tôi phải thắp hương cho ông anh tôi đã.

Đoạn ông quay sang bảo chị Châu:

- Tao là chú Huyến hiểu chưa?... Tao bỏ quê đi mấy chục năm trời. Ba mày có nhắc đến tao không đấy?

- Dạ, ba mẹ cháu có nhắc tên chú luôn.

- Phải, ngày xưa ba đứa chúng tao vẫn chơi tam cúc ăn tiền... Mẹ mày ra sao?...

- Ba cháu mất năm trước mẹ cháu mất năm sau, vừa hết giỗ đầu ông cụ...

- Cũng phải vậy thôi... Cái đời này yêu nhau lắm, người dương

kẻ âm sao được?

Nói xong ông cười sằng sặc nhưng nước mắt ràn rụa. Rút khăn lau mặt, ông bảo người đi cùng:

- Bây giờ già rồi, đâm ra hay khóc... Tôi xa quê lâu quá... Xa quê gần hết cuộc đời...

Nói rồi ông lại khóc. Vị khách đi cùng lẫn mọi người đều đứng yên chờ ông khóc cho hết cơn. Chị Châu đưa ông qua cửa hàng vào gian nhà trong, nơi đặt bàn thờ ông bà giáo. Ông khách thắp ba nén nhang cắm vào bát, gọi hồn người chết cũng ngỗ ngược, suồng sã như ông nói với người sống. Khấn vái, than thở xong ông rút ví đưa cho chị Châu nắm tiền:

- Ngày mai mua đồ lễ cúng ba mẹ mày.

- Thưa chú, mai chưa phải ngày kị...

- Tao đã khấn bất cứ ngày nào bố mẹ mày cũng phải đội mồ đi lên. Ngày xưa, tao còn đưa thư tình cho anh chị ấy rồi mới bỏ nhà theo cách mạng... Trưa mai, họp xong chú sẽ về thắp hương cho ba mẹ cháu...

Nói đoạn ông Huyến kéo tay người đồng hành:

- Đi cậu.

Ra tới hè, khi lái xe đã mở cửa bỗng nhiên ông lôi ông ta quay lại:

- Cái nhà này là thế nào hở?

Vị khách ngượng ngùng đáp:

- Trưng dụng làm cửa hàng bách hóa từ năm 56... Thời đó, các anh ấy đã quyết định...

Ông Huyến trợn mắt lên:

- Trưng dụng... Nhà anh giáo Huy mà còn trưng dụng thì ăn ở được với ai?

Ông kia đáp:

- Việc đó do lịch sử để lại.

Ông Huyến bảo:

- Lịch sử sai cũng phải sửa. Lịch sử là do mấy lão tiền bối của bọn ta làm, có lão tả khuynh, có lão hữu khuynh, có lão thích trò mị dân, có lão thích chơi chiêu của bọn quá khích và khủng bố... Phải xét cái gì đúng cái gì sai mà làm chứ?... Không lẽ bây giờ trong đám dân chúng của cậu có đứa lỡ chửa hoang cậu cũng gọt đầu bôi vôi rồi bỏ rọ trôi sông như lịch sử ngày xưa? Vị khách thấy ông Huyến tức giận lại to tiếng ngay trên hè phố vội kéo vào ô tô:

- Được rồi... Tôi biết rồi... Để tôi bảo chúng nó...

Xe chạy vụt đi.

Trưa sau, đúng ngọ ông Huyến quay lại. Đi theo ông là viên thư kí của bí thư tỉnh ủy, người hôm qua bị ông tấn công. Viên thư kí theo sắc lệnh tức khắc trả lại nhà cho gia đình ân nhân cách mạng, kèm theo khoản bồi thường. Bà Kim Lan và các nhân viên khác phải tức khắc chuyển hàng hóa về kho của Ty thương nghiệp để chờ phân công việc mới. Chuyện xảy ra như mơ. Chị Châu lên Xóm Núi kể lại tường tận với Hoan và bảo anh đưa gia đình về phố. Nhưng Hoan đã giao cho chị toàn quyền quyết định. Anh không thiếu tiền, và đời sống miền sơn dã vẫn lôi cuốn anh hơn. Chị Châu về phố, cắt mảnh đất làm đôi xây hai ngôi nhà cùng kích thước, cùng kiểu mẫu bằng số tiền bà giáo quá cố giao phó và tiền riêng chị dành dụm được. Xây xong, chị dọn hai cửa hàng bách hóa, giao chị Nền trông coi cửa hàng của Hoan, tháng tháng kiểm kê thu chi và xếp những đồng tiền lời vào hộp, dành cho đứa em trai, kẻ nối dõi tông đường của ông bà giáo...

Hôm Hoan từ Xóm Núi trở về, anh ứa nước mắt khi hai người đàn bà giao nộp tiền ấy cho anh cùng với chùm khóa. Anh hiểu những hạt giống cha anh gieo không mất. Anh quyết định phá vỡ bức tường ngăn hai cửa hiệu, làm thành cửa hàng thênh thanh nhất thành phố, trang trí nội thất lại và thay đổi mặt hàng. Anh muốn gây dựng cho những người đã tận tụy với anh một cuộc sống phong lưu, giữ gìn mối tình cảm nồng ấm và nghiêm túc giữa các thành viên trong gia đình, theo đúng nguyên tắc của cha anh ngày trước. Hoan thành công mau lẹ. Một lực lượng thần bí đã phù trợ anh. Một ngón tay linh thiêng trỏ anh từng đường đi nước bước. Bất cứ mặt hàng hóa nào Hoan đụng tới đều mau lẹ trở thành hàng hóa thời thượng và chúng đem lại cho anh những món lãi khổng lồ. Mặt hàng này chưa vãn, Hoan đã thay mặt hàng khác và những kẻ chạy theo chân anh chỉ còn biết vuốt bụng thở dài: - Thằng cha ấy vào vận đỏ... Trời phù cho nó.

Phần Hoan, chính anh cũng không biết vì sao anh làm mọi chuyện dễ dàng đến thế. Việc buôn bán của anh giống trò đùa. Để quên mối sầu buồn anh đi liên tục. Hết Đà Nẵng vào Nha Trang, từ Nha Trang lên Đà Lạt. Từ Đà Lạt xuống Sài Gòn. Từ Sài Gòn lại quay ra Đà Nẵng. Trong những chuyến ngao du ấy anh nhận thấy người đời cần thứ này hoặc thứ kia, rằng hôm nay họ thích mốt này ngày mai họ thích cái khác. Những quyết định đến mau lẹ sau một vài giờ tính toán. Chuyến hàng nào của anh cũng chóng vánh theo kiểu người ta gọi: Đánh nhanh rút nhanh. Chưa lần nào thất bại. Công việc đã vào guồng tự nó cuốn theo. Hoan vẫn có thời gian rảnh rỗi. Anh nhờ người kiếm hồng tường vi và cây móng rồng trồng quanh vườn. Anh cho người đi mua bể cạn. Anh tái tạo lại cái khung cảnh thời thơ trẻ và đắm mình vào kỉ

niệm, mường tượng những buổi chiều mẹ anh làm lễ vọng trời đất, mường tượng người đàn ông tao nhã dịu dàng thường vuốt mớ tóc trước trán anh, mường tượng chàng trai mười tám xưa trên sân bóng rổ...

Nhưng những điều ấy không làm anh được giải thoát. Quá vãng chỉ là quá vãng. Nhiều lắm nó cũng chỉ cho con người sự êm dịu và ảo ảnh về một sức mạnh. Nó không là cuộc sống. Cuộc sống của anh đã ở ngoài anh, ngoài gã đàn ông chĩnh chện giàu sang và nhàn nhã, thường ngồi sau ly cà phê ngắm phố phường với cặp mắt không ánh sáng, không niềm vui. Đôi khi, anh tự tách khỏi bản thân để nhìn ngắm mình như ngắm nghía một kẻ lạ lùng nào đó, một thương gia trẻ đang vào vận đỏ, kẻ được cả thành phố thán phục, kẻ làm mồi cho tất thảy những toan tính của đám đàn bả trẻ hoặc của đám gái đến tuổi kén chồng... Anh không lạ gì những ánh mắt ấy. Anh từng cười nói, chào hỏi, bắt tay người này rút thuốc lá mời người kia, lịch sự lui bước nhường đường cho một cô ả xinh đẹp õng ẹo mà anh thừa biết cô ả đang cố ý chìa cặp mông về phía anh, cố ngoáy đôi chân cho thật giống các nữ minh tinh màn bạc, cố vén đôi môi cười sao thật khêu gợi và toàn bộ cuộc chinh phạt đó nhắc anh tới ly rượu đỏ của bà Kim Lan thuở xưa...

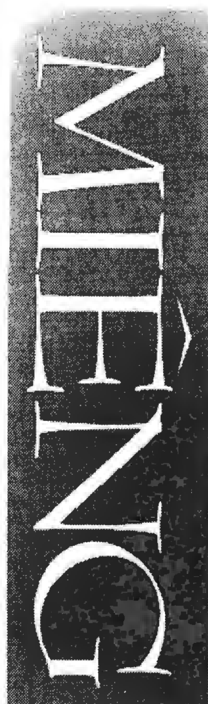
Anh thấy mình khốn khổ.

Một nỗi khốn khổ không được thổ lộ cùng ai và khó bề giải thoát.

Chị Châu và chị Nền thương anh, chăm chút anh nhưng họ kính sợ anh như kính sợ một vị chúa đất và vì quá giản đơn họ không thể chia xẻ được điều gì... Tuần một lần, anh về Xóm Núi thăm con, kiểm tra rương rẫy và bàn bạc với ông già Lư, người quản gia anh đã chọn từ vùng Quảng Trị. Con trai anh xinh xắn, thông minh, hiền lành... Vẻ đẹp của nó là vẻ đẹp của hai người hòa trộn nên mỗi lần nhìn nó một gương mặt khác lại hiện lên, một thân thể khác lại áp kề, một mùi da thịt khác kêu gọi... Nỗi mừng gặp con ngắn hơn nỗi đau một người thiếu vắng. Anh bị kéo căng ở hai đầu, như một kẻ tà đạo phải chịu hình phạt cho ngựa xé. Cuộc sống phố phường cuồn cuộn. Âm thanh, màu sắc, ánh sáng hòa trộn xáo động không ngưng nghỉ, cũng chỉ lôi cuốn được anh vài khoảnh khắc. Sau rồi, anh không còn cảm giác gì nữa, như ngũ quan của anh đã mất, chẳng thứ ánh sáng nào, âm thanh nào, mùi vị nào còn tác động nổi.

(Xem tiếp kỳ 7)

DƯƠNG THU HƯƠNG



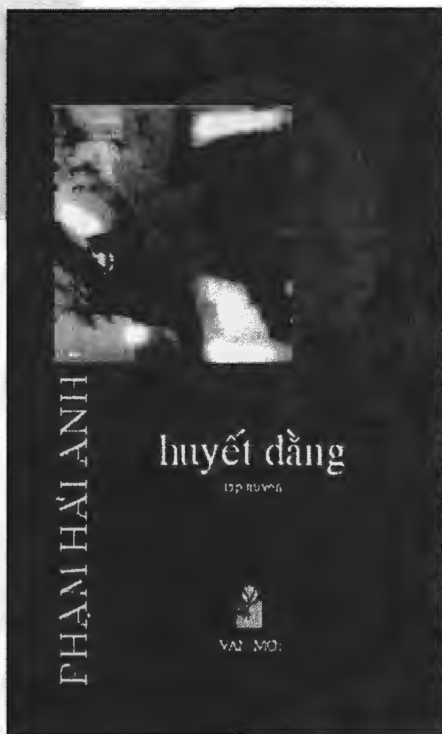
tuyển
tập
truyện
dịch



VĂN MỚI 2001

Giá 12MK

Giá 12MK



Nhà xuất bản VĂN MỚI
1127 W, Gardena Blvd.
Gardena, CA 90247
Tel: (310)366-6867

CHIA VUI

Nhận được hồng thiệp báo tin lễ thành hôn của

nhà văn NGUYỄN DŨNG TIẾN
và chị HUỲNH XUÂN PHƯƠNG
sẽ tổ chức tại Orange County, Westminster, USA
vào ngày 1 tháng 2 năm 2002

Tạp chí Hợp Lưu, đồng nghiệp và văn thi hữu
khắp nơi thành thật chia vui với TIẾN-PHƯƠNG.
Rất mong ANH CHỊ hạnh phúc mãi mãi.

CHIA VUI

Hợp Lưu nhận được hồng thiệp của
hai họ Ngô Phước-Phạm Thị Năm (Australia)
và nhà thơ Huy Tưởng-Ngô Thanh Bình (Việt Nam)
báo tin lễ thánh hôn của hai cháu

NGÔ MINH KHIẾT
& NGUYỄN ĐỨC CHÂN HƯƠNG

sẽ cử hành tại Melbourne, Australia
vào ngày 12 tháng 1/2002.

Tạp Chí Hợp Lưu, Văn Học, Văn và văn hữu khắp nơi
xin gửi đến hai họ Ngô-Nguyễn lời chia vui thành thật.

Chúc hai cháu Khiết-Hương trăm năm hạnh phúc.

Trung Tâm William Joiner
Nghiên Cứu về Chiến Tranh và Hậu Quả Chiến Tranh
Đại Học Massachusetts-Boston

*

Đề Án Về Cộng Đồng Người Việt ở Nước Ngoài
Nghiên Cứu Gia Khoa Học Nhân Văn Quỹ Rockefeller
2002-2003

Diễn Trình (Tái) Xây Dựng Diện Mạo và Quê Hương của Người Việt ở Nước Ngoài

Đề Tài Nghiên Cứu:

Khảo sát Những Quan Điểm Hình Thành Lịch Sử Việt Nam

Khảo sát Những Tiếng Nói của Người Việt ở Nước Ngoài - Qua Văn Học, Ngôn Ngữ, Văn Hóa

Diễn Trình (Tái) Xây Dựng Diện Mạo và Quê Hương của Người Việt ở Nước Ngoài:

Một Cái Nhìn Dài Hạn

Chương Trình Học Bổng:

1. Đề án sẽ cấp học bổng cho 2 tới 5 nghiên cứu gia hàng năm, với những chương trình nghiên cứu từ 3 tới 9 tháng. Trợ cấp tối đa cho một chương trình nghiên cứu 9 tháng là 35.000 Mỹ kim cộng với một khoản chi phí di chuyển nhỏ. Nghiên cứu gia có thể nộp đơn và nghiên cứu hoàn toàn bằng tiếng Việt. Điều khoản nội trú nếu cần sẽ được đơn giản hóa .

2. Đặc biệt trong niên khóa này, với sự tài trợ bổ sung của Qũy Rockefeller, Để án sẽ cấp thêm tối đa 7 học bổng với thời gian nội trú ngắn hạn, mỗi học bổng 5000 Mỹ kim cộng thêm 2000 Mỹ kim cho chi phí di chuyển tới Boston tường trình và tham dự buổi họp mặt của các nghiên cứu gia tham dự.

Thời Hạn :

Hạn chót nộp hồ sơ : Ngày 31 tháng giêng năm 2002 cho niên

khóa 2001-2002.

Hồ Sơ:

Hồ sơ gồm những phần sau:

1) Một tiểu luận dài từ 15 tới 20 trang mô tả đề tài nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, cơ cấu lý thuyết cùng khái niệm nghiên cứu, và sự Đóng góp của thành quả nghiên cứu cho những công chình tương lai ngành.

2) Chương trình làm việc và những nhu cầu cần thiết. Với học bổng nội trú dài hạn, thời gian dự định có mặt tại Boston.

3) Bản lý lịch (C.V.)

4) Ba lá thư giới thiệu.

Đề Án Với Sự Đồng Tham Dự:

Chương Trình Nghiên Cứu Người Mỹ Gốc Á Châu, Chương Trình Đông Á Học

Viện Nghiên Cứu Người Mỹ Gốc Á Châu, Học Viện Cao Đẳng Giáo Dục

Liên Minh Thanh Niên Thanh Nữ Mỹ Gốc Vùng Á Châu-Thái Bình Dương

Địa Chỉ Liên Lạc:

Kevin Bowen / Nguyễn Bá Chung
William Joiner Center for the Study of War and Social Consequences
University of Massachusetts-Boston
Boston, MA 02125-3393
(617)287-5850, fax (617) 287-5855
e-mail < Chung.Nguyen@umb.edu
Đầy đủ chi tiết, xin tham khảo: Web Site
<http://omega.cc.umb.edu/~diaspora >

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn thân mẫu của
nhà thơ Thận Nhiên & Tôn Thất Phương

Cụ **Teresa NGUYỄN THỊ HOÀN**

đã từ trần ngày 06 tháng 11 năm 2001
(Nhằn ngày 21 tháng 9 năm Tân Ty)
hưởng thọ 64 tuổi.

Anh chị em văn hữu khắp nơi xin chia buồn cùng
2 bạn Thận Nhiên, Tôn Thất Phương

Thành kính cầu mong linh hồn cụ
Teresa Nguyễn Thị Hoàn
sớm về nước Chúa.

Cung Tích Biền, Lê Thánh Thư,
Nguyễn Tôn Nhan, Nguyễn Đạt, Huy Tưởng,
Bùi Hoằng Vị, Nguyễn Quốc Chánh,
Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Đức Tùng,
Đinh Trường Chinh, Đỗ Quyên,
Phạm Chi Lan & nhóm Ô Thước,
Mai Ninh, Lê Thị Thấm Vân,
Nguyễn Mộng Giác, Khánh Trường,
Nguyễn Xuân Hoàng, Đặng Hiền,
Khế Iêm, Đỗ Kh., Phùng Nguyễn...

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn thân phụ của Kim Ninh

Cụ **Thomas NINH NGỌC HẢI**

đã mệnh chung ngày 2 tháng 12 năm 2001
(Nhằn ngày 3 tháng 9 năm Tân Tỵ)
hưởng thọ 65 tuổi.

Toàn thể bạn hữu khắp nơi xin chia buồn cùng
Kim Ninh và Thắng

Thành kính cầu mong hương hồn cụ Thomas Ninh Ngọc Hải
sớm về nước Chúa.

Lê Bi & Nguyễn Hương,
Mai Ninh, Lê Thị Thấm Vân,
Nguyễn Thị Ngọc Lan,
Trần Thị Minh Nguyệt, Thu Oanh,
Vũ Quỳnh Nh. & Hải, Nguyễn Hữu Liêm,
Hoàng Phủ Cương, Phạm Việt Cường,
Tường Vũ Anh Thi, Thân Trọng Mẫn,
Nguyễn Xuân Hoàng,Khánh Trường,
Đặng Hiền, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Huệ Chi,
Nguyễn Huy Thiệp, Vũ Huy Quang...

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn thân phụ của nhà văn Song Thao

Cụ **Martino TA TRUNG HUONG**

đã mệnh chung ngày 10 tháng 1 năm 2002
tại Sài Gòn
hưởng thọ 92 tuổi.

Toàn thể bạn hữu khắp nơi xin chia buồn cùng
nhà văn Song Thao

Thành kính cầu mong hương hồn cụ Martino Ta Trung Huong
sớm về nước Chúa.

Mai Ninh, Lê Thị Thấm Vân, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Phan Thị Trọng Tuyến, Thái Tú Hạp, Ái Cầm, Liên + Hải, Vũ Thùy Hạnh, Trần Thị Minh Nguyệt, Trần Thị Ngh., Thu Oanh, Vũ Quỳnh Nh. & Hải, Nguyễn Hữu Liêm, Hoàng Phủ Cương, Phạm Việt Cường, Tường Vũ Anh Thi, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Hoàng Nam, Hoàng Mai Đạt, Nguyễn Nam An, Tưởng Năng Tiến, Thượng Văn, Trần Quảng Nam, Lê Thị Huệ, Kỳ Hùng, Thân Trọng Mẫn, Nguyễn Mộng Giác, Châu Văn Thọ, Lê Thọ Giáo, Khánh Trường, Nhật Tiến, Thụy Khuê, Lê Tất Luyện, Đặng Tiến, Đặng Hiền, Nguyễn Thị Xuân Sương, Quỳnh Giao, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Huệ Chi, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Duy, Trương Hồng Sơn, Lê Bi, Nguyễn Hương, Cao Xuân Huy, Vũ Huy Quang, Đinh Cường, Hoàng Xuân Sơn, Luân Hoán, Phan Ni Tấn, Hồ Đình Nghiêm, Hồ Minh Dũng, Trang Châu, Nguyễn Quốc Trụ, Đỗ Quyên, Triều Hoa Đại, Bùi Bảo Trúc, Hoàng Dược Thảo, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Thị Thanh Bình, Đỗ Ngọc Yến, Tống Hoằng, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Thanh Thảo, Phan Mỹ Sương, Phạm Phú Minh, Ngô Mạnh Thu, Hà Tường Cát, Nguyễn Tăng Bí, Nguyên Khai, Hồ Thành Đức, Bé Ký, Nguyễn Trọng Khôi, Ngô Bảo, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Xuân Quang, Khế Iêm, Đỗ Kh., Đặng Phùng Quân, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Ngọc Tuấn, Thường Quán, Nguyễn Hoàng Văn, Đào Trung Dạo, Trần Diệu Hằng, Bùi Vĩnh Phúc, Lệ Hằng,...



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92843. USA
Tel: (714) 534-2205 - Email: tchl@aol.com

PHIẾU TẶNG BÁO

Tên người tặng: ____________________
Địa chỉ: ____________________

____

Email: ____________ Điện thoại: ____________

tặng ☐ (1,2) năm HỢP LƯU bằng máy bay ☐; hạng tư ☐ đến

Tên người nhận : ____________________
Địa chỉ: ____________________

____

Email: ____________ Điện thoại: ____________

Yêu cầu tòa soạn báo cho tôi biết khi nhận được phiếu tặng báo kèm check (or money order) bằng điện thoại, thư bưu điện, hoặc email.

(Xin xem PHIẾU MUA DÀI HẠN ở mặt sau để biết giá)

PHIẾU GIỚI THIỆU

Yêu cầu tòa soạn gửi đến:

Tên: ____________________
Địa chỉ: ____________________

____

Email ____________ điện thoại ____________

HỢP LƯU số mới nhất. Nếu người nhận vừa lòng với nội dung của tạp chí, sẽ đặt mua dài hạn.



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 534-2205 - Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years

Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ (Four class only)

- *Một năm / One year* ☐ US$50.00.
- *Hai năm / Two years* ☐ US$95.00.

Gia Nã Đại (Canada) (Air mail only):

- *Một năm / One year* ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years* ☐ US$135.00

Úc, Âu châu, Á châu (Australia, Europe & Asia) (Global priority only):

- *Một năm / One year* ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years* ☐ US$155.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) để HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HOP LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.

